GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

ĐỆ TAM PHÁP CHỦ TOÀN TẬP

PHẬT TỔ TAM KINH

Hòa thượng Thích Phổ Tuệ *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ĐỆ TAM PHÁP CHỦ TOÀN TẬP - PHẬT TỔ TAM KINH
Hòa thượng Thích Phổ Tuệ *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO
Địa chỉ: 53 Tràng Thi - Hoàn Kiếm- TP.Hà Nội
ĐT: (024). 37822845
Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc
ThS. Nguyễn Hữu Có

Chịu trách nhiệm nội dung
Q.Tổng Biên tập
Lê Hồng Sơn

Biên tập: **Nguyễn Thị Hà**
Sửa bản in: **Vĩnh Nghiêm Tùng Thư**
Trình bày: **Vĩnh Nghiêm Tùng Thư**
Thiết kế bìa: **Trần Khánh Linh**

Đơn vị liên kết xuất bản
Trung tâm Biên phiên dịch Tư liệu Phật giáo Quốc tế
Chùa Long Hưng, thôn Phương Trạch, xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội
Website: www.phathoc.net | Sách điện tử: www.phapbao.org
Website sách giấy: www.vinhnghiembooks.com

Kênh sách nói Youtube: Sách nói Phật giáo - Pháp Âm Vĩnh Nghiêm

In 5.000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5 cm. In tại Công ty TNHH In và Thương mại Mê Linh, xóm Chợ, xã Mê Linh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Mã ISBN: 978-604-61-8776-9. Số ĐKXB: 2823-2022/ CXBIPH/06-110/TG

QĐXB: 475/QĐ-NXBTG ngày 15 tháng 8 năm 2022.

In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2022.

Lời tựa

Kinh Phật lệ thường chia làm ba bộ phận lớn:

1. Phần tựa

2. Chính tông

3. Lưu thông

Phần duyên khởi chung là phần tựa. Giờ đây hãy giải từng danh từ, từng câu, rồi giảng ý nghĩa.

Thế Tôn là hiệu tôn xưng Đức Phật, chữ "*Thế Tôn*" có hai nghĩa: là thế gian hữu tình (loài có cảm giác) và thế gian chỗ ở (đất nước, cửa nhà) gọi là khí thế gian.

Bởi vì Phật được thế gian tôn kính cho nên gọi là "*Thế Tôn*", tiếng Phạn gọi là Bạc Già Phạm. Tất cả chư Phật đều được xưng là Thế Tôn. Ở kinh này thì chuyên chỉ vào giáo chủ cõi Ta Bà là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni vậy.

Thân ứng hóa của Phật Thích Ca là con vua Tịnh Phạn và Ma Gia thái hậu ở thế gian Ta Bà này. Mười chín tuổi Ngài xuất gia, ba mươi tuổi Ngài thành đạo.

Thành đạo, tức là thành Vô thượng Chính biến giác. Phật Đà nghĩa là giác ngộ (giác giả) nhưng để khác với nghĩa khác nên gọi là Chính giác, khác với nghĩa giác ngộ (chưa chính, chưa khắp), thì còn phải tôn Phật là Chính biến giác. Lại còn những bậc giác ngộ không thể sánh kịp được, cho nên gọi là Phật Vô thượng Chính biến giác.

Viên thành được đạo quả Vô thượng Chính biến giác này là nghĩa thành đạo; cảnh trong tâm Phật sau khi thành đạo.

Ly dục là không ham muốn gì, dù ham muốn rất nhỏ cũng không

còn nữa. Khi làm Bồ tát, công hạnh chưa đủ vẫn không khỏi có những mong cầu nguyện muốn, tâm còn khuynh hướng động dao. Đến khi thành Phật rồi, tâm lượng đầy đủ không còn ham muốn gì nữa thì tinh thần vắng lặng yên ổn đến cực độ, thế nghĩa là Niết bàn viên tịch, là rốt ráo nhất cho nên gọi là tối thắng.

Chữ **Thiền** tiếng Phạn gọi là Thiền na, nghĩa là tĩnh lự, cũng là tĩnh định, tư duy. Sách *Đại học* của Trung Hoa nói: *Định rồi sau tĩnh, tĩnh rồi yên.* Tĩnh lự cũng như sách Phật gọi là định tuệ, tĩnh là định, lự là tuệ. Định tuệ hợp nhau nên tâm sáng láng, yên lặng phát ra năng lượng lớn, thần thông biện tài đều được đầy đủ cả, có thể hàng phục khắp mọi đạo ma vậy.

Ma là nghĩa sát hại, sát hại người tu đạo. Phàm kẻ gian tà mặt người dạ quỷ, dùng mọi phương tiện làm tổn hại người chân chính đạo đức đều là loài ma.

Ở trong sách Phật thì nói phá hoại người tu định tuệ là ma, như bảy tình (mừng, giận, thương, vui, yêu, ghét, muốn), sáu thói ham (tiền của, sắc đẹp, tiếng khen, ăn nhậu, ngủ nghỉ, lười biếng) và các bạn ác quấy rối làm tâm phiền não đều cho là ma cả, còn có thiên ma, quỷ thần ma, v.v.

Khi thành Phật thì tâm yên lặng và sáng chói, tất cả việc ma làm chướng đạo, hại đức đều không thể hiện ra trong cảnh tâm kia được nữa cho nên gọi là hàng chư ma đạo (hàng phục mọi đạo ma). Đoạn văn trên đây nêu rõ tướng chân thật cõi tinh thần trong tâm Phật vậy.

Đoạn dưới đây giảng việc Phật hiện thân thuyết pháp độ người. Ban đầu ở vườn Lộc Dã (vườn Hươu), ngày xưa trong nước Ba La Nại xứ Ấn Độ, dạy ra pháp tứ đế: khổ, tập, diệt, đạo. Gọi là ban đầu chuyển xe pháp tứ đế, "đế" nghĩa là thật của chân lý.

Chuyển pháp luân: "Chuyển" có nghĩa là chuyển xoay, chuyển mê thành ngộ, chuyển ngu thành trí, chuyển khổ thành vui, chuyển phàm thành thánh, v.v. "Pháp luân" (xe pháp): Giáo lý Phật dạy ví như bánh xe, nhờ bánh xe đó chuyển tới chốn giải thoát.

Hay như bánh xe xát gạo loại bỏ trấu, cám, chất thô mà chỉ còn lại hạt gạo trắng tinh, nghĩa là: *Loại trừ hết phiền não ác từ trong ý nghĩ mà phát huy trí tuệ chiếu phá hết vô minh phiền não.*

Ý nói Phật thuyết pháp là đem thắng nghĩa tứ đế từ nơi tâm Phật, đã giác ngộ chuyển vào trong tâm hiểu biết của chúng sinh là ba lần chuyển bánh xe tứ đế (âm nghĩa đã nói).

Phật thành đạo rồi: Chỉ lấy việc thuyết pháp độ người làm sự nghiệp. Vì vậy trong đồ chúng có ngờ gì chưa quyết, cầu Phật dạy bảo, điều phải thì tiến hành, điều trái thì thôi bỏ (tiến chỉ), ai nấy đều thân tâm cung kính lĩnh nhận vậy.

Các kinh thường ghi những thời kỳ hoặc ba, bảy ngày hay 49 ngày, chính là những thời kỳ Phật ở trong thiền định rất sâu, vì thụ dụng niềm vui Chính biến giác tuyệt đối, đoạn này với những nghĩa lìa ham muốn ở đại thiền định.

Ở trong định màu nhiệm này, mười phương chư Phật, Bồ tát cùng thụ dụng niềm vui đạo pháp hội, thuyết các kinh điển rất sâu, gọi là tịch tràng bất động khắp mọi nơi, phàm phu không thể thấy được, chỉ cho là Phật vào thiền định rất sâu mà thôi.

Thực ra những đại pháp hội: *Kinh Hoa Nghiêm*, *Đại Tỳ Lô*, v.v. đều ở ngay trong thiền định này vậy.

Ở vườn Lộc đã thuyết pháp tứ đế là bốn bộ *A Hàm*. Khi thuyết pháp là đem những chỗ ngờ ra hỏi, được khai ngộ cả là giáo lý các bộ: *Phương Đẳng, Bát Nhã, Pháp Hoa*, và *Niết Bàn*. Đó là giải thích một thời giáo hóa của Phật.

Chữ Tỷ khiêu, đời nhà Tống dịch là: Trì tịnh giới (giữ giới trong sạch) hoặc là phá phiền não, hoặc dịch là tịnh khất thực, hoặc dịch là năng phố ma. Một tên của Thiên Trúc đủ bốn nghĩa này cho nên người dịch giữ nguyên vậy.

Xin lưu ý:

Chữ **đậm**: nguyên văn.

Chữ **thẳng**: chú thích của Tổ Thủ Toại.

Chữ **nghiêng**: âm nghĩa do Tổ Nguyên Uẩn (Viên Minh pháp hội thảo ra).

Nhiếp tụng kệ: Tăng Viên Diễn.

LẤY PHẬT PHÁP LÀM GƯƠNG SÁNG

SOI VÀO TÂM MÌNH.

LẤY TÂM MÌNH LÀM NGỌN ĐÈN TRÍ TUỆ

SOI CHỖ KHÓ HIỂU SÂU KÍN CỦA KINH.

Sa môn Thích Phổ Tuệ

Phần một
Kinh Bốn Mươi Hai Chương

Hán dịch : Tôn giả Ca Diếp Ma Đằng và Tôn giả Trúc Pháp Lan

Chú thích : Sa môn Thủ Toại

Nhiếp tụng kệ : Tăng Viên Diễn

Âm nghĩa : Tổ Nguyên Uẩn

Việt dịch : Kế đăng Sa môn Thích Phổ Tuệ

NGUYÊN VĂN

四十二章經

後漢。迦葉摩滕。竺法蘭同譯。 鄜郊。

鳳山蘭若嗣祖沙門守遂註。

總起分

世尊成道已。作是思惟。離欲寂靜。是最為勝。住大禪定。降諸魔道。於鹿野苑中。轉四諦法輪。度憍陳如等五人。而證道果。

法身本無出沒。悲願示現。受生八相。道成佛寶也。

思惟方便。離欲為戒。生定發慧。降魔顯正。轉法度人。法寶也。

四諦謂「苦。集。滅。道」。真。俗兩重因果。隨根修證。大小有異。

憍陳如五人。佛初出家。雪山修道。淨飯王命家族三人。一阿濕婆。二

跋提。三摩訶男。舅氏二人。一。憍陳如。二十力迦葉五人。隨衛。後各捨。往鹿苑共修異道。世尊始成正覺。先為三轉法輪。五人皆獲果證。僧寶之始也。

序分章

結集時所置。常途六種。則世尊是主。鹿苑是處。五人是衆。略信。聞。及時。

八相道成。兜率降神。入胎。住胎。出胎。出家。成道。說法。入涅槃。

兩重因果。苦為果。集為因。是世間因果。滅為果。道為因。是出世因果。出世為真。世間為俗。

三轉法輪。初示法。此是苦。是苦集因。是苦滅是苦滅道。二自證。此是苦我已知。集我已斷。滅我已證。道我已修。

三勸他。此是苦汝應知。集汝應斷。滅汝應證。道汝應修。

三轉。十二行。皆依四諦。有生滅。無生。無作。無量。四教修證差降。

鹿苑。古仙養鹿之苑。

PHIÊN ÂM

TỨ THẬP NHỊ CHƯƠNG KINH

Hậu Hán, Ca Diếp Ma Đằng, Trúc Pháp Lan đồng dịch.

Vân Giao, Phượng Sơn Lan Nhã tự tổ Sa môn Thủ Toại chú.

TỔNG KHỞI PHẬN

Thế Tôn thành đạo dĩ, tác thị tư duy: Ly dục tịch tĩnh, thị tối vi thắng, trụ đại thiền định, hàng chư ma đạo. Ư Lộc Dã uyển trung, chuyển Tứ đế pháp luân, độ Kiều Trần Như đẳng ngũ nhân, nhi chứng đạo quả.

(Pháp thân bản vô xuất một, bi nguyện thị hiện thụ sinh, bát tướng đạo thành, Phật bảo dã.

Tư duy phương tiện, ly dục vi giới, sinh định phát tuệ, hàng ma

hiển chính, chuyển pháp độ nhân, Pháp bảo dã.

Tứ đế: vi Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Chân - tục lưỡng trùng nhân quả, tùy căn tu chứng, đại tiểu hữu dị.

Kiều Trần Như ngũ nhân, Phật sơ xuất gia, Tuyết sơn tu đạo, Tịnh Phạn vương mệnh gia tộc tam nhân: nhất A Thấp Bà, nhị Bạt Đề, tam Ma Ha Nam; cữu thị nhị nhân: nhất Kiều Trần Như, nhị Thập Lực Ca Diếp, ngũ nhân tùy vệ, hậu các xả vãng Lộc uyển cộng tu dị đạo. Thế Tôn thủy thành Chính giác, tiên vị tam chuyển pháp luân, ngũ nhân giai hoạch quả chứng. Tăng bảo chi thủy dã).

Âm nghĩa

TỰ PHẬN chương

Kết tập thời sở trí, thường đồ lục chủng, tắc Thế Tôn thị chủ Lộc uyển thị xứ, ngũ nhân thị chúng, lược tín, văn, cập thời.

Bát tướng đạo thành: Đâu Suất giáng thần, nhập thai, trụ thai, xuất thai, xuất gia, thành đạo, thuyết pháp, nhập Niết bàn.

Lưỡng trùng nhân quả: "Khổ" vi quả, "Tập" vi nhân, thị thế gian nhân quả. "Diệt" vi quả, "Đạo" vi nhân, thị xuất thế nhân quả. Xuất thế vi chân, thế gian vi tục.

Tam chuyển pháp luân: Sơ thị pháp, thử thị khổ, thị khổ tập nhân. Thị khổ diệt, thị khổ diệt đạo. Nhị tự chứng, thử thị Khổ, ngã dĩ tri. Tập, ngã dĩ đoạn. Diệt, ngã dĩ chứng. Đạo, ngã dĩ tu.

Tam khuyến tha: Thử thị Khổ nhữ ưng tri. Tập, nhữ ưng đoạn. Diệt, nhữ ưng chứng. Đạo, nhữ ưng tu.

Tam chuyển, thập nhị hành, giai y tứ đế, hữu sinh diệt,vô sinh, vô tác, vô lượng, tứ giáo tu chứng sai giáng.

Lộc uyển: Cổ tiên dưỡng lộc chi uyển.

VIỆT DỊCH

KINH BỐN MƯƠI HAI CHƯƠNG

Nhà Hậu Hán, ngài Ca Diếp Ma Đằng và ngài Trúc Pháp Lan cùng dịch. Quận Vân Giao, núi Phượng chốn Lan Nhã.

Sa môn nối ngôi Tổ là ngài Thủ Toại chú thích.

DUYÊN KHỞI CHUNG

Đức Thế Tôn thành đạo rồi, Ngài nghĩ rằng lìa ham muốn, vắng lặng là hơn cả, ở trong đại định hàng phục các loài ma, và ở trong vườn Hươu chuyển bánh xe Tứ đế, độ bọn ông Kiều Trần Như năm người chứng được đạo quả.

(Pháp thân vốn không ra vào, vì lòng thương mà thị hiện giáng sinh, thành tám tướng đạo là ngôi Phật vậy.

Phương tiện suy nghĩ, lìa ham muốn là giới, sinh định phát tuệ, dẹp ma tà, tỏ chính giác, chuyển pháp độ người, là ngôi Pháp bảo vậy.

Bốn đế là Khổ, Tập, Diệt, Đạo: hai tầng nhân quả, tùy căn tu chứng, Đại thừa Tiểu thừa có khác.

Bọn ông Kiều Trần Như năm người, khi Phật mới xuất gia tu đạo ở núi Tuyết, vua Tịnh Phạn sai ba người họ nội là các ông, A Thấp Bà, ông Bạt Đề, ông Ma Ha Nam; họ ngoại hai người, là ông Kiều Trần Như, Thập Lực Ca Diếp. Năm người theo hầu, sau đều bỏ đến vườn Hươu cùng tu đạo khác. Đức Thế Tôn mới thành Phật, chuyển pháp dạy các ông trước, năm người đều chứng đạo quả - ngôi Tăng bảo trước nhất vậy).

Âm nghĩa

Chương KHỞI ĐẦU

Khi kết tập xếp đặt, lối thường sáu loại, thì Đức Thế Tôn là chủ, vườn Hươu là nơi, năm người là chúng, lược tin, nghe và thời.

Tám tướng thành đạo: 1 - Thần thức từ Đâu Suất xuống, 2 - Vào thai, 3 - Ở thai, 4 - Ra thai, 5 - Xuất gia, 6 - Thành đạo, 7 - Thuyết pháp, 8 - Niết bàn.

Hai tầng nhân quả: Khổ là quả, Tập là nhân, là nhân quả thế gian. Diệt là quả, Đạo là nhân, là nhân quả xuất thế. Xuất thế là chân, thế gian là tục.

Ba lần chuyển pháp luân: Bắt đầu bảo pháp đây là khổ, đây là nhân tập khổ; đây là khổ diệt, là đạo diệt khổ. Hai là tự mình đã chứng: Đây là Khổ ta đã biết, Tập ta đã đoạn, Diệt ta đã chứng, Đạo ta đã tu.

Ba là khuyên người khác: Đây là Khổ ngươi nên biết, Tập ngươi nên đoạn, Diệt ngươi nên chứng, Đạo ngươi nên tu.

Ba chuyển, 12 việc đều y Tứ đế: Có sinh diệt, không sinh, không tạo tác, không hạn lượng, bốn giáo tu chứng chênh lệch.

Vườn Hươu: Vườn xưa các tiên nuôi hươu.

NGUYÊN VĂN

流通章

復有比丘所說諸疑。求佛進止。世尊教敕。一一開悟。合掌敬喏而順尊敕。

比丘。宋言或名持淨戒。或名破煩惱。或名淨乞食。或名□怖魔。天竺一名該此四義。故譯者存義名焉。懷疑請教。應病授方。信悟獲安。敬順流布。昔世尊入滅。經於千載。後漢永平年中。明帝因夢金像。乃知佛教將被東夏。遣蔡愔使西國。遇摩騰。竺法蘭二梵僧。白馬馱貝葉梵文。屆止洛都。譯梵成漢。首出此經。被譏啓訓。最為精要。文約義備。

序分流通。見于上章。下四十二章。明捨惡趣善。除惑斷障。超凡入聖之深旨也。

音義

常途結於經後。今置此有二意。

一佛初成道。隱勝現劣。說半字法門。循循善誘。如慈父之教幼子。明師之訓蒙徒。非一時所說故。

二經初譯出。東夏經書喜斷章取義。易于見聞。諸羅漢亦隨機應化。譯置于此。不滯常途故也。

攝頌偈

法輪初轉度羣生

鹿苑先聞四諦明

復有比丘疑請問

流傳四十二章經。

PHIÊN ÂM

Phục hữu Tỷ khiêu sở thuyết chư nghi, cầu Phật tiến chỉ. Thế Tôn giáo sắc, nhất nhất khai ngộ, hợp chưởng kính nặc nhi thuận tôn sắc.

(Tỷ khiêu: Tống ngôn hoặc danh trì tịnh giới, hoặc danh phá phiền não, hoặc danh tịnh khất thực, hoặc danh năng phố ma - Thiên trúc nhất danh, cai thử tứ nghĩa, cố dịch giả tồn nghĩa danh yên. Hoài nghi thỉnh giáo, ứng bệnh thụ phương. Tín ngộ hoạch an, kính thuận lưu bá. Tích Thế Tôn nhập diệt, kinh ư thiên tải, Hậu Hán Vĩnh Bình niên trung, Minh Đế nhân mộng kim tượng, nãi tri Phật giáo tương bị Đông Hạ, khiển Thái Hâm sứ Tây Quốc ngộ Ma Đằng, Trúc Pháp Lan, nhị Phạm Tăng bạch mã đà bối diệp Phạn văn, giới chỉ Lạc Đô, dịch Phạn thành Hán. Thủ xuất thử kinh, bị cơ khải huấn. Tối vi tinh yếu, văn ước nghĩa bị.

Tự phận, Lưu thông, kiến vu thượng chương, hạ tứ thập nhị chương, minh xả ác thú thiện, trừ hoặc đoạn chướng, siêu phàm nhập thánh chi thâm chỉ dã).

Âm nghĩa

LƯU THÔNG chương

Thường đồ kết ư kinh hậu, kim trí thử hữu nhị ý:

Nhất, Phật sơ thành đạo, ẩn thắng hiện liệt, thuyết bán tự pháp môn, tuần tuần thiện dụ như từ phụ chi giáo ấu tử, minh sư chi huấn mông đồ, phi nhất thời sở thuyết cố.

Nhị, kinh sơ dịch xuất Đông Hạ kinh thư, hý đoạn chương thủ nghĩa, dị vu kiến văn, chư La hán diệc tùy cơ ứng hóa, dịch trí vu thử, bất trệ thường đồ cố dã.

Nhiếp tụng kệ

Pháp luân sơ chuyển độ quần sinh

Lộc uyển tiên văn Tứ đế minh

Phục hữu Tỷ khiêu nghi thỉnh vấn

Lưu truyền Tứ Thập Nhị Chương kinh.

VIỆT DỊCH

Lại có các Tỷ khiêu nói lên những điều còn ngờ, cầu Phật giải quyết. Thế Tôn dạy rõ khiến cho ai nấy nghe đều hiểu cả, chắp tay kính vâng, thuận theo Phật dạy.

(Tỷ khiêu: Đời nhà Tống gọi là trì tịnh giới hoặc gọi là phá phiền não, hay gọi là tịnh khất thực, hay gọi là dẹp được ma, một tên ở Thiên Trúc gồm bốn nghĩa này cho nên người dịch giữ lấy phiên âm vậy. Có ngờ xin dạy bảo cho, hợp bệnh cho thuốc, tin hiểu được yên tâm. Xin thuận truyền bá. Xưa Đức Thế Tôn nhập diệt trải hàng nghìn năm đến nhà Hậu Hán niên hiệu Vĩnh Bình, nhân vua Minh Đế mơ thấy tượng vàng, biết rằng Phật giáo sắp tới cõi Đông Hạ (Trung Quốc), sai ông Thái Hâm đi sứ Tây Trúc gặp hai vị Phạn tăng (sư Ấn Độ) là Ma Đằng, Trúc Pháp Lan dùng ngựa trắng chở kinh văn từ Ấn Độ đến đất Lạc Đô, dịch chữ Phạn ra chữ Hán, lần đầu xuất bản kinh này. Theo cơ dạy bảo rất tinh vi thiết yếu, ít văn đủ nghĩa.

Phần tựa, phần lưu thông thấy ở phần trên, dưới 42 chương nói rõ ý sâu bỏ ác theo thiện, trừ mê, đoạn chướng, qua phàm vào thánh).

Âm nghĩa

Chương LƯU THÔNG

Theo lối thường kết vào sau kinh, nay đặt vào đây có hai ý:

Một là: Phật mới thành đạo, ẩn hơn hiện kém, giảng pháp môn bán tự (Tiểu thừa) dần dần khéo dụ như cha lành dạy con thơ, thầy hay dạy trò dốt, không phải nói một thời mà hiểu được.

Hai là: Lúc ban đầu kinh sách ở Trung Quốc dịch ra hay lược bớt văn lấy nghĩa để dễ bề học hỏi. Các vị La hán cũng thường hay ứng hóa, cũng không mất phương hướng của lối thường vậy.

Kệ tóm tắt

Bốn lý lần đầu Phật giác mê

Từ nơi vườn Lộc giảng cho nghe

Tăng chúng ngờ gì cần phải hỏi

Bốn hai chương đáp, hết hồ nghi.

NGUYÊN VĂN

辭親章第一

佛言。辭親出家。識心達本。解無為法。名曰沙門。常行二百五十戒。進止清淨。為四真道行。成阿羅漢。阿羅漢者。能飛行變化。曠劫壽命。住動天地。

次為阿那含。阿那含者。壽終。靈神上十九天。證阿羅漢。

次為斯陁含。斯陁含者。一上一還。即得阿羅漢。

次為須陁洹。須陁洹者。七死七生。便證阿羅漢。愛欲斷者。如四肢斷。不復用之。

沙門。宋言義訓勤行。勤行趣涅槃也。三果輪轉。愛欲為因。割愛辭親。身出家也。識心達本。心出家也。出家有三。一。辭親出世俗家。二。悟道。出五蘊家。三。證果。出三界家。大比丘二百五十戒。以殺。盜。淫。妄四法為根本。其餘枝末。並依此四法而生。若犯根本。枝末難生。則無由證果。若一一堅持不犯。隨見修所斷煩惱。階漸不同。故所證隨異。

初果須陁洹。宋云「預流」。二果斯陁含。宋云「一來」。謂一來天上。一來人間。便證涅槃。三果阿那含。宋云「不來」。四果阿羅漢。宋云「不生」。煩惱斷盡。已證生空。如四肢斷。即無為果也。

音義

沙門。羅漢。因果之名。

辭親斷愛。因果之實。

知因識果。方能割愛辭親。

十九天。過六欲天。初禪三天。二禪三天。三禪三天。四禪前四天。上至後五淨居天。是三果所居。名五那含天。

見修。謂知苦。慕滅。斷集。修道。

煩惱。謂界內見。思二惑。各有九品之煩惱障。

攝頌偈

出家學道名沙門

貴在識心而達本

常行諸戒四真道

進止清净成羅漢

羅漢飛行變化異

住壽命兮動天地

次有三果漸進修

如四肢斷愛欲離。

PHIÊN ÂM

TỪ THÂN chương đệ nhất

Phật ngôn:

Từ thân xuất gia, thức tâm đạt bản, giải vô vi pháp, danh viết Sa môn, thường hành nhị bách ngũ thập giới, tiến chỉ thanh tịnh, vi tứ chân đạo hành, thành A la hán. A la hán giả, năng phi hành biến hóa, khoáng kiếp thọ mệnh, trụ động thiên địa.

Thứ vi A na hàm, A na hàm giả, thọ chung, linh thần thướng thập cửu thiên, chứng A la hán.

Thứ vi Tư đà hàm, Tư đà hàm giả, nhất thướng nhất hoàn, tức đắc A la hán.

Thứ vi Tu đà hoàn, Tu đà hoàn giả, thất tử thất sinh, tiện chứng A la hán, ái dục đoạn giả, như tứ chi đoạn, bất phục dụng chi.

(Sa môn, Tống ngôn nghĩa huấn cần hành, cần hành thú Niết bàn dã. Tam quả luân chuyển, ái dục vi nhân. Cát ái từ thân, thân xuất gia dã; thức tâm đạt bản, tâm xuất gia dã. Xuất gia hữu tam: nhất từ thân, xuất thế tục gia. Nhị ngộ đạo, xuất ngũ uẩn gia. Tam

chứng quả, xuất tam giới gia. Đại Tỷ khiêu, nhị bách ngũ thập giới, dĩ sát, đạo, dâm, vọng, tứ pháp vi căn bản. Kỳ dư chi mạt, tịnh y thử tứ pháp nhi sinh. Nhược phạm căn bản, chi mạt nan sinh, tắc vô do chứng quả, nhược nhất nhất kiên trì bất phạm, tùy kiến, tu sở đoạn phiền não, giai tiệm bất đồng, cố sở chứng tùy dị.

Sơ quả, Tu đà hoàn, Tống vân Dự lưu. Nhị quả, Tư đà hàm, Tống vân Nhất lai, vị nhất lai thiên thượng, nhất lai nhân gian, tiện chứng Niết bàn. Tam quả, A na hàm, Tống vân Bất lai. Tứ quả, A la hán, Tống vân Bất sinh, phiền não đoạn tận, dĩ chứng sinh không, như tứ chi đoạn, tức vô vi quả dã).

Âm nghĩa

TỪ THÂN chương đệ nhất

Sa môn, La hán, nhân quả chi danh.

Từ thân, đoạn ái, nhân quả chi thật.

Tri nhân thức quả, phương năng cát ái từ thân.

Thập cửu thiên: Quá lục dục thiên, sơ thiền tam thiên, nhị thiền tam thiên, tam thiền tam thiên, tứ thiền tiền tứ thiên. Thượng chí hậu ngữ Tịnh cư thiên, thị tam quả sở cư, danh ngũ Na hàm thiên, thị tứ thập bát thiên cộng dục giới vi nhất thiên thành thập cửu.

Kiến tu: Vị tri khổ, mộ diệt, đoạn tập, tu đạo.

Phiền não: Vị giới nội, kiến, tư nhị hoặc, các hữu cửu phẩm chi phiền não chướng.

Nhiếp tụng kệ

Xuất gia học đạo danh Sa môn

Quý tại thức tâm nhi đạt bản

Thường hành chư giới Tứ chân đạo

Tiến chỉ thanh tịnh thành La hán

La hán phi hành biến hóa dị

Trụ thọ mệnh hề động thiên địa

Thứ hữu tam quả tiệm tiến tu

Như tứ chi đoạn ái dục ly.

VIỆT DỊCH

Chương thứ nhất: TỪ THÂN QUYẾN

Phật dạy: Từ biệt thân quyến, xuất gia, biết nguồn tâm mình, thấu suốt chân lý của Phật, hiểu pháp vô vi[1] gọi là Sa môn, thường tu hành 250 giới, tiến thiện chỉ ác[2] trong sạch, tu hành đạo Tứ chân đế, thành bậc A la hán. Bậc A la hán có khả năng bay đi, biến hóa, kiếp sống lâu dài, làm chấn động trời đất.

Thứ là A na hàm, bậc A na hàm chết rồi thần thức lên tầng trời thứ 19 chứng quả A la hán.

---

[1] Chính là "Minh tâm kiến tính", "pháp vô vi" có hai nghĩa: 1) Mọi pháp do nhân duyên sinh vốn không có tự tính; 2) Bởi "tính không" cho nên mọi phiền não sinh tử đều có thể giải thoát hết. Thấu hiểu hai nghĩa này mới được gọi là Sa môn.

[2] "Tiến thiện": Tinh tiến phụng hành nghiệp thiện (tác trì); "chỉ ác": ngăn ngừa nghiệp ác (chỉ trì). Cũng là tam tụ tịnh giới.

Thứ nữa Tư đà hàm, bậc Tư đà hàm, một lần lên trời, một lần về nhân gian, thì được quả A la hán.

Thứ nữa là Tu đà hoàn, bậc Tu đà hoàn, bảy lần chết, bảy lần sống thì chứng A la hán, yêu muốn hết như chặt đứt tay chân, không dùng nữa.

(Sa môn - nhà Tống dịch nghĩa là "chăm đi tới Niết bàn". Luân chuyển ba cõi, yêu muốn là nguyên nhân, cắt đứt tình ái, từ giã họ hàng: thân xác xuất gia; biết nguồn gốc tâm, suốt chân lý Phật: tâm xuất gia vậy. Xuất gia có ba nghĩa: 1) Từ biệt người thân: ra khỏi nhà thế tục, 2) Ngộ đạo: ra khỏi nhà ngũ uẩn, 3) Chứng quả: ra khỏi nhà ba cõi. Bậc Đại Tỷ khiêu 250 giới lấy: không giết hại, không trộm cắp, không dâm dục, không nói càn, bốn giới này là căn bản, còn ra ngành ngọn, đều dựa bốn phép này mà sinh. Nếu phạm vào cỗi gốc thì cành lá khó sinh, không bởi đâu mà chứng quả được, nếu kiên trì, không phạm một giới nào, tùy đoạn được kiến, tư phiền não nào, cấp bậc không giống thì chứng ngôi cũng khác.

Quả đầu Tu đà hoàn: Nhà Tống gọi là Dự lưu; quả thứ hai: Tư đà

hàm: Nhà Tống gọi là Nhất lai, là một lần lên trời, một lần về nhân gian rồi chứng Niết bàn; quả thứ ba: A na hàm: Nhà Tống gọi là Bất lai (không trở lại); quả thứ tư: A la hán: Nhà Tống gọi là Bất sinh (không sinh), phiền não đã đoạn hết - đã chứng sinh không[1], như đoạn tay chân, tức là quả vô vi vậy).

Âm nghĩa

Chương thứ nhất: TỪ THÂN

"Tên" của nhân và quả là Sa môn, La hán.

"Thật" của nhân và quả là từ thân, đoạn ái.

Biết nhân, rõ quả mới có khả năng cát ái - từ thân.

Cõi trời mười chín: Qua cõi Dục, ba cõi Sơ thiền, ba cõi Nhị thiền, ba cõi Tam thiền, chín cõi ở Tứ thiền, gồm các cõi Thượng chí, Tịnh cư, Bất hoàn là 18 cõi thiên, cùng với cõi Dục giới thành 19 cõi.

Kiến tu: Là biết khổ, mến tịch diệt, đoạn tập, tu đạo.

Phiền não: Là kiến hoặc và tư hoặc, trong ba cõi đều có chín bậc phiền não chướng.

---

[1] Còn gọi là "ngã không", "nhân không": không có cái ta - "chủ thể", bởi ngũ uẩn giả tạm hòa hợp làm thân tâm chúng sinh.

Kệ tóm tắt

Xuất gia học đạo bậc Sa môn

Chân lý suối tâm rõ gốc nguồn

Giữ giới nghiêm trì bốn chân lý

Vô sinh trong sạch vị cao tôn

La hán bay đi động đất trời

Sống dài hay ngắn tự do hoài

Dưới còn ba quả tu dần tới

Như chặt tay chân ái dục rời.

NGUYÊN VĂN

出家章第二

佛言。出家沙門者。斷欲去愛。識自心源。達佛深理。悟無為法。達本。情忘。知心。體合。內無所得。外無所求。心不繫道。亦不結業。外絕攀緣。內非守寂。無念無作。非修非證一相一行。無證無得。不歷諸位。而自崇最。名之為道。靈機絕朕。階級那收。

音義

出家有三。出世俗之家易。出五蘊三界之家難。例前辭親亦有二。辭生身之父母易。辭無明貪愛之父母難。前辭親出有情愛。今出家出情無情。

攝頌偈

沙門識心達佛理

斷欲去愛出塵勞

無得無求皆不著

不歷諸位自崇高。

PHIÊN ÂM

XUẤT GIA chương đệ nhị

Phật ngôn: Xuất gia Sa môn giả, đoạn dục khử ái, thức tự tâm nguyên, đạt Phật thâm lý, ngộ vô vi pháp (đạt bản, tình vong, tri tâm thể hợp), **nội vô sở đắc, ngoại vô sở cầu, tâm bất hệ đạo, diệc bất kết nghiệp** (ngoại tuyệt phan chư duyên, nội phi thủ không tịch), **vô niệm vô tác, phi tu phi chứng** (nhất tướng nhất hành, vô chứng vô đắc), **bất lịch chư vị, nhi tự sùng tối, danh chi vi đạo** (linh cơ tuyệt trẫm, giai cấp na thu).

Âm nghĩa

Xuất gia hữu tam: xuất thế tục chi gia dị; xuất ngũ uẩn, tam giới chi gia nan. Lệ tiền, từ thân diệc hữu nhị, từ sinh thân chi phụ mẫu dị, từ vô minh, tham ái chi phụ mẫu nan, tiền từ thân xuất hữu tình ái, kim xuất gia xuất hữu tình, vô tình.

Nhiếp tụng kệ

Sa môn thức tâm đạt Phật lý

Đoạn dục khử ái xuất trần lao

Vô đắc vô cầu giai bất trước

Bất lịch chư vị tự sùng cao.

VIỆT DỊCH

Chương thứ hai: TÌM THẦY HỌC ĐẠO

Phật dạy bậc Sa môn xuất gia, dứt lòng dục bỏ tình yêu, biết nguồn tâm mình, suốt lẽ sâu kinh Phật, giác ngộ phép vô vi (xuất gốc mê, quên vọng tình, biết tâm hợp thể), **trong tâm không tự đắc, ngoài không cầu cạnh, tâm không mắc đạo cũng không kết nghiệp** (ngoài dứt vướng các duyên, trong không giữ u tịch), **không động niệm, không khởi ý không tu không chứng** (một chân tướng, một việc chính không chứng không được), **không qua các ngôi thứ mà rất tự trọng, gọi đó là đạo** (máy thiêng tắt hẳn còn đâu giai cấp).

Âm nghĩa

Xuất gia có ba, ra khỏi nhà thế tục dễ, ra khỏi nhà năm uẩn, ba cõi khó. Như bài trước, từ thân cũng có hai, từ cha mẹ sinh ra dễ, từ vô minh và tham ái khó. Trước là từ cha mẹ về tình ái, đến đây xuất gia là xuất cả hữu tình, vô tình.

Kệ tóm tắt

Sa môn hiểu lý Phật tâm thông

Ái dục trần lao đoạn diệt xong

Không được không cầu đều không bận

Giá cao vượt bậc tự ung dung.

NGUYÊN VĂN

剃髮章第三

佛言。剃除鬚髮而為沙門。受道法者。去世資財。乞求取足。鬚髮除而息愛。資財去而捨貪。日中一食。樹下一宿。慎勿再矣。頭陁上行。無戀著也。使人愚蔽者。愛與欲也。暗蔽愚癡愛欲所致。

音義

髮有二義。須髮是身頭之髮。愛欲是心頭之髮。剃前之髮易。除後之髮難。前辭親出家。是去身外之愛欲。今剃除須髮是去身上之愛欲。蓋身者。衆生之最愛。愛身則身上之物亦愛。故世有拔毛利不爲。又須髮是頭麵之美觀。則愛上加愛。故世有迷頭而狂走。今既除身上之最愛。則身亦漸忘。何況頭麵。故云。身非我有。何況其頭。又能捨頭麵之美觀。則頭亦非我何況須髮。故雲。苟有利。吾無愛於髮膚。髮膚既不愛。況世資財。即日中一食。樹下一宿。亦多事矣。況愛欲乎。

攝頌偈

沙門削髮貴知足

日中一食樹一宿

愛欲陷人愚蔽深

自今勿復相隨逐。

PHIÊN ÂM

THẾ PHÁT chương đệ tam

Phật ngôn: Thế trừ tu phát, nhi vi Sa môn, thụ đạo pháp giả, khử thế tư tài, khất cầu thủ túc (tu phát trừ, nhi tức ái, tư tài khử, nhi xả tham).

Nhật trung nhất thực, thụ hạ nhất túc, thận vật tái hỹ (Đầu đà

thượng hạnh, vô luyến trước dã).

Sử nhân ngu tế giả, ái dữ dục dã (ám tế ngu si, ái dục sở trí).

Âm nghĩa

Phát hữu nhị nghĩa, tu phát thị thân đầu chi phát, ái dục thị tâm đầu chi phát, thế tiền chi phát dị, trừ hậu chi phát nan. Tiền từ thân xuất gia, thị khử thân ngoại chi ái dục, kim thế trừ tu phát, thị khử thân thượng chi ái dục, cái thân giả, chúng sinh chi tối ái, ái thân tắc thân thượng chi vật diệc ái. Cố thế hữu bạt mao lợi bất vi. Hựu tu phát thị đầu diện chi mỹ quan, tắc ái thượng gia ái, cố thế hữu mê đầu nhi cuồng tẩu. Kim ký trừ thân thượng chi tối ái, tắc thân diệc tiệm vong, hà huống đầu diện, cố vân thân phi ngã hữu, hà huống kỳ đầu, hựu năng xả đầu diện chi mỹ quan, tắc đầu diệc phi ngã, hà huống tu phát. Cố vân, cẩu hữu lợi, ngô vô ái ư phát phu, phát phu ký bất ái, huống thế tư tài. Tức nhật trung nhất thực, thụ hạ nhất túc, diệc đa sự hỹ, huống ái dục hồ?

Nhiếp tụng kệ

Sa môn tước phát quý tri túc

Nhật trung nhất thực thụ nhất túc

Ái dục hãm nhân ngu tế thâm

Tự kim vật phục tương tùy trục.

VIỆT DỊCH

Chương thứ ba: CẠO TÓC

Phật dạy cạo bỏ râu tóc mà làm Sa môn, chấp nhận đạo pháp, bỏ tiền của đời, xin cầu là đủ (bỏ râu tóc là dứt tình ái, bỏ tiền của là bỏ tham).

Giữa ngày một bữa, dưới cây một giấc cẩn thận chớ hơn (Đầu đà là hạnh cao, chớ nên tham đắm).

Khiến người ngu dốt chính là mến yêu và ham muốn (Tối dốt ngu si là yêu mến và ham muốn).

Âm nghĩa

Tóc có hai nghĩa, râu tóc là tóc ở thân ở đầu, yêu muốn là tóc trong tâm, cạo râu tóc trước thì dễ, trừ râu tóc sau thì khó. Trước từ thân xuất gia là bỏ yêu mến ngoài thân, đến đây cạo bỏ râu tóc là bỏ yêu mến trên thân; bởi vì chúng sinh rất yêu thân, yêu thân thời vật trên thân cũng yêu. Cho nên đời có chuyện không làm việc lợi phải nhổ lông. Lại nữa râu tóc là vẻ mỹ quan của đầu mặt, thì yêu lại càng yêu. Vì vậy đời có kẻ mê đầu mà phát điên chạy nhộn. Nay đã bỏ cái rất yêu trên thân, thì cả thân cũng quên nữa là đầu mặt. Vì vậy nói: Thân không phải ta có huống chi râu tóc, cho nên nói: Vì có lợi, ta không tiếc gì râu tóc, râu tóc đã không yêu, huống chi tiền của ở đời, vì vậy, giữa ngày một bữa, dưới cây một giấc cũng đã nhiều rồi, huống chi yêu muốn nữa ư?

Kệ tóm tắt

Tạm đủ Sa môn đã cạo đầu

Ngủ ăn dù thiếu chớ tham cầu

Nhớ câu ái dục tham là đọa

Biết tránh xa đi kẻo ngã vào.

NGUYÊN VĂN

息意章第四

佛言。衆生以十事為善。亦以十事為惡。何等為十。身三。口四。意三。身三者。殺。盜。婬。口四者。兩舌。惡口。妄言。綺語。意三者。嫉。恚。癡。如是十事。不順聖道。名十惡行。是惡若止。名十善行耳。

善惡性空。猶如反掌。止惡行善。是順聖道。自性本無殺。持不殺戒。乃至自性本無貪瞋癡。持不貪等戒。八萬四千煩惱。變為波羅密門。隨機差降。分上中下品。具載大經。

音義

身口之惡。皆由意生。嫉者。貪而嗔。恚者。嗔而貪。痴者。愚而貪嗔。三毒互含。藏於意。發乎身口。殺由貪食。盜由貪財。婬由貪色。亦有嗔殺。愚痴殺等。身三既爾。口四亦然。身口七支。根於意地。故

永嘉云。損法財。滅功德。莫不由斯心意識。若意識不生。順性而行。名善行耳。

攝頌偈

身口意業十善惡

善業升起惡淪落

歸信三尊求至道

諸善奉行惡莫作。

PHIÊN ÂM

TỨC Ý chương đệ tứ

Phật ngôn: Chúng sinh dĩ thập sự vi thiện, diệc dĩ thập sự vi ác. Hà đẳng vi thập? Thân tam, khẩu tứ, ý tam. Thân tam giả: sát, đạo, dâm. Khẩu tứ giả: lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ. Ý tam giả: tật, huỵ[1], si. Như thị thập sự bất thuận thánh đạo, danh thập ác hành. Thị ác nhược chỉ, danh thập thiện hành nhĩ.

---

[1] "Huỵ" còn có âm là "khuể".

(Thiện ác tính không, do như phản chưởng, chỉ ác hành thiện, thị thuận thánh đạo. Tự tính bản vô sát, trì bất sát giới, nãi chí tự tính bản vô tham sân si, trì bất tham đẳng giới, bát vạn tứ thiên phiền não, biến vi Ba la mật môn, tùy cơ sai giáng, phân thượng trung hạ phẩm, cụ tải Đại Kinh).

Âm nghĩa

Thân khẩu chi ác giai do ý sinh. Tật giả, tham nhi sân; huỵ giả, sân nhi tham; si giả, ngu nhi tham sân. Tam độc hỗ hàm, tàng vu ý, phát vu thân khẩu, sát do tham thực, đạo do tham tài, dâm do tham sắc, diệc hữu sân sát ngu si sát đẳng. Thân tam ký nhĩ, khẩu tứ diệc nhiên, thân khẩu thất chi, căn vu ý địa. Cố Vĩnh Gia vân: "Tổn pháp tài, diệt công đức, mạc bất do tư tâm ý thức. Nhược ý thức bất sinh, thuận tính nhi hành, danh thiện hành nhĩ".

Nhiếp tụng kệ

Thân khẩu ý nghiệp thập thiện ác

Thiện nghiệp thăng khởi, ác luân lạc

Quy tín Tam tôn cầu chí đạo

Chư thiện phụng hành, ác mạc tác.

VIỆT DỊCH

Chương thứ tư: TẮT Ý NGHĨ

Phật dạy: Chúng sinh lấy mười việc làm thiện cũng lấy mười việc làm ác, những gì là mười? Thân ba, miệng bốn, ý ba; thân ba là giết hại, lấy của không cho, tà dâm; miệng bốn là nói lưỡi hai chiều, nói độc ác, nói dối trá, nói thêu dệt; ý ba là ghen ghét, bực tức, ngu si. Mười việc như thế không thuận đạo thánh là mười việc ác. Ác ấy nếu bỏ gọi là mười thiện vậy.

(Tính thiện ác vốn không cũng như trở bàn tay, bỏ ác làm lành là thuận đạo thánh, vốn không có tính tàn sát, giữ giới bất sát cho đến tự tính vốn không tham sân si, giữ những giới không tham, sân, si, v.v. 84.00 phiền não biến làm cửa vượt khổ, chia thành ba bậc thượng, trung, hạ chép trong Đại Kinh).

Âm nghĩa

Ác về thân miệng đều từ ý sinh. Ghét là tham mà giận; bực là giận mà tham, si thì ngu mà tham giận. Ba độc ấy hàm nhiếp lẫn nhau trong ý, phát động ra thân miệng, giết bởi tham ăn, trộm bởi tham của, dâm bởi tham sắc, cũng có vì bực tức mà giết, ngu si mà giết, v.v. Ba nghiệp thân đã thế, bốn nghiệp miệng cũng thế. Bảy chi về thân khẩu, gốc rễ từ ý. Cho nên Tổ Vĩnh Gia dạy: "Tổn của pháp, diệt công đức đều từ tâm ý, thức. Nếu ý thức không sinh, thuận tính làm theo gọi là khéo hành đạo vậy".

Kệ tóm tắt

Thân khẩu ý ba, thiện ác mười

Thiện thì tiến hóa, ác chìm trôi

Tin theo Tam bảo cầu chân lý

Nghiệp thiện chăm làm, ác quyết thôi.

NGUYÊN VĂN

悔過章第五

佛言。人有衆過。而不自悔。頓息其心。罪來赴身。如水歸海。漸成深廣。罪始濫觴。禍終没頂。惡心不息。業海轉深。

若人有過。自解知非。改惡行善。罪自消滅。改過自新。罪隨心滅。後會得明道也。

如病得汗。漸有痊損耳。病得汗則身安。人改過則心浄。

音義

過惡有三。謂已作。今作。當作。念念相續。無有窮已。故云深廣。若一念悔心。前後濟斷。現亦不行。三世罪根泯然無寄。故云。頓息其心。罪自消滅。傅大士言。罪性本空唯心造。心若滅時罪亦亡。罪亡心滅倆俱空。是則名爲真懺悔。旨哉言乎！

攝頌偈

人有眾過不自悔

罪歸身如水歸海

有悪懺誠從善勇

罪滅福生道所載。

PHIÊN ÂM

HỐI QUÁ chương đệ ngũ

Phật ngôn: Nhân hữu chúng quá, nhi bất tự hối, đốn tức kỳ tâm, tội lai phó thân, như thủy quy hải, tiệm thành thâm quảng (tội thủy lạm thương, họa chung một đỉnh, ác tâm bất tức, nghiệp hải chuyển thâm).

Nhược nhân hữu quá tự giải tri phi, cải ác hành thiện, tội tự tiêu diệt (cải quá tự tân, tội tùy tâm diệt, hậu hội đắc minh đạo dã).

Như bệnh đắc hãn, tiệm hữu thuyên tổn nhĩ (bệnh đắc hãn tắc thân an, nhân cải quá tắc tâm tịnh).

Âm nghĩa

Quá ác hữu tam: vị dĩ tác, kim tác, đương tác, niệm niệm tương tục, vô hữu cùng dĩ. Cố vân thâm quảng, nhược nhất niệm hối tâm, tiền hậu tế đoạn, hiện diệc bất hành, tam thế tội căn, dẫn nhiên vô ký. Cố vân: Đốn tức kỳ tâm, tội tự tiêu diệt. Phó Đại Sĩ ngôn:

"Tội tính bản không duy tâm tạo,

Tâm nhược diệt thời, tội diệc vong,

Tội vong, tâm diệt, lưỡng câu không,

Thị tắc danh vi chân sám hối".

Chỉ tai ngôn hồ!

Nhiếp tụng kệ

Nhân hữu chúng quá bất tự hối

Tội quy thân như thủy quy hải

Hữu ác sám thành tòng thiện dũng

Tội diệt phúc sinh đạo sở tải.

VIỆT DỊCH

Chương thứ năm: Hối Lỗi

Phật dạy: Ai có nhiều lỗi, tự mình không hối, dập ngay tâm ấy, tội dồn tới thân, như nước về biển, sẽ thành sâu rộng (tội trước tràn chén và sau ngập đầu, tâm ác không thôi, biển nghiệp thêm sâu).

Nếu ai có lỗi tự mình biết trái, đổi ác làm lành, tội tự tiêu diệt (đổi mới không lỗi, tội theo tâm diệt, sau sẽ hiểu rõ đạo vậy).

Như bệnh được ra mồ hôi, được bớt nhẹ dần (bệnh ra mồ hôi thì thân yên, người đổi lỗi thì tâm trong sạch).

Âm nghĩa

Có ba lỗi ác đã làm, đương làm, sẽ làm, luôn luôn nối nhau không bao giờ thôi. Cho nên gọi là sâu rộng. Nếu một thoáng tâm hối, trước sau đứt quãng, không còn hiện hành, gốc tội ba đời không hẳn chỗ dựa. Cho nên nói: Tâm thôi làm ác, tội tự tiêu diệt. Bởi vậy ngài Phó Đại Sĩ nói:

"Tính tội vốn không, duy tâm tạo

Khi tâm đã diệt tội cũng mất

Tội mất tâm diệt cả đều không

Thế mới đúng thực là sám hối".

Lời nói hay quá.

Kệ tóm tắt

Biết lỗi mà không hối tránh xa

Nước dồn về biển, tội về ta

Bỏ ác hết lòng làm thiện mạnh

Tội diệt phúc sinh, đạo lớn ra.

NGUYÊN VĂN

無嗔章第六

佛言。惡人聞善。故來撓亂者。汝自禁息。當無瞋責。彼來惡者。而自惡之。彼已齊致。彼撓何瞋。怨親等觀。魔自退衄。

音義

善與惡對。故來擾亂。我無瞋責。則爲善如登。從惡如崩。

PHIÊN ÂM

VÔ SÂN chương đệ lục

Phật ngôn: Ác nhân văn thiện, cố lai nhiễu loạn giả, nhữ tự cấm tức, đương vô sân trách, bỉ lai ác giả, nhi tự ác chi (bỉ kỷ tề trí, bỉ nhiễu hà sân? Oán thân đẳng quan, ma tự thoái nục).

Âm nghĩa

Thiện dữ ác đối, cố lai nhiễu loạn, ngã vô sân trách, tắc vi thiện như đăng, tòng ác như băng.

VIỆT DỊCH

Chương thứ sáu: KHÔNG GIẬN BỰC

Phật dạy: Người ác nghe việc thiện, cố tìm đến quấy rối. Ngươi tự nín đi chớ nên oán trách, kẻ ác họ đến rồi họ chịu ác (họ với mình như nhau, họ quấy không giận, bạn thù bình đẳng, ma tự rút lui).

Âm nghĩa

Thiện đối nghịch với ác, cố đến quấy rối, ta không oán trách, tất làm thiện tăng lên, theo ác bại hoại.

NGUYÊN VĂN

行慈章第七

佛言。有人聞吾守道。行大仁慈。故致罵佛。佛默不對。罵止。問曰。「子以禮從人。其人不納。禮歸子乎。」對曰。「歸矣！」佛言。「今子罵我。我今不納。子自持禍。歸子身矣！慈善根力。假引世喻。罵佛自禍。其理昭然。猶響應聲。影之隨形。終無免離。慎勿為惡。身口由心。影響難捨。

音義

慈與瞋對。故行慈致罵。今不唯不瞋。反能因事轉物。真慈悲無量。憐憫有情唯佛與佛乃能如是。前無嗔不爲物轉。今行慈反能轉物漸入佳境。

攝頌偈

人來相毀我慈護

當憫癡冥勿瞋怒。

福德之氣常在斯

慈善無傷悪自蠹。

PHIÊN ÂM

HÀNH TỪ chương đệ thất

Phật ngôn: Hữu nhân văn ngô thủ đạo, hành đại nhân từ, cố trí mạ Phật, Phật mặc bất đối.

Mạ chỉ. Vấn viết: Tử dĩ lễ tòng nhân, kỳ nhân bất nạp, lễ quy tử hồ?

Đối viết: Quy hỹ.

Phật ngôn: Kim tử mạ ngã, ngã kim bất nạp, tử tự trì họa, quy tử thân hỹ (từ thiện căn lực, giả dẫn thế dụ mạ Phật tự họa, kỳ lý chiêu nhiên).

Do hưởng ứng thanh, ảnh chi tùy hình, chung vô miễn ly, thận vật vi ác (thân, khẩu, do tâm ảnh hưởng nan xả).

Âm nghĩa

Từ dữ sân đối, cố hành từ, trí mạ, kim bất duy bất sân, phản năng nhân sự chuyển vật, chân từ bi vô lượng, lân mẫn hữu tình, duy Phật dữ Phật, nãi năng như thị. Tiền vô sân bất vi vật chuyển, kim hành từ phản năng chuyển vật tiệm nhập giai cảnh.

Nhiếp tụng kệ (Đệ lục chương, đệ thất chương)

Nhân lai tương hủy ngã từ hộ

Đương mẫn si minh vật sân nộ.

Phúc đức chi khí thường tại tư

Từ thiện vô thương, ác tự đố.

VIỆT DỊCH

Chương thứ bảy: LÀM VIỆC TỪ THIỆN

Phật dạy: Có người nghe ta giữ đạo làm việc nhân từ lớn, họ cố ý đến mắng Phật, Phật lặng yên không trả lời. Họ thôi. Phật hỏi: Ngươi đem lễ biếu ai, họ không nhận, lễ ấy có về ngươi không?

Thưa rằng: Về ạ.

Phật dạy: Ngươi nay mắng ta, ta nay không nhận, ngươi tự đem họa về cho mình (sức gốc từ thiện, dẫn ra ví dụ mắng Phật thì chịu họa, lý do rõ ràng).

Như vang ứng tiếng, bóng theo hình vẫn không tránh khỏi, cẩn thận chớ làm ác (thân miệng bởi tâm, bóng vang không rời nhau).

Âm nghĩa

Từ đối với giận, cho nên làm lành đến phải chịu mắng, nay không những không giận, lại hay nhân việc chuyển vật, thực là từ bi vô lượng, thương xót hữu tình, chỉ có Phật với Phật mới có khả năng như thế. Trước không giận, không bị vật chuyển, bây giờ làm lành lại có khả năng chuyển vật, dần đi vào cảnh tốt.

Kệ tóm tắt (Chung cả chương thứ 6 và thứ 7)

Lòng lành ta giúp kẻ chê ta

Thương họ ngu si chớ oán mà.

Phúc đức lòng từ thường ở đó

Từ thiện lớn lên, độ ác tà.

NGUYÊN VĂN

重賢章第八

佛言。惡人害賢者。猶仰天而唾。唾不至天。還從己墮。逆風颺塵。塵不至彼。還坌已身。賢不可毀。禍必滅已。

害賢招報。如唾天。颺塵。反自汙坌。昔歌利害佛。佛不瞋恨。而成正覺。歌利罪畢。遇佛得記。

音義

見賢思齊。見不賢而內自省。

攝頌偈

悪害賢如仰天唾

唾不汚天還自墮

逆風坌人塵返身

賢非可侵自求禍。

PHIÊN ÂM

TRỌNG HIỀN chương đệ bát

Phật ngôn: Ác nhân hại hiền giả, do ngưỡng thiên nhi thóa, thóa bất chí thiên, hoàn tòng kỷ đọa. Nghịch phong dương trần, trần bất chí bỉ, hoàn bộn kỷ thân, hiền bất khả hủy, họa tất diệt kỷ.

(Hại hiền chiêu báo như thóa thiên, dương trần, phản tự ô bộn. Tích, Ca Lợi hại Phật, Phật bất sân hận nhi thành chính giác. Ca Lợi tội tất, ngộ Phật đắc ký).

Âm nghĩa

Kiến hiền tư tề, kiến bất hiền nhi nội tự tỉnh.

Nhiếp tụng kệ

Ác hại hiền như ngưỡng thiên thóa

Thóa bất ố thiên hoàn tự đọa

Nghịch phong bộn nhân trần phản thân

Hiền phi khả xâm tự cầu họa.

VIỆT DỊCH

Chương thứ tám: TRỌNG NGƯỜI HIỀN Phật dạy: Người ác hại người hiền, cũng như ngửa mặt nhổ lên trời, nhổ không đến trời, lại rơi xuống mình. Ngược gió rê bụi, bụi không đến họ, lại bụi vào mình, không hủy được người hiền, họa lại hại mình.

(Hại người hiền như ngửa mặt nhổ lên trời, rê bụi lại tự bẩn mình. Xưa, ông Ca Lợi hại Phật, Phật không bực tức mà thành chính giác. Ông Ca Lợi hết tội gặp Phật được thụ ký).

Âm nghĩa

Thấy người hiền nghĩ sao cho được bằng họ, thấy người bất hiền thì tự xét mình.

Kệ tóm tắt

Ngửa nhổ lên trời ác hại hiền

Trời đâu có bẩn bẩn mình liền

Ngược gió nhằm người tung cát bụi

Hại mình chính lại tự gây nên.

NGUYÊN VĂN

奉道章第九

佛言。博聞愛道。道必難會。世智辯聰。博問強記。增長我慢。去道遠

矣。守志奉道。其道甚大。堅志體道。量包法界。

音義

求名於人。奉道在己。於人故難。在己故易。難則彌求彌遠。易則益守益堅。內而自鍊無明。外而利益於世。守志奉道。其利溥哉。

攝頌偈

博愛廣憐施濟先

守志奉道福綿綿。

PHIÊN ÂM

PHỤNG ĐẠO chương đệ cửu

Phật ngôn: Bác văn ái đạo, đạo tất nan hội (thế trí biện thông, bác văn cường ký, tăng trưởng ngã mạn, khứ đạo viễn hỹ).

Thủ chí phụng đạo, kỳ đạo thậm đại (kiên chí thể đạo, lượng bao pháp giới).

Âm nghĩa

Cầu danh ư nhân, phụng đạo tại kỷ, ư nhân cố nan, tại kỷ cố dị. Nan tắc di cầu di viễn, dị tắc ích thủ ích kiên, nội nhi tự luyện vô minh, ngoại nhi lợi ích ư thế, thủ chí phụng đạo, kỳ lợi phổ tai!

Nhiếp tụng kệ

Bác ái quảng lân thí tế tiên

Thủ chí phụng đạo phúc miên miên.

VIỆT DỊCH

Chương thứ chín: GIỮ CHÍ THỜ ĐẠO

Phật dạy: Học nhiều mến đạo, ắt khó hiểu đạo (biện bác thông thạo việc thế gian, học rộng nhớ nhiều thêm lớn thói ngã mạn[1], cách đạo xa vậy).

[1] Thói kiêu căng, khinh mạn sinh ra từ "ngã chấp, ngã sở", "học rộng nhớ nhiều" lan man không chủ đích, không chịu làm theo điều học "ắt khó hiểu đạo".

Giữ chí thờ đạo, thì đạo rất lớn (bền chí thủ đạo, lượng bao pháp giới).

Âm nghĩa

Cầu danh ở người, thờ đạo ở mình, ở người cho nên khó, ở mình cho nên dễ, khó thì càng cầu càng xa, dễ thì càng giữ càng bền, trong thì rèn giũa vô minh, ngoài thì lợi ích cho đời, giữ chí thờ đạo, ôi! Lợi rộng thay!

Kệ tóm tắt

Mở rộng lòng thương cứu giúp đời

Bền lòng phụng đạo phúc lâu dài.

NGUYÊN VĂN

法施章第十

佛言。覩人施道。助之歡喜。得福甚大。施。為萬行之首。助喜尚爾。况施福乎。沙門問曰。「此福盡乎。」佛言。「譬如一炬之火。數千百人。各以炬來分取。熟食。除□。此炬如故。福亦如之。火逢炬而火事無窮。福隨心而福報無盡。

音義

施道有三。財。法。無畏。今明法施如火。喻般若正智。食喻三乘法味。冥喻無始無明。一炬喻施道之人。多炬喻助喜之衆。如人以正智火熟三乘味。除無明暗。成就多人。多人傳之。化化不絶。法施無窮。故施福無量。而助喜之福無盡。故曰如之。

攝頌偈

見人行施助歡喜

炬火相傳福亦然。

PHIÊN ÂM

PHÁP THÍ chương đệ thập

Phật ngôn: Đổ nhân thí đạo, trợ chi hoan hỷ, đắc phúc thậm đại (thí vi vạn hạnh chi thủ, trợ hỷ thượng nhĩ, huống thí phúc hồ?)

Sa môn vấn viết, thử phúc tận hồ?

Phật ngôn: Thí như nhất cự chi hỏa, sổ thiên bách nhân, các dĩ cự lai phân thủ, thục thực trừ minh, thử cự như cố, phúc diệc như chi (hỏa phùng cự nhi hỏa sự vô cùng, phúc tùy tâm nhi phúc báo vô tận).

Âm nghĩa

Thí đạo hữu tam: tài, pháp, vô úy.

Kim minh pháp thí như hỏa, dụ Bát nhã chính trí. Thực dụ Tam thừa pháp vị. Minh, dụ vô thủy vô minh. Nhất cự, dụ thí đạo chi nhân, đa cự, dụ trợ hỷ chi chúng. Như nhân dĩ chính trí hỏa, thục Tam thừa vị, trừ vô minh ám, thành tựu đa nhân, đa nhân truyền chi, hóa hóa bất tuyệt, pháp thí vô cùng, cố thí phúc vô lượng, nhi trợ hỷ chi phúc vô tận, cố viết như chi.

Nhiếp tụng kệ

Kiến nhân hành thí trợ hoan hỷ

Cự hỏa tương truyền phúc diệc nhiên.

VIỆT DỊCH

Chương thứ mười: PHÁP THÍ

Phật dạy: Thấy ai truyền đạo vui mừng giúp họ được phúc rất lớn (bá thí là đầu muôn hạnh, giúp mừng cho còn thế, huống chi thực hành bá thí).

Thầy tu hỏi Phật: Phúc ấy hết không?

Phật dạy: Ví như lửa một bó đuốc, mấy nghìn trăm người, đều đem đuốc đến, xin lửa nấu ăn, thắp sáng, ngọn đuốc kia vẫn cháy, phúc cũng như thế (lửa gặp đuốc mà việc lửa không cùng, phúc tùy tâm mà phúc báo không hết).

Âm nghĩa

Bá thí có ba loại: tiền của, đạo pháp, vô úy.

Nay dụ cho đạo pháp như lửa, dụ Bát nhã chính trí, món ăn dụ pháp vị Tam thừa, u minh dụ vô minh từ vô thủy, một đuốc dụ người cho đạo pháp, nhiều đuốc dụ nhiều người giúp, như người đem lửa chính trí, nấu chín pháp vị Tam thừa, trừ mê tối vô minh thành đạt cho nhiều người, nhiều người truyền đi, chuyển hóa mãi mãi, pháp thí vô cùng cho nên phúc bá thí cũng vô lượng mà phúc giúp vô tận, cho nên nói là bằng nhau.

Kệ tóm tắt

Thấy ai bá thí mình vui giúp

Đuốc lửa nối truyền mãi khắp nơi.

NGUYÊN VĂN

財施章十一

佛言。飯惡人百。不如飯一善人。飯善人千。不如飯一持五戒者。飯五戒者萬。不如飯一須陁洹。飯百萬須陁洹。不如飯一斯陁含。飯千萬斯陁含。不如飯一阿那含。飯一億阿那含。不如飯一阿羅漢。飯十億阿羅漢。不如飯一辟支佛。飯百億辟支佛。不如飯一三世諸佛。飯千億三世諸佛。不如飯一無念。無住。無修。無證之者。

上以擇田投種。優劣倍增。住相求報。還滋愛本。以生心動念。即乖法體。今既無住。無修。無證。則取。捨情亡。三輪空寂。亦如《維摩》云。「若施主等心施一最下乞人。猶如如來福田之相。無所分別。等於大悲。不求果報。是則名為具足法施」。即斯義也。

音義

此明財施多種。飲食居先。聖凡同居所依也。財如水。施心如濕性。施境如器。觀器則沼非江。江非河海。歷九不如方至。觀濕性則沼豈異江。河豈異海。是故水局於器。天地懸殊。濕性常存。江海一味。故云。是則名爲具足法施。

攝頌偈

供凡供聖多優劣

飯佛其福不可量

事神不若事親孝

須知父母福田強

俗人不達佛深理

聞佛稱孝生譏議

豈知出世報恩弘

世間之孝未爲比。

PHIÊN ÂM

TÀI THÍ chương thập nhất

Phật ngôn: Phạn ác nhân bách, bất như phạn nhất thiện nhân. Phạn thiện nhân thiên, bất như phạn nhất trì ngũ giới giả. Phạn ngũ giới giả vạn, bất như phạn nhất Tu đà hoàn. Phạn bách vạn Tu đà hoàn, bất như phạn nhất Tư đà hàm. Phạn thiên vạn Tư đà hàm, bất như phạn nhất A na hàm. Phạn nhất ức A na hàm, bất như phạn nhất A la hán. Phạn thập ức A la hán, bất như phạn nhất Tích chi Phật. Phạn bách ức Tích chi Phật, bất như phạn nhất tam thế chư Phật. Phạn thiên ức Tam thế chư Phật, bất như phạn nhất vô niệm vô trụ vô tu vô chứng chi giả.

(Thượng dĩ trạch điền đầu chủng, ưu liệt bội tăng, trụ tướng cầu báo, hoàn tư ái bản, dĩ sinh tâm động niệm, tức quai pháp thể. Kim ký vô trụ, vô tu, vô chứng, tắc thủ xả tình vong, tam luân không tịch. Diệc như Duy Ma vân: “Nhược thí chủ đẳng tâm thí nhất tối hạ khất nhân, do như Như Lai phúc điền chi tướng, vô sở phân biệt, đẳng ư đại bi, bất cầu quả báo, thị tắc danh vi cụ túc pháp thí”, tức tư nghĩa dã).

Âm nghĩa

Thử minh tài thí đa chủng, ẩm thực cư tiên, thánh phàm đồng cư sở y dã. Tài như thủy, thí tâm như thấp tính, thí cảnh như khí. Quan khí, tắc chiểu phi giang, giang phi hà hải, lịch cửu bất như phương chí. Quan thấp tính tắc chiểu khởi dị giang, hà khởi dị hải, thị cố thủy cục ư khí, thiên địa huyền thù, thấp tính thường tồn, giang hải nhất vị. Cố vân: Thị tắc danh vi cụ túc pháp thí.

Nhiếp tụng kệ

Cúng phàm cúng thánh đa ưu liệt

Phạn Phật kỳ phúc bất khả lường

Sự thần bất nhược sự thân hiếu

Tu tri phụ mẫu phúc điền cường

Tục nhân bất đạt Phật thâm lý

Văn Phật xưng hiếu sinh cơ nghị

Khởi tri xuất thế báo ân hoằng

Thế gian chi hiếu vị vi tỷ.

VIỆT DỊCH

Chương thứ mười một: CHO CỦA CẢI

Phật dạy: Đãi cơm một trăm người ác không bằng đãi một người thiện. Đãi cơm một nghìn người thiện không bằng đãi một người giữ năm giới. Đãi cơm một vạn người giữ năm giới không bằng đãi một vị Tu đà hoàn. Đãi cơm một trăm vạn vị Tu đà hoàn không bằng cúng cơm một vị Tư đà hàm. Cúng cơm nghìn vạn vị Tư đà hàm không bằng cúng một vị A na hàm. Cúng cơm một ức vị A na hàm không bằng cúng cơm một vị A la hán. Cúng cơm mười ức A la hán không bằng cúng cơm một vị Phật Tích chi. Cúng trăm ức Phật Tích chi không bằng cúng một vị Phật Tam thế. Cúng cơm nghìn ức Tam thế chư Phật không bằng cúng cơm một vị vô niệm vô trụ vô tu vô chứng[1].

[1] "Vô niệm vô trụ vô tu vô chứng": Pháp thân vô vi.

(Trên là chọn ruộng gieo giống, hơn kém gấp lên, có tướng cầu báo lại thêm gốc ái, bởi sinh tâm động niệm nên trái pháp thể, nay đã vô trụ, vô tu, vô chứng, quên tình lấy bỏ, của cho, kẻ nhận, người cho đều vắng lặng. Cũng như ngài Duy Ma nói: "Nếu thí chủ tâm bình đẳng cho một người ăn xin hạng mạt cùng, Như Lai tướng phúc điền không phân biệt gì, vừa với tâm đại bi, không cầu quả báo, thế thì gọi là pháp thí đủ phép" chính là nghĩa này).

Âm nghĩa

Đây nói rõ tài thí nhiều loại, ăn uống đứng đầu, thánh phàm cũng phải nhờ. Tiền của như nước, tâm bá thí như tính ướt, cảnh thí như đồ đựng. Xét đồ đựng thời ao chẳng phải sông con, sông con chẳng phải sông lớn, biển. Qua chín dòng mới đến. Xét tính ướt thì ao khác chi sông con, sông con khác chi biển. Thế thì nước ở chỗ chứa, trời đất khác xa, tính ướt thì sông biển vẫn một vị. Vì vậy nói: Thế thì gọi là đầy đủ pháp thí.

Kệ tóm tắt

Cúng phàm cúng thánh kém hơn nhiều

Cúng Phật không lường phúc tối siêu

Thờ thần vẫn kém thờ thân hiếu

Ruộng phúc mẹ cha gắng sức gieo

Người tục hiểu đâu lý Phật sâu

Nghe Phật khen hiếu cũng chê bàn

Đâu bằng ơn xuất thế gian

Không gian vô tận thời gian vô cùng.

NGUYÊN VĂN

無畏章十二

佛言。人有二十難。貧窮布施難。豪貴學道難。棄命必死難。得覩佛經難。生值佛世難。忍色忍欲難。見好不求難。被辱不嗔難。有勢不臨

難。觸事無心難。廣學博究難。除滅我慢難。不輕未學難。心行平等難。不說是非難。會善知識難。見性學道難。隨化度人難。覩境不動難。善解方便難。

難事衆多。畧開如上。順己情為易。逆己意為難。若順理而逆情。縱棄命而可作。若順情而背理。雖見好而不求。有勢不臨。心行平等。好廣學而謙下。見未學而不輕。貧窮而隨力行檀。豪貴而回光學道。知色欲之過患。悟是非之顛邪。更能觸境無心。善觧方便。常會善友。隨化度人。處處常值佛興。念念轉大千經卷。運用成菩薩大行。施為入無量妙門。正眼常明。諸塵莫惑。豈封滯於難易情執者哉。

音義

無畏有二義。一自無畏。凡人遇一難事。心或 退畏。何况多。今貧窮布施。至善解方便。世出世間之難事略盡。而於五濁惡世。行此難事。非勇猛大丈夫而何。故古德云。出家是大丈夫事。非相將所能爲。語云。君子多難成其志。無難喪其身。

二令他無畏者。自既無畏。乃能善解方便。隨化度人。亦令他無畏。是名菩薩以無畏施於衆生。衆生號爲施無畏者。

攝頌偈

難行難學并難遇

志劣情疑轉見難

慕道堅專難亦易

直前邁往出牢闕。

PHIÊN ÂM

VÔ ÚY chương thập nhị

Phật ngôn: Nhân hữu nhị thập nan: bần cùng bá thí nan, hào quý học đạo nan, khí mệnh tất tử nan, đắc đổ Phật kinh nan, sinh trị Phật thế nan, nhẫn sắc nhẫn dục nan, kiến hảo bất cầu nan, bị nhục bất sân nan, hữu thế bất lâm nan, xúc sự vô tâm nan, quảng học bác cứu nan, trừ diệt ngã mạn nan, bất khinh vị học nan, tâm hành bình đẳng nan, bất thuyết thị phi nan, hội thiện tri thức nan, kiến tính học đạo nan, tùy hóa độ nhân nan, đổ cảnh bất động nan, thiện giải phương tiện nan.

(Nan sự chúng đa, lược khai như thượng. Thuận kỷ tình vi dị, nghịch kỷ ý vi nan. Nhược thuận lý nhi nghịch tình, túng khí mệnh nhi khả tác; nhược thuận tình nhi bội lý, tuy kiến hảo nhi bất cầu. Hữu thế bất lâm, tâm hành bình đẳng. Hiếu quảng học nhi khiêm hạ, kiến vị học nhi bất khinh. Bần cùng nhi tùy lực hành đàn, hào quý nhi hồi quang học đạo. Tri sắc dục chi quá hoạn, ngộ thị phi chi điên tà. Cánh năng xúc cảnh vô tâm, thiện giải phương tiện, thường hội thiện hữu, tùy hóa độ nhân, xứ xứ thường trị Phật hưng, niệm niệm chuyển đại thiên kinh quyển; vận dụng thành Bồ tát đại hành, thí vi nhập vô lượng diệu môn, chính nhỡn thường minh, chư trần mạc hoặc, khởi phong trệ ư nan dị tình chấp giả tai).

Âm nghĩa

Vô úy hữu nhị nghĩa:

Nhất - Tự vô úy: Phàm nhân ngộ nhất nan sự, tâm hoặc thoái úy, hà huống đa. Kim bần cùng bá thí, chí thiện giải phương tiện, thế xuất thế gian chi nan sự lược tận, nhi ư ngũ trước ác thế, hành thử nan sự, phi dũng mãnh đại trượng phu nhi hà? Cố cổ đức vân: Xuất gia thị đại trượng phu sự, phi tướng tướng sở năng vi.

Ngữ vân: Quân tử đa nạn, thành kỳ chí, vô nạn táng kỳ thân.

Nhị - Linh tha vô úy giả: Tự ký vô úy, nãi năng thiện giải phương tiện, tùy hóa độ nhân, diệc linh tha vô úy, thị danh Bồ tát dĩ vô úy thí chúng sinh, chúng sinh hiệu vi thí vô úy giả.

Nhiếp tụng kệ

Nan hành nan học tinh nan ngộ

Chí liệt tình nghi chuyển kiến nan

Mộ đạo kiên chuyên nan diệc dị

Trực tiền mại vãng xuất lao quan.

VIỆT DỊCH

Chương mười hai: GIÚP CHO KHỎI SỢ HÃI

Phật dạy: Người ta có hai mươi cái khó: 1 - Bần cùng bá thí khó,

2 - Giàu sang học đạo khó, 3 - Bỏ mạng quyết chết khó, 4 - Được thấy kinh Phật khó, 5 - Sinh ở thời Phật khó, 6 - Nhẫn sắc nhẫn dục khó, 7 - Thấy đẹp không cầu khó, 8 - Bị nhục không giận khó, 9 - Có thế lực không cậy khó, 10 - Chạm việc không khởi tâm khó, 11 - Học nhiều rộng xét khó, 12 - Trừ diệt ngã mạn khó, 13 - Không khinh người chưa học khó, 14 - Tâm giữ bình đẳng khó, 15 - Không nói phải trái khó, 16 - Gặp thiện tri thức khó, 17 - Thấy tính học đạo khó, 18 - Tùy cơ độ người khó, 19 - Thấy cảnh không động tâm khó, 20 - Khéo dùng phương tiện khó.

(Việc khó nhiều lắm, nói qua như trên, thuận tình mình là dễ, trái ý mình là khó. Nếu thuận lý mà trái tình ví bỏ mạng cũng nên làm, nếu thuận tình mà trái lý, tuy thấy tốt cũng không cầu. Có thế lực không cậy, tâm hành bình đẳng, ưa rộng học nhưng nhún nhường, thấy người chưa học mà không khinh, nghèo cùng mà tùy sức làm bá thí, giàu sang nhưng quay về học đạo, biết sắc dục là tội lỗi.

Gặp phải trái đảo ngược, hay đối cảnh vô tâm, khéo hiểu cách phương tiện, thường gặp bạn lành, tùy cơ độ người, nơi nào cũng gặp Phật ra đời, luôn luôn chuyển kinh quyển đại thiên, vận dụng thành đại hạnh của Bồ tát, làm việc nào đâu cũng khéo léo, mắt chính thường sáng không bị các trần làm mê hoặc. Tình chấp khó dễ không làm chướng ngại được).

Âm nghĩa

Vô úy có hai nghĩa:

1. Tự vô úy: Phàm người ta gặp một việc gì khó, tâm hoặc sợ lui, huống chi nhiều. Nay, nghèo cùng bá thí đến khéo biết phương tiện, ở thế gian hay xuất thế gian, đó là lược hết việc khó. Nhưng đối với đời ác ngũ trước làm việc khó này không phải bậc đại trượng phu khỏe mạnh thì là ai? Vì vậy bậc cổ đức dạy: Xuất gia là việc bậc đại trượng phu, nếu không phải tướng văn, tướng võ không thể làm được.

Sách Luận ngữ dạy: Người quân tử nhiều nạn mới thành chí khí, không có nạn thì mất thân mạng.

2. Khiến người ta không sợ: Mình đã không sợ lại hay khéo dùng phương tiện, tùy cơ độ người cũng khiến họ không sợ, thì gọi là Bồ tát dùng vô úy cho chúng sinh, chúng sinh lại gọi là "bậc cho người khác không sợ".

Kệ tóm tắt

Khó gặp, khó học, lại khó làm

Chí kém tình ngờ, lại khó hơn

Bền lòng mến đạo khó hóa dễ

Dũng cảm vượt qua mọi khó khăn.

NGUYÊN VĂN

會道章十三

沙門問佛。「以何因緣得知宿命。會其至道。」佛言。淨心守志。可會至道。譬如磨鏡。垢去明存。斷欲無求。當得宿命。心淨無欲。真智顯露。曠劫之事。一念皆知。

音義

鏡譬真心。垢喻愛欲。明喻宿命。愛欲垢除。心鏡明淨。明即影現。三際之事。不慮而知。名得宿命。故云。得道必有通。得通未必有道。

攝頌偈

道不徒知貴在行

鏡磨垢去自然明

斷欲守空道真契

以此能知宿命靈。

PHIÊN ÂM

HỘI ĐẠO chương thập tam

Sa môn vấn Phật: Dĩ hà nhân duyên đắc tri túc mệnh, hội kỳ chí đạo? Phật ngôn: Tịnh tâm thủ chí, khả hội chí đạo. Thí như ma kính, cấu khử minh tồn. Đoạn dục vô cầu đương đắc túc mệnh (tâm tịnh vô dục, chân trí hiển lộ, khoáng kiếp chi sự, nhất niệm

giai tri).

Âm nghĩa

Kính, thí chân tâm. Cấu, dụ ái dục, Minh, dụ túc mệnh. Ái dục cấu trừ, tâm kính minh tịnh, minh tức ảnh hiện, tam tế chi sự, bất lự nhi tri, danh đắc túc mệnh. Cố vân: Đắc đạo tất hữu thông, đắc thông vị tất hữu đạo.

Nhiếp tụng kệ

Đạo bất đồ tri quý tại hành

Kính ma cấu khử tự nhiên minh

Đoạn dục thủ không, đạo chân khế

Dĩ thử năng tri túc mệnh linh.

VIỆT DỊCH

Chương thứ mười ba: HIỂU ĐẠO

Sa môn hỏi Phật: Vì nhân duyên gì biết được đời trước? Hiểu được đạo cao? Phật dạy: Sạch lòng giữ đạo thì hiểu đạo cao. Ví như mài gương bỏ cáu sáng tỏ, đoạn tuyệt không cầu dục vọng, thì hiểu đời trước (những việc nhiều kiếp, một thoáng biết cả, sạch lòng không ham muốn, chân trí tỏ rõ).

Âm nghĩa

Gương ví như chân tâm, cáu ghét dụ như ưa muốn. Minh dụ như việc đời trước. Trừ cáu ghét ái dục, gương lòng sáng sạch, sáng thì bóng hiện, việc ba đời không nghĩ mà biết, gọi là biết đời trước. Cho nên nói đắc đạo thì được thần thông, được thần thông chưa hẳn được đạo.

Kệ tóm tắt

Đạo quý làm theo chớ biết suông

Gương mài sạch ghét lại hồi quang

Ham muốn sạch lòng tâm hợp đạo

Nghiệp trước xa xưa thấy rõ ràng.

NGUYÊN VĂN

行道章十四

沙門問佛。何者為善。何者最大。

佛言。「行道守真者善。志與道合者大。」

行道守真。萬行無取。志與道合。修證雙忘。

音義

道不徒知貴在行。躬行到處知其妙。妙道躬行與志合。不自大兮而不小。

攝頌偈

行道最善合道大

忍辱之行最尊强。

PHIÊN ÂM

HÀNH ĐẠO chương thập tứ

Sa môn vấn Phật: Hà giả vi thiện? Hà giả tối đại?

Phật ngôn: Hành đạo thủ chân giả thiện, chí dữ đạo hợp giả đại.

(Hành đạo thủ chân, vạn hạnh vô thủ, chí dữ đạo hợp, tu chứng song vong).

Âm nghĩa

Đạo bất đồ tri quý tại hành, cung hành đáo xứ tri kỳ diệu, diệu đạo cung hành dữ chí hợp, bất tự đại hề nhi bất tiểu.

Nhiếp tụng kệ

Hành đạo tối thiện hợp đạo đại

Nhẫn nhục chi hành tối tôn cường.

VIỆT DỊCH

Chương thứ mười bốn: THỰC HÀNH ĐẠO LÝ

Sa môn hỏi Phật: Thế nào là thiện? Cái gì lớn nhất?

Phật dạy: Làm đạo giữ chân thật là thiện, chí hợp với đạo là lớn.

(Làm đạo giữ chân thật, muôn hạnh không sót, chí hợp với đạo, tu chứng cả hai không còn ấn tượng).

Âm nghĩa

Đạo không cần biết suông, quý ở thực hành. Thực hành đến nơi, biết là màu nhiệm, đạo màu hợp với chí cùng làm, không tự đại, cũng không nhỏ.

Kệ tóm tắt

Tu hành hợp đạo rất là hay

Nhẫn nhục càng thêm phúc nghiệp dày.

NGUYÊN VĂN

明道章十五

沙門問佛。「何者多力。何者最明。」佛言。忍辱多力。不懷惡故。兼加安健。忍者無惡。必為人尊。

能行忍者。乃可名為有力。大人持戒苦行所不能及。忍有四種。謂安受苦忍。耐怨害忍。諦察法忍。無生法忍。今言忍辱。耐怨害也。理亦通四。思之可見。

心垢滅盡。浄無瑕穢。是為最明。未有天地。逮于今日。十方所有。無有不見。無有不知。無有不聞。得一切智。可謂明矣。心垢浄盡。獨耀無私。具一切智。對揚有準。

音義

戒經云。忍辱第一道。明此第一之道。滅盡心垢。一念萬年萬年一念本來真。

攝頌偈

心垢浄除悪縁滅 照去來兮動十方。

PHIÊN ÂM

MINH ĐẠO chương thập ngũ

Sa môn vấn Phật: Hà giả đa lực, hà giả tối minh?

Phật ngôn: Nhẫn nhục đa lực, bất hoài ác cố, kiêm gia an kiện, nhẫn giả vô ác, tất vi nhân tôn.

(Năng hành nhẫn giả, nãi khả danh vi hữu lực đại nhân, trì giới khổ hạnh sở bất năng cập. Nhẫn hữu tứ chủng: vị an thụ khổ nhẫn, nại oán hại nhẫn, đế sát pháp nhẫn, vô sinh pháp nhẫn. Kim ngôn nhẫn nhục, nại oán hại dã. Lý diệc thông tứ, tư chi khả kiến).

Tâm cấu diệt tận, tịnh vô hà uế, thị vi tối minh. Vị hữu thiên địa, đãi vu kim nhật, thập phương sở hữu, vô hữu bất kiến, vô hữu bất tri, vô hữu bất văn, đắc nhất thiết trí, khả vị minh hỹ

(Tâm cấu tịnh tận, độc diệu vô tư, cụ nhất thiết trí, đối dương hữu chuẩn).

Âm nghĩa

Giới kinh vân: Nhẫn nhục đệ nhất đạo, minh thử đệ nhất chi đạo, diệt tận tâm cấu, nhất niệm vạn niên, vạn niên nhất niệm, bản lai chân.

Nhiếp tụng kệ

Tâm cấu tịnh trừ ác duyên diệt

Chiếu khứ lai hề động thập phương.

VIỆT DỊCH

Chương thứ mười lăm: SÁNG ĐẠO

Sa môn hỏi Phật: Thế nào được nhiều sức? Thế nào được rất sáng?

Phật dạy: Nhẫn nhục được nhiều sức, vì không nhớ ác, và thêm yên khỏe, nhẫn thì không ác, ắt được người tôn.

(Ngươi hay nhẫn nhục, thì đáng gọi là người có sức lớn - giữ giới, khổ hạnh cũng không bằng được. Nhẫn có bốn loại: là nhẫn yên chịu khổ, nhẫn nín oán hại, nhẫn xét kỹ các pháp, nhẫn pháp vô sinh - ở đây nói nhẫn nhục - nhẫn oán hại vậy, thông cả bốn ý, nghĩ kỹ thì thấy).

Lòng diệt hết nhơ, sạch không dấu vết, thế là rất sáng. Từ khi chưa có trời đất cho đến ngày nay, mười phương có gì đều thấy rõ cả, không gì không biết, không gì không nghe, được trí nhất thiết, thế là sáng vậy.

(Tâm sạch hết nhơ, sáng soi chung cả, đủ nhất thiết trí, đối đãi chuẩn mực).

Âm nghĩa

Giới kinh dạy: Nhẫn là đạo thứ nhất, rõ được đạo thứ nhất này lòng diệt hết nhơ, một thoáng muôn năm, muôn năm một thoáng, vốn là đúng.

Kệ tóm tắt

Ác duyên tâm cấu đều tiêu diệt

Trí chiếu mười phương quá - hiện - lai.

NGUYÊN VĂN

佛言。人懷愛欲。不見道者。譬如澄水。致手攪之。衆人共臨。無有覩其影者。人以愛欲交錯。心中濁興。故不見道。汝等沙門。當捨愛欲。愛欲垢盡。道可見矣。

心水濁而影像昏。欲垢盡而道可見。

音義

澄水喻真心。手攪喻愛欲。無有睹其影。喻不見道矣。

攝頌偈

衆生三毒内湧沸

五蓋於外自覆蔽

悪心垢盡宿命通

諸佛國土同親詣。

PHIÊN ÂM

KIẾN ĐẠO chương thập lục

Phật ngôn: Nhân hoài ái dục, bất kiến đạo giả, thí như trừng thủy, trí thủ giảo chi, chúng nhân cộng lâm, vô hữu đổ kỳ ảnh giả. Nhân dĩ ái dục giao thác, tâm trung trước hưng, cố bất kiến đạo. Nhữ đẳng Sa môn, đương xả ái dục, ái dục cấu tận, đạo khả kiến hỹ.

(Tâm thủy trước nhi ảnh tượng hôn, dục cấu tận, đạo khả kiến hỹ).

Âm nghĩa

Trừng thủy, dụ chân tâm; thủ giảo, dụ ái dục; vô hữu đổ kỳ ảnh, dụ bất kiến đạo.

Nhiếp tụng kệ

Chúng sinh tam độc nội dũng phí

Ngũ cái ư ngoại tự phú tế

Ác tâm cấu tận túc mệnh thông Chư

Phật quốc độ đồng thân nghệ.

VIỆT DỊCH

Chương thứ mười sáu: THẤY ĐẠO

Phật dạy: Người nhớ ham muốn thì không thấy đạo, ví như nước trong, dùng tay quấy lên, mọi người tới coi, không ai thấy bóng. Người ta vì ưa muốn đan xen, trong tâm khi vẩn đục, nên không thấy đạo. Sa môn các ông, nên bỏ ưa muốn, cặn ưa muốn hết, có thể thấy đạo.

(Tâm như nước đục thì hình bóng tối mờ, cặn ưa muốn hết thì thấy được đạo).

Âm nghĩa

Nước trong dụ chân tâm, tay quấy dụ ưa muốn, không thấy đạo dụ như không thấy bóng hiện.

Kệ tóm tắt

Lòng chúng sinh sục sôi ba độc

Sắc, tài, danh, thụy, thực lấp che

Còn đâu hiểu kiếp trước kia

Lòng nhơ sạch hết Phật kề gần nơi.

NGUYÊN VĂN

見諦章十七

佛言。夫見道者。譬如持炬入冥室中。其冥即滅。而明獨存。學道見諦。無明即滅。而明常存矣。

妄覺無明既滅。本覺性明常存。

音義

諦與道大同小異。諦是當理。道是通途。明諦理暢衆機。方合菩提妙道。

攝頌偈

一炬能除冥室暗

一智能開宿習愚

學道見諦從方便

超凡入聖盡由渠。

PHIÊN ÂM

KIẾN ĐẾ chương thập thất

Phật ngôn: Phù kiến đạo giả, thí như trì cự nhập minh thất trung, kỳ minh tức diệt, nhi minh độc tồn. Học đạo kiến đế, vô minh tức diệt, nhi minh thường tồn hỹ.

(Vọng giác vô minh ký diệt, bản giác tính minh thường tồn).

Âm nghĩa

Đế dữ đạo, đại đồng tiểu dị. Đế, thị đương lý. Đạo, thị thông đồ. Minh đế lý, xướng chúng cơ, phương hợp Bồ đề diệu đạo.

Nhiếp tụng kệ

Nhất cự năng trừ minh thất ám

Nhất trí năng khai túc tập ngu

Học đạo kiến đế tòng phương tiện

Siêu phàm nhập thánh tận do cừ.

VIỆT DỊCH

Chương thứ mười bảy: NHẬN ĐÚNG CHÂN LÝ

Phật dạy: Người thấy được đúng lý như cầm đuốc vào nhà tối, bóng tối diệt ngay mà chỉ còn sáng. Học đạo thấy chân đế, vô minh diệt ngay mà ánh sáng còn mãi vậy.

(Vô minh vọng giác đã diệt, tính sáng của bản giác thường còn).

Âm nghĩa

Lẽ đúng nhất với đạo hơi khác. Lẽ đúng nhất là Đế, đường phổ thông là Đạo. Lẽ đúng nhất thoáng mọi cơ mới hợp đạo màu nhiệm Bồ đề.

Kệ tóm tắt

Chốn tối được soi đuốc sáng ra

Ngọn đèn chính trí phá mê tà

Học đạo nhận đúng được chân lý

Siêu phàm chứng thánh quyết không xa.

NGUYÊN VĂN

無念章十八

佛言。吾法。念無念念。行無行行。言無言言。修無修修。會者近爾。迷者遠乎！念即無念。行即無行。言即無言。修即無修。歸根得□。唯證乃知。

言語道斷。非物所拘。言思路絶。分別意窮。差之毫釐。失之須臾。第一義諦。擬議即墮。

音義

古有偈云。君今欲得速成佛。無念之功不較多。是也。

攝頌偈

念道行道言亦道

道不離於須臾間

綿綿密密常如是

入山獲寶不虛還。

PHIÊN ÂM

VÔ NIỆM chương thập bát

Phật ngôn: Ngô pháp, niệm vô niệm niệm, hành vô hành hành, ngôn vô ngôn ngôn, tu vô tu tu, hội giả cận nhĩ, mê giả viễn hồ.

(Niệm tức vô niệm, hành tức vô hành, ngôn tức vô ngôn, tu tức vô tu, quy căn đắc chỉ, duy chứng nãi tri).

Ngôn ngữ đạo đoạn, phi vật sở câu.

(Ngôn tư lộ tuyệt, phân biệt ý cùng).

Sai chi hào ly, thất chi tu du.

(Đệ nhất nghĩa đế, nghĩ nghị tức đọa).

Âm nghĩa

Cổ hữu kệ vân:

Quân kim dục đắc tốc thành Phật,

Vô niệm chi công bất hiệu[1] đa.

Thị dã.

---

[1] Còn có âm "giảo".

Nhiếp tụng kệ

Niệm đạo, hành đạo ngôn diệc đạo

Đạo bất ly ư tu du gian

Miên miên mật mật thường như thị

Nhập sơn hoạch bảo bất hư hoàn.

VIỆT DỊCH

Chương thứ mười tám: KHÔNG KHỞI NIỆM

Phật dạy: Pháp của ta nhớ ý niệm không niệm, làm việc không làm, nói lời không nói, tu hạnh không tu, hiểu thì gần thôi, mê thì rất xa.

(Niệm mà không niệm, làm mà không làm, nói mà không nói, tu mà không tu, về gốc được ý, chỉ chứng mới biết).

Hết đường nói bàn, không bị vật gì bó buộc.

(Dứt đường nói nghĩ, hết ý phân biệt).

Sai bằng mảy may, mất bằng tích tắc.

(Nghĩa đế thứ nhất, đắn đo thì đoạn tuyệt).

Âm nghĩa

Xưa có kệ rằng:

Ông nay muốn được chóng thành Phật,

Công phu vô niệm không cần nhiều.

Thế đấy!

Kệ tóm tắt

Ý nghĩ nói làm với đạo như

Không xa cách đạo một dây tơ

Luôn luôn mật thiết thường như thế

Vào núi kiếm ngọc hẳn không hư.

NGUYÊN VĂN

見性章十九

佛言。觀天地。念非常。觀世界。念非常。有為之法。畢歸磨滅。觀靈覺。即菩提。靈知寂照。本來是佛。如是知識。得道疾矣。悟無常之法。識靈覺之性。一念相應。前後際斷。照體獨立。物我皆如。

音義

直指人心。見性成佛之謂也。

攝頌偈

大地山河皆是幻

盛衰種種属無常

無常勘破真常現

不囿輪迴界內藏。

（廣頌悟修之旨。必明信入之元）

一日念道更加行

信根得入福非輕

善法信根能長養

因種當來妙果成。

PHIÊN ÂM

KIẾN TÍNH chương thập cửu

Phật ngôn: Quan thiên địa, niệm phi thường, quan thế giới, niệm phi thường.

(Hữu vi chi pháp tất quy ma diệt).

Quan linh giác tức Bồ đề.

(Linh tri tịch chiếu, bản lai thị Phật).

Như thị tri thức, đắc đạo tật hỹ.

(Ngộ vô thường chi pháp, thức linh giác chi tính, nhất niệm tương ưng, tiền hậu tế đoạn, chiêu thể độc lập, vật ngã giai như).

Âm nghĩa

Trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật chi vị dã.

Nhiếp tụng kệ

Đại địa sơn hà giai thị huyễn

Thịnh suy chủng chủng thuộc vô thường

Vô thường khám phá, chân thường hiện

Bất hựu luân hồi giới nội tàng.

(Quảng tụng ngộ tu chi chỉ, tất minh tín nhập chi nguyên)

Nhất nhật, niệm đạo cánh gia hành

Tín căn đắc nhập phúc phi khinh

Thiện pháp tín căn năng trưởng dưỡng

Nhân chủng đương lai diệu quả thành.

VIỆT DỊCH

Chương thứ mười chín: NHẬN TỰ TÍNH

Phật dạy: Coi trời đất nhớ là không bình thường, coi thế giới nhớ là không bình thường.

(Pháp hữu vi là tiêu diệt hết).

Coi tính biết thiêng liêng là Bồ đề.

(Thiêng liêng, lặng lẽ thường soi, chính là Phật đấy).

Hiểu rõ như thế chóng được chí đạo.

(Giác ngộ lý vô thường, hiểu tính linh giác, một thoáng hợp nhau đoạn tuyệt trước sau, thể soi độc lập, vạn vật với ta đều như nhau).

Âm nghĩa

Đó là ý nghĩa: Thẳng trỏ tâm người, thấy tính thành Phật vậy.

Kệ tóm tắt

Non sông đất nước thảy không hoa

Vạn tượng đều do thức hiện ra

Thân chứng chân thân thường tự tại

Ba cõi vòng quanh được thoát qua.

(Kể cả cái ý giác ngộ, gắng công tu, rõ được cái gốc tin tưởng)

Hàng ngày chí đạo lại tu thâm

Phúc báo lớn lên tự gốc tin

Phúc thiện gốc tin ngày lớn mạnh

Nhân giống đời sau quả tất nên.

NGUYÊN VĂN

無我章二十

佛言。當念身中四大。各自有名。都無我者。堅者名地。潤者名水。煖者名火。動者名風。推窮四大。其性各異。誰為我者。我既都無。其如幻耳。知身無我。起滅如幻。以如幻智。入如幻法門。

音義

經云。六根四大。中外合成。妄起妄名耳。

攝頌偈

身中四大徒有名

地水火風誰爲我

幻身暫寄本非堅

真我永劫無鈎鎖。

PHIÊN ÂM

VÔ NGÃ chương nhị thập

Phật ngôn: Đương niệm thân trung tứ đại, các tự hữu danh, đô vô ngã giả.

(Kiên giả danh địa, nhuận giả danh thủy, noãn giả danh hỏa, động giả danh phong, suy cùng tứ đại, kỳ tính các dị, thùy vi ngã giả).

Ngã ký đô vô, kỳ như huyễn nhĩ.

(Tri thân vô ngã, khởi diệt như huyễn, dĩ như huyễn trí, nhập như huyễn pháp môn).

Âm nghĩa

Kinh vân: Lục căn, tứ đại, trung ngoại hợp thành, vọng khởi vọng danh nhĩ.

Nhiếp tụng kệ

Thân trung tứ đại đồ hữu danh

Địa thủy hỏa phong thùy vi ngã

Huyễn thân tạm ký bản phi kiên

Chân ngã vĩnh kiếp vô câu tỏa.

VIỆT DỊCH

Chương thứ hai mươi: KHÔNG CÓ TỰ THỂ

Phật dạy: Nên nhớ bốn đại trong thân đều có tên riêng, đều không có cái ta.

(Rắn là đất, ướt là nước, nóng là lửa, động là gió. Xét cho cùng bốn đại, tính chúng khác nhau, chẳng có gì là "ngã").

Đã không có "ngã" thì như trò rối vậy.

(Biết thân vô ngã, sinh diệt như trò rối, dùng trí như huyễn, vào cửa pháp như huyễn).

Âm nghĩa

Kinh dạy: Sáu căn bốn đại trong ngoài hợp thành, huyễn vọng khởi lên đặt tên gọi ngã.

Kệ tóm tắt

Đất nước gió lửa bốn tên riêng

Cái ta đâu có thật, không bền

Thân dối tạm thời đâu có chắc

Chân còn mãi mãi, rộng vô biên.

NGUYÊN VĂN

離名章二十一

佛言。人隨情欲。求於聲名。聲名顯著。身已故矣。貪世常名。而不學道。枉功勞形。世名浮利。唐勞其功。人不學道。虛生浪死。譬如燒香。雖人聞香。香之燼矣。危身之火。而在其後。貪求聲名。非徒無益。迷真逐妄。抑致身後之禍。良可悲夫。

音義

名可名非常名。斯之謂歟！

攝頌偈

博得流俗譽名標

卻似諸香祇自燒

衆雖聞香香體滅

後時之悔自相招。

PHIÊN ÂM

LY DANH chương nhị thập nhất

Phật ngôn: Nhân tùy tình dục, cầu ư thanh danh, thanh danh hiển trứ, thân dĩ cố hỹ, tham thế thường danh, nhi bất học đạo, uổng công lao hình.

(Thế danh phù lợi, đường lao kỳ công, nhân bất học đạo, hư sinh lãng tử).

Thí như thiêu hương, tuy nhân văn hương, hương chi tẫn hỹ, nguy thân chi hỏa, nhi tại kỳ hậu.

(Tham cầu thanh danh, phi đồ vô ích, mê chân trục vọng, ức trí thân hậu chi họa, lương khả bi phù).

Âm nghĩa

Danh khả danh, phi thường danh, tư chi vị dư!

Nhiếp tụng kệ

Bác đắc lưu tục dự danh tiêu

Khước tự chư hương chỉ tự thiêu

Chúng tuy văn hương hương thể diệt

Hậu thời chi hối tự tương chiêu.

VIỆT DỊCH

Chương thứ hai mươi mốt: LÌA TIẾNG KHEN

Phật dạy: Người theo tình dục cầu cạnh tiếng khen, tiếng khen lừng lẫy, thân đã chết rồi, tham tiếng ở đời mà không học đạo, uổng công nhọc hình.

(Lợi danh phù phiếm, uổng phí công lao, người không học đạo, sống hư chết uổng).

Ví như đốt hương, tuy người ngửi hương nhưng hương cháy hết, sức lửa nguy thân ở ngay sau lưng.

(Tham cầu tiếng khen, không những vô ích, mê chân theo vọng, đến nỗi mang họa vào thân, thực đáng thương thay).

Âm nghĩa

Tiếng khen xứng đáng, không phải là thường.

Kệ tóm tắt

Được nổi tiếng khen thế tục đồn

Hơi đưa hương thực cháy không còn

Người ngửi được thơm hương tự hết

Tiếng khen chớ hám để sau buồn.

NGUYÊN VĂN

離利章二十二

佛言。財色於人。人之不捨。譬如刀刃有蜜。不足一餐之美。小兒舐之。則有割舌之患。味著財色。如舐利刃之蜜。貪少滋味。自招長劫之痛苦也。

音義

財爲色媒。故言財必兼色。財爲利用。能斷義而長貪。故喻利刃。小兒喻愚人。舔蜜喻貪利。割舌喻墮惡道。

攝頌偈

色財二事不堪貪

譬如蜜在刃鋒間

恣食甜時防截舌

少欲知足心自閑。

PHIÊN ÂM

LY LỢI chương nhị thập nhị

Phật ngôn: Tài sắc ư nhân, nhân chi bất xả, thí như đao nhận hữu mật, bất túc nhất xan chi mỹ, tiểu nhi thỉ chi, tắc hữu cát thiệt chi hoạn.

(Vị trước tài sắc như thỉ lợi nhận chi mật, tham thiểu tư vị, tự chiêu trường kiếp chi thống khổ dã).

Âm nghĩa

Tài vi sắc môi, cố ngôn tài tất kiêm sắc. Tài vi lợi dụng, năng đoạn nghĩa nhi trưởng tham, cố dụ lợi nhận. Tiểu nhi, dụ ngu nhân; sỉ mật, dụ tham lợi; cát thiệt, dụ đọa ác đạo.

Nhiếp tụng kệ

Sắc tài nhị sự bất kham tham

Thí như mật tại nhận phong gian

Tứ thực điềm thời phòng tiệt thiệt

Thiểu dục tri túc tâm tự nhàn.

VIỆT DỊCH

Chương thứ hai mươi hai: LÌA TÀI SẮC

Phật dạy: Người ta đối với tài sắc mà không biết xa rời, ví như dao sắc có mật, không đủ một miếng ngon, trẻ nhỏ liếm vào thì có cái nạn đứt lưỡi.

(Tham mùi tài sắc như liếm mật ở lưỡi dao sắc, tham chút mùi ngon, tự chuốc lấy đau khổ nhiều kiếp vậy).

Âm nghĩa

Tiền của là mồi sắc đẹp, vì vậy nói của thì kiêm cả sắc. Của là lợi dụng, thường hay đứt nghĩa và lớn thói tham, bởi thế ví như dao sắc, trẻ nhỏ ví như kẻ ngu, liếm mật ví như tham lợi, đứt lưỡi ví đọa ngả ác.

Kệ tóm tắt

Sắc tài hai việc chớ tham cầu

Chút mật tầm thường dính lưỡi dao

Liếm ngọt hãy đề phòng đứt lưỡi

An nhàn biết đủ thế là cao.

NGUYÊN VĂN

離繫章二十三

佛言。人繫於妻子舍宅。甚於牢獄。牢獄有散釋之期。妻子無遠離之念。情愛於色。豈憚驅馳。雖有虎口之患。心存甘伏。堂堂丈夫。情色驅役。殞身没命。迷不為苦。

投泥自溺。故曰凡夫。透得此門。出塵羅漢。知非離欲。即凡夫而非凡夫。居不染塵。乃出塵阿羅漢也。

音義

繫者如夜多不即出家。扇母不能再適。清濁雖殊。其繫一也。子既如是。餘可知矣。牢獄喻三界。虎口喻生老病死。泥喻色欲。此門謂愛欲之門。

經云。唯有一門。而復狹小。是也。

攝頌偈

妻子寶宅相牽纏

如處牢中桎梏連

造業自甘投虎口

在家行道火中蓮。

PHIÊN ÂM

LY HỆ chương nhị thập tam

Phật ngôn: Nhân hệ ư thê tử, xá trạch, thậm ư lao ngục. Lao ngục hữu tán thích chi kỳ, thê tử vô viễn ly chi niệm. Tình ái ư sắc, khởi đạn khu trì! Tuy hữu hổ khẩu chi hoạn, tâm tồn cam phục.

(Đường đường trượng phu, tình sắc khu dịch vẫn thân một mệnh, mê bất vi khổ).

Đầu nê tự nịch, cố viết phàm phu, thấu đắc thử môn, xuất trần La hán.

(Tri phi ly dục, tức phàm phu, nhi phi phàm phu, cư trần bất nhiễm trần, nãi xuất trần A la hán dã).

Âm nghĩa

Hệ giả, như Dạ Đa bất tức xuất gia. Phiến Mẫu bất năng tái thích. Thanh trước tuy thù, kỳ hệ nhất dã, tử ký như thị, dư khả tri hỹ. Lao ngục, dụ tam giới. Hổ khẩu, dụ sinh lão bệnh tử. Nê, dụ sắc dục. Thử môn, vị ái dục chi môn.

Kinh vân: Duy hữu nhất môn, nhi phục hiệp tiểu, thị dã.

Nhiếp tụng kệ

Thê tử bảo trạch tương khiên triền

Như xử lao trung trất cốc liên

Tạo nghiệp tự cam đầu hổ khẩu

Tại gia hành đạo hỏa trung liên.

VIỆT DỊCH

Chương thứ hai mươi ba:

XA RỜI TRÓI BUỘC

Phật dạy: Người ta bị nhà cửa vợ con trói buộc quá hơn ngục tù. Ngục tù có khi được tha ra, vợ con thì không có ý xa rời. Tình ái với sắc đẹp há ngại gì rong ruổi! Tuy có nỗi lo miệng hùm, đành tâm chịu vậy.

(Trượng phu đường hoàng, bị tình sắc sai khiến mất thân mạng, mê không biết khổ).

Gieo xuống bùn chết đuối, cho nên nói là phàm phu. Phải qua được cửa này là La hán ra khỏi cõi trần.

(Phàm phu mà biết trái lìa sắc dục tức không phải phàm phu, ở cõi trần mà không nhiễm trần là La hán ra khỏi cõi trần).

Âm nghĩa

Ràng buộc như ngài Dạ Đa không được xuất gia ngay. Bà Phiến Mẫu không được tái giá. Trong đục tuy khác, ràng buộc là một, con đã như thế, việc khác nên biết. Lao ngục ví như ba cõi. Miệng hùm ví như sinh già bệnh chết, bùn lầy ví như sắc dục. Cửa này là cửa ái dục.

Kinh dạy: "Chỉ có một cửa, mà lại nhỏ hẹp vậy".

Kệ tóm tắt

Vợ con tài sản buộc ràng nhau

Ví cảnh ngục tù có khác đâu

Tạo nghiệp đem mình gieo miệng hổ

Sen trong lửa ví cảnh đời tu.

NGUYÊN VĂN

了色章二十四

佛言。愛欲莫甚於女色。色之為欲。其大無外。愛欲過患。義類多種。障道長惡。無甚女色。賴有一矣。若使二同。普天之人。

滋生死。障涅槃。唯色欲一端。《楞嚴》亦云「婬心不除。塵不可出」。

音義

色能引欲。莫甚女色。楞嚴云。汝愛我心。我憐汝色。是故世間恩愛相續。世呼可憎兒。雖是愛極之辭。然亦反言以諷耳。蓋色欲一門。最難透脫。貪欲無所施其勇。良平無所用其智。離婁公輸。無所著其明巧。雖教不淨觀。正彼對治。然衆生心粗。只見其淨。竟如之何。佛言。欲生於汝意。意以思想生。諦思此想復從何生。思之。思之。又重思之。譬如老鼠入牛角。必當有倒斷處。

攝頌偈

愛欲耽色自羈縻

生死輪迴不了期

諸天從此遭淪墮

須知婬境大荒迷。

PHIÊN ÂM

LIỄU SẮC chương nhị thập tứ

Phật ngôn: Ái dục mạc thậm ư nữ sắc, sắc chi vi dục, kỳ đại vô ngoại.

(Ái dục quá hoạn, nghĩa loại đa chủng, chướng đạo trưởng ác, vô thậm nữ sắc).

Lại hữu nhất hỹ, nhược sử nhị đồng, phả thiên chi nhân, vô năng vi đạo giả hỹ.

(Tư sinh tử, chướng Niết bàn, duy sắc dục nhất đoan nhĩ. Lăng Nghiêm diệc vân: "Dâm tâm bất trừ, trần bất khả xuất").

Âm nghĩa

Sắc năng dẫn dục, mạc thậm nữ sắc. Lăng Nghiêm vân: "Nhữ ái ngã tâm, ngã lân nhữ sắc", thị cố thế gian, ân ái tương tục. Thế hô khả tăng nhi, tuy thị ái cực chi từ, nhiên diệc phản ngôn dĩ phúng nhĩ. Cái sắc dục nhất môn, tối nan thấu thoát. Bôn, Dục vô sở thi kỳ dũng. Lương, Bình vô sở dụng kỳ trí. Ly Lâu, Công Thâu vô sở trứ kỳ minh xảo, tuy giáo bất tịnh quán, chính bỉ đối trị, nhiên chúng sinh tâm thô, chỉ kiến kỳ tịnh, kính như chi hà?

Phật ngôn: "Dục sinh ư nhữ ý, ý dĩ tư tưởng sinh. Đế tư, thử tưởng phục tòng hà sinh, tư chi, tư chi, hựu trùng tư chi, thí như lão thử nhập ngưu giác, tất đương hữu đảo đoạn xứ".

Nhiếp tụng kệ

Ái dục đam sắc tự ky my

Sinh tử luân hồi bất liễu kỳ

Chư thiên tòng thử tao luân đọa

Tu tri dâm cảnh đại hoang mê.

VIỆT DỊCH

Chương thứ hai mươi bốn: HAM SẮC ĐẸP

Phật dạy: Ưa muốn không gì hơn nữ sắc. Sắc đẹp gợi lòng dục không gì hơn nữa.

(Nỗi lo về ưa muốn có nhiều loại, cản đạo lớn, thêm tội ác, không có gì hơn nữ sắc).

May có một thôi, nếu cùng cả hai, người trong thiên hạ không ai tu đạo được vậy.

(Thêm nghiệp sinh tử, ngăn cản Niết bàn, chỉ một mối sắc dục thôi. Kinh Lăng Nghiêm cũng dạy: "Không trừ lòng dâm không ra khỏi cõi trần").

Âm nghĩa

Sắc đẹp có khả năng dẫn dắt lòng dục, chẳng gì hơn được sắc đẹp của con gái. Kinh Lăng Nghiêm dạy: "Em ưa tâm tôi, tôi ưa sắc đẹp của em". Vì vậy thế gian ân ái nối nhau, đời gọi thực đúng phép, tuy là lời rất yêu, nhưng cũng trở thành lời cợt giễu. Bởi, cửa sắc dục rất khó lọt qua. Người Bôn, người Dục không thể dùng sức khỏe chống được. Trí tuệ của Trương Lương, Trần Bình cũng bất lực. Sức sáng của Ly Lâu, Công Thâu cũng bị mờ và tuy dạy phép quán bất tịnh để đối trị nó, nhưng tâm chúng sinh thô tục chỉ thấy nó sạch đẹp thì làm sao được. Phật dạy: "Lòng người ưa muốn, tư tưởng sinh ý muốn, nghĩ kỹ, tư tưởng ấy từ đâu sinh ra, nghĩ kỹ xem, nghĩ kỹ xem, lại nghĩ kỹ xem, ví như chuột già vào sừng trâu, hẳn có ngày quay ra".

Kệ tóm tắt

Sắc đẹp ham ưa tự trói mình

Bao giờ dứt được tử và sinh?

Cõi trời nhân đó mà sa ngã

Mới hay dâm dục rất là kinh.

NGUYÊN VĂN

了欲章二十五

佛言。愛欲之人。猶如執炬。逆風而行。必有燒手之患。逆境界之風。執無明之炬。豈免自燒者也。

音義

欲心如炬。欲境如風。燒喻墮落。色是境魔。欲是心魔。心魔既除。境魔難惑。內魔既寂。外魔自空。所謂。二心各寂靜。非色亦非行者也。

攝頌偈

貪怒婬癡毒熾然

執炬逆風燒手烈

善自消融護道心

福德來兮災焰滅。

PHIÊN ÂM

LlỄU DỤC chương nhị thập ngũ

Phật ngôn: Ái dục chi nhân, do như chấp cự, nghịch phong nhi hành, tất hữu thiêu thủ chi hoạn.

(Nghịch cảnh giới chi phong, chấp vô minh chi cự, khởi miễn tự thiêu giả dã).

Âm nghĩa

Dục tâm như cự, dục cảnh như phong. Thiêu, dụ đọa lạc. Sắc, thị cảnh ma. Dục, thị tâm ma. Tâm ma ký trừ, cảnh ma nan hoặc, nội ma ký tịch, ngoại ma tự không. Sở vị, nhị tâm các tịch tĩnh, phi sắc diệc phi hành giả dã.

Nhiếp tụng kệ

Tham, nộ, dâm, si độc xí nhiệt

Chấp cự nghịch phong thiêu thủ liệt

Thiện tự tiêu dong hộ đạo tâm

Phúc đức lai hề tai diệm diệt.

VIỆT DỊCH

Chương thứ hai mươi lăm:

HIỂU RÕ ƯA MUỐN

Phật dạy: Con người ham muốn cũng như cầm đuốc đi ngược gió, ắt sẽ có nạn cháy tay (ngược gió cảnh giới, cầm đuốc vô minh, khỏi sao nạn cháy mình vậy).

Âm nghĩa

Lòng dục như đuốc, cảnh dục như gió, đốt ví như sa ngã, sắc là cảnh ma. Dục là tâm ma. Tâm ma trừ rồi, cảnh ma khó mê hoặc, ma trong đã chết, ma ngoài tự không, thế là hai tâm đã vắng lặng, không sắc cũng không khởi tâm vậy.

Kệ tóm tắt

Tham giận dâm ngu độc bốc lên

Đuốc cầm ngược gió cháy tay liền

Giữ gìn việc thiện và lòng đạo

Hết họa tai, tăng phúc đức thêm.

NGUYÊN VĂN

降魔章二十六

天神獻玉女於佛。欲壞佛意。佛初成道。天魔波旬以三女嬈亂耳。佛言。「革囊衆穢。爾来何為。去！吾不用。」人見女色。妄起浄想。故生染著。不知元是不浄。薄皮包裹。天神俞敬。因問道意。佛為解說。即得須陁洹果。魔不得便。回邪歸正。問道開悟。證小乘初果。

音義

主人先迷。客得其便。主既常住。客豈奈何。回邪歸正。亦如摩登伽女。先惑阿難。聞佛説法。婬心頓歇。證阿羅漢事同。

攝頌偈

色乃皮囊盛衆穢

世人被惑生迷醉

六通之人不動摇

色相於心無所住。

PHIÊN ÂM

HÀNG MA chương nhị thập lục

Thiên thần hiến ngọc nữ ư Phật, dục hoại Phật ý (Phật sơ thành đạo, thiên ma Ba tuần, dĩ tam nữ nhiễu loạn nhĩ).

Phật ngôn: Cách nang chúng uế, nhĩ lai hà vi? Khứ, ngô bất dụng (nhân kiến nữ sắc, vọng khởi tịnh tưởng, cố sinh nhiễm trước, bất tri nguyên thị bất tịnh, bạc bì bao khỏa).

Thiên thần dũ kính, nhân vấn đạo ý, Phật vị giải thuyết, tức đắc Tu đà hoàn quả.

(Ma bất đắc tiện, hồi tà quy chính, vấn đạo khai ngộ, chứng Tiểu thừa sơ quả).

Âm nghĩa

Chủ nhân tiên mê, khách đắc kỳ tiện. Chủ ký thường trụ, khách khởi nại hà? Hồi tà quy chính, diệc như Ma Đăng Già nữ, tiền hoặc A Nan, văn Phật thuyết pháp, dâm tâm đốn hiết, chứng A la hán, sự đồng.

Nhiếp tụng kệ

Sắc nãi bì nang thình chúng uế

Thế nhân bị hoặc sinh mê túy

Lục thông chi nhân bất động dao

Sắc tướng ư tâm vô sở trụ.

VIỆT DỊCH

Chương thứ hai mươi sáu: DẸP MA

Thiên thần dâng Ngọc nữ cúng Phật, ý muốn hại Phật (khi Phật mới thành đạo, thiên ma Ba tuần đem ba gái quấy rối).

Phật bảo: Túi da đựng những ô uế, bay đến đây làm gì? Cút, ta không dùng (người thường thấy gái đẹp tưởng vậy là sạch nên sinh ưa thích, biết đâu vốn là bẩn thỉu, da mỏng bao bọc).

Thiên thần càng kính, nhân hỏi ý đạo, Phật thuận giảng cho, chứng ngay được quả Tu đà hoàn.

(Ma không hại được, bỏ tà về chính, hỏi đạo giác ngộ, chứng ngay quả đầu Tiểu thừa).

Âm nghĩa

Chủ nhà mê trước, khách mới hại được. Chủ vẫn thức tỉnh, khách làm gì được? Bỏ tà về chính giống như việc Ma Đăng Già, trước kia mê hoặc ngài A Nan, nghe Phật giảng đạo, lòng dâm bỗng hết, chứng quả A la hán.

Kệ tóm tắt

Túi da đựng phẩn đẹp gì đâu

Kẻ dại bị lừa đắm đuối sâu

Con người trí tuệ không lay chuyển

Sắc đẹp, tâm không vướng chút nào.

NGUYÊN VĂN

無住章二十七

佛言。夫為道者。猶木在水。尋流而行。不觸兩岸。不為人取。不為鬼神所遮。不為洄流所住。亦不腐敗。吾保此木。決定入海！

不觸生死。涅槃兩岸。不為人天有漏善業所取。不為邪見鬼神所遮。不為三界洄流所住。亦不腐敗於二乘滅定。決入薩婆若海。

學道之人。不為情欲所惑。不為衆邪所嬈。精進無為。吾保此人。必 道矣。情欲不能惑。衆邪不能嬈。精進無為。道遠乎哉。

音義

木喻行人。尋流喻修行次第。海喻菩提智果。楞嚴經云。不作聖心。名善境界。金剛經云。應無所住而生其心。蓋住即生魔。無住則魔無所入。

如六祖晏坐。魔現無頭。腹。手。足等。祖云。汝之伎倆有盡。我之不採無窮。不採。無住之異名也。

二乘滅定。羅漢。入滅盡定。不受後有証偏空理。厭於淨佛國土。成就衆生。佛呵爲焦芽敗種者。是也。

攝頌偈

如木在水順流行

不觸不阻自入海

情欲渾忘邪見消

進道漸名觀自在。

PHIÊN ÂM

VÔ TRỤ chương nhị thập thất

Phật ngôn: Phù vi đạo giả, do mộc tại thủy, tầm lưu nhi hành, bất xúc lưỡng ngạn, bất vi nhân thủ, bất vi quỷ thần sở già, bất vi hồi lưu sở trụ, diệc bất hủ bại, ngô bảo thử mộc, quyết định nhập hải.

(Bất xúc sinh tử, Niết bàn, lưỡng ngạn, bất vi nhân thiên hữu lậu thiện nghiệp sở thủ, bất vi tà kiến quỷ thần sở già, bất vi tam giới hồi lưu sở trụ, diệc bất hủ bại, ư Nhị thừa diệt định, quyết nhập Tát bà nhã hải).

Học đạo chi nhân, bất vi tình dục sở hoặc, bất vi chúng tà sở nhiễu, tinh tiến vô vi, ngô bảo thử nhân, tất đắc đạo hỹ.

(Tình dục bất năng hoặc, chúng tà bất năng nhiễu, tinh tiến vô vi, đạo viễn hồ tai?)

Âm nghĩa

Mộc dụ hành nhân, tầm lưu dụ tu hành thứ đệ, hải dụ Bồ đề trí quả. Lăng Nghiêm kinh vân: "Bất tác thánh tâm danh thiện cảnh giới". Kim Cương kinh vân: "Ưng vô sở trụ nhi sinh kỳ tâm", cái trụ, tức sinh ma, vô trụ, tắc ma vô sở nhập.

Như Lục tổ yến tọa, ma hiện vô đầu, phúc, thủ, túc đẳng. Tổ vân:

"Nhữ chi kỹ lưỡng hữu tận, ngã chi bất thể vô cùng", bất thể tức vô trụ chi dị danh dã.

Nhị thừa diệt định, La hán nhập diệt tận định, bất thụ hậu hữu, chứng thiên không lý, yếm ư tịnh Phật quốc độ thành tựu chúng sinh. Phật ha vi tiêu nha bại chủng giả, thị dã.

Nhiếp tụng kệ

Như mộc tại thủy thuận lưu hành

Bất xúc bất trệ tự nhập hải

Tình dục hồn vong tà kiến tiêu

Tiến đạo tiệm danh Quán Tự Tại.

VIỆT DỊCH

Chương thứ hai mươi bảy:

GIỮ TRUNG ĐẠO

Phật dạy: Con người tu đạo, cũng như cây gỗ ở nước thẳng dòng mà đi, không chạm hai bờ, không bị ai vớt, không bị quỷ thần ngăn cản, không bị xoáy quanh giữ, cũng không mục nát, ta bảo đảm gỗ ấy quyết định vào biển.

(Không chạm vào sinh tử, Niết bàn hai bờ, không bị nghiệp thiện hữu lậu cõi nhân hoặc thiên vớt lấy, không bị tà kiến quỷ thần ngăn trở, không bị chỗ xoáy ba cõi quay chuyển, cũng không bị mục nát bởi diệt định của Nhị thừa, quyết vào biển Tát bà nhã[1] (biển Bảo Minh).

---

[1] Tát bà nhã: Nhất thiết chủng trí tuệ - Trí của quả vị rốt ráo viên mãn - Nhất thiết nghĩa thành tựu thông đạt.

Con người học đạo không bị tình dục làm mê hoặc, không bị mọi gian tà quấy rối, tinh tiến bất thoái, ta đảm bảo người ấy, ắt là được đạo.

(Tình dục không quấy phá, mọi loài tà ma không thể nhiễu hại, tinh tiến không thoái, đạo xa được ư?)

Âm nghĩa

Cây gỗ ví như con người, thẳng dòng ví như người tu cấp bậc, biển như quả trí Bồ đề. Kinh Lăng Nghiêm dạy: "Không khởi tâm thánh gọi là thiện cảnh giới", Kinh Kim Cương dạy: "Hợp với tâm vô trụ nên sinh tâm kỳ diệu", bởi vì trụ thì sinh ma, vô trụ thì ma không vào được.

Như Đức Lục tổ ngồi thiền, ma hiện không đầu bụng, tay, chân, v.v. Tổ bảo: "Nghề nghiệp của mày thì hết, tao không bị động mãi được", bất thể là tên khác chữ của vô trụ vậy.

Nhị thừa diệt định, La hán vào định diệt tận, không tái sinh nữa, thiếu việc thượng hoằng hạ hóa. Phật mắng là giống mục mầm cháy, ấy vậy.

Kệ tóm tắt

Như gỗ theo dòng nước chảy đi

Trôi ngay vào biển chẳng vướng gì

Vọng tình tà kiến không ngăn trở

Đạo chính ung dung thẳng lối về.

NGUYÊN VĂN

淨意章二十八

佛言。慎勿信汝意。汝意不可信。慎勿與色會。色會即禍生。意馬難調。戒為轡勒。色欲染習。敗道喪身。得阿羅漢已。乃可信汝意。意根滅盡。證阿羅漢也。昔西國有道人。山中修行。得五神通。一日。因雨泥躂倒。遂以呪力令十二年不雨。國王知是道人呪力。乃生憂戚。下詔云。「若有人降得此道人者。賞金千斤。」有一婬女來。白王言。「我當能降。」王聽往。彼礼拜道人。摩觸身体。因起染心。便失神通。雨澤滂流。女人騎道人頸來見國王。王乃嘉賞。故知敗道喪志。禍由女色。可不慎歟。可不慎歟！

音義

經云。若人欲得見佛性。當淨其意如虛空。故知。一念瞋心。意根未淨。惑彼婬女。退失神通。名爲道人。貽笑千古。所謂得通未必得道也。

如優婆掘尊者。林中坐禪。魔女以花鬘加頸。尊者出定。知魔所爲。即以神力。變三死屍作花鬘。贈之。魔著頸已。變還死屍。臭不能解。魔怖懺悔。誓不擾亂云云。所謂得道者必有通也。

問。國王威勢。天帝威神。皆不能降。女人實無威神。而能騎頸。何也。

答。有二義。

一者。神通不能敵業。蓋衆生有此同分之報。感彼道人意業之瞋。喻如餓鬼之鄉。佛尚不能即滅。況二王乎。

二者。慈善能轉瞋行。按經云。一念瞋心起。百萬障門開。彼以一倒之瞋。令十二年不雨。害物傷慈。今承上帝好生。人王愛國。衆生業謝。道士禍來。感菩薩現女人身而爲説法。以慈悲水灑瞋恚火。潤於人花。故能如是。

攝頌偈

不隨意識逐境流

不見可欲心不亂

敕心正行自修持

初學遠色如避怨。

PHIÊN ÂM

TỊNH Ý chương nhị thập bát

Phật ngôn: Thận, vật tín nhữ ý, nhữ ý bất khả tín. Thận, vật dữ sắc hội, sắc hội tức họa sinh (ý mã nan điều, giới vi bí lặc, sắc dục nhiễm tập, bại đạo táng thân). **Đắc A la hán dĩ, nãi khả tín nhữ ý** (ý căn diệt tận chứng A la hán dã. Tích Tây quốc hữu đạo nhân, sơn trung tu hành đắc ngũ thần thông, nhất nhật nhân vũ nê thát đảo, toại dĩ chú lực linh thập nhị niên bất vũ. Quốc vương tri thị đạo nhân chú lực, nãi sinh ưu thích, hạ chiếu vân: “Nhược hữu nhân hàng đắc thử đạo nhân giả, thưởng kim thiên cân”. Hữu nhất dâm nữ, lai bạch vương ngôn: “Ngã đương năng hàng”.

Vương thính vãng bỉ lễ bái đạo nhân, ma xúc thân thể, nhân khởi nhiễm tâm, tiện thất thần thông, vũ trạch bàng lưu, nữ nhân kỵ đạo nhân cảnh lai kiến quốc vương, vương nãi gia thưởng. Cố tri bại đạo táng chí, họa do nữ sắc. Khả bất thận dư! Khả bất thận dư!)

Âm nghĩa

Kinh vân: "Nhược nhân dục đắc kiến Phật tính, đương tịnh kỳ ý như hư không". Cố tri: Nhất niệm sân tâm, ý căn vị tịnh, hoặc bỉ dâm nữ, thoái thất thần thông, danh vi đạo nhân, di tiếu thiên cổ. Sở vị đắc thông vị tất đắc đạo dã.

Như Ưu Bà Quật tôn giả, lâm trung tọa thiền, ma nữ dĩ hoa man gia cảnh. Tôn giả xuất định, tri ma sở vi, tức dĩ thần lực, biến tam tử thi, tác hoa man tặng chi, ma trước cảnh dĩ, biến hoàn tử thi, xú bất năng giải. Ma phố sám hối, thệ bất nhiễu loạn, v.v. Sở vị, đắc đạo giả tất hữu thông dã.

Vấn: Quốc vương uy thế, Thiên đế uy thần giai bất năng hàng, nữ nhân thật vô uy thần nhi năng kỵ cảnh, hà dã?

Đáp: Hữu nhị nghĩa.

Nhất giả - Thần thông bất năng địch nghiệp, cái chúng sinh hữu thử đồng phận chi báo, cảm bỉ đạo nhân ý nghiệp chi sân, dụ như ngã quỷ chi hương, Phật thượng bất năng tức diệt, huống nhị vương hồ?

Nhị giả - Từ thiện năng chuyển sân hạnh. Án kinh vân: "Nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai", bỉ dĩ nhất đảo chi sân, linh thập nhị niên bất vũ, hại vật thương từ. Kim thừa Thượng đế hiếu sinh, nhân vương ái quốc, chúng sinh nghiệp tạ, đạo sĩ họa lai. Cảm Bồ tát hiện nữ nhân thân nhi vị thuyết pháp, dĩ từ bi thủy, sái sân hụy hỏa, nhuận ư nhân hoa, cố năng như thị.

Nhiếp tụng kệ

Bất tùy ý thức trục cảnh lưu

Bất kiến khả dục tâm bất loạn

Sắc tâm chính hạnh tự tu trì

Sơ học viễn sắc như tỵ oán.

VIỆT DỊCH

Chương thứ hai mươi tám:

GIỮ Ý TRONG SẠCH

Phật dạy: Cẩn thận chớ tin ý ngươi, ý ngươi không tin được, cẩn thận chớ ưa đẹp ưa sắc, đẹp thì sinh tai họa (ý ngựa khó điều phục, giới làm cương dàm, sắc dục tập nhiễm, bại đạo mất mạng). **Được thành A la hán rồi mới tin ý ngươi được** (ý căn diệt hết, chứng được A la hán. Xưa, Tây Trúc có ngoại đạo tu ở trong núi, được năm phép thần thông, một hôm mưa trơn trượt ngã, liền dùng thần chú, khiến 12 năm không mưa. Nhà vua biết do sức thần chú của ngoại đạo, mới sinh lo buồn, ban chiếu rằng: "Nếu có ai hàng phục được người đạo nhân ấy sẽ thưởng cho 1.000 cân vàng". Thế rồi có một dâm nữ đến tâu với vua: "Tôi sẽ hàng được". Vua cho đến lễ bái người đạo nhân ấy, xoa vuốt thân thể, đạo nhân khởi tâm nhiễm ô, liền mất thần thông. Thế là trời đổ mưa rào. Dâm nữ cưỡi cổ đạo nhân về yết kiến vua, vua liền ban thưởng. Vì vậy biết bại đạo mất trí do từ nữ sắc. Há không cẩn thận ư! Há không cẩn thận ư!)

Âm nghĩa

Kinh dạy: Nếu ai muốn thấy Phật tính phải sạch tâm ý như hư không. Vì vậy biết một thoáng tâm giận, ý căn chưa tịnh, bị kẻ dâm nữ lừa, mất hết thần thông, gọi là đạo nhân, bị nghìn đời chê cười. Thế là đắc thông nhưng chưa đắc đạo.

Như tôn giả Ưu Bà Quật, ngồi thiền trong rừng, ma nữ lấy hoa man đeo vào cổ, Tôn giả xuất định, biết là trò ma liền dùng sức thần thông, lấy ba thây chết làm hoa man tặng lại, ma đeo vào cổ, Ngài lại biến ra thây chết khiến nó không cởi được. Ma sợ sám hối, thề không quấy nữa, v.v. Thế là được đạo thì có thông vậy.

Hỏi: Uy thế nhà vua, uy thần Thiên đế đều không dẹp được, nữ nhân thật không thần thế mà cưỡi cổ được là sao thế?

Đáp: Có hai ý nghĩa:

1. Thần thông không diệt được nghiệp, bởi chúng sinh có nghiệp báo đồng phận, cảm đến nghiệp ý giận bực của đạo nhân. Ví như làng ngã quỷ, Phật còn không thể diệt ngay được, huống chi nhà vua?

2. Từ thiện có thể chuyển giận bực. Xét kinh dạy: "Một thoáng khởi

tâm giận bực, mở ra trăm vạn cửa chướng". Một cái trượt ngã, đạo nhân giận bực khiến 12 năm không mưa, hại sinh vật, tổn thương lòng từ. Nay nhờ Thiên đế thương đến chúng sinh, nhà vua yêu nước, nên chúng sinh đổi nghiệp, đạo sĩ đến lúc chịu nạn. Cảm Bồ tát hiện thân người nữ, thuyết pháp cho, lấy nước từ bi dập lửa giận bực, tưới cho hoa đời, vì vậy mà được thế.

Kệ tóm tắt (chung cho các chương 28, 29, 30)

Theo cảnh trôi đi tại ý mình

Thấy dục tâm ta chớ rối tinh

Tu hành đức hạnh cần chân chính

Mới học tránh xa kẻ sắc tình.

NGUYÊN VĂN

淨語章二十九

佛言。 勿視女色。亦莫共言語。習近生情。迷失正念。若與語者。正心思念。我為沙門。處于濁世。當如蓮華。不為泥汙。想其老者如母。長者如姊。少者如妹。稚者如子。生度脫心。息滅惡念。正念觀察。心淨意解。生居濁世。如蓮花出水。善巧方便。假想對治。觀諸衆生。無始輪迴。皆我親屬。悉願度脫。則惡念妄想。自然息滅。

音義

眼是賊媒。故勿視女色。口是心苗。故莫共言語。若有說法因緣。當正心正見清淨而說。此方真教體。清靜在音聞故。

PHIÊN ÂM

TỊNH NGỮ chương nhị thập cửu

Phật ngôn: Thận, vật thị nữ sắc, diệc mạc cộng ngôn ngữ (tập cận sinh tình, mê thất chính niệm). **Nhược dữ ngữ giả, chính tâm tư niệm, ngã vi Sa môn, xử ư trước thế, đương như liên hoa, bất vị nê ô, tưởng kỳ lão giả như mẫu, trưởng giả như tỷ, thiếu giả**

như muội, trĩ giả như tử, sinh độ thoát tâm, tức diệt ác niệm (chính niệm quan sát, tâm tịnh ý giải, sinh cư trước thế như liên hoa xuất thủy, thiện xảo phương tiện, giả tưởng đối trị, quan chư chúng sinh, vô thủy luân hồi, giai ngã thân thuộc, tất nguyện độ thoát, tắc ác niệm vọng tưởng, tự nhiên tức diệt).

Âm nghĩa

Nhỡn thị tặc môi, cố vật thị nữ sắc, khẩu thị tâm miêu, cố mạc cộng ngôn ngữ. Nhược hữu thuyết pháp nhân duyên, đương chính tâm chính kiến thanh tịnh nhi thuyết, thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn cố.

VIỆT DỊCH

Chương thứ hai mươi chín:

LỜI NÓI TRONG SẠCH

Phật dạy: Cẩn thận chớ nhìn gái đẹp, chớ cùng nói chuyện (tập gần sinh tình, mê mất niệm chính). **Nếu việc phải nói, chính tâm nhớ nghĩ, ta là thầy tu ở đời nhơ đục, phải như hoa sen không bị dây bùn, tưởng người già như mẹ, người lớn như chị, người bé như em, trẻ nhỏ như con, sinh tâm độ thoát, diệt ngay niệm xấu** (xem xét nghĩ chính, tâm sạch ý trong, sống ở đời vẩn đục như hoa sen mọc trong nước, phương tiện khéo léo, nhờ đối trị tâm tưởng, nhìn chúng sinh luân hồi từ vô thủy đều là họ hàng ta, nguyện độ thoát cả, thì ý nghĩ xấu, tưởng xằng tự nhiên tiêu diệt).

Âm nghĩa

Mắt là mồi giặc, vì vậy chớ nhìn gái đẹp, miệng là mầm của tâm, bởi thế chớ nói với họ. Nếu vì phải nói thì phải chính tâm, chính kiến, nói một cách trong sáng, chính đó là giáo thể chân chính ở phương này, bởi âm văn thanh tịnh.

NGUYÊN VĂN

佛言。夫為道者。如被乾草。火來須避。道人見欲。必當遠之！情染如乾茅。欲火當遠離。

音義

草喻身。乾喻染情。欲喻火。如有火聚。五物在傍。一如乾草。纔觸即燒。二如枯木。噓之則燃。其三如鐵。燒之可鎔。其四如水。逼之可涸。其五如空。則任其燔灼。體恆自如。前一凡夫。次三修證因位。後一諸佛如來。故知身爲道器。器破則道無能爲矣。

PHIÊN ÂM

TỊNH THÂN chương tam thập

Phật ngôn: Phù vi đạo giả như bị can thảo, hỏa lai tu tỵ. Đạo nhân kiến dục, tất đương viễn chi (tình nhiễm như can mao, dục hỏa đương viễn ly).

Âm nghĩa

Thảo dụ thân, can dụ nhiễm tình, dục dụ hỏa, như hữu hỏa tụ, ngữ vật tại bàng: nhất như can thảo, tài xúc tức thiêu; nhị như khô mộc, hư chi tắc nhiên; kỳ tam như thiết, thiêu chi khả dong; kỳ tứ như thủy, bức chi khả hạc; kỳ ngũ như không, tắc nhậm kỳ phần chước, thể hằng tự như. Tiền nhất, phàm phu; thứ, tam, tu chứng nhân vị; hậu nhất, chư Phật Như Lai. Cố tri thân vi đạo khí, khí phá tắc đạo vô năng vi hỹ.

VIỆT DỊCH

Chương thứ ba mươi: TỊNH THÂN

Phật dạy: Ôi! Người tu đạo như mặc áo cỏ khô, lửa đến phải tránh. Người tu thấy dục nên phải lánh xa (tình nhiễm như cỏ khô phải xa lửa dục).

Âm nghĩa

Cỏ ví như thân, khô dụ tình nhiễm ô, lòng muốn ví như lửa. Như bên

đống lửa có năm vật ở cạnh: 1 - Như cỏ khô hơi tiếp xúc liền cháy. 2 - Như củi khô thổi vào thời cháy. 3 - Như sắt nung mãi thì chảy. 4 - Như nước đun mãi thời cạn. 5 - Phải như hư không thì tha hồ đốt vẫn không sao cả. Như (1) là phàm phu, (2),(3),(4) là ngôi tu chứng, sau cùng (5) là chư Phật Như Lai. Bởi vậy, biết thân là đồ đựng đạo pháp, đồ đựng vỡ thì đạo không thể nào đựng được nữa.

NGUYÊN VĂN

忘機章三十一

佛言。有人患婬不止。欲自除陰。佛謂之曰。「若斷其陰。不如斷心！顛倒由心。徒傷身体。心如功曹。功曹若止。從者都息。兵隨印轉。將逐符行。邪心不止。斷陰何益。」佛為說偈。「欲生於汝意。意以思想生。二心各寂静。非色亦非行。」彼。己心寂。妄想不生。五蘊本空。欲情何起。佛言。「此偈是迦葉佛說。」引先佛偈。以為明證。

音義

身如弩。心如機。機若不行。箭何能發。如烏芻。化多婬心成智慧火。陳子。以婬欲火。祆廟焚身。善用生機。不善死機。故經云。必使婬機。身心俱斷。斷性亦無。於佛菩提。斯可希冀。

攝頌偈

愚者除欲自斷陰

智人除欲斷其心

心不生時緣自息

若净明珠梵行深。

PHIÊN ÂM

VONG CƠ chương tam thập nhất

Phật ngôn: Hữu nhân hoạn dâm bất chỉ, dục tự trừ âm. Phật vị chi viết: Nhược đoạn kỳ âm, bất như đoạn tâm (điên đảo do tâm,

đồ thương thân thể). **Tâm như công tào, công tào nhược chỉ, tụng giả đô tức** (binh tùy ấn chuyển, tướng trục phù hành). **Tà tâm bất chỉ đoạn âm hà ích? Phật vị thuyết kệ:**

Dục sinh ư nhữ ý,

Ý dĩ tư tưởng sinh.

Nhị tâm các tịch tĩnh,

Phi sắc diệc phi hành.

(Bỉ, kỷ tâm tịch, vọng tưởng bất sinh, ngũ uẩn bản không, dục tình hà khởi).

Phật ngôn: Thử kệ thị Ca Diếp Phật thuyết (dẫn tiên Phật kệ dĩ vi minh chứng).

Âm nghĩa

Thân như nỗ, tâm như cơ, cơ nhược bất hành, tiễn hà năng phát? Như Ô Xô hóa đa dâm tâm thành trí tuệ hỏa; Trần tử, dĩ dâm dục hỏa, yêu miếu phần thân, thiện dụng, sinh cơ, bất thiện, tử cơ. Cố kinh vân: Tất sử dâm cơ, thân, tâm câu đoạn, đoạn tính diệc vô, ư Phật Bồ đề, tư khả hy ký.

Nhiếp tụng kệ

Ngu giả trừ dục tự đoạn âm

Trí nhân trừ dục đoạn kỳ tâm

Tâm bất sinh thời duyên tự tức

Nhược tịnh minh châu phạm hạnh thâm.

VIỆT DỊCH

Chương thứ ba mươi mốt: QUÊN ĐỘNG CƠ

Phật dạy: Có người lo lòng dâm không thôi, muốn tự đoạn âm. Phật bảo: Nếu vậy đoạn âm, không bằng đoạn tâm (điên đảo tự tâm chỉ hại thân thể). **Tâm như quan tòa, quan tòa nếu thôi, lính tráng dừng cả** (binh theo ấn chuyển, tướng theo bùa đi).

Tâm tà không thôi, đoạn âm ích gì? Thế nên, Phật dạy cho kệ:

Ý ngươi sinh dâm dục

Tư tưởng sinh từ ý

Hai tâm đều vắng lặng

Không phải sắc (cũng) **chẳng phải hành.**

(Mình, họ tâm đều yên lặng, không sinh vọng tưởng, năm uẩn vốn không, ở đâu có tình dục?)

Phật dạy: Bài kệ này là của Phật Ca Diếp nói (dẫn bài kệ của vị Phật trước để làm minh chứng).

Âm nghĩa

Thân như nỏ, tâm như máy, nếu máy không vận hành, tên đi làm sao được. Như ngài Ô Xô hóa tâm đa dâm thành lửa trí tuệ, gã Trần tử dùng lửa dâm dục yêu miếu đốt thân, khéo dùng có sống, vụng dùng có chết. Vì vậy kinh dạy: Khiến cả thân tâm đều đoạn (máy dâm), tính đoạn cũng không còn, nơi Phật - Bồ đề mới có cơ mong được.

Kệ tóm tắt

Kẻ ngu trừ dục đoạn căn mình

Người trí đoạn trừ ý vọng sinh

Tâm ý không sinh duyên tự tuyệt

Thanh thu trong sạch ngọc quang minh.

NGUYÊN VĂN

離怖章三十二

佛言。人從愛欲生憂。從憂生怖。若離於愛。何憂何怖。

衆生妄認四大以為我身。順情生愛。逆情生憂。乃有五種怖畏。所謂不活怖。惡名怖。大衆威德怖。死怖。墮惡道怖。若□悟我本空。則分別

頓息。誰為愛者。復何憂怖哉。

音義

心經云。無色無受想行識。心無罣礙。無有恐怖。遠離顛倒夢想。究竟涅槃。蓋色空離不活怖。受空離惡名怖。想空離大衆怖。行空離死怖。識空離惡道怖。故云。一切苦厄也。

攝頌偈 廣頌愛欲乃怖畏之因

俗人愛色戀妻子

聞說斷欲苦疑畏

在家生育固無愆

清净梵行真出世

愛欲生憂憂生畏

一波纔動衆波隨

無愛無憂畏亦泯

浪息清平自湛如。

PHIÊN ÂM

LY PHỐ chương tam thập nhị

Phật ngôn: Nhân tòng ái dục sinh ưu, tòng ưu sinh phố, nhược ly ư ái, hà ưu? Hà phố?

(Chúng sinh vọng nhận tứ đại, dĩ vi ngã thân, thuận tình sinh ái, nghịch tình sinh ưu, nãi hữu ngũ chủng phố úy: Sở vị bất hoạt phố, ác danh phố, đại chúng uy đức phố, tử phố, đọa ác đạo phố. Nhược năng ngộ ngã bản không, tắc phân biệt đốn tức, thùy vi ái giả, phục hà ưu phố tai?)

Âm nghĩa

Tâm kinh vân: "Vô sắc, vô thụ, tưởng, hành, thức... tâm vô quải ngại... vô hữu khủng phố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu kính Niết Bàn". Cái "sắc không" ly bất hoạt phố, "thụ không" ly ác danh phố,

"tưởng không" ly đại chúng phố, "hành không" ly tử phố, "thức không" ly ác đạo phố, cố vân "độ nhất thiết khổ ách" dã.

Nhiếp tụng kệ (Quảng tụng ái dục nãi phố úy chi nhân)

Tục nhân ái sắc luyến thê tử

Văn thuyết đoạn dục, khổ nghi úy

Tại gia sinh dục cố vô khiên

Thanh tịnh phạm hạnh chân xuất thế

Ái dục sinh ưu, ưu sinh úy

Nhất ba tài động chúng ba tùy

Vô ái vô ưu, úy diệc dẫn

Lãng tức thanh bình tự trạm như.

VIỆT DỊCH

Chương thứ ba mươi hai: LÌA SỢ HÃI

Phật dạy: Người ta từ ưa muốn sinh lo buồn, từ lo sinh sợ, nếu lìa ưa muốn ra, lo gì? Sợ gì?

(Chúng sinh nhận lầm tứ đại là thân, thuận tình sinh yêu, nghịch tình sinh lo, như vậy mới có năm thứ lo sợ, đó là sợ không có sinh kế, sợ tiếng xấu, sợ uy đức đại chúng, sợ chết, sợ đọa ác đạo. Nếu hiểu được vốn không có ngã, thì bỗng tắt phân biệt, cái gì là yêu? Còn có lo sợ gì nữa ư?)

Âm nghĩa

Tâm kinh vân: "Không có sắc, thụ, tưởng, hành, thức... tâm không quải ngại... không có sợ hãi, xa lìa điên đảo... rốt ráo Niết bàn". Bởi sắc đã "không", thì lìa được sợ không kế sống, thụ "không" thì lìa sợ tiếng xấu, tưởng "không" thì lìa sợ đại chúng, hành "không" thì lìa sợ chết, thức "không" thì lìa sợ ác đạo, cho nên qua hết thảy mọi khổ ách vậy.

Kệ tóm tắt (Ưa muốn là nguyên nhân sợ hãi)

Mến con yêu vợ việc người đời

Nghe nói đoạn dục sợ lo rồi

Tại gia sinh dục là không lỗi

Sạch trong phạm hạnh thoát luân hồi

Lo sợ do từ ái dục sinh

Một sóng gây nên mãi bất bình

Lòng dục không sinh lo sợ hết

Gió yên sóng lặng biển trong lành.

NGUYÊN VĂN

精進章三十三

佛言。夫為道者。譬如一人與萬人戰。挂鎧出門。意或怯弱。或半路而退。或格鬪而死。或得勝而還。沙門學道。應當堅持其心。精進勇銳。不畏前境。破滅衆魔。而得道果。道人與衆魔戰。當挂淨戒鎧。持禪定心。秉智慧劒。無一法可當情。則破魔得勝。亦如《法華》云。「見賢聖軍。與五陰魔。煩惱魔。死魔共戰。有大功勳。滅三毒。出三界。破魔網。爾時如來亦大歡喜」。義同此也。

音義

雖有捨施之兵。淨戒之鎧。忍辱之力。禪定之營。智慧之劒。而無精進勇猛之大將。安能殺煩惱之賊。保涅槃之城。顯正覺之王。平衆生之天下。故釋尊精進七日。超慈氏九小劫而成正覺。我佛與阿難同於空王佛所髮心。阿難常樂多聞。佛常行精進。今成正覺。而阿難猶爲侍者。卻後微塵數劫。方成佛道。雖云本願。然亦因中所感。故進居六度之中。觀前而顧後。

攝頌偈

爲道堅心精進宜

誰聽狂言俗語移

欲滅悪消成道果

猶如戰勝凱旋時。

PHIÊN ÂM

TINH TIẾN chương tam thập tam

Phật ngôn: Phù vi đạo giả, thí như nhất nhân dữ vạn nhân chiến, quải khải xuất môn, ý hoặc khiếp nhược, hoặc bán lộ nhi thoái, hoặc cách đấu nhi tử, hoặc đắc thắng nhi hoàn. Sa môn học đạo ưng đương kiên trì kỳ tâm, tinh tiến dũng nhuệ, bất úy tiền cảnh, phá diệt chúng ma nhi đắc đạo quả.

(Đạo nhân dữ chúng ma chiến, đương quải tịnh giới khải, trì thiền định tâm, bỉnh trí tuệ kiếm, vô nhất pháp khả đương tình, tắc phá ma đắc thắng, diệc như Pháp Hoa vân: Kiến hiền thánh quân dữ ngũ ấm ma, phiền não ma, tử ma, cộng chiến, hữu đại công huân, diệt tam độc, xuất tam giới, phá ma võng. Nhĩ thời Như Lai diệc đại hoan hỷ, nghĩa đồng thử dã).

Âm nghĩa

Tuy hữu xả thí chi binh, tịnh giới chi khải, nhẫn nhục chi lực, thiền định chi doanh, trí tuệ chi kiếm, nhi vô tinh tiến dũng mãnh chi đại tướng, an năng sát phiền não chi tặc, bảo Niết bàn chi thành, hiển chính giác chi vương, bình chúng sinh chi thiên hạ. Cố Thích Tôn tinh tiến thất nhật, siêu Từ Thị cửu tiểu kiếp nhi thành chính giác. Ngã Phật dữ A Nan đồng ư Không Vương Phật sở phát tâm, A Nan thường nhạo đa văn, Phật thường hành tinh tiến. Kim thành chính giác, nhi A Nan do vi thị giả, khước hậu vi trần số kiếp, phương thành Phật đạo. Tuy vân bản nguyện, nhiên diệc nhân trung sở cảm. Cố tiến cư lục độ chi trung, quan tiền nhi cố hậu.

Nhiếp tụng kệ

Vi đạo kiên tâm tinh tiến nghi

Thùy thính cuồng ngôn tục ngữ di

Dục diệt ác tiêu thành đạo quả

Do như chiến thắng khải toàn thì.

VIỆT DỊCH

Chương thứ ba mươi ba: ĐẠO TINH CẦN

Phật dạy: Ôi! Người tu đạo ví như một người đánh nhau với vạn người, mặc áo giáp ra cửa, hoặc ý sợ hãi, hay nửa đường rút lui, hay quyết đánh mà chết, hoặc thắng trận mà về. Sa môn học đạo, bền chí giữ tâm tinh tiến nhanh nhẹn, không sợ cảnh trước mắt, phá diệt các loài ma, để được đạo quả.

(Người tu đánh nhau với quân ma, phải mặc áo giáp tịnh giới, giữ tâm thiền định, cầm kiếm trí tuệ, không có một phép nào đối địch được thì phá được ma. Cũng như Kinh Pháp Hoa dạy: Thấy quân hiền thánh đánh nhau với ma ngũ ấm, ma phiền não, ma chết, có công lao lớn, diệt ba độc ra ba cõi, phá lưới ma. Bấy giờ Phật cũng rất hoan hỷ, cũng như nghĩa này vậy).

Âm nghĩa

Tuy có quân xả thí, áo giáp tịnh giới, sức nhẫn nhục, doanh trại thiền định, kiếm trí tuệ nhưng không có đại tướng dũng mãnh tinh tiến thì thắng sao được giặc phiền não, giữ được thành Niết bàn, làm cho vua chính giác được hiển hách, bình được thiên hạ chúng sinh. Vì vậy Đức Thế Tôn tinh tiến bảy ngày, vượt ngài Từ Thị chín tiểu kiếp mà thành bậc chính giác. Đức Phật với ngài A Nan cùng phát tâm ở nơi Đức Phật Không Vương. Ngài A Nan thường thích học nhiều, Phật thường tinh tiến tu hành nay thành chính giác rồi, mà ngài A Nan còn làm thị giả nhiều như vi trần số kiếp sau này mới thành Phật. Tuy nói là bản nguyện, nhưng cũng từ trong nhân hành có cảm quả, cho nên "tinh tiến" ở giữa lục độ, trông trước nhìn sau.

Kệ tóm tắt

Tinh tiến bền lòng giữ đạo tu

Mặc ai lời tục nói ra vô

Ái dục thanh trừ thành đạo quả

Cũng như thắng giặc bõ công phu.

NGUYÊN VĂN

安樂章三十四

沙門夜誦迦葉佛遺教□。其聲悲緊。思悔欲退。佛問之曰。「汝昔在家曾為何業。」對曰。「愛彈琴。」佛言。「絃緩。如何。」對曰。「不鳴矣。」「絃急。如何。」對曰。「聲絶矣。」「急緩得中。如何。」對曰。「諸音普矣。」

佛言。沙門學道亦然。心若調適。道可得矣。於道若暴。暴即身疲。其身若疲。意即生惱。意若生惱。行即退矣。其行既退。罪必加矣。但清淨安樂。道不失矣。

學道之人。善用其心。不急不緩。內不滯空。外不取相。上無攀仰。下絶己躬。即清淨安樂。行可進矣。道可得矣。

音義

上言精進以不廢爲功。此云。安樂以調和為用。故知。衝鋒破敵非精進猛將不能。定國安邦。非安樂智臣不可。古人畜笛留琴以記。抑亦悟此之由。

攝頌偈

學道亦如鼓瑟琴

急絃將絶緩聲沉

不寬不急聲諧雅

學在調和善適心。

PHIÊN ÂM

AN LẠC chương tam thập tứ

Sa môn dạ tụng Ca Diếp Phật Di Giáo kinh, kỳ thanh bi khẩn, tư hối dục thoái, Phật vấn chi viết: “Nhữ tích tại gia tằng vi hà nghiệp?” Đối viết: “Ái đàn cầm”. Phật ngôn: “Huyền hoãn như hà?” Đối viết: “Bất minh hỹ”. “Huyền cấp như hà?” Đối viết: “Thanh tuyệt hỹ”. “Cấp hoãn đắc trung như hà?” Đối viết: “Chư

âm phả hỹ".

Phật ngôn: Sa môn học đạo diệc nhiên, tâm nhược điều thích, đạo khả đắc hỹ, ư đạo nhược bạo, bạo tức thân bì, kỳ thân nhược bì, ý tức sinh não, ý nhược sinh não, hành tức thoái hỹ, kỳ hành ký thoái, tội tất gia hỹ. Đãn thanh, tịnh, an, lạc, đạo bất thất hỹ.

(Học đạo chi nhân, thiện dụng kỳ tâm, bất cấp, bất hoãn, nội bất trệ không, ngoại bất thủ tướng, thượng vô phan ngưỡng, hạ tuyệt kỷ cung, tức thanh tịnh an lạc, hành khả tiến hỹ, đạo khả đắc hỹ).

Âm nghĩa

Thượng ngôn tinh tiến dĩ bất phế vi công, thử vân an lạc, dĩ điều hòa vi dụng. Cố tri xung phong phá địch phi tinh tiến mãnh tướng bất năng, định quốc an bang, phi an lạc trí thần bất khả. Cổ nhân xúc địch lưu cầm dĩ ký, ức diệc ngộ thử chi do.

Nhiếp tụng kệ

Học đạo diệc như cổ sắt cầm

Cấp huyền tương tuyệt hoãn thanh trầm

Bất khoan bất cấp thanh hài nhã

Học tại điều hòa thiện thích tâm.

VIỆT DỊCH

Chương thứ ba mươi tư: YÊN VUI

Thầy Sa môn đêm tụng Kinh Di Giáo của Phật Ca Diếp, giọng ông buồn gấp, hối hận muốn thoái.

Phật hỏi: "Ông trước ở nhà từng làm việc gì?" Thưa rằng: "Thích gảy đàn". Phật hỏi: "Dây chùng thế nào?" Thưa: "Tiếng không kêu". Phật hỏi: "Dây căng thế nào?" Thưa rằng: "Đứt tiếng". "Căng chùng vừa phải thế nào?" Thưa rằng: "Tiếng hài hòa vậy".

Phật dạy: Sa môn học đạo cũng thế, tâm nếu điều hòa có thể được đạo. Với đạo nếu vội, vội thì mệt người, nơi thân đã mệt, ý liền sinh não, ý đã sinh não, hành đạo chán thoái, làm đạo đã chán, tội tăng thêm vậy. Thanh tịnh yên vui, đạo không mất

vậy.

(Người học đạo, khéo dùng tâm, không chậm chẳng vội, trong không trì trệ, ngoài không chấp tướng, trên không trông cậy, dưới hết sức mình, cứ thanh thản yên vui, việc có thể tiến, đạo có thể thành vậy).

Âm nghĩa

Trên nói tinh tiến thành công là không bỏ dở, dưới nói yên vui là tác dụng tự điều hòa. Cho nên biết xung phong phá giặc không có tướng giỏi tinh tiến chẳng thể được. Định nước yên dân không có bầy tôi trí tuệ thì cũng không được. Người xưa ưa đàn thích sáo hẳn lý do là thế.

Kệ tóm tắt

Học đạo cũng như gảy tiếng đàn

Dây chùng trầm tiếng, đứt dây căng

Âm hưởng hài hòa không hoãn cấp

Học phải điều hòa chớ vội khoan.

NGUYÊN VĂN

淨行章三十五

佛言。如人鍛鐵。去滓成器。器即精好。學道之人。去心垢染。行即清淨矣。逐情造業。是謂垢染。順理進修。乃名清淨。

音義

上言清淨安樂,未顯其行。此云。去心垢染。行即清淨。故喻明之。古有偈云。叮叮噹噹。久鍊成剛。太平將近。我往西方。正符喻旨。

攝頌偈

學道以漸净心垢

猶如鍛鐵成良器

慎勿暴進使身疲

意惱行退成罪戾。

PHIÊN ÂM

TỊNH HẠNH chương tam thập ngũ

Phật ngôn: Như nhân đoàn thiết, khử tỷ thành khí, khí tức tinh hảo. Học đạo chi nhân, khử tâm cấu nhiễm, hành tức thanh tịnh hỹ (trục tình tạo nghiệp thị vị cấu nhiễm, thuận lý tiến tu, nãi danh thanh tịnh).

Âm nghĩa

Thượng ngôn thanh thịnh an lạc vị hiển kỳ hành, thử vân khử tâm cấu nhiễm, hành tức thanh tịnh, cố dụ minh chi. Cổ hữu kệ vân:

Đinh đinh đương đương

Cửu luyện thành cương

Thái bình tương cận

Ngã vãng Tây phương.

Chính phù dụ chỉ.

Nhiếp tụng kệ

Học đạo dĩ tiệm tịnh tâm cấu

Do như đoàn thiết thành lương khí

Thận vật bạo tiến sử thân bì

Ý não hành thoái thành tội lệ.

VIỆT DỊCH

Chương thứ ba mươi lăm: TU TRONG SẠCH

Phật dạy: Như người rèn sắt, bỏ rỉ sắt thành đồ dùng, thì đồ dùng tốt, người học đạo bỏ tâm nhiễm ô thì hạnh trong sạch vậy (theo tình tạo nghiệp thế là nhiễm ô, thuận lý tiến tu gọi là thanh tịnh).

Âm nghĩa

Trên nói trong sạch yên vui chưa nói việc làm, đây nói bỏ tâm nhiễm ô thì hạnh trong sạch. Vì vậy, đặt dụ làm rõ. Xưa có kệ rằng:

Đốp đốp chát chát

Rèn mãi thành gang

Thái bình sắp tới

Ta sang Tây phương.

Kệ tóm tắt

Học đạo trừ tâm xấu sạch trong

Cũng như rèn sắt tạo đồ dùng

Chớ nên vội tiến thân sinh mệt

Chán ý rút lui tội mất công.

NGUYÊN VĂN

發心章三十六

佛言。人離惡道。得為人難。既得為人。去女即男難。既得為男。六根完具難。六根既具。生中國難。既得中國。值佛世難。既值佛世。遇道者難。既得遇道。興信心難。既興信心。發菩提心難。既發菩提心。無修無證難。

前列二十難。未說發菩提心。今此自離惡道。至無修無證。畧盡修行始末。雖宿植善根。歷修萬行。發廣大心。甚為希有。然恐尚存希冀。取捨未忘。毫釐繫念。還成有住之功。瞥爾情生。墮在修證之位。故末云:無修無證。則不落功勳。方謂難中之難矣。

音義

古云。發心究竟二無別。如是二心。先心難。蓋自離惡道。至發菩提心。乃無量因緣之所感。近喻士子。自纔離上大人。至思量見題目。乃千萬工夫之所成。豈不難哉。

今又翻案云。發心。究竟二無別。如是二心。後心難。蓋既發心後。圓修六度萬行而不著所修。頓超三賢十聖。而不住所證。直趣寶所。不滯化城。如士子見題目後。毫端風雨。紙上珠璣。一氣工夫。不落孫山之外。豈非難中之難乎。

攝頌偈 廣頌發菩提心之緣誰言勤行苦難任

誰言勤行苦難任

可念人生衆苦侵

生老病死茫茫險

求超彼岸免漂沉

既得男身具六根

處於中土值明君

生善人家聞正法

深信三尊見佛因。

PHIÊN ÂM

PHÁT TÂM chương tam thập lục

Phật ngôn: Nhân ly ác đạo, đắc vi nhân nan, ký đắc vi nhân, khử nữ tức nam nan, ký đắc vi nam, lục căn hoàn cụ nan, lục căn ký cụ, sinh trung quốc nan, ký đắc trung quốc, trị Phật thế nan, ký trị Phật thế, ngộ đạo giả nan, ký đắc ngộ đạo, hưng tín tâm nan, ký hưng tín tâm, phát Bồ đề tâm nan, ký phát Bồ đề tâm, vô tu vô chứng nan.

(Tiền liệt nhị thập nan, vị thuyết pháp Bồ đề tâm. Kim thử, tự ly ác đạo, chí vô tu vô chứng, lược tận tu hành thủy mạt, tuy túc thực thiện căn, lịch tu vạn hạnh, phát quảng đại tâm, thậm vi hy hữu. Nhiên, khủng thượng tồn hy ký, thủ xả vị vong, hào ly hệ niệm,

hoàn thành hữu trụ chi công, miết nhĩ tình sinh, đọa tại tu chứng chi vị. Cố mạt vân: vô tu vô chứng, tắc bất lạc công huân, phương vị nan trung chi nan hỹ).

Âm nghĩa

Cố vân: Phát tâm, cứu kính, nhị vô biệt, như thị nhị tâm, tiên tâm nan, cái, tự ly ác đạo, chí phát Bồ đề tâm, nãi vô lượng nhân duyên chi sở cảm. Cận dụ, sĩ tử tự tài ly thượng đại nhân, chí tư lường kiến đề mục, nãi thiên vạn công phu chi sở thành, khởi bất nan tai?

Kim, hựu phiên án vân: Phát tâm, cứu kính, nhị vô biệt, như thị nhị tâm, hậu tâm nan. Cái, ký phát tâm hậu, viên tu lục độ vạn hạnh, nhi bất trước sở tu, đốn siêu tam hiền thập thánh, nhi bất trụ sở chứng, trực thú bảo sở, bất trệ hóa thành, như sĩ tử kiến đề mục hậu, hào đoan phong vũ, chỉ thượng châu ky, nhất khí công phu, bất lạc Tôn sơn chi ngoại, khởi phi nan trung chi nan hồ?

Nhiếp tụng kệ (Phát Bồ đề tâm chi duyên)

Thùy ngôn cần hạnh khổ nạn nhâm

Khả niệm nhân sinh chúng khổ xâm

Sinh lão bệnh tử mang mang hiểm

Cầu siêu bỉ ngạn miễn phiêu trầm

Ký đắc nam thân cụ lục căn

Xứ ư trung thổ trị minh quân

Sinh thiện nhân gia văn chính pháp

Thâm tín Tam tôn kiến Phật nhân.

VIỆT DỊCH

Chương thứ ba mươi sáu: PHÁT TÂM

Phật dạy: Người ta lìa ác đạo, được làm người đã khó, đã được làm người, làm đàn ông khó, được làm đàn ông, sáu căn trọn vẹn khó, sáu căn trọn vẹn, sinh giữa nước khó, đã được giữa nước, gặp đời Phật khó, gặp đời Phật rồi, gặp đạo là khó, đã gặp

được đạo, khởi lòng tin khó, khởi được lòng tin, phát Bồ đề tâm khó, đã phát tâm Bồ đề, không tu không chứng khó.

(Trước liệt kê 20 việc khó (chương 12), chưa kể phát tâm Bồ đề, đến đây từ "Lìa ác đạo" đến "Vô tu vô chứng", lược hết tu hành sau trước, tuy trước trồng gốc lành, qua tu vạn hạnh phát tâm quảng đại thực là hiếm có. Nhưng hãy còn mong chờ, chưa quên lấy bỏ mỗi niệm tóc tơ, vẫn còn cái công trụ trước, chợt có sinh tâm đọa vào ngôi vị tu chứng. Bởi vậy cuối cùng không tu không chứng thời chẳng rơi vào công huân, mới là khó trong cái khó vậy).

Âm nghĩa

Người xưa nói: Phát tâm đến rốt ráo, hai tâm không khác, như thế hai tâm, tâm trước khó, bởi từ ly ác đạo đến phát tâm Bồ đề còn rất nhiều nhân duyên giao cảm. Gần nay, ví như học trò từ mới lìa câu "thượng đại nhân", đến khi suy nghĩ đề mục thì nghìn vạn công phu mới thành được, há không khó ư?

Bây giờ đổi lại đề án rằng: Phát tâm đến rốt ráo: Hai không khác, như thế hai tâm, tâm sau khó. Bởi, sau khi đã phát tâm (sau) mà không tu cả lục độ vạn hạnh, cũng chẳng trụ được phép chứng ngộ, thẳng tới bảo sở, không trì trệ ở hóa thành, như học trò thấy đề mục (bài thi), đầu bút gió thổi, mưa tuôn châu ngọc trên giấy, một hơi công phu không rớt ngoài Tôn sơn, há không phải là khó trong cái khó ư?

Kệ tóm tắt (Duyên phát tâm Bồ đề)

Ai bảo cần tu khổ nạn thôi

Phải chăng lắm khổ kiếp con người

Sống già bệnh chết bao nguy hiểm

Cầu tới bờ kia khỏi dạt trôi

Đã được thân trai đủ sáu căn

Ở nơi giữa nước gặp ân nhân

Sinh nhà lương thiện nghe lời Phật

Thâm tín ba ngôi sẽ được gần.

NGUYÊN VĂN

見佛章三十七

佛言。佛子離吾數千里。憶念吾戒。必得道果。在吾左右。雖常見吾。不順吾戒。終不得道！近佛違戒。不免輪迴。憶戒遠佛。得道證果。

音義

見佛有二。一法身。二色身。憶念佛戒。是見法身。在佛左右。名見色身。經云。若以色見我以音聲求我。是人行邪道。不能見如來。昔優婆掘尊者。降魔已。魔請供養報恩事。不已。尊者告言。我雖悟佛法身。未瞻色相。汝能現不。魔言能現但師見時。慎勿禮拜。即隱魔身假現如來三十二相紫磨金色。舍利。目連諸大弟子圍繞。林中放光。尊者見已。歡喜作禮。魔驚云。損我不淺。師云。我見法身。佛魔不二。魔複本形懺悔。誓不擾亂。故知未證法身。佛魔敵體。可不憶戒見佛歟！

攝頌偈

身遠於佛心念教

此人求道終得力

身雖近佛意在邪

教不遵行竟何益。

PHIÊN ÂM

KIẾN PHẬT chương tam thập thất

Phật ngôn: Phật tử ly ngô sổ thiên lý, ức niệm ngô giới, tất đắc đạo quả. Tại ngô tả hữu, tuy thường kiến ngô, bất thuận ngô giới, chung bất đắc đạo.

(Cận Phật vi giới, bất miễn luân hồi, ức giới viễn Phật, đắc đạo chứng quả).

Âm nghĩa

Kiến Phật hữu nhị: Nhất pháp thân, nhị sắc thân.

Ức niệm Phật giới, thị kiến pháp thân, tại Phật tả hữu, danh kiến sắc thân.

Kinh vân:

"Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã. Thị nhân hành tà đạo, bất năng kiến Như Lai".

Tích Ưu Bà Quật tôn giả, hàng ma dĩ, ma thỉnh cúng dàng báo ân sự. Bất dĩ, tôn giả cáo ngôn: "Ngã tuy ngộ Phật pháp thân, vị chiêm sắc tướng, nhữ năng hiện phủ?". Ma ngôn: "Năng hiện, đãn sư kiến thời, thận vật lễ bái". Tức ẩn ma thân, giả hiện Như Lai tam thập nhị tướng, tử ma kim sắc, Xá Lợi, Mục Liên, chư đại đệ tử, vi nhiễu lâm trung phóng quang, tôn giả kiến dĩ, hoan hỷ tác lễ. Ma kinh vân: "Tổn ngã bất thiển". Sư vân: "Ngã kiến pháp thân, Phật ma bất nhị". Ma phục bản hình sám hối, thệ bất nhiễu loạn. Cố tri vị chứng pháp thân, Phật ma địch thể. Khả bất ức giới kiến Phật dư?

Nhiếp tụng kệ

Thân viễn ư Phật tâm niệm giáo

Thử nhân cầu đạo chung đắc lực

Thân tuy cận Phật, ý tại tà

Giáo bất tuân hành kính hà ích?

VIỆT DỊCH

Chương thứ ba mươi bảy: THẤY PHẬT

Phật dạy: Phật tử cách ta nghìn dặm, nhớ nghĩ giới ta ắt được đạo quả. Ở hai bên ta tuy thường thấy ta, không thuận giới ta, quyết chẳng được đạo.

(Gần Phật lìa giới chẳng thoát luân hồi, nhớ giới xa Phật được đạo chứng quả).

Âm nghĩa

Thấy Phật có hai: 1 - Pháp thân, 2 - Sắc thân.

Nhớ nghĩ giới luật là thấy pháp thân Phật, ở bên trái, bên phải Phật là thấy sắc thân.

Kinh dạy:

Nếu thấy ta bằng sắc tướng

Cầu ta bằng tiếng nói

Người ấy theo đạo tà

Không thể thấy được Như Lai.

Xưa tôn giả Ưu Bà Quật hàng được ma rồi, ma thỉnh việc cúng dàng báo ân. Chẳng đừng được, tôn giả dạy rằng: "Ta tuy ngộ pháp thân Phật, chưa trông thấy sắc tướng, ngươi có hiện được không?" Ma thưa: "Hiện được, nhưng khi thầy thấy, cẩn thận chớ lễ bái", liền ẩn thân ma, giả hiện ra Như Lai ba mươi hai tướng sắc vàng tía, ngài Xá Lợi, Mục Liên, các vị đại đệ tử vây quanh trong rừng phóng quang. Tôn giả (Ưu Bà Quật) thấy rồi vui mừng làm lễ, ma sợ nói: "Tổn ta chẳng ít". Thầy nói: "Ta thấy pháp thân Phật, ma không hai", ma trở lại hình cũ, sám hối, thề không nhiễu loạn nữa. Cho nên biết, chưa chứng pháp thân, Phật ma ngang thể. Có thể không nhớ giới mà lại thấy Phật được ư?

Kệ tóm tắt

Thân tuy xa Phật nhớ lời ngài

Cầu đạo như thế chính người này

Thân tuy gần Phật tâm gian ác

Có ích gì đâu học phí hoài.

NGUYÊN VĂN

知道章三十八

佛問沙門。「人命在□間。」

對曰。「數日間。」

佛言。「子未知道。」

復問一沙門。「人命在□間。」

對曰。「飯食間。」

佛言。「子未知道！」

復問一沙門。「人命在□間。」

對曰。「呼吸間。」

佛言。「善哉！子知道矣。」

以依業引。第八識不斷功能曰命。凡夫一念有九十剎那。一剎那有九百生滅。念念遷謝。不知不覺。焉能悟解無常苦空之道。

音義

悟世間無常。國度危脆。四大苦空。五陰無我。生滅變異。虛偽無主。心是惡源。形為罪藪。如是觀察。漸離生死。是第一大人之所覺也。

攝頌偈

要知人命在呼吸

百歲無常亦迅急

生死事大求出離

莫待來生悔無及。

PHIÊN ÂM

TRI ĐẠO chương tam thập bát

Phật vấn nhất Sa môn: Nhân mệnh tại kỷ gian?

Đối viết: Sổ nhật gian.

Phật ngôn: Tử vị tri đạo.

Phục vấn nhất Sa môn: Nhân mệnh tại kỷ gian?

Đối viết: Phạn thực gian.

Phật ngôn: Tử vị tri đạo.

Phục vấn nhất Sa môn: Nhân mệnh tại kỷ gian?

Đối viết: Hô hấp gian.

Phật ngôn: Thiện tai! Tử tri đạo hỹ.

(Dĩ y nghiệp dẫn, đệ bát thức, bất đoạn công năng, viết mệnh. Phàm phu nhất niệm, hữu cửu thập sát na, nhất sát na hữu cửu bách sinh diệt, niệm niệm thiên tạ bất tri bất giác, yên năng ngộ giải "vô thường", "khổ", "không" chi đạo).

Âm nghĩa

Ngộ "thế gian vô thường, quốc độ nguy thúy, tứ đại khổ không, ngũ ấm vô ngã, sinh diệt biến dị, hư ngụy vô chủ. Tâm thị ác nguyên hình vi tội tẩu, như thị quán sát, tiệm ly sinh tử", thị đệ nhất đại nhân chi sở giác dã.

Nhiếp tụng kệ

Yếu tri nhân mệnh tại hô hấp

Bách tuế vô thường diệc tấn cấp

Sinh tử sự đại cầu xuất ly

Mạc đãi lai sinh hối vô cập.

VIỆT DỊCH

Chương thứ ba mươi tám: BIẾT ĐẠO

Phật hỏi Sa môn: "Mệnh người được bao lâu?"

Thưa rằng: "Khoảng vài ngày".

Phật dạy: "Ông chưa biết đạo", lại hỏi Sa môn: "Mệnh người được bao lâu?"

Thưa rằng: "Khoảng bữa ăn".

Phật dạy: "Ông cũng chưa biết đạo", lại hỏi một Sa môn khác: "Mệnh người được bao lâu?"

Thưa rằng: "Khoảng hít thở thôi".

Phật khen: "Hay thay! Ông hiểu đạo vậy".

(Bởi dựa vào nghiệp công năng dẫn thức thứ tám không dứt, gọi đó là mệnh. Một niệm của phàm phu có 90 sát na, mỗi sát na có 900 sinh diệt thoáng thoáng thay đổi, không biết, không hiểu, sao ngộ được đạo "vô thường", "khổ", "không").

Âm nghĩa

Hiểu "thế gian vô thường, cõi nước nguy biến, bốn đại khổ - không, năm ấm không ta, sinh diệt thay đổi, hư dối không chủ. Tâm là nguồn ác, hình là rừng tội, như thế xem xét, xa lìa sống chết". Đó là điều giác ngộ thứ nhất của bậc đại nhân vậy.

Kệ tóm tắt

Mạng sống chỉ bằng hít thở hơi

Trăm năm thấm thoắt sắp qua rồi

Việc lớn tử sinh mau sớm liệu

Chớ để mai sau kiếp lại đòi.

NGUYÊN VĂN

順教章三十九

佛言。學佛道者。佛所言說皆應信順。譬如食蜜。中邊皆甜。吾經亦爾。

教海一味。隨機萬差。信順修行。皆離苦得樂。喻似食蜜。中邊皆甜。亦如飲海。巨細衆生。皆得飽滿。

音義

無上醫王。隨病與藥。病者隨病服之。勿生取捨。蓋執醫之一方者。誤

色身。執教之偏見者。誤慧命。

攝頌偈

經教披來義味沾

猶如食蜜中邊甜

行持漸入真佳境

法歡禪悅两相兼。

PHIÊN ÂM

THUẬN GIÁO chương tam thập cửu

Phật ngôn: Học Phật đạo giả, Phật sở ngôn thuyết, giai ưng tín thuận, thí như thực mật, trung biên giai điềm, ngô kinh diệc nhĩ.

(Giáo hải nhất vị, tùy cơ vạn sai, tín thuận tu hành giai ly khổ đắc lạc, dụ tự thực mật, trung biên giai điềm, diệc như ẩm hải, cự tế chúng sinh, giai đắc bão mãn).

Âm nghĩa

Vô thượng Y vương tùy bệnh dữ dược, bệnh giả tùy bệnh phục chi, vật sinh thủ xả. Cái, chấp y chi nhất phương giả, ngộ sắc thân, chấp giáo chi thiên kiến giả, ngộ tuệ mệnh.

Nhiếp tụng kệ

Kinh giáo phi lai nghĩa vị chiêm

Do như thực mật trung biên điềm

Hành trì tiệm nhập chân giai cảnh

Pháp hoan thiền duyệt lưỡng tương kiêm.

VIỆT DỊCH

Chương thứ ba mươi chín:

THUẬN THEO CHÍNH GIÁO

Phật dạy: Người học đạo Phật, Phật giảng dạy gì, đều nên tin theo, ví như ăn mật, trong ngoài đều ngọt, kinh của ta cũng vậy.

(Biển giáo một vị, tùy cơ muôn khác, tin theo tu hành đều lìa khổ được vui, dụ như ăn mật, trong ngoài đều ngọt, cũng như uống nước biển, chúng sinh lớn nhỏ đều được no đủ).

Âm nghĩa

Vua thầy thuốc cao nhất tùy bệnh mà cho thuốc, người ốm tùy bệnh mà uống thuốc, chớ sinh lấy bỏ. Bởi chỉ chấp theo một bài thuốc thì nguy cho sắc thân, thiên kiến chấp sai giáo lý thì nguy tuệ mệnh.

Kệ tóm tắt

Kinh giáo thấm nhuần được chút nào

Như ăn mật ngọt tự ngoài vào

Tu trì ghi nhớ ngày sâu thẳm

Giáo lý thiền tư nhuận ích nhau.

NGUYÊN VĂN

體道章四十

佛言。沙門行道。無如磨牛。身雖行道。心道不行。心道若行。何用行道。動止四儀。是生滅法。心本不生。寂而常照。體斯理者。乃真行道。

音義

心能體道。道重身輕。身雖行道。身疲道懈。畢陵伽所謂純覺遺身者。是也。

攝頌偈

爲道從根愛欲除

如摘懸珠漸盡無。

PHIÊN ÂM

THỂ ĐẠO chương tứ thập

Phật ngôn: Sa môn hành đạo, vô như ma ngưu, thân tuy hành đạo, tâm đạo bất hành, tâm đạo nhược hành, hà dụng hành đạo.

(Động chỉ tứ nghi thị sinh diệt pháp, tâm bản bất sinh, tịch nhi thường chiếu, thể tư lý giả, nãi chân hành đạo).

Âm nghĩa

Tâm năng thể đạo, đạo trọng thân khinh. Thân tuy hành đạo. Thân bì đạo giải. Tất Lăng Già sở vị thuần giác di thân giả, thị dã.

Nhiếp tụng kệ

Vi đạo tòng căn ái dục trừ

Như trích huyền châu tiệm tận vô.

VIỆT DỊCH

Chương thứ bốn mươi: THẤU ĐẠO

Phật dạy: Sa môn hành đạo, đừng như trâu kéo, tuy thân hành đạo mà tâm không theo. Nếu tâm theo đạo cần gì thân làm.

(Động tĩnh bốn nghi là pháp sinh diệt, tâm vốn không sinh, lặng mà thường soi; rõ được lý ấy mới đúng hành đạo).

Âm nghĩa

Tâm hay thấu đạo, đạo trọng thân nhẹ. Thân tuy làm đạo, thân mệt ngại đạo. Ngài Tất Lăng Già thân là thuần giác ấy vậy.

Kệ tóm tắt

Tu đạo trước trừ ái dục lên

Rồi qua biến dịch tiến dần lên.

NGUYÊN VĂN

直心章四十一

佛言。夫為道者。如牛負重。行深泥中。疲極。不敢左右顧視。出離淤泥。乃可蘇息。沙門當觀情欲。甚於淤泥。直心念道。可免苦矣。五欲深泥。没溺可畏。非直心念道。何由出離乎。

音義

牛喻大心。負重喻荷擔大乘。深泥喻三有生死。楞嚴云。十方如來出離生死皆以直心。心言直故。如是乃至終始地位。中間永離諸委屈相。淨名云。直心。是菩薩淨土者。是也。

攝頌偈

牛履淤泥防失陷

念專離苦出迷途。

PHIÊN ÂM

TRỰC TÂM chương tứ thập nhất

Phật ngôn: Phù vi đạo giả, như ngưu phụ trọng, hành thâm nê trung, bì cực bất cảm tả hữu cố thị, xuất ly ứ nê, nãi khả tô tức. Sa môn đương quán tình dục, thậm ư ứ nê, trực tâm niệm đạo, khả miễn khổ hỹ.

(Ngũ dục thâm nê, một nịch khả úy, phi trực tâm niệm đạo, hà do xuất ly hồ?)

Âm nghĩa

Ngưu, dụ đại tâm, phụ trọng, dụ hạ đảm Đại thừa, thâm nê, dụ tam

hữu sinh tử. Lăng Nghiêm vân: "Thập phương Như Lai xuất ly sinh tử, giai dĩ trực tâm, tâm ngôn trực cố, như thị nãi chí chung thủy địa vị, trung gian vĩnh ly chư ủy khúc tướng". Tịnh Danh vân: "Trực tâm, thị Bồ tát Tịnh độ giả", thị dã.

Nhiếp tụng kệ

Ngưu lý ứ nê phòng thất hãm

Niệm chuyên ly khổ xuất mê đồ.

VIỆT DỊCH

Chương thứ bốn mươi mốt: Ý NGAY THẲNG

Phật dạy: Ôi! Người tu đạo, như trâu chở nặng đi trong bùn lầy, mỏi mệt nhưng không dám trông hai bên, ra khỏi bùn lầy mới có thể nghỉ. Sa môn phải coi tình dục tệ hại hơn bùn lầy, thẳng tâm nhớ đạo thì khỏi khổ vậy.

(Năm dục bùn lầy, chìm đắm đáng sợ, nếu không thẳng tâm theo đạo, do đâu mà ra khỏi được?)

Âm nghĩa

Trâu dụ đại tâm, mang nặng dụ trách nhiệm gánh vác Đại thừa, bùn sâu dụ cho sinh tử ba cõi. Kinh Lăng Nghiêm dạy: "Mười phương Như Lai xa lìa sinh tử, đều từ lòng thẳng thắn, bởi tâm thẳng lời thẳng cho đến địa vị trước sau, trung gian vẫn lìa tướng quanh co". Kinh Tịnh Danh dạy: "Trực tâm là cõi tịnh của Bồ tát đó".

Kệ tóm tắt

Bùn ái dục trâu mong thoát khỏi

Nghĩ còn biến dịch khổ chưa yên.

NGUYÊN VĂN

佛言。吾視王侯之位。如過隙塵。擾擾不停。似有非實。視金玉之寶。如瓦礫。積聚山高。無益於道。視紈素之服。如弊帛。假以弊形。不取飾好。視大千界。如一訶子。大千之廣闊。衆生之依報。有漏善法。共業而成。觀之如訶子。未為小耳。《楞嚴》云。「空生大覺中。如海一漚發。有漏微塵國。皆依空所生。漚滅空本無。況復諸三有。」視阿耨池水。如塗足油。阿耨。宋言無熱惱。以龍得名。池深廣也。以耨池之深廣。比智海。如涓滴耳。視方便門。如化寶聚。化現法財。濟諸貧乏。視無上乘。如夢金帛。引導未悟。令生信樂。視佛道。如眼前花。隨機赴感。本自不生。視禪定。如須彌柱。識浪境風。不能漂動。視涅槃。如晝夕寤。圓寂照中。離諸夢想。視倒正。如六龍舞。六龍升降。本非正倒。隨見妄執。生正倒想。若了見妄。誰為正倒。視平等。如一真地。實際理地。不受一塵。視興化。如四時木。造化之法。古今遷變。生住異滅。春夏秋冬。以因衆生業緣。遂

有榮枯衰盛之相。若了緣起不思議解脫法門。則知起唯法起。滅唯法滅。須信道。「刮火洞然毫末盡。青山依舊白雲中。」

音義

悟王侯之貴。金玉之寶。紈素之服。大千之廣。阿耨之深。有爲諸法。悉屬無常。了方便之門。無上之乘。正覺之華。禪定之柱。涅槃之寤。倒正之龍。平等之地。興化之木。無爲諸法。悉皆如幻。然後即如幻智。入非幻之門。即無常之觀。到真常之境。所謂。成就慧身。不由他悟也。

攝頌偈

頌世間法

王侯隙塵金瓦礫

紈素之服如弊帛

大千沙界一訶子

阿耨池水比油滴

出世法

方便真乘求佛略

禪須彌柱涅槃寤

倒正龍舞興化轉

一真平等元非度。

PHIÊN ÂM

LIỄU PHÁP chương tứ thập nhị

Phật ngôn: Ngô thị vương hầu chi vị, như quá khích trần (nhiễu nhiễu bất đình, tự hữu phi thật), **thị kim ngọc chi bảo, như ngõa lịch** (tích tụ sơn cao, vô ích ư đạo), **thị hoàn tố chi phục, như tệ bạch** (giả dĩ tế hình, bất thủ sức hảo), **thị đại thiên giới, như nhất ha tử** (đại thiên chi quảng khoát, chúng sinh chi y báo, hữu lậu thiện pháp, cộng nghiệp nhi thành, quan chi như ha tử, vị vi tiểu nhĩ. Lăng Nghiêm vân: "Không sinh đại giác trung, như hải nhất âu phát, hữu lậu vi trần quốc, giai y không sở sinh. Âu diệt không bản vô, huống phục chư tam hữu"). **Thị A nốc trì thủy như đồ túc du** (A nốc Tống ngôn: "Vô nhiệt não", dĩ long đắc danh. Trì, thâm quảng dã, dĩ nốc trì chi thâm quảng, tỷ trí hải như quyên trích nhĩ), **thị phương tiện môn như hóa bảo tụ** (hóa hiện pháp tài, tế chư bần phạp), **thị Vô thượng thừa như mộng kim bạch** (dẫn đạo vị ngộ, linh sinh tín nhạo), **thị Phật đạo, như nhỡn tiền hoa** (tùy cơ phó cảm, bản tự bất sinh), **thị thiền định như Tu Di trụ** (thức lãng, cảnh phong, bất năng phiêu động), **thị Niết bàn như trú tịch ngụ** (viên tịch chiêu trung, ly chư mộng tưởng), **thị đảo chính như lục long vũ** (lục long thăng giáng, bản phi chính đảo, tùy kiến vọng chấp, sinh chính đảo tưởng, nhược liễu kiến vọng, thùy vi chính đảo), **thị bình đẳng như nhất chân địa** (thực tế lý địa, bất thụ nhất trần), **thị hưng hóa như tứ thời mộc** (tạo hóa chi pháp, cổ kim thiên biến, sinh trụ dị diệt, xuân hạ thu đông. Dĩ nhân chúng sinh nghiệp duyên, toại hữu vinh khô suy thịnh chi tướng. Nhược liễu duyên khởi, bất tư nghì giải thoát pháp môn, tắc tri khởi duy pháp khởi, diệt duy pháp diệt, tu tín đạo, kiếp hỏa đỗng nhiên hào mạt tận, thanh sơn y cựu bạch vân trung).

Âm nghĩa

Ngộ vương hầu chi quý, kim ngọc chi bảo, hoàn tố chi phục, đại thiên chi quảng, A nốc chi thâm, hữu vi chư pháp tất thuộc vô thường.

Liễu phương tiện chi môn, Vô thượng chi thừa, chính giác chi hoa, thiền định chi trụ, Niết bàn chi ngụ, đảo chính chi long, bình đẳng chi địa, hưng hóa chi mộc, vô vi chư pháp, tất giai như huyễn. Nhiên hậu tức như huyễn trí, nhập phi huyễn chi môn, tức vô thường chi quan, đáo chân thường chi cảnh, sở vị thành tựu tuệ thân, bất do tha ngộ dã.

Nhiếp tụng kệ

Thế gian pháp:

Vương hầu khích trần kim ngõa lịch

Hoàn tố chi phục như tệ bạch

Đại thiên sa giới nhất ha tử

A nốc trì thủy tỷ du trích.

Xuất thế pháp:

Phương tiện chân thừa cầu Phật lược

Thiền Tu Di trụ Niết bàn ngụ

Đảo chính long vũ hưng hóa chuyển

Nhất chân bình đẳng nguyên phi độ.

VIỆT DỊCH

Chương thứ bốn mươi hai:

HIỂU RÕ CÁC PHÁP

Phật dạy: Ta coi ngôi vua quan như bụi qua khe hở (rối rít không yên, tựa có không thật), **coi báu vàng ngọc như sỏi sành** (chứa nhóm như núi cao, chẳng ích gì cho đạo), **coi mặc nhuyễn trắng như giẻ rách** (mượn để che thân, không cần tốt đẹp), **coi cõi đại thiên như hạt cải** (cõi đại thiên rộng rãi thành được là từ pháp thiện hữu lậu thuộc chính báo của chúng sinh, coi như hạt cải, chưa hẳn đã nhỏ. Kinh Lăng Nghiêm còn dạy: "Hư không sinh trong tâm của chúng sinh như đám bọt sinh ở biển. Các cõi nước hữu lậu như vi trần, đều dựa hư không mà sinh ra. Bọt mất hư không vẫn không sao huống chi cả ba cõi"), **coi nước ao A nốc như dầu bôi chân** (A nốc nhà Tống dịch là không nóng não, vì rồng mà được tên. Ao sâu và rộng vậy, đem sâu rộng của ao ấy ví với biển trí như giọt nhỏ), **coi cửa phương tiện như đống báu hóa hiện** (của đạo pháp hóa hiện, giúp những kẻ nghèo thiếu), **coi cỗ xe Vô thượng thừa như giấc mơ vàng lụa** (dẫn dắt kẻ chưa giác ngộ để họ tin ưa), **coi đạo Phật như hoa trước mắt** (theo cơ cảm hóa, vốn

từ chỗ bất sinh), **coi thiền định như cột Tu Di** (gió cảnh sóng thức, không thể rung động), **coi Niết bàn như giấc ngủ ban chiều** (ánh soi trong viên tịch, lìa mọi thứ mộng tưởng), **coi đảo chính như sáu rồng múa** (sáu rồng lên xuống vốn không phải là chính đảo, cái thấy chấp liều, sinh ra tưởng là chính đảo. Nếu rõ được là sai, cái thấy sai, thì không phải chính đảo), **coi bình đẳng như chốn chân thực nhất** (nơi lý thực tế không chấp một hạt bụi), **coi hưng duyên giáo hóa như cây bốn mùa** (phép của tạo hóa xưa nay đổi dời, sinh ra, trụ lại, biến khác, tiêu diệt, xuân hạ thu đông, bởi nhân nghiệp duyên của chúng sinh, nên có tướng vinh, khô, suy, thịnh. Nếu hiểu rõ được duyên khởi là pháp môn giải thoát không thể nghĩ bàn, tất biết khởi chỉ là pháp khởi, diệt chỉ là pháp diệt. Nên cần tin đạo: lửa kiếp cháy hoài, mảy lông cháy nốt, non xanh như cũ trong mây trắng).

Âm nghĩa

Giác ngộ rằng: Vua quan cao quý, vàng ngọc quý hiếm, quần áo nhung tơ, cõi đại thiên to rộng, ao A nốc sâu thẳm là những pháp hữu vi, thuộc vô thường cả.

Rõ pháp môn là phương tiện, cỗ xe Vô thượng, bông hoa chính giác, cột trụ thiền định, giác tỉnh Niết bàn, sáu rồng đảo chính, nền đất bình đẳng, cỏ cây nhuận hóa, đạo pháp vô vi, tất cả như huyễn. Rồi sau tin trí như huyễn, vào cửa phi huyễn, từ quan niệm vô thường đến cảnh giới chân thường, thế là thành tựu chân trí tuệ, không cần do giác ngộ ở đâu đến vậy.

Kệ tóm tắt

Thế gian pháp:

Vua quan cát bụi, sỏi sành vàng

Gấm vóc sánh ngang giẻ rách tàn

Hạt cải so ba ngàn thế giới

Giọt dầu bôi gót nước sông Hằng.

Xuất thế pháp:

Phương tiện nói ra lý Phật thừa

Thiền định Niết bàn cũng chẳng mơ

Đảo chính rồng bay hưng hóa vật

Bình đẳng nhất chân vẫn lặng tờ.

NGUYÊN VĂN

離繫章

夜多尊者出城。見瞎鳥而笑。弟子問故。尊者言。往世我欲出家。其子被母所教。抱我足泣言。先殺子然後出家。我爲此子所障。不即出家。曆劫至今。以道眼觀。偏於六趣。適見瞎鳥正是此子。憫其愚迷。生死長遠。所以笑也。

扇母。尊者大迦旃延之母。欲再適他家。以尊者尚幼不遂其志。因名扇繩。謂如扇欲飛爲繩所繫。

PHIÊN ÂM

LY HỆ CHƯƠNG

Dạ Đa tôn giả xuất thành, kiến hạt ô nhi tiếu. Đệ tử vấn cố? Tôn giả ngôn: "Vãng thế ngã dục xuất gia, kỳ tử bị mẫu sở giáo, bão ngã túc khấp ngôn: Tiên sát tử nhiên hậu xuất gia. Ngã vị thử tử sở chướng, bất tức xuất gia, lịch kiếp chí kim, dĩ đạo nhỡn quan, biến ư lục thú, thích kiến hạt ô, chính thị thử tử, mẫn kỳ ngu mê, sinh tử trường viễn, sở dĩ tiếu dã".

Phiến mẫu: Tôn giả Ca Chiên Diên chi mẫu, dục tái thích tha gia, dĩ tôn giả thượng ấu, bất toại kỳ chí, nhân danh phiến thằng, vị như phiến dục phi, vi thằng sở hệ.

VIỆT DỊCH

CHƯƠNG LY HỆ

Tôn giả Dạ Đa ra khỏi thành, thấy con quạ mù, bật cười. Đệ tử hỏi cớ

gì? Tôn giả đáp: "Đời xưa tôi muốn xuất gia, có đứa con được mẹ xui, ôm chân tôi khóc: Giết con trước đã rồi hãy xuất gia, tôi bị đứa con này ngăn trở, không xuất gia ngay được, nhiều kiếp đến nay, dùng mắt đạo nhìn khắp sáu ngả, chợt thấy con quạ mù, chính đứa con ấy, thương nó ngu mê, còn mãi trong sống chết, vì thế nên cười".

Phiến mẫu: Mẹ ngài tôn giả Ca Chiên Diên muốn đi bước nữa, vì tôn giả còn nhỏ, không thể đi được nên gọi là cái quạt có dây buộc.

NGUYÊN VĂN

總結

原夫。輪迴根本。愛欲爲區。故辭親以疏其本。出家以撤其區。四大苦空。五陰非我。故剃髮以明其本空。息意以明其非我。

三界唯心。萬法唯識。故悔過則罪從心滅。無瞋而法本來空。行慈而兼重賢。奉道而行法施。財施明福田平等。無畏乃兼利自他。會道而行。明道而見。見諦而無念無修。見性則無人無我。離名離利而離繫。了色了欲以降魔。無住而守中。淨意而真信。淨語淨身則忘機而離怖。精進安樂乃淨行以發心。見佛知道。順教海之中邊。體道直心。了法界之緣起。所謂。應觀法界性。一切唯心造。所謂。無不從此法界流。莫不還歸此法界也。

PHIÊN ÂM

TỔNG KẾT

Nguyên phù: Luân hồi căn bản, ái dục vi khu. Cố, Từ thân dĩ sơ kỳ bản, Xuất gia dĩ triệt kỳ khu. Tứ đại khổ không, ngũ ấm phi ngã, cố Thế phát dĩ minh kỳ bản không, Tức ý dĩ minh kỳ phi ngã.

Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, cố Hối quá tắc tội tòng tâm diệt, Vô sân nhi pháp bản lai không, Hành từ nhi kiêm Trọng hiền, Phụng đạo nhi hành Pháp thí, Tài thí minh phúc điền bình đẳng, Vô úy nãi kiêm lợi tự tha, Hội đạo nhi hành, Minh đạo nhi kiến. Kiến đế nhi Vô niệm vô tu, Kiến tính tắc vô nhân Vô ngã, Ly danh Ly lợi nhi Ly hệ, Liễu sắc Liễu dục dĩ Hàng ma, Vô trụ nhi thủ trung, Tịnh ý nhi

chân tín, Tịnh ngữ Tịnh thân tắc Vong cơ nhi Ly phố, Tinh tiến An lạc nãi Tịnh hạnh dĩ Phát tâm. Kiến Phật Tri đạo Thuận giáo hải chi trung biên, Thể đạo Trực tâm Liễu pháp giới chi duyên khởi. Sở vị, ưng quán pháp giới tính, nhất thiết duy tâm tạo; sở vị, vô bất tòng thử pháp giới lưu, mạc bất hoàn quy thử pháp giới dã.

Phật Thuyết Tứ Thập Nhị Chương Kinh.

VIỆT DỊCH

TỔNG KẾT

Tổ Nguyên Uẩn

Xét ra cỗi gốc luân hồi ưa muốn là vực sâu. Cho nên Từ thân để khơi gợi gốc ấy, Xuất gia để triệt phá khu ấy. Bốn đại, khổ không, năm ấm chẳng phải ta: Cho nên Cạo tóc để rõ gốc cây ấy vốn Không. Thôi để ý rõ ràng không phải là ta.

Ba cõi duy tâm, muôn pháp chỉ từ ý thức, cho nên Hối quá thì tội trừ tâm diệt, Vô sân thì vốn là không, Làm lành kiêm Trọng bậc hiền, Phụng đạo mà làm Pháp thí, Tài thí rõ phúc điền là bình đẳng, Vô úy mà kiêm lợi tự tha, Hiểu đạo mà làm, Sáng đạo mà thấy. Thấy đúng mà Không niệm, không tu, Thấy tính mà Không ta (vô ngã), không người (vô nhân), Lìa danh, Lìa lợi mà Lìa ràng buộc, Rõ sắc, Rõ ưa muốn mà Dẹp ma, Vô trụ mà giữ trung đạo, Tịnh ý mà tin chân thật, Tịnh ngữ, Tịnh thân, thì Quên cơ mà Lìa sợ hãi, Tinh tiến An lạc thì Tịnh hạnh mà phát tâm. Thấy Phật Biết đạo Thuận giữa, bên biển giáo, Thể đạo Thẳng tâm Rõ duyên khởi pháp giới. Thế là xem đúng tính pháp giới tất cả tâm tạo ra. Thế là không gì chẳng từ pháp giới này lưu thông ra, không gì chẳng về pháp giới này vậy.

Phật dạy Kinh Bốn Mươi Hai Chương.

HẾT

Ghi chú:

+ Phiên âm: Theo bản gốc tại Tổ đình Viên Minh.

+ Việt dịch: Cư sĩ Phúc Tế ghi theo lời giảng của Hòa thượng Thích Phổ Tuệ tại thảo am Quang Lãng, Phú Xuyên, Hà Tây - 1997.

LỜI CỦA HÒA THƯỢNG

Kinh Bốn Mươi Hai Chương là nhan đề riêng của kinh này. Bởi văn kinh này chia làm 42 bài. Trong đó bao gồm tất cả giáo nghĩa của Đại, Tiểu thừa, có sự có lý.

Về sự: Đầu kinh ghi sự tích khi Đức Phật thành đạo thuyết pháp.

Về lý: 42 chương bao quát tất cả giáo nghĩa, Đại, Tiểu thừa ngay đây có thể biết được điều thiết yếu của đạo pháp.

Ba chương trước là Giáo, Hành, Quả chung cả ba thừa, lấy liễu thoát sinh tử làm gốc. Ba thừa là Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát. Ý chung cho cả ba thừa, đều bởi nhân là xuất gia, quả là liễu thoát sinh tử. Đó là nghĩa Giáo, Hành, Quả chung cho cả ba thừa.

Căn cứ vào hai nghĩa trên, thì phép thế gian hay phép xuất thế gian đều đã thu gồm vào cả không sót.

Từ chương thứ 9 đến chương thứ 38, giảng rõ thắng hạnh của Đại thừa không chung, bao quát cả lục độ vạn hạnh. Bởi nghĩa ấy tuy có đan xen giáo nghĩa Tiểu thừa, nhưng phần nhiều dạy rõ nghĩa Đại thừa, có thể nói là môn Tổng trì tất cả các pháp.

Rồi chương 3 nữa dạy chung là giáo phải tin, lý phải hiểu, hành phải tu. Chương cuối cùng tổng kết, dạy rõ dùng trí tuệ thật xét khắp tất cả các pháp.

Căn cứ như trên đã nói, thì nghĩa ba tạng 12 bộ kinh và các nghĩa cổ đức đời sau phương tiện dạy ra, đều không lìa kinh này và cũng là thứ pháp bảo đầu tiên được truyền sang Trung Quốc.

Triều nhà Đông Hán, vua Minh Đế, niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ ba, vua mơ thấy người vàng hơn trượng bay đến sân nhà vua. Vua hỏi ông Phó Nghị, rồi sai bọn ông Thái Hâm đến Ấn Độ cầu kinh Phật, gặp hai ngài Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan, dùng ngựa trắng chở kinh đến đất Lạc Dương (Trung Quốc). Niên hiệu Vĩnh Bình thứ mười, dựng chùa Bạch Mã, phiên dịch kinh sách. Bộ Kinh Bốn Mươi Hai Chương được lưu thông vào Chấn Đán (Trung Quốc) sớm nhất, lời gần ý xa, người ta không xét nên ngài Thủ Toại lại chú thích qua, vị tăng Viên Diễn làm kệ tụng thâu tóm để lên đầu từng chương, lời văn vắn tắt, nghĩa lý rõ ràng. Ví như sao Hôm, sao Mai nổi ánh sáng mặt trời đều là mở trí quang của Phật Tổ, làm gương báu cho đời sau vậy.

Bản khắc gỗ cổ ở Việt Nam ta có kèm cả Kinh Di Giáo, Quy Sơn Cảnh Sách gọi là Phật Tổ Tam Kinh để ở chùa Báo Quốc thôn Bình Vọng, lâu ngày ván bị hư hỏng, đến năm Bính Ngọ (1906), ngài

Nguyên Uẩn ở chùa Viên Minh (Quang Lãng, Phú Xuyên, Hà Tây) viết và khắc lại cả ba kinh có kèm theo cả kệ tụng và thêm âm nghĩa dưới phần chú thích của Tổ Thủ Toại.

Nay tôi, để tỏ chút lòng tri ân, mạo muội cố gắng dịch ra tiếng Việt cả những bài tụng kệ thành thơ, để lên cuối mỗi chương. Dưới phần dịch văn kinh có dịch thêm giảng văn. Trước là khỏi phụ công sáng kiến của Cổ đức phát huy, sau là giúp cho sự thu hoạch của lớp sau được dễ hiểu.

Hẳn cũng chưa hết được phần sai sót, kính mong được các vị cao minh chỉ cho, để sau này tái bản được hoàn thiện hơn.

TÙNG LÂM PHÁP YẾU

1. Tùng lâm lấy thanh nhàn làm hưng thịnh.

2. Tu hành lấy niệm Phật là ổn đáng.

3. Tinh tiến lấy giữ giới là thứ nhất.

4. Tật bệnh lấy bớt ăn là thang thuốc.

5. Trên phiền não nhẫn nhục là Bồ đề.

6. Trái phải không biện bạch là giải thoát.

7. Giữ chúng bậc lão thành là chân tình.

8. Làm việc lấy hết lòng là có công.

9. Lời nói lấy ngắn gọn và dứt khoát.

10. Lớn nhỏ lấy từ hòa để tiến đức.

11. Học hỏi lấy cần tập là cửa vào.

12. Nhân quả lấy rõ ràng là không lỗi.

13. Già chết lấy vô thường để nhắc nhở.

14. Việc Phật lấy tinh nghiêm là thiết thật.

15. Đãi khách lấy chí thành là cúng dàng.

16. Sơn môn bậc kỳ cựu là trang nghiêm.

17. Công việc lấy dự bị là không mệt.

18. Cư xử với chúng nhún nhường là có lý.

19.Qua hiểm nguy không rối loạn là sức định.

20.Cứu giúp lấy từ bi là cội gốc.

Hòa thượng Thích Phổ Tuệ soạn dịch

Phần hai
Kinh Phật Di Giáo

Hán dịch : Diêu Tần - Tam tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập

Chú thích : Sa môn Thủ Toại

Âm nghĩa : Tổ Nguyên Uẩn

Việt dịch : Kế đăng Sa môn Thích Phổ Tuệ

NGUYÊN VĂN

遺教經

遺教經敕

大唐太宗文武聖皇帝施行。

出文館辭林六百九十三卷。

敕旨。法者。如來滅後。以末代澆浮。付囑國王大臣。護持佛法。然僧尼出家。戒行須備。若縱情淫逸。觸塗煩惱。關涉人間。動違經律。既失如來玄妙之旨。又虧國王受付之義。遺教經。是佛臨涅槃所說。誡敕弟子。甚為詳要。末俗緇素。並不崇奉。大道將隱。微言且絕。永懷聖教。用思弘闡。宜令所司。差書手十人。多寫經本。務盡施行。所須紙筆墨等。有司準給。其官宦五品以上。及諸州刺史。各付一卷。若見僧尼行業。與經文不同。宜公私勸勉。必使遵行。

PHIÊN ÂM

DI GIÁO KINH SẮC

Đại Đường, Thái Tông Văn Võ Thánh Hoàng đế thi hành, xuất Văn Quán Từ Lâm, lục bách cửu thập tam quyển.

Sắc chỉ, pháp giả, Như Lai diệt hậu, dĩ mạt đại nghiêu phù, phó chúc quốc vương, đại thần hộ trì Phật pháp. Nhiên tăng ni xuất gia, giới hạnh tu bị. Nhược túng tình dâm dật, xúc đồ phiền não, quan thiệp nhân gian, động vi kinh luật, ký thất Như Lai huyền diệu chi chỉ, hựu khuy quốc vương thụ phó chi nghĩa. Di Giáo Kinh, thị Phật lâm Niết bàn sở thuyết, giới sắc đệ tử, thậm vi tường yếu. Mạt tục truy tố, tịnh bất sùng phụng. Đại đạo tương ẩn, vi ngôn thả tuyệt. Vĩnh hoài thánh giáo, dụng tư hoằng xiển, nghi linh sở ty, sai thư thủ thập nhân, đa tả kinh bản, vụ tận thi hành. Sở tu chỉ bút mặc đẳng, hữu tư chuẩn cấp. Kỳ quan hoạn ngũ phẩm dĩ thượng, cập chư châu thứ sử, các phó nhất quyển.

Nhược kiến tăng ni hành nghiệp dữ kinh văn bất đồng, nghi công tư khuyến miễn, tất sử tuân hành.

VIỆT DỊCH

LỜI SẮC KINH DI GIÁO

Đời đại Đường, vua Thái Tông Văn Võ Thánh Hoàng ban hành, xuất xứ ở quyển 693, bộ Văn Quán Từ Lâm.

Ý trong tờ sắc nói về đạo pháp, sau khi Đức Như Lai diệt độ bởi đời mạt lênh đênh, nên phó chúc cho vua quan giữ gìn Phật pháp. Tất nhiên tăng ni xuất gia phải đủ giới hạnh. Nếu buông lỏng rông rỡ gây nên phiền não, quan hệ giao thiệp với nhân gian, hành động trái với kinh luật, như thế đã mất ý màu nhiệm của Như Lai, lại còn thiếu luôn ý nghĩa nhà vua nhận sự phó chúc. Kinh Di Giáo là lời Phật lúc sắp Niết bàn, răn dạy đệ tử, tỏ rõ thiết yếu. Đời mạt pháp ở thế tục, cả xuất gia và tại gia đều không tôn thờ. Đạo lớn sẽ mất, lời tinh diệu mất theo. Nhớ mãi Phật dạy, nghĩ cách mở rộng, nên khiến sở, ty chọn lựa mười người viết, chép nhiều bản kinh để phát hành. Phàm dùng đến giấy bút gì có quan hữu tư phải cấp. Hàng quan ngũ phẩm trở lên cho đến quan nhỏ các châu, huyện đều cho một quyển.

Nếu thấy tăng ni hành nghiệp không đúng với kinh văn, nên công khai hoặc khuyên can họ cố gắng tuân theo.

NGUYÊN VĂN

遺教經節目提綱說

前序分。後流通。中十九節正宗。三學全彰。六度略一。

經之有節。猶木之有枝。節以要名。經云略說法要。是也。

蓋華嚴法花。涅槃。大事始終已畢。別有一類。未法有緣。未得度者。喻如長者會親友付家業長幼各安其所。唯一子最小。未能持業。臨終殷勤。唯恐不及。

故四十二章經。如明師之訓蒙徒。循循善誘。文理昭彰。遺教經。如慈父之囑幼子。反復丁寧。辭義切要。俾耳而目。皆思而修。顧復深心。庶不孤負。今列二十一節。俾觀者提綱得目。歷節歸根云。

序分。正令全提。

持戒。六度根基。

製心。萬行樞要。

節量。自他兼利。

慚愧。內外莊嚴。

忍辱。善法寶藏。

正命。清淨法身。

直心。質直為本。

少欲。功德所生。

知足。安樂有余。（以上戒學）

遠離。事理俱遣。（定學）

精進。悲智雙融。（兼三學）

不忘念。理事雙照。（慧學）

禪定。寂而常照。（定）

智慧。照而常寂。（慧）

不戲論。解行相應。（慧兼定）

捨放逸。動靜一如。（定兼慧）

決疑。因果無差。

因緣。法界緣起。

一心。法身常住。（以上慧學）

流通。往復無際。

問。略施度何意。

答。以三五法。聞思而修。念念回施眾生。不

損一毛。而施彌沙界。

PHIÊN ÂM

DI GIÁO KINH

TIẾT MỤC ĐỀ CƯƠNG THUYẾT

Tiền Tự phận, hậu Lưu thông, trung thập cửu tiết Chính tông, tam học toàn chương, lục độ lược nhất.

Kinh chi hữu tiết, do mộc chi hữu chi. Tiết dĩ yếu danh. Kinh vân lược thuyết pháp yếu, thị dã.

Cái Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Niết Bàn đại sự thủy chung dĩ tất. Biệt hữu nhất loại, mạt pháp hữu duyên, vị đắc độ giả. Dụ như trưởng giả hội thân hữu phó gia nghiệp, trưởng ấu các an kỳ sở. Duy nhất tử tối tiểu, vị năng trì nghiệp, lâm chung ân cần duy khủng bất cập.

Cố Tứ Thập Nhị Chương kinh, như minh sư chi huấn mông đồ, tuần tuần thiện dụ, văn lý chiêu chương. Di Giáo kinh như từ phụ chi chúc ấu tử, phản phục đinh ninh, từ nghĩa thiết yếu, tỷ nhĩ nhi mục, giai tư nhi tu. Cố phục thâm tâm, thứ bất cô phụ. Kim liệt

nhị thập nhất tiết. Tỷ quan giả đề cương đắc mục, lịch tiết quy căn vân.

Tự phận: Chính lệnh toàn đề.

Trì giới: Lục độ căn cơ.

Chế tâm: Vạn hạnh khu yếu.

Tiết lượng: Tự tha kiêm lợi.

Tàm quý: Nội ngoại trang nghiêm.

Nhẫn nhục: Thiện pháp bảo tàng.

Chính mệnh: Thanh tịnh pháp thân.

Trực tâm: Chất trực vi bản.

Thiểu dục: Công đức sở sinh.

Tri túc: An lạc hữu dư (dĩ thượng giới học).

Viễn ly: Sự lý câu khiển (định học).

Tinh tiến: Bi trí song dong (kiêm tam học).

Bất vong niệm: Lý sự song chiếu (tuệ học).

Thiền định: Tịch nhi thường chiếu (định).

Trí tuệ: Chiếu nhi thường tịch (tuệ).

Bất hý luận: Giải hành tương ứng (tuệ kiêm định).

Xả phóng dật: Động tĩnh nhất như (định kiêm tuệ).

Quyết nghi: Nhân quả vô sai.

Nhân duyên: Pháp giới duyên khởi.

Nhất tâm: Pháp thân thường trụ (dĩ thượng tuệ học).

Lưu thông: Vãng phục vô tế.

Vấn: Lược thí độ hà ý?

Đáp: Dĩ tam ngũ pháp, văn tư nhi tu. Niệm niệm hồi thí chúng

sinh, bất tổn nhất mao, nhi thí di sa giới.

VIỆT DỊCH

LỜI NÓI ĐẦU CHỈ RÕ TỪNG TIẾT MỤC CỦA KINH DI GIÁO

Trước là phần Tựa, sau là phần Lưu thông, giữa là 19 tiết Chính tông, là ba môn học nêu rõ hoàn toàn, lục độ lược qua một phần.

Kinh, có từng tiết mục, cũng như cây có cành. Tiết, là lấy thiết yếu để đặt tên. Kinh dạy: Nói qua thiết yếu về giáo pháp ấy vậy. Bởi vì các kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Niết Bàn việc lớn trước sau đã xong, còn riêng một loại người có duyên về thời mạt pháp chưa được độ. Dụ như nhà trưởng giả họp thân hữu giao phó sự nghiệp gia đình, lớn nhỏ ai yên phận nấy. Chỉ còn một con út chưa có khả năng gìn giữ gia nghiệp, tới lúc lâm chung ân cần chỉ sợ không kịp.

Cho nên Kinh Bốn Mươi Hai Chương như thầy thông minh dạy học trò dốt phải khéo dỗ dần dần, văn chương, nghĩa lý rõ ràng. Kinh Di Giáo như cha lành dặn con thơ (trăn trở) cặn kẽ, lời và nghĩa thiết yếu, khiến cho con từ nghe đến xem đều phải suy nghĩ để mà tu. Ngắm lại nỗi lòng sâu xa ngõ hầu không lơ là. Nay liệt kê 21 tiết, khiến người xem nắm được giường mối, qua từng đốt rồi trở về đến gốc vậy.

Phần tựa: Những điểm chính yếu.

Giữ giới luật: Nền tảng của lục độ.

Kiềm chế: Tâm ý then chốt muôn nết.

Phải có tiết độ: Mình và người đều lợi cả.

Biết hổ thẹn mình, xấu hổ: Với người thì nội ngoại cùng trang nghiêm.

Nhẫn nhục: Là kho báu chứa những pháp lành.

Cách sống chân chính: Pháp thân trong sạch.

Lòng dạ ngay thẳng: Thực thà chất phác là gốc.

Ít ham muốn: Là nơi sinh ra công đức.

Biết đủ: An vui có thừa.

Xa lìa: Huyên náo.

Tinh tiến: Lòng thương và trí tuệ cả hai đều hòa.

Không quên chính niệm: Soi rõ cả sự và lý (tuệ học).

Tâm nhập định: Là vắng lặng mà thường soi (định).

Hiểu rõ trí tuệ: Soi mà thường yên lặng (tuệ).

Không bàn nhảm: Biết và làm hợp nhau (định gồm cả tuệ).

Bỏ thói buông thả: Động tĩnh như một (định kiêm tuệ).

Quyết đoán không ngờ vực: Nhân quả không sai.

Lý nhân duyên: Khởi ra pháp giới.

Nhất tâm: Pháp thân thường trụ (từ đây trở lên là tuệ học).

Lưu thông: Đi lại thân không cùng.

Hỏi: Lược bớt độ bá thí là ý gì?

Đáp: Bởi tam học và ngũ độ nghe, nghĩ mà tu. Từng giây phút vẫn hồi hướng cho chúng sinh, không tổn hại một cái lông mà vẫn làm bá thí khắp pháp giới.

NGUYÊN VĂN

佛遺教經。一名佛臨涅槃略說教戒經。

姚秦。三藏法師。鳩摩羅什。奉詔譯。鄜郊。鳳山。蘭若嗣祖沙門守遂注。

PHIÊN ÂM

Phật Di Giáo kinh, nhất danh Phật Lâm Niết Bàn Lược Thuyết Giáo Giới kinh.

Diêu Tần, Tam tạng Pháp sư Cưu Ma La Thập phụng chiếu dịch.
Vân Giao, Phượng Sơn, Lan Nhã, tự tổ sa môn Thủ Toại chú.

VIỆT DỊCH

Kinh Phật Di Giáo là tên gọi kinh Giáo giới của Phật, lược thuyết khi Ngài sắp Niết bàn.

Đời Diêu Tần, ngài Pháp sư Tam tạng Cưu Ma La Thập vâng mệnh nhà vua dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán. Quận Vân Giao núi Phượng, chốn Lan Nhã, bậc sa môn nối ngôi tổ là ngài Thủ Toại chú thích.

NGUYÊN VĂN

序分

釋迦牟尼佛初轉法輪。度阿若憍陳如。最後說法。度須跋陁羅。所應度者。皆已度訖。於娑羅雙樹間將入涅槃。是時中夜寂然無聲。為諸弟子略說法要。

諸佛悲願。赴感應機。出世度生。無緣不應。滅與不滅。皆方便焉。

示滅化儀。佛佛皆示。丁寧付囑。表悲願之不窮。在昔如來四十九年。三百餘會。始從鹿野苑。終至跋□河。一大事因緣已畢。於此略說法要。為後人之紀綱耳。

音義

此節結集略敍一代時教始終。以為此經之序分也。釋迦云能仁。姓也。牟尼云。寂默。字也。陳如云。火器。姓也。阿若云。無知。名也。

初轉法輪是菩提白淨法。最後說法是涅槃白淨法。以表智斷二德。須陀羅云。好賢善賢。外道名也。娑羅云。堅固。雙樹者枝根相連榮枯合理表破斷常二見。中夜寂然。表中道寂滅之理略說法要。為此經別序之由。下二十節略說之法也。

PHIÊN ÂM

TỰ PHẬN

Thích Ca Mâu Ni Phật, sơ chuyển pháp luân, độ A Nhã Kiều Trần Như, tối hậu thuyết pháp, độ Tu Bạt Đà La, sở ưng độ giả, giai dĩ độ ngật. Ư Sa La song thụ gian, tương nhập Niết bàn. Thị thời trung dạ, tịch nhiên vô thanh, vị chư đệ tử lược thuyết pháp yếu.

(Chư Phật bi nguyện, phó cảm ứng cơ, xuất thế độ sinh, vô duyên bất ứng, diệt dữ bất diệt, giai phương tiện yên.

Thị diệt hóa nghi, Phật Phật giai thị, đinh ninh phó chúc, biểu bi nguyện chi bất cùng. Tại tích Như Lai, tứ thập cửu niên, tam bách dư hội, thủy tòng Lộc Dã uyển, chung chí Bạt Đề hà, nhất đại sự nhân duyên, dĩ tất ư thử, lược thuyết pháp yếu vi hậu nhân chi kỷ cương nhĩ).

Âm nghĩa

Thử tiết, kết tập lược tự nhất đại thời giáo thủy chung, dĩ vi thử kinh chi Tự phận dã. Thích Ca vân: Năng nhân, tính dã. Mâu Ni vân: Tịch mặc, tự dã. Trần Như vân: Hỏa khí, tính dã. A Nhã vân: Vô tri, danh dã.

Sơ chuyển pháp luân thị Bồ đề, bạch tịnh pháp, tối hậu thuyết pháp, thị Niết bàn bạch tịnh pháp. Dĩ biểu trí, đoạn nhị đức. Tu Bạt Đà La vân Hảo Hiền, Thiện Hiền, ngoại đạo danh dã. Sa La vân kiên cố, Song Thụ giả chi căn tương liên, vinh khô hợp lý, biểu phá đoạn thường nhị kiến. Trung dạ tịch nhiên, biểu trung đạo tịch diệt chi lý. Lược thuyết pháp yếu, vi thử kinh biệt tự chi do. Hạ nhị thập tiết lược thuyết chi pháp dã.

VIỆT DỊCH

TỰA

Phật Thích Ca Mâu Ni ban đầu chuyển bánh xe pháp, độ ông A Nhã Kiều Trần Như, sau cùng thuyết pháp độ Tu Bạt Đà La. Ai đáng được độ đều đã độ xong. Ở rừng Sa La song thụ, sắp vào cõi Niết bàn, lúc ấy nửa đêm vắng ngắt không âm thanh, vì các đệ tử nói qua những pháp thiết yếu.

(Nguyện thương xót của chư Phật cảm ứng tới cơ, ra đời độ sinh

không cơ duyên nào không cảm ứng, diệt với không diệt đều là phương tiện.

Phép giáo hóa thị diệt ra tịch diệt, Đức Phật nào cũng thế, cặn kẽ dặn bảo, nêu rõ nguyện thương xót không cùng. Xưa Đức Như Lai còn ở đời bốn mươi chín năm, hơn ba trăm hội, trước từ vườn Hươu, sau cùng đến sông Bạt Đề, một nhân duyên việc lớn đến đây đã xong, lược nói pháp thiết yếu là kỷ cương để lại cho sau mãi mãi).

Âm nghĩa

Bài này trình bày qua việc trước sau kết tập một thời đại giáo pháp, chính đó là phần Tựa của kinh này. Chữ Thích Ca dịch là Năng nhân - hay làm việc thiện nhân từ, đồng thời là họ vậy. Mâu Ni dịch là Yên lặng, tức tên chữ vậy. Trần Như dịch là Hỏa khí (là lửa) tức họ. A Nhã dịch là Vô tri (không biết) tức là tên.

Thoạt đầu chuyển bánh xe pháp là chính giác trong sạch, thuyết pháp cuối cùng là Niết bàn trong sạch: để nêu rõ hai đức trí và đoạn. Chữ Tu Bạt Đà La dịch là Hảo Hiền, Thiện Hiền, chỉ tên người ngoại đạo. Sa La nghĩa là vững bền, song thụ (cây đôi thân song song với nhau) là cành gốc liền nhau, tươi khô hợp thớ, biểu hiện phá hai kiến chấp đoạn diệt và thường hằng. Nửa đêm yên lặng là tiêu biểu cái lý trung đạo tịch diệt. Nói qua pháp thiết yếu là lý do riêng trình bày của kinh này. Hai mươi tiết dưới đây là pháp nói lược.

NGUYÊN VĂN

一節明持戒

汝等比丘。於我滅後。當尊重珍敬波羅提木叉。宋云「別解脫」即「具足戒」也。如闇遇明。貧人得寶。當知此則是汝等大師。若我住世。無異此也。重戒如佛。佛常在焉。持淨戒者。不得販賣貿易。安置田宅。畜養人民。奴婢。畜生。一切種植。及諸財寶。皆當遠離。如避火坑。營求世利。業火加薪。志存無為。戒珠絕類。不得斬伐草木。懇土掘地。合和湯藥。占相吉□。仰觀星宿。推步盈虛。曆數算計。皆所不應！節身時食。清淨自活。

草繫鵝珠。棄命守戒。古既如是。今何不然。術數休咎。邪命之習。非清淨也。

不得叅預世事。通致使命。呪術仙藥。結好貴人。親厚媟嫚。皆不應作！通使。呪藥。背涅槃道。結貴親嫚。順生死流。當自端心。正念求度。端心正念。彼岸非遙。不得包蔵瑕疵。顯異惑衆。內不隱覆小失。發露自心。外不顯衒非真。濫膺恭敬。於四供養。知量知足。衣服臥具。身外無餘。飲食醫藥。

乞求知足。趣得供事。不應畜積。長餘不積。旅泊無累。此則略說持戒之相。戒是正順解脫之本。故名「波羅提木叉」。結略戒相。持者正順解脫。犯者正順煩惱。開。遮。持。犯。具諸律部。大聖略囑。務要遵行。

依因此戒。得生諸禪定。及滅苦智慧。是故比丘。當持浄戒。勿令毀缺。若人能持浄戒。是則能有善法。若無浄戒。諸善功德皆不得生！是以當知戒為第一安稳功德住□。

因戒生定。因定生慧。一代時教。唯此三法。無不該盡。衆生無始無明業惑重障。以此三法圓具。則應念消落。一切善法功德。應念於此建立者也。

音義

尊敬木叉者持戒之總相。不得販賣下略持戒之別相。因依此戒下。結持戒之功能。謂因戒出三途。生定出六欲。發慧出三界修無漏成正覺故云第一安穩功德住處也。

草繫。昔有比丘野行。被賊劫衣。賊懼發覺。欲盡殺諸比丘。賊中有知比丘法不傷草木。即各以草繫之而去。諸比丘相謂曰。惟當護戒。寧死不犯。王出見。贊嘆為解云云。

鵝珠。昔有比丘乞食。至穿珠家。珠師入內取食時。鵝見珠色似肉。呑之。珠師持食施比丘。覓珠不見。以失王珠。心急。語比丘言。歸我珠來。比丘自念。我當守戒。護彼生命。答言。誰得汝珠。乃至被打。身血盡出。亦不肯言。時彼鵝來食血。珠師嗔打鵝死。乃實告之。彼開鵝得珠。大哭悔過。詳在莊嚴論。

攝頌偈

珍重波羅提木叉

如暗遇明貧得寶

戒生禪定與慧光

第一安穩功德住

營求攀結總非宜

匿疵顯異多欺誤

四事供養知足時

端心正念自求度。

PHIÊN ÂM

Nhất tiết MINH TRÌ GIỚI

Nhữ đẳng Tỷ khiêu! Ư ngã diệt hậu, đương tôn trọng trân kính Ba la đề mộc xoa (Tống vân: biệt giải thoát, tức cụ túc giới dã), **như ám ngộ minh, bần nhân đắc bảo, đương tri thử, tắc thị nhữ đẳng đại sư. Nhược ngã trụ thế, vô dị thử dã** (trọng giới như Phật, Phật thường tại yên). **Trì tịnh giới giả, bất đắc phiến mại mậu dịch, an trí điền trạch, súc dưỡng nhân dân, nô tỳ, súc sinh, nhất thiết chủng thực, cập chư tài bảo, giai đương viễn ly, như tự hỏa khanh** (doanh cầu thế lợi, nghiệp hỏa gia tân, chí tổn vô vi, giới châu tuyệt lỗi). **Bất đắc trảm phạt thảo mộc, khẩn thổ quật địa, hợp hòa thang dược, chiêm tướng cát hung, ngưỡng quan tinh tú, suy bộ doanh hư, lịch số, toán kế, giai sở bất ưng, tiết thân thời thực, thanh tịnh tự hoạt.**

(Thảo hệ, nga châu, khí mệnh thủ giới. Cổ ký như thị, kim hà bất nhiên? Thuật số hưu cữu, tà mệnh chi tập, phi thanh tịnh dã).

Bất đắc tham dự thế sự, thông trí sứ mệnh, chú thuật tiên dược, kết hảo quý nhân, thân hậu tiết mạn, giai bất ưng tác (thông, sứ, chú dược, bội Niết bàn đạo, kết quý, thân mạn, thuận sinh tử lưu). **Đương tự đoan tâm, chính niệm cầu độ** (đoan tâm chính niệm, bỉ ngạn phi dao), **bất đắc bao tàng hà tỳ, hiển dị hoặc chúng** (nội bất ẩn, phú tiểu thất, phát lộ tự tâm, ngoại bất hiển thuật phi chân, lạm ưng cung kính). **Ư tứ cúng dàng, tri lượng tri túc** (y phục, ngọa cụ, thân ngoại vô dư, ẩm thực y dược, khất cầu tri túc), **thú đắc cung sự, bất ưng súc tích** (trường dư bất tích, lữ bạc vô lụy). **Thử tắc, lược thuyết trì giới chi tướng. Giới thị chính thuận giải thoát chi bản, cố danh Ba la đề mộc xoa** (kết lược giới tướng, "trì giả" chính thuận giải thoát, "phạm giả" chính thuận phiền não. Khai, già, trì, phạm, cụ chư luật bộ, đại thánh lược chúc, vụ yếu tuân hành).

Nhân y thử giới, đắc sinh chư thiền định, cập diệt khổ trí tuệ. Thị cố Tỷ khiêu! Đương trì tịnh giới, vật linh hủy khuyết. Nhược nhân năng trì tịnh giới, thị tắc năng hữu thiện pháp. Nhược vô tịnh giới, chư thiện công đức, giai bất đắc sinh. Thị dĩ

đương tri, giới vi đệ nhất an ổn công đức trụ xứ.

(Nhân giới sinh định, nhân định sinh tuệ, nhất đại thời giáo, duy thử tam pháp, vô bất cai tận. Chúng sinh vô thủy vô minh, nghiệp hoặc trọng chướng, dĩ thử tam pháp viên cụ, tắc ứng niệm tiêu lạc. Nhất thiết thiện pháp công đức, ứng niệm ư thử kiến lập giả dã).

Âm nghĩa

Tôn kính Mộc xoa giả, trì giới chi tổng tướng, bất đắc phiến mại hạ, lược trì giới chi biệt tướng, nhân y thử giới hạ, kết trì giới chi công năng. Vị nhân giới, xuất tam đồ, sinh định, xuất lục dục, phát tuệ, xuất tam giới, tu vô lậu thành chính giác. Cố vân: Đệ nhất an ổn công đức trụ xứ dã.

Thảo hệ: Tích hữu Tỷ khiêu dã hành bị tặc kiếp y. Tặc cụ phát giác, dục tận sát chư Tỷ khiêu. Tặc trung hữu tri Tỷ khiêu pháp bất thương thảo mộc, tức các dĩ thảo hệ chi nhi khứ. Chư Tỷ khiêu tương vị viết: "Duy đương hộ giới, ninh tử bất phạm". Vương xuất kiến, tán thán vị giải, v.v.

Nga châu: Tích hữu Tỷ khiêu khất thực, chí xuyên châu gia. Châu sư nhập nội thủ thực thời, nga kiến châu sắc tự nhục, thôn chi, châu sư trì thực, thí Tỷ khiêu, mịch châu bất kiến, dĩ thất vương châu, tâm cấp. Ngữ Tỷ khiêu ngôn: "Quy ngã châu lai!" Tỷ khiêu tự niệm: "Ngã đương thủ giới, hộ bỉ sinh mệnh", đáp ngôn: "Thùy đắc nhữ châu", nãi chí bị đả thần huyết tận xuất, diệc bất khẳng ngôn. Thời bỉ nga lai thực huyết, châu sư sân đả nga tử, nãi thật cáo chi. Bỉ khai nga đắc châu, đại khốc hối quá. Tường tại Trang Nghiêm luận.

Nhiếp tụng kệ

Trân trọng Ba la đề mộc xoa

Như ám ngộ minh, bần đắc bảo

Giới sinh thiền định, dữ tuệ quang

Đệ nhất an ổn công đức trụ

Doanh cầu phan kết tổng phi nghi

Lặc tỳ hiển dị đa khi ngộ

Tứ sự cúng dàng tri túc thì

Đoan tâm chính niệm tự cầu độ.

VIỆT DỊCH

Tiết 1: NÓI RÕ HẠNH TRÌ GIỚI

Này các ông Tỷ khiêu! Khi ta tịch diệt rồi, phải tôn trọng cung kính giới luật (Ba la đề mộc xoa nhà Tống dịch là biệt giải thoát, là giới cụ túc vậy), **như tối gặp sáng, người nghèo được của báu. Nên biết như thế thời là bậc đại sư của các ông. Như ta còn ở đời cũng không khác vậy** (trọng giới như Phật, Phật thường còn đó). **Người giữ tịnh giới không được buôn bán trao đổi, không được tậu ruộng, làm nhà, nuôi người làm tôi tớ, súc vật, các của báu đều xa lìa như tránh hố lửa** (tìm kiếm lợi ở đời, thêm củi cho lửa nghiệp, giữ chí không tạo tác, ngọc giới không có vết). **Không được chém chặt cỏ cây, cuốc vườn, đào đất, điều hòa thuốc thang, xem tướng tốt xấu, thiên văn địa lý, bói toán lịch số, đều không nên làm. Ăn đúng thời tiết, tự sống trong sạch.**

(Tích Thảo hệ và Nga châu, bỏ tính mệnh giữ giới. Xưa đã như thế nay sao không giữ? Bói toán tướng số tốt xấu, cái tập quán sống gian tà không phải thanh tịnh).

Không được tham dự việc đời, thông tin đi sứ, chú thuật thuốc tiên, kết bạn người sang, thân quen sàm sỡ đều không nên làm (thông tin đi sứ, bùa thuốc, trái đạo viên tịch, giao kết với người sang, gần kề với kẻ nhảm là thuận dòng sinh tử). **Tự mình phải ngay lòng chính niệm, cầu được độ thoát** (lòng ngay niệm chính, bờ giác chẳng xa). **Không được che giấu tội lỗi, bày trò lạ làm quần chúng mê hoặc** (trong không che giấu lỗi nhỏ, giãi bày tâm mình, ngoài không bày trò huyễn thuật không thật, lạm nhận cung kính). **Đối với bốn thứ cúng dàng biết mức biết đủ** (quần áo, đồ nằm ngoài thân không thừa, ăn uống, thuốc thang, xin cầu biết đủ), **cốt được đủ dùng không nên chứa góp** (còn thừa không chứa, tạm nhờ không lụy). **Đây là nói qua hình tướng trì giới. Giới là cái gốc chính thuận giải thoát. Bởi thế gọi giới luật** (lược kết giới tướng, "giữ" thì chính thuận giải thoát, "phạm" thì chính thuận phiền não. Khai, già, trì, phạm là pháp cho phép ngăn giữ trọn vẹn hay sai phạm, có đủ ở các bộ luật. Đức Phật dặn qua, phải cần theo tu hành).

Nhân dựa vào giới này sinh được các phép thiền định và trí tuệ diệt khổ. Vì thế các Tỷ khiêu nên giữ giới trong sạch, chớ để hủy

thiếu. Nếu ai hay giữ giới trong sạch, thế thì hay có phép lành. Nếu không có tịnh giới, mọi công đức lành đều không sinh được. Bởi thế nên biết giới là trụ xứ, công đức an ổn thứ nhất.

(Nhân giới sinh thiền định, nhân thiền định sinh trí tuệ, một thời giáo pháp của Đức Phật, chỉ ba phép này không gì không thu hết. Chúng sinh bị vô minh từ vô thủy, chướng nghiệp mê hoặc nặng. Dựa đầy đủ ba phép này thời nay một thoáng tiêu tan. Mọi công đức pháp lành được xây dựng ngay từ đây vậy).

Âm nghĩa

Tôn kính giới là tướng chung giữ giới. Từ câu "không được buôn bán" trở xuống lược qua tướng riêng giữ giới. Câu "nhân dựa vào giới này" trở xuống kết thúc công năng giữ giới. Đó chính là nhân giới được ra khỏi ba đường, sinh thiền định ra khỏi sáu cõi dục, phát sinh trí tuệ ra khỏi ba cõi, tu nghiệp vô lậu thành ngôi chính giác. Cho nên nói là trụ xứ công đức an ổn thứ nhất.

Tích Cỏ trói: Xưa có Tỷ khiêu đi ở cánh đồng vắng, bị giặc cướp áo. Giặc sợ lộ chuyện muốn giết hết các Tỷ khiêu. Trong bọn giặc có kẻ biết phép Tỷ khiêu không hại cỏ cây, liền lấy cỏ trói vào rồi bỏ đi. Các Tỷ khiêu bảo nhau rằng: "Phải nên giữ giới, thà chết không phạm". Vua ra thấy khen ngợi và cởi trói cho.

Ngỗng và ngọc: Xưa có vị Tỷ khiêu đi khất thực đến nhà thợ chuốt ngọc. Khi người thợ vào nhà trong lấy cơm, ngỗng thấy sắc ngọc màu đỏ tựa như thịt, liền nuốt vào. Thợ ngọc đem cơm cho Tỷ khiêu, tìm ngọc không thấy, vì lòng sợ mất ngọc của nhà vua, bảo Tỷ khiêu rằng: "Trả ngọc cho tôi". Tỷ khiêu tự nghĩ: "Ta phải giữ giới, giữ mạng sống cho ngỗng", liền đáp: "Ai lấy ngọc của ông", cho đến khi bị đánh, máu chảy hết, cũng không chịu nói. Khi ấy ngỗng đến ăn máu, thợ ngọc tức đánh chết ngỗng, Tỷ khiêu mới nói thực ra. Thợ ngọc mổ ngỗng, thấy ngọc, khóc to hối lỗi. Thuật rõ ở luận Trang Nghiêm.

Kệ tóm tắt

Kính trọng ba giới Ba la đề mộc xoa

Như tối gặp sáng, nghèo được báu

Giới sinh thiền định và trí tuệ

Công đức an ổn bậc thứ nhất

Tìm kiếm kết thân đều không nên

Giấu lỗi khoe tài nhiều dối trá

Bốn việc cúng dàng cần biết đủ

Lòng ngay chính ý cầu độ mình.

NGUYÊN VĂN

二節言製心

汝等比丘。已能住戒。當製五根。勿令放逸。入於五欲。譬如牧牛之人。執杖視之。不令縱逸。犯人苗稼。若縱五根。非唯五欲。將無涯畔。不可製也。

前是因事立戒。防非止惡。今明慎護根門。常須管帶。如馬祖問石鞏云。「汝作何所務。」鞏云。「牧牛。」祖云。「如何牧。」鞏云。「鼻索常在手。一逥落草去。把鼻拽將來。」祖云。「如是如是！」

亦如惡馬。不以轡製。將當牽人墜於坑陷。意馬難調。戒為轡勒。如被刼害。苦止一世。五根賊禍。殃及累世。為害甚重。不可不慎！人命。世財。苦唯現世。慧命。法財。貧苦永刼。輕重霄壤。得不慎耶。是故智者製而不隨。持之如賊。不令縱逸。持心正觀。根。境本空。物。我皆如。攀緣何起。假令縱之。皆亦不乆見其磨滅。妄情不真。須臾變滅。

此五根者。心為其主。是故汝等。當好製心。五根虛妄。妄識為宰。欲製妄宰。止。觀雙行。心之可畏。甚於毒虺。悪獸。怨賊。大火。越□。未足喻也。世間毒悪未可喻者。蓋能害法身慧命。故也。

譬如有人。手執蜜器。動轉輕躁。但觀於蜜。不見深坑。妄心妄境。味著彌堅。地獄深坑。躁動不覺。

又如狂象無鈎。猿猴得樹。騰躍踔躑。難可禁製。當急挫之。無令放逸。狂象心猿。戒為鈎鎖。縱此心者。喪人善事。製之一□。無事不辦。一念不生。諸緣頓息。是故比丘當勤精進。折伏汝心。知心本空。當勤折伏。了境常寂。精進無疲。

音義

永嘉云。損法財。滅功德。莫不由斯心意識。蓋心意識一體三用。積集名心。思惟名意。分別名識。

又有染淨二用。真如內熏。善積集。善思維。善分別。名淨用。所謂。

無不從此法界流。

無明外熏。惡分別。惡思維。惡積集。名染用。所謂。無量劫來生死本。楞嚴云。輪轉生死。唯汝六根。安樂妙常。亦汝六根。更非他物。

此經。先明持戒杖。按心牛。調意馬。製識象。護根門。持家賊。是謂製之一處。

攝頌偈

五根勿縱五欲橫

如牛犯稼馬奔坑

殃及累生爲害重

好製其心智者能

邪心毒蛇惡獸比

怨賊大火亦同爾

縱此心時善事亡

製之一處惡緣止

PHIÊN ÂM

Nhị tiết NGÔN CHẾ TÂM

Nhữ đẳng Tỷ khiêu! Dĩ năng trụ giới, đương chế ngũ căn, vật linh phóng dật, nhập ư ngũ dục, thí như mục ngưu chi nhân, chấp trượng thị chi, bất linh túng dật, phạm nhân miêu giá. Nhược túng ngũ căn, phi duy ngũ dục, tương vô nhai bạn, bất khả chế dã.

(Tiền, thị nhân sự lập giới, phòng phi chỉ ác. Kim, minh thận hộ căn môn, thường tu quản đới. Như Mã Tổ vấn Thạch Củng vân: "Nhữ tác hà sở vụ?" Củng vân: "Mục ngưu". Tổ vân: "Như hà mục?" Củng vân: "Tỵ tác thường tại thủ, nhất hồi lạc thảo khứ, bả tỵ duệ tương lai". Tổ vân: "Như thị như thị").

Diệc như ác mã, bất dĩ bí chế, tương đương khiên nhân, trụy ư khanh hãm (ý mã nan điều, giới vi bí lặc). **Như bị kiếp hại, khổ**

chỉ nhất thế, ngũ căn tặc họa, ương cập lũy thế, vi hại thậm trọng, bất khả bất thận (nhân mệnh, thế tài, khổ duy hiện thế, tuệ mệnh, pháp tài, bần khổ vĩnh kiếp, khinh trọng tiêu nhưỡng, đắc bất thận da). **Thị cố trí giả, chế nhi bất tùy, trì chi như tặc bất linh túng dật** (trì tâm chính quán, căn cảnh bản không, vật ngã giai như, phan duyên hà khởi?) **Giả linh túng chi, giai diệc bất cửu kiến kỳ ma diệt** (vọng tình bất chân, tu du biến diệt).

Thử ngũ căn giả, tâm vi kỳ chủ. Thị cố nhữ đẳng, đương hiếu chế tâm (ngũ căn hư vọng, vọng thức như tể, dục chế vọng tể, chỉ quán song hành). **Tâm chi khả úy, thậm ư độc xà, ác thú, oán tặc, đại hỏa việt dật, vị túc dụ dã** (thế gian độc ác, vị khả dụ giả. Cái năng hại pháp thân tuệ mệnh, cố dã).

Thí như hữu nhân, thủ chấp mật khí, động chuyển khinh táo, đãn quan ư mật, bất kiến thâm khanh (vọng tâm, vọng cảnh, vị trước di kiên, địa ngục thâm khanh, táo động bất giác).

Hựu như cuồng tượng vô câu, viên hầu đắc thụ, đằng dược trác trịch nan khả cấm chế. Đương cấp tỏa chi, vô linh phóng dật (cuồng tượng, tâm viên, giới vi câu tỏa). **Túng thử tâm giả, táng nhân thiện sự, chế chi nhất xứ, vô sự bất biện** (nhất niệm bất sinh, chư duyên đốn tức). **Thị cố Tỷ khiêu! Đương cần tinh tiến, chiết phục nhữ tâm** (tri tâm bản không, đương cần chiết phục, liễu cảnh thường tịch, tinh tiến vô bì).

Âm nghĩa

Vĩnh Gia vân: "Tổn pháp tài, diệt công đức, mạc bất do tư tâm, ý, thức". Cái tâm, ý, thức nhất thể tam dụng:

1. Tích tập danh tâm,

2. Tư duy danh ý,

3. Phân biệt danh thức.

Hựu hữu nhiễm, tịnh nhị dụng. Chân như nội huân, thiện tích tập, thiện tư duy, thiện phân biệt danh tịnh dụng, sở vị: "Vô bất tòng thử pháp giới lưu".

Vô minh ngoại huân, ác phân biệt, ác tư duy, ác tích tập, danh nhiễm dụng. Sở vị: "Vô lượng kiếp lai sinh tử bản". Lăng Nghiêm vân: "Luân chuyển sinh tử duy nhữ lục căn, an lạc diệu thường, diệc nhữ lục căn, cánh phi tha vật".

Thử kinh, tiên minh trì giới trượng. Án tâm ngưu, điều ý mã, chế thức tượng, hộ căn môn, trì gia tặc, thị vị chế chi nhất xứ.

Nhiếp tụng kệ

Ngũ căn vật túng ngũ dục hoành

Như ngưu phạm giá mã bôn khanh

Ương cập lũy sinh vi hại trọng

Hảo chế kỳ tâm trí giả năng

Tà tâm độc xà ác thú tỷ

Oán tặc đại hỏa diệc đồng nhĩ

Túng thử tâm thời thiện sự vong

Chế chi nhất xứ ác duyên chỉ.

VIỆT DỊCH

Tiết 2: KIỀM CHẾ TÂM

Này các ông Tỷ khiêu! Đã hay giữ giới phải ngăn năm căn, chớ để buông thả vào với năm dục. Cũng như người chăn trâu, cầm gậy coi nó, không để thả rông, phạm lúa mạ người. Nếu thả năm căn, không những năm dục sẽ không bờ bến, không thể cấm được.

(Bài trước nhân việc lập giới ngăn trái bỏ ác. Bài này nói rõ cẩn thận giữ năm căn thường cần quản lý. Như Mã Tổ hỏi ngài Thạch Củng rằng: "Ông làm những việc gì?" Ngài Thạch Củng đáp: "Chăn trâu". Ngài Mã Tổ hỏi: "Chăn trâu thế nào?" Ngài Thạch Củng đáp: "Thừng mũi thường ở tay, hễ xa rời đám cỏ, cầm mũi kéo trở lại". Mã Tổ nói: "Phải rồi, phải rồi").

Cũng như ngựa ác không dùng dây cương kiềm chế, sẽ kéo người ta ngã vào hầm hố (ý như loài ngựa khó điều phục, giới luật làm cương giám). **Như bị cướp hại, khổ chỉ một đời, cái vạ giặc năm căn tai ương đến nhiều đời, bị hại đến nặng nề không thể không thận trọng** (mạng người nơi thế gian, khổ chỉ một đời hiện tại, thân mạng trí tuệ và của đạo pháp, nghèo khổ nhiều

kiếp. Nặng nhẹ như trời cách đất, há không cẩn thận ư?) **Vì thế người trí tuệ, ngăn cấm không theo, giữ năm căn như giữ giặc, không cho buông thả** (giữ lòng quán sát chân chính, căn cảnh vốn không, cảnh vật và ta đều như nhau, duyên nào theo khởi?) **Ví dù buông thả tâm ý, chẳng bao lâu thấy nó đều tiêu diệt** (tâm tình huyễn vọng, không thực, giây lát biến mất).

Năm căn này thì tâm làm chủ, vì thế các ông phải giữ tâm cho tốt (năm căn dối trá, cái biết càn quấy như chủ, muốn kiềm tâm phải tu hành cả hai phép Chỉ và Quán). **Tâm đáng sợ hơn so với rắn độc, thú dữ, giặc thù, lửa lớn bốc cao làm ví dụ chưa đủ vậy** (độc ác ở thế gian chẳng thể so được dụ này. Bởi nó hay hại tuệ mệnh pháp thân).

Ví như có người, tay bưng bát mật chuyển động rảo bước, chỉ nhìn nơi mật không thấy hố sâu (tâm càn cảnh quấy dối trá, đắm say bền chắc, hố sâu địa ngục mải vội không biết).

Lại như voi điên không xiềng không xích, vượn khỉ gặp cây nhảy nhót tung tăng, khó cấm ngăn được. Phải kịp ngăn lại không để buông rông (voi điên, lòng vượn, giới làm khóa xích). **Buông thả lòng này, mất hết việc thiện của người. Ngăn ngừa một nơi, việc gì cũng xong** (một thoáng không sinh, duyên trần tắt hẳn). **Vì thế Tỷ khiêu phải cần tinh tiến, tự dẹp tâm mình** (biết tâm vốn không, nên cần dẹp lại, rõ cảnh vật thường vắng lặng, tinh tiến quên mệt mỏi).

Âm nghĩa

Tổ Vĩnh Gia dạy: "Tổn của pháp, diệt công đức, không gì không bởi tâm thức này". Bởi vì tâm, ý, thức một thể chất mà ba tác dụng:

1. Chứa góp gọi là tâm,

2. Nhớ nghĩ gọi là ý,

3. Phân biệt gọi là thức.

Lại nữa, nó có hai tác dụng nhớp nhơ và trong sạch. Chân như xông hun bên trong, chứa góp điều lành, nhớ nghĩ điều lành, phân biệt điều lành, gọi là tác dụng trong sạch. Thế là, không việc gì không từ pháp giới này lưu thông ra.

Vô minh hun xông bên ngoài, phân biệt ác, suy nghĩ ác, chứa góp ác, gọi là tác dụng nhớp nhơ. Thế là, cái gốc sinh tử rất nhiều kiếp. Kinh Lăng Nghiêm dạy: "Sống chết vòng quanh duy chỉ sáu căn của ngươi,

yên vui màu nhiệm thường hằng cũng do sáu căn ngươi, không phải vật gì khác".

Kinh này, trước dạy rõ cầm gậy giới, nẹt tâm trâu, điều phục ngựa ý, ngăn voi thức, giữ cửa năm căn, gìn giặc nhà. Thế là phép ngăn cấm vào một nơi.

Kệ tóm tắt

Năm căn buông thả năm dục tung hoành

Như trâu phạm lúa, như ngựa sa vào hố

Vạ đến nhiều đời, làm hại nặng nề

Người có trí có thể giữ tâm rất tốt

Tâm gian tà ví như rắn độc, thú dữ

Cùng với giặc thù đống lửa lớn

Buông thả tâm ấy mất hết việc thiện

Cấm vào một nơi - duyên ác thôi.

NGUYÊN VĂN

三節明節量

汝等比丘。受諸飲食。當如服藥。於好於惡。勿生增減。趣得支身。以除飢渴。藥因治病。食以充飢。好不生貪。惡不生恚。但支身行道而已。復何增減乎。如蜂採花。但取其味。不損色香。比丘亦爾。受人供養。趣自除惱。無得多求。壞其善心。多求則令他生惱。生惱則善心退沒。譬如智者。籌量牛力所堪多少。不令過分以竭其力。忖己德行而籌量。防心離過而無竭。

音義

節是節食。量是量力。戒經云。譬如蜂採花。不壞色與香。但取其味去。比丘入聚然。不違戾他事。不觀作不作。但自觀身行。若正若不正。是也。蜂。牛二喻。義兼能所。能者多求。退失所施之善心。壞其自修之清節。故云。無得多求智者籌量不過自牛之所負以竭他牛之所堪。故云。不令過分。所謂。飲食於人日月長。精粗隨分塞饑瘡。纔過

三寸成何物。何不將心仔細量。又云。衣食難非容易。何用般般求細膩。粗茶淡飯且尋常。棉布麻衣隨分置。

攝頌偈

受諸飲食如服藥

不可取捨於好惡

趣得支身饑渴除

昧者多求生執著。

PHIÊN ÂM

Tam tiết MINH TIẾT LƯỢNG

Nhữ đẳng Tỷ khiêu, thụ chư ẩm thực, đương như phục dược, ư hảo ư ác, vật sinh tăng giảm, thú đắc chi thân dĩ trừ cơ khát (dược nhân trị bệnh, thực dĩ sung cơ, hảo bất sinh tham, ác bất sinh huỵ. Đãn chi thân hành đạo nhi dĩ, phục hà tăng giảm hồ?) **Như phong thái hoa, đãn thủ kỳ vị, bất tổn sắc hương, Tỷ khiêu diệc nhĩ, thụ nhân cúng dàng, thú tự trừ não, vô đắc đa cầu, hoại kỳ thiện tâm** (đa cầu, tắc linh tha phiền não, sinh não tắc thiện tâm thoái một), **thí như trí giả trù lượng ngưu lực, sở kham đa thiểu, bất linh quá phận, dĩ kiệt kỳ lực** (thốn kỷ đức hạnh nhi trù lượng, phòng tâm ly quá nhi vô kiệt).

Âm nghĩa

Tiết, thị tiết thực. Lượng, thị lượng lực. Giới kinh vân: "Thí như phong thái hoa, bất hoại sắc dữ hương, đãn thủ kỳ vị khứ, Tỷ khiêu nhập tụ nhiên, bất vi lệ tha sự, bất quan tác bất tác, đãn tự quan thân hành, nhược chính nhược bất chính, thị dã. Phong, ngưu, nhị dụ, nghĩa kiêm năng sở. Năng giả đa cầu, thoái thất sở thí chi thiện tâm, hoại kỳ tự tu chi thanh tiết. Cố vân: Vô đắc đa cầu, trí giả trù lượng, bất quá tự ngưu chi sở phụ, dĩ kiệt tha ngưu chi sở kham. Cố vân: Bất linh quá phận. Sở vị: Ẩm thực ư nhân nhật nguyệt trường, tinh thô tùy phận tắc cơ sang, tài quá tam thốn thành hà vật? Hà bất tương tâm tử tế lường? Hựu vân: Y thực nan, phi dong dị, hà dụng ban ban cầu tế nị, thô trà đạm phạn thả tầm thường, miên bố ma y tùy phận trí.

Nhiếp tụng kệ

Thụ chư ẩm thực như phục dược

Bất khả thủ xả ư hảo ố

Thú đắc chi thân cơ khát trừ

Muội giả đa cầu sinh chấp trước.

VIỆT DỊCH

Tiết 3: PHẢI CÓ TIẾT ĐỘ

Này các Tỷ khiêu! Nhận những món ăn uống nên coi như uống thuốc, dù xấu dù tốt chớ sinh hơn kém, cốt được giúp thân để trừ đói khát (thuốc nhân chữa bệnh, ăn đỡ đói khát, tốt không sinh ham, xấu không sinh bực, chỉ giúp mình hành đạo mà thôi, sao lại sinh hơn kém?) **Như ong tìm hoa chỉ lấy mùi hoa, chẳng tổn sắc hương, Tỷ khiêu cũng thế, nhận người cúng dàng cốt mình trừ não, không nên cầu nhiều, hại lòng lành họ** (cầu nhiều, tất khiến họ phiền não. Sinh não, thời lui mất lòng lành). **Ví như người trí tuệ đo lường sức trâu chịu được nhiều ít, chẳng khiến quá phận, sẽ kiệt sức trâu** (xét đức hạnh mình mà đo lường, đề phòng tâm lìa lỗi mà không hết sức người).

Âm nghĩa

Tiết là ăn sẻn. Lượng là lượng sức. Giới kinh dạy: "Ví như ong tìm hoa không hại sắc và hương, chỉ lấy vị ngọt đi, Tỷ khiêu vào xóm cũng thế. Không ngăn cản việc người, không xem làm hay chẳng làm, chỉ tự xét việc mình đúng hay không đúng, thế thôi. Ong, trâu hai dụ, nghĩa kiêm cả năng và sở. Người xin cầu nhiều, lui mất lòng lành nơi người cho, hoại mất khí tiết thanh cao mình tu. Cho nên nói rằng không được cầu nhiều. Người trí tuệ so lường không quá sức nặng của trâu mình, sức chịu đựng của trâu người khác. Cho nên nói rằng: chớ khiến quá phận. Thế là, ăn uống với người, ngày tháng dài, tốt xấu tùy phận lấp nhọc đói, qua ba tấc lưỡi thành vật gì, sao không đem tâm mà lường cho kỹ? Lại nữa, áo cơm khó không dễ dàng, cần gì cứ phải cầu ngon béo; chè xoàng, cơm nhạt, chỉ tầm thường, áo bông gai vải tùy phận thôi.

Kệ tóm tắt

Nhận món ăn uống như dùng thuốc

Tốt hay xấu không nên lấy bỏ

Cốt giúp cho mình trừ đói khát

Kẻ ngu cầu nhiều sinh tham đắm.

NGUYÊN VĂN

四節明慚愧

汝等比丘。晝則勤心修習善法。無令失時。初夜。後夜。亦勿有廢！中夜誦經。以自消息。無以睡眠因緣。令一生空過。無所得也。當□無常之火。燒諸世間。早求自度。勿睡眠也！諸煩惱賊。常伺殺人。甚於怨家。安可睡眠。不自警寤。煩惱毒虵。睡在汝心。譬如黑蚖在汝室睡。當以持戒之鉤。早併除之。睡虵既出。乃可安眠。不出而眠。是無慚人。

蓋覆真性。增長無明。由睡眠之過患。是無慚愧也。昔者阿那律陁。是佛堂弟。白飯王之子。出家之後。多樂睡眠。如來呵云。「咄咄！胡為寐。螺螄蚌蛤類。一睡一千年。不聞佛名字。」既聞佛呵。涕泣自責。七日不眠。遂失雙目。佛令修樂見照明金剛三昧。乃得天眼。故知先佛嚴戒。委曲重宣。苦口垂慈。誠不可忽！

慚恥之服。於諸莊嚴最為第一。慚如鐵鉤。能製人非法。是故比丘。常當慚恥。無得暫替。若離慚恥。則失諸功德。有愧之人。則有善法。若無愧者。與諸禽獸無相異也。

六道之中。可以整心慮。趣菩提。唯人道為能耳。人而不為是。謂無慚愧也。慚愧若具足。法身之衣服。豈可無慚無愧。樂著睡眠。不進道乎。慚者內自悔責。愧者發露自新。豈不美哉。

音義

古德云。饑悔喫飯困來眠。蓋黑蚖既出乃可安眠之時候也。

攝頌偈

晝夜勤修善法力

中夜誦經自消息

無以睡眠煩惱留

一生空過無所得。

PHIÊN ÂM

Tứ tiết MINH TÀM QUÝ

Nhữ đẳng Tỷ khiêu! Trú tắc cần tâm tu tập thiện pháp, vô linh thất thời, sơ dạ, hậu dạ, diệc vật hữu phế, trung dạ tụng kinh, dĩ tự tiêu tức, vô dĩ thụy miên nhân duyên, linh nhất sinh không quá vô sở đắc dã. Đương niệm vô thường chi hỏa, thiêu chư thế gian, tảo cầu tự độ, vật thụy miên dã. Chư phiền não tặc, thường tứ sát nhân, thậm ư oan gia, an khả thụy miên, bất tự cảnh ngụ, phiền não độc xà, thụy tại nhữ tâm, thí như hắc ngoan, tại nhữ thất thụy, đương dĩ tự trì giới chi câu, tảo tinh trừ chi. Thụy xà ký xuất, nãi khả an miên, bất xuất nhi miên, thị vô tàm nhân.

(Cái phú chân tính, tăng trưởng vô minh, do thụy miên chi quá hoạn, thị vô tàm quý dã. Tích giả A Na Luật Đà thị Phật đường đệ, Bạch Phạn vương chi tử, xuất gia chi hậu, đa nhạo thụy miên, Như Lai ha vân: "Đốt đốt hồ vi mị, loa sư bạng cáp loại, nhất thụy nhất thiên niên, bất văn Phật danh tự". Ký văn Phật ha, thế khấp tự trách, thất nhật bất miên, toại thất song mục. Phật linh tu nhạo kiến chiếu minh kim cương tam muội, nãi đắc thiên nhãn. Cố tri tiên Phật nghiêm giới, ủy khúc trùng tuyên, khổ khẩu thùy từ, thành bất khả hốt).

Tàm sỉ chi phục, ư chư trang nghiêm tối vi đệ nhất. Tàm như thiết câu, năng chế nhân phi pháp, thị cố Tỷ khiêu thường đương tàm sỉ, vô đắc tạm thế. Nhược ly tàm sỉ, tắc thất chư công đức. Hữu quý chi nhân, tắc hữu thiện pháp. Nhược vô quý giả, dữ chư cầm thú, vô tương dị dã.

(Lục đạo chi trung, khả dĩ chỉnh tâm lự, thú Bồ đề, duy nhân đạo vi năng nhĩ. Nhân nhi bất vi, thị vị vô tàm quý dã. Tàm quý nhược cụ túc, pháp thân chi y phục. Khởi khả vô tàm vô quý, nhạo trước thụy miên bất tiến đạo hồ. Tàm giả, nội tự hối trách. Quý giả, phát lộ tự tân, khởi bất mỹ tai).

Âm nghĩa

Cổ đức vân: Cơ lai khiết phạn, khốn lai miên. Cái hắc ngoan ký xuất,

nãi khả an miên chi thời hậu dã.

Nhiếp tụng kệ

Trú dạ cần tu thiện pháp lực

Trung dạ tụng kinh tự tiêu tức

Vô dĩ thụy miên phiền não lưu

Nhất sinh không quá vô sở đắc.

VIỆT DỊCH

Tiết 4: PHẢI BIẾT HỔ THẸN

Này các Tỷ khiêu! Ban ngày tâm cần tu tập phép lành, chớ để mất thời gian, chập tối, gần sáng cũng chớ bỏ qua, giữa đêm tụng kinh để tạm nghỉ ngơi, chớ vì nhân duyên ngủ mệt, khiến một đời buông qua không được gì cả. Nên nhớ, ngọn lửa vô thường đốt khắp thế gian, sớm cầu độ mình đừng ngủ nghỉ nhiều. Mọi giặc phiền não thường rình giết người, còn hơn kẻ thù, sao yên ngủ nghỉ, chẳng tự thức nhắc. Rắn độc phiền não, ngủ ở tâm người, ví như trăn đen, ngủ trong nhà người. Nên lấy cái móc trì giới của mình mau trừ nó đi. Rắn ngủ ra rồi, mới yên nghỉ được. Rắn ngủ chưa ra mà ngủ là người không biết xấu hổ.

(Che lấp tính chân như, thêm lớn nghiệp vô minh là do cái nạn ngủ nghỉ, không biết xấu hổ vậy. Thời xưa, ông A Na Luật Đà con vua Bạch Phạn, em họ Phật, sau khi xuất gia rất thích ngủ nghỉ. Phật quở rằng: "Chao ôi, ngủ làm sao, loài ốc trai sò hến một giấc ngủ ngàn năm không nghe tên chữ Phật". Ông ấy nghe Phật quở rồi khóc tự trách mình, bảy ngày không ngủ, mù cả hai mắt. Phật bảo tu phép chính định nhạo kiến chiêu minh kim cương, mới được thần thông thiên nhãn. Vì thế nên biết Phật trước răn giữ giới nghiêm túc, cặn kẽ, nhắc đi nhắc lại đủ lòng thương đến đắng miệng, thực không coi nhẹ được).

Mặc áo hổ thẹn là cách trang nghiêm thứ nhất. Thẹn như có xích sắt, có khả năng ngăn ngừa cái phi pháp của người ta. Bởi thế, Tỷ khiêu thường phải hổ thẹn không lúc nào ngừng. Nếu lìa hổ thẹn, mất hết công đức. Người có hổ thẹn thì có phép lành. Nếu không có nó, so với cầm thú chẳng khác nhau vậy.

(Ở trong sáu ngả, có thể chấn chỉnh được ý nghĩ, tiến tới chính giác, chỉ có loài người là có khả năng đó. Người mà không biết nghĩ thì chính là kẻ không biết thẹn hổ. Biết đầy đủ thẹn hổ là áo mũ của pháp thân. Há rằng không thẹn không hổ, ưa thích ngủ nghỉ, không tinh tiến tu đạo ư? Thẹn là bên trong hối trách mình, xấu hổ là phát lộ tự đổi mới, há không tốt ư?)

Âm nghĩa

Bậc cổ đức dạy: Đói thì ăn cơm mệt thì nghỉ. Bởi con trăn đen đã ra khỏi tâm mình, là cái thời gian có thể ngủ yên ấy vậy.

Kệ tóm tắt

Ngày đêm cần tu sức phép lành

Giữa đêm tụng kinh tự nghỉ ngơi

Chớ vì ngủ mệt sinh phiền não

Một đời uổng phí không được gì.

NGUYÊN VĂN

五節明忍辱

汝等比丘。若有人來節節支解。當自攝心。無令瞋恨。亦當護口。勿出惡言。若縱恚心。則自妨道。失功德利。忍之為德。持戒苦行所不能及。能行忍者。乃可名為有力大人！若其不能歡喜忍受惡罵之毒如飲甘露者。不名入道智慧人也。

智慧明則彼己不二。彼己不二。則惡美齊止。美惡齊止。則怨親等觀。怨親等觀。則苦樂無寄。傅大士云。「忍心如幻夢。辱境若龜毛。常能作此觀。逢難轉堅牢。」誠哉是言也！

所以者何。瞋恚之害。則破諸善法。壞好名聞。今世後世。人不喜見。當知瞋心甚於猛火。常當防護。勿令得入！劫功 賊。無過嗔恚！白衣受欲。非行道人。無法自製。嗔猶可恕。出家行道。無欲之人而懷嗔恚。甚不可也！譬如青冷雲中。霹靂起火。非所應也。

廣明瞋之患害如此。皆因我見執著。迷不知反。故也。一念瞋心起。百萬障門開。為煩惱之根。是三毒之火。俗諦可恕。出家佛子。可不慎歟！可不慎歟！

音義

忍辱第一道。佛説無為最。是持戒。苦行所不能及。蓋忍如寶藏。能護善法之財。忍如清水。能滅嗔恚之火。忍如堅城。能防破戒之賊。忍之德其利溥哉。

攝頌偈

若有人來傷害己

攝心無令瞋恨起

護口亦勿出悪言

若縱恚心失善利

忍勝持戒及堅苦

悪罵忍受如甘露

瞋火防燒功德林

出家行道除瞋妬。

PHIÊN ÂM

Ngũ tiết MINH NHẪN NHỤC

Nhữ đẳng Tỷ khiêu! Nhược hữu nhân lai, tiết tiết chi giải, đương tự nhiếp tâm, vô linh sân hận, diệc đương hộ khẩu, vật xuất ác ngôn, nhược túng huỵ tâm, tắc tự phương đạo, thất công đức lợi, nhẫn chi vi đức. Trì giới, khổ hạnh, sở bất năng cập. Năng hành nhẫn giả, nãi khả danh vi hữu lực đại nhân. Nhược kỳ bất năng hoan hỷ nhẫn thụ, ác mạ chi độc, như ẩm cam lộ giả, bất danh nhập đạo trí tuệ nhân dã.

(Trí tuệ minh, tắc bỉ kỷ bất nhị. Bỉ kỷ bất nhị, tắc mỹ ác tề chỉ. Mỹ ác tề chỉ, tắc oán thân đẳng quan. Oán thân đẳng quan tắc khổ lạc vô ký. Phó Đại Sĩ vân: “Nhẫn tâm như huyễn mộng, nhục cảnh nhược quy mao, thường năng tác thử quán, phùng nạn chuyển kiên lao”, thành tai, thị ngôn dã).

Sở dĩ giả hà? Sân huỵ chi hại, tắc phá chư thiện pháp, hoại hảo danh văn. Kim thế hậu thế, nhân bất hỷ kiến. Đương tri sân

tâm, thậm ư mãnh hỏa, thường đương phòng hộ, vật linh đắc nhập. Kiếp công đức tặc, vô quá sân huỵ. Bạch y thụ dục, phi hành đạo nhân, vô pháp tự chế, sân do khả thứ. Xuất gia hành đạo, vô dục chi nhân, nhi hoài sân huỵ, thậm bất khả dã, thí như thanh lãnh vân trung, tích lịch khởi hỏa, phi sở ưng dã.

(Quảng minh sân chi hoạn hại như thử, giai nhân ngã kiến chấp trước, mê bất tri phản, cố dã. Nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai. Vi phiền não chi căn, thị tam đồ chi hỏa. Tục đế khả thứ, xuất gia Phật tử, khả bất thận dư? Khả bất thận dư?)

Âm nghĩa

Nhẫn nhục đệ nhất đạo, Phật thuyết vô vi tối. Thị trì giới, khổ hạnh, sở bất năng cập. Cái nhẫn như bảo tạng, năng hộ thiện pháp chi tài. Nhẫn như thanh thủy, năng diệt sân huỵ chi hỏa. Nhẫn như kiên thành, năng phòng phá giới chi tặc. Nhẫn chi đức, kỳ lợi phổ tai!

Nhiếp tụng kệ

Nhược hữu nhân lai thương hại kỷ

Nhiếp tâm vô linh sân hận khởi

Hộ khẩu diệc vật xuất ác ngôn

Nhược túng huỵ tâm thất thiện lợi

Nhẫn thắng trì giới cập kiên khổ

Ác mạ nhẫn thụ như cam lộ

Sân hỏa phòng thiêu công đức lâm

Xuất gia hành đạo trừ sân đố.

VIỆT DỊCH

Tiết 5: NHẪN NHỤC

Này các Tỷ khiêu! Nếu có người đến chia cắt thân mình ra từng mảnh, phải tự nén lòng, chớ nên giận bực, cũng nên giữ miệng chớ buông lời ác. Nếu buông lòng bực thì trở ngại đạo, mất lợi công đức, nhẫn đi là đức. Giữ giới, khổ hạnh, không thể bằng

được. Ai hay thực hành đức nhẫn thì đáng gọi là bậc đại nhân có sức mạnh. Nếu không thể nhịn chịu lời độc, mắng nhiếc, như uống cam lộ thì không gọi là người vào đạo trí tuệ được.

(Trí tuệ soi rõ kẻ kia với mình không hai. Mình với người không hai thì tốt xấu đều thôi. Tốt xấu đều thôi thì oán thân coi như nhau. Oán thân như nhau, khổ vui không có chỗ dựa. Ngài Phó Đại Sĩ dạy: "Tâm nhẫn như chiêm bao dối, cảnh nhục như lông rùa, thường tu phép quán ấy, gặp nạn chuyển kiên lao", thực thế, lời nói ấy. Tâm càng vững bền).

Tại vì sao thế? Cái hại giận bực phá mọi pháp lành, hủy hoại danh thơm. Đời này đời sau người không ưa thấy. Nên biết tâm giận còn hơn lửa dữ, thường phải phòng giữ, chớ để bốc lên. Giặc cướp công đức không gì hơn giận bực. Kẻ tại gia còn tham dục chưa phải là người hành đạo, bởi không có phép gì tự ngăn cấm nên còn tha thứ được. Người không có lòng dục, xuất gia tu đạo mà mang giận bực thật không nên vậy. Ví như trong đám mây lạnh, sét đánh tóe lửa, đều không nên vậy.

(Nói rõ rộng cái nạn, cái hại của giận bực như thế, đều bởi ngã kiến chấp trước, mê không biết tỉnh lại, vậy đó. Một thoáng khởi tâm giận, mở trăm vạn cửa chướng ngại là các gốc phiền não, là hố lửa ba đường. Kẻ tục lượng thứ cho họ, Phật tử xuất gia sao không cẩn thận được ư? Sao không cẩn thận được ư?)

Âm nghĩa

Nhẫn nhục đạo thứ nhất, Phật dạy không gây sự, không tạo tác là hay nhất. Giữ giới, chịu khổ hạnh cũng không bằng. Bởi vì nhẫn như hòm của báu, hay giữ được của cho mọi pháp lành. Nhẫn như nước mát dập tắt lửa giận bực. Nhẫn như thành trì vững chắc, có khả năng phòng chống giặc phá giới. Đức của nhẫn nhục lợi đó rộng thay!

Kệ tóm tắt

Nếu có ai đến làm hại mình

Nén lòng chớ khởi lửa giận bực

Giữ miệng cũng chẳng nói lời ác

Nếu buông lòng bực mất lợi hay

Nhẫn hơn giữ giới và chịu khổ

Nhẫn coi mắng nhiếc như uống cam lộ

Phòng lửa giận bực đốt rừng công đức

Xuất gia hành đạo trừ bỏ ghen giận.

NGUYÊN VĂN

六節明正命

汝等比丘。當自摩頭。以捨飾好。著壞色衣。執持應器。以乞自活。壞衣持鉢。順佛律儀。乞食資身。是為正命。

自見如是。若起憍慢。當疾滅之！增長憍慢。尚非世俗白衣所宜。何況出家入道之人。為解脫故。自降其身而行乞耶。折伏憍慢。入如來家。謙下身心。順解脫理。

音義

善護於口言。自淨其志意。身莫作諸惡。此三業道淨云云。

攝頌偈

壞衣持缽乞自活

若起憍慢當除滅。

PHIÊN ÂM

Lục tiết MINH CHÍNH MỆNH

Nhữ đẳng Tỷ khiêu! Đương tự ma đầu, dĩ xả sức hảo, trước hoại sắc y, chấp trì ứng khí, dĩ khất tự hoạt (hoại y, trì bát, thuận Phật luật nghi, khất thực tư thân, thị vi chính mệnh).

Tự kiến như thị, nhược khởi kiêu mạn, đương tật diệt chi, tăng trưởng kiêu mạn, thượng phi thế tục bạch y sở nghi, hà huống xuất gia nhập đạo chi nhân. Vị giải thoát cố, tự giáng kỳ thân nhi hành khất da (chiết phục kiêu mạn, nhập Như Lai gia, khiêm hạ thân tâm, thuận giải thoát lý).

Âm nghĩa

Thiện hộ ư khẩu ngôn, tự tịnh kỳ chí ý. Thân mạc tác chư ác, thử tam nghiệp đạo tịnh, v.v.

Nhiếp tụng kệ

Hoại y trì bát khất tự hoạt

Nhược khởi kiêu mạn đương trừ diệt.

VIỆT DỊCH

Tiết 6: CHÍNH MỆNH

Này các Tỷ khiêu! Tự cạo đầu tóc, để bỏ vẻ đẹp, mặc áo hoại sắc, cầm bát hợp lượng, để xin nuôi mình (áo hoại sắc, bát hợp lượng, thuận Phật luật nghi, xin ăn, nuôi thân. Đó chính là cách sống chân chính).

Tự thấy như thế, nếu khởi kiêu mạn, phải mau diệt đi. Tăng thêm kiêu mạn, còn không phải là điều mà người bạch y ở thế tục nên làm, huống chi người xuất gia vào đạo. Vì việc giải thoát, tự biết nhún mình xuống mà đi xin (bẻ gãy kiêu mạn, vào nhà Như Lai, thân tâm nhún nhường, thuận lý giải thoát).

Âm nghĩa

Khéo giữ gìn lời ăn tiếng nói, tự trong sạch ý chí mình. Thân chớ làm việc ác, thế là sạch cả ba nghiệp, v.v.

Kệ tóm tắt

Áo hoại cầm bát xin nuôi mình

Khởi kiêu mạn phải trừ diệt đi.

NGUYÊN VĂN

七節明直心

汝等比丘。諂曲之心與道相違。是故宜應質直其心。當知諂曲。但為欺誑。入道之人。則無是□。是故汝等宜應端心。以質直為本。諂曲多欺詐。直心是道場。

音義

凈名云。直心是菩薩凈土。菩薩成佛時。不諂眾生來生其國。是謂質直為本。

攝頌偈

諂曲之心與道違

質直之心道場結。

PHIÊN ÂM

Thất tiết MINH TRỰC TÂM

Nhữ đẳng Tỷ khiêu! Siểm khúc chi tâm dữ đạo tương vi. Thị cố nghi ưng chất trực kỳ tâm. Đương tri siểm khúc, đãn vị khi cuống. Nhập đạo chi nhân tắc vô thị xứ, thị cố nhữ đẳng, nghi ưng đoan tâm, dĩ chất trực vi bản (siểm khúc đa khi trá, trực tâm thị đạo trường).

Âm nghĩa

Tịnh Danh vân: "Trực tâm thị Bồ tát tịnh độ. Bồ tát thành Phật thời, bất siểm chúng sinh lai sinh kỳ quốc, thị vị chất trực vi bản".

Nhiếp tụng kệ

Siểm khúc chi tâm dữ đạo vi

Chất trực chi tâm đạo tràng kết.

VIỆT DỊCH

Tiết 7: NÓI RÕ LÒNG NGAY

Này các Tỷ khiêu! Cái tâm nịnh hót tự trái với đạo. Bởi thế, nên giữ cái ngay thẳng nơi tâm. Phải biết nịnh hót chỉ là dối trá,

người đã vào đạo không được như thế. Vì thế các ông phải giữ lòng ngay, lấy thực thà chất phác làm gốc (nịnh hót nhiều dối trá, lòng ngay là đạo trường).

Âm nghĩa

Kinh Tịnh Danh dạy: "Tâm ngay thẳng là cõi tịnh của Bồ tát, Bồ tát thành Phật không nịnh chúng sinh sang nước mình. Thế là cái gốc thực thà ngay thẳng".

Kệ tóm tắt

Cái tâm nịnh hót trái với đạo

Tâm lòng ngay thẳng kết đạo tràng.

NGUYÊN VĂN

八節明少欲

汝等比丘。當知多欲之人。多求利故。苦惱亦多。少欲之人。無求無欲。則無此患。有求皆苦。無欲何憂。直爾少欲。尚應修習。何況少欲能生諸功德。少欲之人。則無諂曲以求人意。亦復不為諸根所牽。行少欲者。心則坦然。無所憂畏。觸事有餘。常無不足。有少欲者。則有涅槃。是名少欲。

少欲一法。功德如此。直修少欲。別無功德。尚可修習。況於解脫涅槃相應乎。

戒經云。心莫作放逸。聖法當勤學。如是無憂愁。心定入涅槃。其斯之謂少欲。

攝頌偈

多欲多求增苦惱

少欲能入涅槃道。

PHIÊN ÂM

Bát tiết MINH THIỂU DỤC

Nhữ đẳng Tỷ khiêu! Đương tri đa dục chi nhân, đa cầu lợi cố, khổ não diệc đa. Thiểu dục chi nhân, vô cầu vô dục, tắc vô thử hoạn (hữu cầu giai khổ, vô dục hà ưu?) **Trực nhĩ thiểu dục thượng ưng tu tập, hà huống thiểu dục năng sinh chư công đức. Thiểu dục chi nhân, tắc vô siểm khúc dĩ cầu nhân ý, diệc phục bất vi chư căn sở khiên. Hành thiểu dục giả, tâm tắc thản nhiên, vô sở ưu úy. Xúc sự hữu dư thường vô bất túc. Hữu thiểu dục giả, tắc hữu Niết bàn, thị danh thiểu dục.**

(Thiểu dục nhất pháp, công đức như thử, trực tu thiểu dục, biệt vô công đức, thượng khả tu tập, huống ư giải thoát Niết bàn tương ưng hồ?)

Âm nghĩa

Giới kinh vân: "Tâm mạc tác phóng dật, thánh pháp đương cần học, như thị vô ưu sầu, tâm định nhập Niết bàn, kỳ tư chi vị thiểu dục".

Nhiếp tụng kệ

Đa dục đa cầu tăng khổ não

Thiểu dục năng nhập Niết bàn đạo.

VIỆT DỊCH

Tiết 8: NÓI RÕ ÍT HAM MUỐN

Này các Tỷ khiêu! Nên biết người nhiều ham muốn, bởi nhiều cầu lợi, khổ não cũng nhiều. Người ít ham muốn, chẳng cầu chẳng ham, thời không có cái lo ấy (phàm hễ có cầu cạnh đều khổ, không ham muốn lo gì?) **Thẳng thắn ít ham muốn còn nên tu tập, huống chi ít ham muốn hay sinh các công đức. Người ít ham muốn thời không nịnh hót, mong cầu được lòng người, lại không bị các căn lôi cuốn. Người thực hành ít ham muốn thời tâm thản nhiên không lo sợ gì, chạm việc có thừa, thường không bị thiếu. Người ít ham muốn thì có Niết bàn, thế là thiểu dục** (ít ham muốn).

(Một pháp ít ham muốn, công đức như thế, thẳng tu ít ham muốn không có công đức riêng còn có thể tu tập, huống chi ở đó còn có giải thoát Niết bàn tương ưng vậy!)

Âm nghĩa

Giới kinh dạy: "Tâm không khởi phóng dật, phải chuyên cần học Phật pháp, như thế không lo buồn, định tâm vào Niết bàn. Chỗ đó là ít ham muốn".

Kệ tóm tắt

Nhiều ham muốn, cầu cạnh thêm khổ não

Ít ham muốn hay vào đạo Niết bàn.

NGUYÊN VĂN

九節明知足

汝等比丘。若欲脫諸苦惱。當觀知足。知足之法。即是富樂安隱之□。知足之人。雖臥地上。猶為安樂。不知足者。雖□天堂。亦不稱意。不知足者。雖富而貧。知足之人。雖貧而富。不知足者。常為五欲所牽。為知足者之所憐愍。是名知足。

知足。則心絶希冀。清净有餘。不知足者。貪愛轉增。苦輪難息。

音義

戒經云。不謗亦不嫉。當奉行於戒。飲食知止足。常樂在空閑。心定樂精進。云云。

攝頌偈

不知足者富而貧

知足恬然心地好。

PHIÊN ÂM

Cửu tiết MINH TRI TÚC

Nhữ đẳng Tỷ khiêu! Nhược dục thoát chư khổ não, đương quán tri túc, tri túc chi pháp, tức thị phú lạc an ổn chi xứ. Tri túc chi

nhân tuy ngọa địa thượng do vi an lạc. Bất tri túc giả tuy xử thiên đường diệc bất xứng ý. Bất tri túc giả, tuy phú nhi bần, tri túc chi nhân, tuy bần nhi phú. Bất tri túc giả, thường vi ngũ dục sở khiên, vi tri túc giả chi sở lân mẫn, thị danh tri túc.

(Tri túc, tắc tâm tuyệt hy ký, thanh tịnh hữu dư, bất tri túc giả, tham ái chuyển tăng, khổ luân nan tức).

Âm nghĩa

Giới kinh vân: "Bất báng diệc bất tật, đương phụng hành ư giới, ẩm thực tri chỉ túc, thường lạc tại không nhàn. Tâm định nhạo tinh tiến...".

Nhiếp tụng kệ

Bất tri túc giả phú nhi bần

Tri túc điềm nhiên tâm địa hảo.

VIỆT DỊCH

Tiết 9: NÓI RÕ HẠNH BIẾT ĐỦ

Này các Tỷ khiêu! Nếu muốn thoát khỏi mọi thiểu não, nên quán biết đủ, cái phép biết đủ tức là cái nơi giàu vui yên ổn. Người mà biết đủ tuy nằm trên đất cũng thấy yên vui. Người không biết đủ tuy sống thiên đường cũng chẳng vừa ý. Kẻ không biết đủ tuy giàu mà nghèo. Còn người biết đủ tuy nghèo mà giàu. Kẻ không biết đủ thường bị năm cái ham muốn lôi cuốn. Làm người biết đủ được mọi người thương yêu gần gũi. Thế gọi là biết đủ.

(Biết đủ, thời tâm cắt đứt mong cầu, sự thanh tịnh có thừa, kẻ không biết đủ thì ham muốn, yêu thích gia tăng, vòng khổ khó dừng).

Âm nghĩa

Giới kinh dạy: "Không chê cũng không khen, phải vâng theo giới luật, ăn uống biết vừa đủ, thường vui ở chỗ nhàn vắng. Tâm kiên định ưa tinh tiến...".

Kệ tóm tắt

Kẻ không biết đủ giàu mà nghèo

Biết đủ điềm nhiên tâm địa tốt.

NGUYÊN VĂN

十節明遠離

汝等比丘。欲求寂靜無為安樂。當離憒鬧。獨□閑居。心境清寂。孤然乃則。靜□之人。帝釋諸天所共敬重。如善現尊者宴坐巖間。釋天雨花之類。事跡非一也。是故當捨己衆。他衆。自。他徒衆皆應捨離。空閑獨□。思滅苦本。安住涅槃。若樂衆者。則受衆惱。譬如大樹。衆鳥集之。則有枯折之患。世間縛著。沒於衆苦。衆者事理有二義。事則憒鬧也。理者。「已」謂五蘊為衆。「他」謂一切煩惱為衆。迷執五蘊。聚集煩惱。沒於生死。故當遠離身心見也。永嘉云。「若見山忘道。則森羅眩目。音聲聒耳。雖山林獨□。何由靜也。若見道忘山。則城隍鬧市。心境脩然。萬法本閑。而人自鬧。回光返照。觸□皆渠。無一法可當情。亦無一法可當情者。得無所離。即除諸幻耳。」

譬如老象溺泥。不□自出。是名遠離。樂衆心為累。遠離行以當修。

音義

大樹枯折。喻偏空涅槃。老象溺泥。喻三有生死。離此二衆。是真遠離行。

釋天雨花。空生晏坐。帝釋散花。

問。何故。

曰。供養般若。

曰。此間無説。

曰:尊者無説。我亦無聞。無説無聞。是真般若。

古詩云。地窄不容揮塵客。室空那許散花天。是也。

空生。即善現尊者。善解空理故名空生。

攝頌偈

當離憒鬧獨閑居

思滅苦本自如如

若樂衆時受衆惱

譬如老象入泥途。

PHIÊN ÂM

Thập tiết MINH VIỄN LY

Nhữ đẳng Tỷ khiêu! Dục cầu tịch tĩnh, vô vi an lạc, đương ly hội náo, độc xử nhàn cư (tâm cảnh thanh tịch, cô nhiên nãi tắc). **Tĩnh xử chi nhân, Đế Thích, chư thiên sở cộng kính trọng** (như Thiện Hiện tôn giả, yến tọa nham gian, Thích thiên vũ hoa chi loại, sự tích phi nhất dã). **Thị cố đương xả kỷ chúng, tha chúng** (tự tha đồ chúng, ưng giai xả ly), **không nhàn độc xử, tư diệt khổ bản** (an trụ Niết bàn). **Nhược lạc chúng giả, tắc thụ chúng não, thí như đại thụ chúng điểu tập chi, tắc hữu khô chiết chi hoạn. Thế gian phọc trước một ư chúng khổ** (chúng giả, sự lý hữu nhị nghĩa. Sự tắc hội náo dã. Lý giả, kỷ, vị ngũ uẩn vi chúng, tha, vị nhất thiết phiền não vi chúng. Mê chấp ngũ uẩn, tụ tập phiền não, một ư sinh tử, cố đương viễn ly thân tâm kiến dã. Vĩnh Gia vân: Nhược kiến sơn vong đạo, tắc sâm la huyễn mục, âm thanh quát nhĩ. Tuy sơn lâm độc xử, hà do tĩnh dã? Nhược kiến đạo vong sơn, tắc thành hoàng náo thị, tâm cảnh điều nhiên. Vạn pháp bản nhàn nhi nhân tự náo, hồi quang phản chiếu, xúc xứ giai cừ.

Vô nhất pháp khả đương tình, diệc vô nhất pháp khả đương tình giả, đắc vô sở ly, tức trừ chư huyễn nhĩ).

Thí như lão tượng nịch nê, bất năng tự xuất, thị danh viễn ly (lạc chúng tâm dĩ vi lụy, viễn ly hạnh dĩ đương tu).

Âm nghĩa

Đại thụ khô chiết dụ thiên không Niết bàn. Lão tượng nịch nê dụ tam hữu sinh tử. Ly thử nhị chúng, thị chân viễn ly hành.

Thích thiên vũ hoa: Không Sinh yến tọa, Đế Thích tán hoa.

Vấn : Hà cố?

Viết: Cúng dàng Bát nhã.

Vấn : Thử gian vô thuyết.

Viết: Tôn giả vô thuyết, ngã diệc vô văn

Vô thuyết vô văn, thị chân Bát nhã.

Cổ thi vân: Địa trách bất dung huy trần khách

Thất không na hứa tán hoa thiên.

Thị dã!

Không Sinh, tức Thiện Hiện tôn giả, thiện giải không lý, cố danh Không Sinh.

Nhiếp tụng kệ

Đương ly hội náo độc nhàn cư

Tư diệt khổ bản tự như như

Nhược lạc chúng thời thụ chúng não

Thí như lão tượng nhập nê đồ.

VIỆT DỊCH

Tiết 10: XA LÌA SỰ HUYÊN NÁO

Này các Tỷ khiêu! Muốn cầu vắng lặng vô vi yên vui, phải lìa náo nhiệt, một mình nhàn hạ (tâm cảnh vắng lặng mặc nhiên cô độc là hay). **Người thuộc chốn tĩnh, Đế Thích cùng các vị trời đều kính trọng** (như tôn giả Thiện Hiện ngồi yên trong hang, vua trời Đế Thích rải mưa hoa cúng, sự tích chẳng phải một). **Vì thế nên bỏ kiến chấp chúng mình, người ta** (mình khác mọi người đều nên rời bỏ). **Ở một mình nơi nhàn vắng, nghĩ diệt gốc khổ** (yên ở viên tịch). **Nếu vui đông người, thời bị chúng não, ví như cây lớn mọi chim đến đậu thì có cái nạn khô gãy. Thế gian trói buộc chìm trong mọi khổ** (về sự và lý, chữ "đông người" có hai nghĩa: sự thì ồn ào, lý "mình" là do năm uẩn tổ hợp, "tha" (khác) là tất cả phiền não tổ hợp. Mê chấp năm uẩn thu góp phiền não chìm trong sinh tử. Vì vậy hãy xa lìa kiến thức về thân tâm này. Tổ Vĩnh Gia dạy: Nếu thấy núi mà quên đạo thì sầm uất tối mắt, tiếng này giọng khác inh tai. Tuy ở rừng núi một mình. Do đâu mà tĩnh?

Nếu thấy đạo quên núi thì nơi thành phố chợ nhộn tâm cảnh vẫn an nhàn. Muôn pháp vốn nhàn do người tự nhộn, quay ánh sáng tự soi, tới nơi chốn nào cũng đều thế cả. Không một pháp nào đối đãi với tình cảm được tới chỗ vô sở ly, thời trừ hết các huyễn).

Ví như voi già thụt xuống bùn sâu, không thể tự ra. Thế gọi là xa lìa (vui với chúng, tâm sẽ bị lụy, thì phải tu hạnh rời bỏ).

Âm nghĩa

Cây lớn khô gãy ví dụ Niết bàn lệch một vế. Voi già sụt bùn dụ sống chết trong ba cõi. Lìa cả hai chấp này là thực hành chân chính sự xa lìa.

Trời Đế Thích mưa hoa: Ngài Không Sinh ngồi yên. Vua trời Đế Thích rải hoa.

Ngài hỏi: Tại sao?

Đế Thích đáp: Cúng dàng Bát nhã.

Ngài Không Sinh nói: Ở đây không nói.

Đế Thích đáp: Tôn giả không nói, ta cũng không nghe.

Không nói không nghe thực là chân Bát nhã.

Thơ xưa viết: "Đất chật không cho khách vẫy phất

Nhà trống không, cho phép trời rải hoa".

Ấy vậy!

Không Sinh là tôn giả Thiện Hiện (Tu Bồ Đề), bởi khéo giải lý không cho nên gọi là Không Sinh.

Kệ tóm tắt

Nên lìa ồn ào ở một mình

Nghĩ diệt gốc khổ tự như như

Nếu vui với chúng, chịu chúng não

Ví như voi già vào đầm lầy.

NGUYÊN VĂN

十一明精進

汝等比丘。若勤精進。則事無難者。勤行精進。佛果决定可期。是故汝等。當勤精進。譬如小水常流。則能穿石。若行者之心。數數懈廢。譬如鑽火。未熱而息。雖欲得火。火難可得。是名精進。木中火性。是火正因。若不加功藉緣。火終難得。若加功不已。如水性柔弱。亦有穿石之期。比況勤。懈之得失如此。宜勉勵焉！

音義

水。喻悲。火喻智。石喻愚癡。木喻邪見。常流鑽遂喻精進。方便喻不捨悲流。穿點愚癡之石。常生智火。燒除邪見之林。是真精進行。

攝頌偈

能勤精進事無難

小水常流穿石閒

勿如鑽火頻休歇

未熱息時得火艱。

PHIÊN ÂM

Thập nhất MINH TINH TIẾN

Nhữ đẳng Tỷ khiêu! Nhược cần tinh tiến, tắc sự vô nan giả (cần hành tinh tiến, Phật quả quyết định khả kỳ). **Thị cố nhữ đẳng, đương cần tinh tiến, thí như tiểu thủy thường lưu, tắc năng xuyên thạch. Nhược hành giả chi tâm, sác sác giải phế, thí như toàn hỏa vị nhiệt nhi tức, tuy dục đắc hỏa, hỏa nan khả đắc, thị danh tinh tiến** (mộc trung hỏa tính, thị hỏa chính nhân, nhược bất gia công tạ duyên, hỏa chung nan đắc, nhược gia công bất dĩ, như thủy tính nhu nhược, diệc hữu xuyên thạch chi kỳ, tỷ huống cần giải chi đắc thất như thử, nghi miễn lệ yên).

Âm nghĩa

Thủy, dụ bi; hỏa, dụ trí; thạch, dụ ngu si; mộc, dụ tà kiến; thường lưu, toàn toại, dụ tinh tiến, phương tiện, vị bất xả bi lưu, xuyên điểm

ngu si chi thạch. Thường sinh trí hỏa, thiêu trừ tà kiến chi lâm, thị chân tinh tiến hành.

Nhiếp tụng kệ

Năng cần tinh tiến sự vô nan

Tiểu thủy thường lưu xuyên thạch gian

Vật như toàn hỏa tần hưu hiết

Vị nhiệt tức thời đắc hỏa gian.

VIỆT DỊCH

Tiết 11: NÓI RÕ HẠNH TINH TIẾN

Này các Tỷ khiêu! Nếu siêng năng tinh tiến, thời chẳng có việc gì khó (tinh tiến tu, quả Phật quyết định, mong, có thể được). **Vì thế các ông phải siêng tinh tiến, giống như giọt nước thường chảy thì xuyên thủng đá. Nếu tâm người tu hành luôn luôn lười bỏ, ví như dùi lửa chưa nóng mà thôi, tuy muốn được lửa, lửa khó thể được. Thế gọi là tinh tiến** (tính lửa trong cây chính là nhân lửa, nếu không gia công nhờ duyên, kết cục khó lấy được lửa. Nếu gia công chẳng dừng, sẽ như tính nước mềm yếu cũng có thời kỳ xuyên thủng đá. Sánh ví được, mất, lười, siêng như thế, nên cố gắng vậy).

Âm nghĩa

Nước, dụ lòng thương; lửa, dụ trí tuệ; đá, dụ ngu si; cây, dụ tà kiến; chảy luôn, dùi mài, ví như tinh tiến, phương tiện, là không bỏ lòng thương, xuyên thủng hòn đá ngu si. Thường sinh lửa trí đốt cháy khu rừng tà kiến, là thực hành chân tinh tiến.

Kệ tóm tắt

Năng siêng tinh tiến, việc không khó

Nước nhỏ thường chảy khiến đá mòn

(Nước chảy mãi thời xuyên thủng đá)

Chớ như dùi lửa thường thôi nghỉ

Chưa nóng nghỉ thời khó được lửa.

NGUYÊN VĂN

十二不忘念

汝等比丘。求善知識。求善護助。無如不忘念。無忘之念。資正定故。夫煩惱出於妄情。觀察法理以遣之。初觀之時。見理未明。心不住理。要須念力。然後得觀。念以不忘為用。正心念法。審其善惡。善者曾而不滅。惡者滅而不生。

若有不忘念者。諸煩惱賊則不能入。正念若不忘。煩惱不能生。

是故汝等。常當攝念在心。若失念者。則失諸功德。若念力堅強。雖入五欲賊中。不為所害。內若不動。外無能亂。

譬如著鎧入陣。則無所畏。是名不忘念。正念常存。魔軍克殄。

音義

古云。參禪要待尋師友。

敢保修行一世休。

又云。假饒達磨與釋迦。擬親早已成窠臼。真至言哉！

蓋由不忘念故。即無師之智現前。天真之道不昧。處處釋迦出世。時時達磨西來。不忘而忘。無念而念。是真護助。如實識知。其或不然。未許駐脚在。

攝頌偈

護助無如不忘念

諸煩惱賊不得便

常當攝念在其心

念力堅強魔自遣。

PHIÊN ÂM

Thập nhị BẤT VONG NIỆM

Nhữ đẳng Tỷ khiêu! Cầu thiện tri thức, cầu thiện hộ trợ, vô như bất vong niệm (vô vong chi niệm, tư chính định cố. Phù phiền não xuất ư vọng tình. Quan sát pháp lý dĩ khiển chi. Sơ quán chi thời kiến lý vị minh, tâm bất trụ lý. Yếu tu niệm lực, nhiên hậu đắc quán. Niệm dĩ bất vong vi dụng, chính tâm niệm pháp, thẩm kỳ thiện ác, thiện giả, tăng nhi bất diệt, ác giả, diệt nhi bất sinh).

Nhược hữu bất vong niệm giả, chư phiền não tặc, tắc bất năng nhập (chính niệm nhược bất vong, phiền não bất năng sinh).

Thị cố nhữ đẳng! Thường đương nhiếp niệm tại tâm. Nhược thất niệm giả, tắc thất chư công đức. Nhược niệm lực kiên cường, tuy nhập ngũ dục tặc trung, bất vi sở hại (nội nhược bất động, ngoại vô năng loạn).

Thí như trước khải nhập trận, tắc vô sở úy, thị danh bất vong niệm (chính niệm thường tồn, ma quân khắc điễn).

Âm nghĩa

Cố vân:

Tham thiền yếu đãi tầm sư hữu,

Cảm bảo tu hành nhất thế hưu.

Hựu vân: Giả nhiêu Đạt Ma dữ Thích Ca, nghĩ thân tảo dĩ thành khoa cữu. Chân chí ngôn tai!

Cái do bất vong niệm cố, tức vô sư chi trí, hiện tiền, thiên chân chi đạo, bất muội, xứ xứ, Thích Ca xuất thế, thời thời Đạt Ma tây lai. Bất vong, nhi vong, vô niệm, nhi niệm, thị chân hộ trợ, như thực thức tri, kỳ hoặc bất nhiên, vị hứa trú cước tại.

Nhiếp tụng kệ

Hộ trợ vô như bất vong niệm

Chư phiền não tặc bất đắc tiện

Thường đương nhiếp niệm tại kỳ tâm

Niệm lực kiên cường ma tự khiển.

VIỆT DỊCH

Tiết 12: KHÔNG QUÊN CHÍNH NIỆM

Này các Tỷ khiêu! Tìm bậc thiện tri thức, tìm người khéo giúp đỡ, không bằng không quên chính niệm (cái ý niệm không quên giúp được chính định vậy. Ôi phiền não sinh ra từ lòng càn quấy, quan sát lý chính pháp để trừ đi. Khi bắt đầu quán, thấy chưa rõ lý, tâm không ở lý, phải dùng sức nhớ nghĩ rồi sau quán được. Tác dụng của nhớ là không quên, tâm nhớ chính pháp rõ phần thiện ác. Thiện thì thêm mà không diệt, ác thì tiêu diệt mà không sinh).

Nếu có nhớ không quên, thì mọi giặc phiền não không thể vào được (chính niệm nếu không quên, phiền não sinh ra sao được).

Vì thế các ông thường phải giữ chính niệm ở tâm. Nếu ai để mất chính niệm thì mất mọi công đức. Nếu sức chính niệm vững bền, tuy vào trong giặc ngũ dục vẫn không bị nó hại (trong nếu không khởi động, ngoài sao có khả năng khởi loạn?)

Ví như mặc giáp vào trận thì không sợ gì, thế gọi là không quên chính niệm (chính niệm thường còn, quân ma khắc tuyệt).

Âm nghĩa

Đời xưa nói:

Tham thiền phải đợi tìm thầy bạn,

Bảo đảm tu hành chỉ một đời.

Lại nói: Ví dù tổ Đạt Ma với Phật Thích Ca, so sánh sớm đã thành đúng chỗ: Lời nói thật hay!

Bởi từ nhớ không quên thì trí không thầy mà tự mình giác ngộ, hiện trước mắt đạo chân như không mờ. Đâu đâu cũng Phật Thích Ca ra đời (xuất thế), lúc nào tổ Đạt Ma cũng đến từ phía Tây. Không quên mà quên, không nhớ mà nhớ, thế thực là giúp đỡ chân chính, biết đúng như thực, nếu như không đúng như thế chưa cho chỗ đứng chân.

Kệ tóm tắt

Giúp đỡ không bằng nhớ chẳng quên

Bọn giặc phiền não chẳng gây nên

Chính niệm luôn luôn ghi tạc dạ

Ma tự tiêu tan sức niệm bền.

NGUYÊN VĂN

十三明禪定

汝等比丘。若攝心者。心則在定。心在定故。能知世間生滅法相。定水澄淳。森羅影現。是故汝等。常當精進修習諸定。隨機淺深。大小諸定皆當修習。若得定者。心則不散。散心斬漸止。隨順定門。譬如惜水之家。善治隄塘。行者亦爾。為智慧水故。善修禪定。令不漏失。是名為定。若無定力。乾慧不免苦輪。定能資慧故。古云。「菩薩清涼月。常遊畢竟空。衆生心水浄。菩提影現中。」若水濁。器破。則月影不現耳。

音義

上而直指人心。反聞自性。乃至四禪八定。天臺止觀。大小淺深。皆攝心之法慧無定。謂之乾慧。所謂將心持佛佛。何不自聞聞。定無慧。謂之頑定。所謂參禪不妙悟。可謂癡禪矣。

攝頌偈

比丘攝心在定時

能知生滅諸法相

禪定隄塘蓄慧水

無定乾慧難倚仗。

PHIÊN ÂM

Thập tam MINH THIỀN ĐỊNH

Nhữ đẳng Tỷ khiêu! Nhược nhiếp tâm giả, tâm tắc tại định. Tâm tại định cố, năng tri thế gian, sinh diệt pháp tướng (định thủy trừng đình, sâm la ảnh hiện). **Thị cố nhữ đẳng, thường đương tinh tiến, tu tập chư định** (tùy cơ thiển thâm, đại tiểu chư định, giai đương tu tập). **Nhược đắc định giả, tâm tắc bất tán** (tán tâm

tiệm chỉ, tùy thuận định môn). **Thí như tích thủy chi gia, thiện trị đê đường, hành giả diệc nhĩ. Vi trí tuệ thủy cố, thiện tu thiền định, linh bất lậu thất, thị danh vi định** (nhược vô định lực, can tuệ bất miễn khổ luân, định năng tư tuệ cố. Cổ vân: Bồ tát thanh lương nguyệt, thường du tất kính không. Chúng sinh tâm thủy tịnh, Bồ đề ảnh hiện trung, nhược thủy trước, khí phá, tắc nguyệt ảnh bất hiện nhĩ).

Âm nghĩa

Thượng nhi trực chỉ nhân tâm, phản văn tự tính, nãi chí tứ thiền bát định, Thiên Thai chỉ quán, đại tiểu thiển thâm, giai nhiếp tâm chi pháp. Tuệ vô định, vị chi can tuệ. Sở vị tương tâm trì Phật Phật, hà bất tự văn văn? Định vô tuệ, vị chi ngoan định. Sở vị tham thiền bất diệu ngộ, khả vị si thiền hỹ.

Nhiếp tụng kệ

Tỷ khiêu nhiếp tâm tại định thời

Năng tri sinh diệt chư pháp tướng

Thiền định đê đường súc tuệ thủy

Vô định can tuệ nan ỷ trượng.

VIỆT DỊCH

Tiết 13: NÓI RÕ TÂM THIỀN ĐỊNH

Này các Tỷ khiêu! Nếu thu được tâm, thời tâm ở định. Bởi tâm ở định, biết được các tướng các pháp sinh diệt ở thế gian (nước định lắng trong, san sát bóng hiện). **Thế nên các ông thường phải tinh tiến tu tập mọi phép định** (tùy cơ nông sâu, lớn nhỏ, các định đều phải tu tập). **Nếu ai được thiền định thì tâm không tán loạn** (tâm tán dần thôi, tùy thuận môn định). **Ví như nghiệp nhà tiếc nước, khéo sửa bờ đê, người tu hành cũng thế. Bởi trí tuệ là nước, khéo tu phép thiền định, khiến không rò rỉ mất. Thế gọi là định** (nếu không có sức định, tuệ khô khan không tránh khỏi vòng khổ. Thiền định có khả năng giúp cho trí tuệ. Đời xưa dạy: Bồ tát như vầng trăng trong mát thường hiện diện hư không quang tạnh. Nếu tâm chúng sinh trong sạch, bóng chính giác hiện vầng trăng, nếu nước đục, đồ đựng vỡ, thời bóng trăng không hiện

vậy).

Âm nghĩa

Trên thì thẳng trỏ lòng người, nghe lại tính mình, cho đến bốn phép thiền, tám phép định. Phép chỉ quán của Tổ Thiên Thai lớn nhỏ nông sâu đều là thu nhiếp tán tâm. Tuệ không định bảo đó là tuệ khô khan. Thế là đem tâm giữ tâm Phật, sao không nghe tính nghe của mình? Định không tuệ bảo là định trơ. Thế là tham thiền không khéo giác ngộ, đúng gọi là ngu si vậy.

Kệ tóm tắt

Khi Tỷ khiêu thu tâm ở định

Biết được mọi pháp tướng sinh diệt

Bờ đê thiền định chứa nước trí tuệ

Không định, tuệ khô khó nương tựa.

NGUYÊN VĂN

十四明智慧

汝□比丘。若有智 。則無貪著。常自省察。不令有失。智為前導。不可暫缺。是則於我法中。能得解脫。無慧名縛。有慧名解。若不爾者。既非道人。又非白衣。無所名也。心與形乖。二名俱失。實智慧者。則是度老病死海。堅牢舩也。般若實智。能度苦海。

亦是無明黑暗大明燈也。無明大夜。智燈能照。一切病者之良藥也。三毒重病。智慧能治。伐煩惱樹之利斧也。煩惱根株。智刃能伐。是故汝等。當以聞思修慧而自增益。從聞思修漸次增益。入三摩地。若人有智慧之照。雖是肉眼。而是明見人也。是名智慧。肉眼廓照。無明永滅。智慧之力也。故名明見之人矣。

音義

般若實智照於人乘。謂之肉眼。照於天乘。謂之天眼。照聲聞乘。謂之慧眼。照菩薩乘。謂之法眼。照最上乘。謂之佛眼。真妄交撤。即凡心而見佛心。體用圓融。依肉眼而成慧眼。故名政法眼藏。亦號金剛眼睛。復是堅牢船。乃至明見人也。古德頌云。天眼通非礙。肉眼礙非通。法眼惟觀俗。慧眼直緣空。佛眼如千日。照異體還同。圓明法界

內。無處不含容。人人皆具足。物物總圓通。頂門開點處。從教化滿空。容顏甚奇妙。光明照十方。是謂明見人也。

攝頌偈

有智慧人無貪著

從聞思修自開廓

明燈利斧及堅船

又為治病真良藥。

PHIÊN ÂM

Thập tứ MINH TRÍ TUỆ

Nhữ đẳng Tỷ khiêu! Nhược hữu trí tuệ, tắc vô tham trước, thường tự tỉnh sát, bất linh hữu thất (trí vi tiền đạo, bất khả tạm khuyết). **Thị tắc, ư ngã pháp trung, năng đắc giải thoát** (vô tuệ danh phọc, hữu tuệ danh giải). **Nhược bất nhĩ giả, ký phi đạo nhân, hựu phi bạch y, vô sở danh dã** (tâm dữ hình quai, nhị danh câu thất). **Thật trí tuệ giả, tắc thị độ lão, bệnh, tử hải, kiên lao thuyền dã** (Bát nhã thực trí năng độ khổ hải).

Diệc thị, vô minh hắc ám, đại minh đăng dã (vô minh đại dạ, trí đăng năng chiếu), **nhất thiết bệnh giả, chi lương dược dã** (tam độc trọng bệnh, trí tuệ năng trị), **phạt phiền não thụ, chi lợi phủ dã** (phiền não căn châu, trí nhận năng phạt). **Thị cố nhữ đẳng, đương dĩ văn, tư, tu tuệ nhi tự tăng ích** (tòng văn tư tu, tiệm thứ tăng ích, nhập Tam ma địa). **Nhược nhân hữu trí tuệ chi chiếu, tuy thị nhục nhỡn, nhi thị minh kiến nhân dã, thị danh trí tuệ** (nhục nhỡn khuếch chiếu, vô minh vĩnh diệt. Trí tuệ chi lực dã, cố danh minh kiến chi nhân hỹ).

Âm nghĩa

Bát nhã thật trí, chiếu ư Nhân thừa vị chi nhục nhỡn, chiếu ư Thiên thừa vị chi thiên nhỡn, chiếu Thanh văn thừa vị chi tuệ nhỡn, chiếu Bồ tát thừa vị chi pháp nhỡn, chiếu Tối thượng thừa vị chi Phật nhỡn, chân vọng giao triệt tức phàm tâm nhi kiến Phật tâm. Thể dụng viên dung, y nhục nhỡn nhi thành tuệ nhỡn. Cố danh chính pháp nhỡn tạng. Diệc hiệu kim cương nhỡn tình, phục thị kiên lao thuyền, nãi

chí minh kiến nhân dã. Cổ đức tụng vân:

Thiên nhỡn thông phi ngại

Nhục nhỡn ngại phi thông

Pháp nhỡn duy quan tục

Tuệ nhỡn trực duyên không

Phật nhỡn như thiên nhật

Chiếu dị thể hoàn đồng

Viên minh pháp giới nội

Vô xứ bất hàm dung

Nhân nhân giai cụ túc

Vật vật tổng viên thông

Đỉnh môn khai điểm xứ

Tòng giáo hóa mãn không

Dung nhan thậm kỳ diệu

Quang minh chiếu thập phương

Thị vị kiến nhân dã.

Nhiếp tụng kệ

Hữu trí tuệ nhân vô tham trước

Tòng văn tư tu tự khai khuếch

Minh đăng lợi phủ cập kiên thuyền

Hựu vi trị bệnh chân lương dược.

VIỆT DỊCH

Tiết 14: NÓI RÕ TRÍ TUỆ

Này các Tỷ khiêu! Nếu có trí tuệ, thời không tham đắm, luôn ngẫm xét mình, không để mắc lỗi (trí tuệ đi trước dẫn đường không thể tạm thiếu). **Thế thời, ở trong pháp ta hay được giải thoát** (không có tuệ gọi là trói buộc, có trí tuệ gọi là cởi). **Nếu không, đã không phải là người tu đạo, cũng chẳng phải người tại gia, không gọi được là gì cả** (tâm trái với hình, hai danh đều mất). **Người thực trí tuệ, thời là cái thuyền bền chắc vượt qua biển già, bệnh, chết vậy** (Bát nhã thật trí qua được bể khổ).

Cũng là ngọn đèn lớn sáng soi vô minh đen tối (đêm lớn vô minh, đèn trí soi sáng), **là thuốc hay cho tất cả các bệnh vậy** (bệnh nặng ba độc, thuốc trí tuệ hay trị), **là búa sắc bén chặt cây phiền não** (cỗi gốc phiền não do trí chặt được). **Vì thế các ông nên lấy tuệ nghe, nghĩ, tu tự thêm lợi ích cho mình** (từ nghe, nghĩ, tu dần thêm ích lợi vào ngôi chính định). **Nếu ai có ánh sáng trí tuệ, tuy là mắt thịt nhưng lại là người có kiến thức sáng vậy** (mắt thịt soi rộng, vô minh dứt hẳn. Sức trí tuệ như vậy, cho nên gọi là người có kiến thức thông minh).

Âm nghĩa

Trí Bát nhã soi ở cõi Người đấy là mắt thịt, soi ở cõi Trời gọi là thiên nhãn, soi ở cõi Thanh văn gọi là mắt tuệ, soi ở Bồ tát gọi là pháp nhãn, soi ở Tối thượng thừa gọi là mắt Phật. Nên biết, thực giả giao triệt, ngay tâm phàm mà thấy tâm Phật, thể dụng tròn hòa, nương mắt thịt mà thành mắt tuệ. Do vậy gọi là tạng chính pháp nhỡn, cũng gọi là con ngươi kim cương. Cũng chính là thuyền bền chắc cho đến là người có kiến thức thông minh vậy. Bậc cổ đức viết bài tụng rằng:

Mắt trời nhìn xuống, đâu chướng ngại

Mắt thịt chướng ngại, không thông suốt

Mắt đạo pháp chỉ nhìn thấy tục đế

Mắt trí tuệ thẳng thấy hư không

Mắt Phật như nghìn mặt trời

Soi thể khác lại như nhau

Trong pháp giới tròn sáng

Không chốn nào không bao dung

Người người đều đầy đủ

Vật vật thảy viên thông

Khai điểm nơi cửa đầu

Pháp giáo hóa khắp hư không

Vẻ mặt thật lạ lùng màu nhiệm

Sáng soi khắp mười phương

Thế là người thông minh có kiến thức vậy!

Kệ tóm tắt

Người có trí tuệ không tham đắm

Từ nghe, nghĩ, tu, tự mở rộng

Đèn sáng, búa sắc với thuyền bền

Lại là thuốc hay chữa bệnh dữ.

NGUYÊN VĂN

十五不戲論

汝等比丘。若種種戲論。其心則亂。雖復出家。猶未得脫。語默動靜。乖於軌則。能令心亂。違解脫理。是故比丘。當急捨離亂心戲論。若汝欲得寂滅樂者。唯當善滅戲論之患。是名「不戲論」。若滅戲論。虛妄分別。涅槃之樂可庶幾乎！

音義

戲論又二。一。迷自性理生。二,著法相事生。未了三界唯心萬法唯識。凡有言說皆是虛妄。若達從無住本。立一切法。一切世法無非佛法。古云。但得本莫愁末。得末者未必得本也。故經云。如來是眞語。實語。如語。不誑語。不異語者。

攝頌偈

種種戲論令心亂

欲得寂滅當除斷。

PHIÊN ÂM

Thập ngũ BẤT HÝ LUẬN

Nhữ đẳng Tỷ khiêu! Nhược chủng chủng hý luận, kỳ tâm tắc loạn. Tuy phục xuất gia, do vị đắc thoát (ngữ mặc động tĩnh, quai ư quỹ tắc, năng linh tâm loạn, vi giải thoát lý). **Thị cố Tỷ khiêu, đương cấp xả ly, loạn tâm hý luận. Nhược nhữ dục đắc tịch diệt lạc giả, duy đương thiện diệt hý luận chi hoạn, thị danh bất hý luận** (nhược diệt hý luận, hư vọng phân biệt, Niết bàn chi lạc khả thứ cơ hồ).

Âm nghĩa

Hý luận hữu nhị: nhất, mê tự tính lý sinh; nhị, trước pháp tướng sự sinh. Vị liễu tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức. Phàm hữu ngôn thuyết giai thị hư vọng. Nhược đạt tòng vô trụ bản, lập nhất thiết pháp, nhất thiết thế pháp, vô phi Phật pháp. Cổ vân: "Đãn đắc bản mạc sầu mạt, đắc mạt giả vị tất đắc bản dã". Cố kinh vân: "Như Lai thị chân ngữ, thật ngữ, như ngữ, bất cuống ngữ, bất dị ngữ giả".

Nhiếp tụng kệ

Chủng chủng hý luận linh tâm loạn

Dục đắc tịch diệt đương trừ đoạn.

VIỆT DỊCH

Tiết 15: KHÔNG BÀN NHẢM

Này các Tỷ khiêu! Nếu luôn luôn bàn tán, đùa cợt, thì tâm tán loạn. Lại nữa, tuy là xuất gia đấy, còn chưa giải thoát được (nói năng động tĩnh trái với khuôn phép, hay khiến tâm loạn, trái lý giải thoát). **Vì thế Tỷ khiêu phải gấp rời bỏ nói, bàn, đùa cợt loạn tâm. Nếu ông muốn được vui tịch diệt, duy phải khéo diệt cái nạn đùa cợt, bàn tán. Thế gọi là không hý luận** (nếu diệt phân biệt, hý luận càn quấy, niềm vui Niết bàn có thể hy vọng).

Âm nghĩa

Đùa cợt có hai nghĩa: Một là sinh ra từ mê chấp lý tự tính, hai là sinh ra từ chấp, mắc sự pháp tướng. Chưa rõ được lý "tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức". Phàm có nói bàn gì đều là hư vọng, nếu suốt được gốc không, từ đấy lập ra tất cả pháp, thì mọi pháp thế gian, không trái với Phật pháp. Đời xưa dạy: "Chỉ được gốc chớ lo ngọn, được ngọn chưa hẳn được gốc vậy". Bởi thế Kinh Kim Cương dạy: "Như Lai nói lời đúng, lời nói thực, lời nói như pháp, lời nói không dối, lời nói không khác".

Kệ tóm tắt

Luôn luôn đùa cợt khiến tâm loạn

Muốn được tịch diệt phải trừ dứt.

NGUYÊN VĂN

十六捨放逸

汝等比丘。於諸功德。常當一心。捨諸放逸。如離怨賊。大悲世尊所說利益。皆已究竟。汝等但當勤而行之。大悲方便。分別說三。究竟涅槃。唯一乘道。若於山間。若空澤中。若在樹下。閑□靜室。念所受法。隨力所受。思惟修習。勿令忘失。常當自勉。精進修之。勉勵勤進。防退失焉。無為空死。後致有悔。生死流浪。後悔何益。

我如良醫。知病說藥。服與不服。非醫咎也。佛說法藥。治煩惱病。聞不信服。非佛咎也。又如善導。導人善道。聞之不行。非導過也。佛為大導師。引導衆生。令至涅槃正道。不信不行。是誰之過歟。

音義

放謂放蕩。逸謂奔逸。經云。聚緣內搖。流外奔逸。是也。蓋學如逆水行舟。不進則退。心似長途走馬。易放難收。若能捨諸放逸。一心而行。譬如順水揚帆。歸家得路。一切功德。不離法身。所謂不嫉不行。而速而至矣。

攝頌偈

於諸功德恒在心

捨諸放逸如離怨

良醫知藥說藥方

路師導人行路長。

PHIÊN ÂM

Thập lục XẢ PHÓNG DẬT

Nhữ đẳng Tỷ khiêu! Ư chư công đức, thường đương nhất tâm, xả chư phóng dật, như ly oán tặc. Đại bi Thế Tôn, sở thuyết lợi ích, giai dĩ cứu kính. Nhữ đẳng đãn đương, cần nhi hành chi (đại bi phương tiện, phân biệt thuyết tam, cứu kính Niết bàn, duy Nhất thừa đạo). **Nhược ư sơn gian, nhược không trạch trung, nhược tại thụ hạ, nhàn xứ, tĩnh thất, niệm sở thụ pháp** (tùy lực sở thụ, tư duy tu tập), **vật linh vong thất, thường đương tự miễn, tinh tiến tu chi** (miễn lệ cần tiến, phòng thoái thất yên). **Vô vi không tử, hậu trí hữu hối** (sinh tử lưu lãng, hậu hối hà ích?) **Ngã như lương y, tri bệnh thuyết dược, phục dữ bất phục, phi y cữu dã** (Phật thuyết pháp dược, trị phiền não bệnh, văn bất tín phục, phi Phật cữu dã). **Hựu như thiện đạo, đạo nhân thiện đạo, văn chi bất hành, phi đạo quá dã** (Phật vi đại đạo sư, dẫn đạo chúng sinh linh chí Niết bàn chính đạo, bất tín bất hành, thị thùy chi quá dư?)

Âm nghĩa

Phóng, vị phóng đãng. Dật, vị bôn dật. Kinh vân: "Tụ duyên nội dao, lưu ngoại bôn dật, thị dã. Cái, học như nghịch thủy hành chu, bất tiến tắc thoái. Tâm tự tràng đồ tẩu mã, dị phóng nan thu". Nhược năng xả chư phóng dật, nhất tâm nhi hành, thí như thuận thủy dương phàm, quy gia đắc lộ. Nhất thiết công đức, bất ly pháp thân, sở vị bất tật bất hành, nhi tốc nhi chí hỹ.

Nhiếp tụng kệ

Ư chư công đức hằng tại tâm

Xả chư phóng dật như ly oán

Lương y tri dược thuyết dược phương

Lộ sư đạo nhân hành lộ trường.

VIỆT DỊCH

Tiết 16: BỎ THÓI BUÔNG THẢ

Hàng Tỷ khiêu các ông đối với các công đức thường phải một lòng, bỏ mọi phóng dật như tránh quân thù. Đức đại bi Thế Tôn, nói lợi ích gì đều được rốt ráo. Các ông chỉ nên chăm chỉ thực hành (bởi lòng đại bi nên phương tiện phân biệt nói ra ba thừa, rốt ráo Niết bàn duy một Phật thừa). **Nếu ở trong núi, hoặc trong đầm không nước, hoặc dưới gốc cây hay nơi nhàn, nhà tĩnh, nhớ pháp đã thụ** (tùy sức đã chấp nhận, suy nghĩ rồi thực hành), **chớ để mất. Thường phải tự cố gắng tinh tiến tu hành** (cố gắng cần tiến đề phòng lui mất vậy), **không làm chết uổng, về sau lại hối** (sống chết trôi dạt, sau hối ích gì?)

Ta như lương y biết bệnh nói thuốc, uống hay không uống, phải đâu lỗi của thầy thuốc (vì thế cho nên, Phật nói thuốc pháp chữa bệnh phiền não, nghe mà không tin chịu, chẳng phải lỗi Phật). **Lại như người lãnh đạo tốt, đưa người đến đường thiện, người nghe không theo, không phải lỗi người dẫn đường** (Phật là bậc đại đạo sư, dẫn đưa chúng sinh đến đường chính Niết bàn, không tin, không theo là lỗi của ai?)

Âm nghĩa

"Phóng" là buông thả. "Dật" là bồn chồn. Kinh Lăng Nghiêm dạy: "Hợp duyên trần dao động bên trong, bôn dật lưu thông ra ngoài. Bởi vì, học như chèo thuyền ngược nước, không tiến thì thoái, tâm giống như ngựa chạy đường dài, dễ phóng khó thu". Nếu hay bỏ thói buông thả, một lòng tu hành, ví như thuận nước giương buồm, về nhà có lối. Hết thảy công đức không lìa pháp thân, thế là, không vội vàng, không đi đâu mà mau chóng đến vậy.

Kệ tóm tắt

Với các công đức hằng ở tâm

Bỏ thói buông thả như kẻ oán

Lương y biết thuốc nói phương thuốc

Thầy dẫn đường đưa người đi đường dài.

NGUYÊN VĂN

十七令決疑

汝等若於苦等四諦有所疑者。可疾問之。無得懷疑。不求決也。四諦法中有疑未決。我當決之。爾時世尊如是三唱。人無問者。衆默不問。所以者何。徵也。衆無疑故。釋不問之故也。時阿□樓□觀察衆心。即「阿那律陁」。梵音小異。宋云「無滅」。以天眼觀察衆意。而白佛言。「世尊。月可令熱。日可令冷。佛說四諦。不可令異。水火之性。可令無定。佛說真實。決定不虛。

佛說苦諦實苦。不可令樂。苦是世俗果。諦當審實。決□無樂。集真是因。更無異因。集是世俗因。集諸不善業。故決定是招苦之因。苦若滅者。即是因滅。諸苦所因。貪欲為本。若滅貪欲。無所依止。因滅故果滅。滅苦之道。實是真道。更無餘道。滅諦。出世真果。即涅槃也。道諦。即斷煩惱。出世真因。無別道也。世尊。是諸比丘。於四諦中。決定無疑。於此衆中。若所作未辦者。見佛滅度。當有悲感。未證無生忍。不了法身常住爾。

若有初入法者。聞佛所說。即皆得度。親聞佛誨。無不蒙益。譬如夜見電光。即得見道。暫得心開。未能究竟。若所作已辦。已度苦海者。但是作念。『世尊滅度。一何疾哉！』」自雖已度。潛未度。故作念興嘆。阿□樓□雖說此語。「衆中皆悉了達四聖諦義。

世尊欲令此諸大衆皆得堅固。以大悲心。復為衆說。未徹未辦。聞佛滅度。或生退沒。末後慇懃。委曲慰喻。

音義

疑與信對。疑心不決則信道不真。信道不真則邪魔易亂。故如來徹底大悲。叮嚀三唱。令已度。則自性自度。懷疑。則求佛決疑。因緣合離。時節欲過。常當一心。勤求出要。莫待龍華道後。方乃問津。其為計亦左矣。古云。

蓮花荷葉報君知。

出水何如未出時。

江北江南問王老。

一狐疑了一狐疑。

此下。略明因緣時節。令眾一心也。

攝頌偈

佛語真實無虛妄

信行功德固難量。

PHIÊN ÂM

Thập thất LINH QUYẾT NGHI

Nhữ đẳng! Nhược ư khổ đẳng tứ đế hữu sở nghi giả, khả tật vấn chi, vô đắc hoài nghi, bất cầu quyết dã (tứ đế pháp trung hữu nghi vị quyết, ngã đương quyết chi). **Nhĩ thời Thế Tôn, như thị tam xướng, nhân vô vấn giả** (chúng mặc bất vấn), **sở dĩ giả hà? Trưng dã? Chúng vô nghi cố** (thích bất vấn chi cố dã). **Thời A Nâu Lâu Đà quan sát chúng tâm** (tức A Na Luật Đà, Phạn âm tiểu dị, Tống vân Vô diệt, dĩ thiên nhỡn quan sát chúng ý), **nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nguyệt khả linh nhiệt, nhật khả linh lãnh, Phật thuyết tứ đế bất khả linh dị** (thủy hỏa chi tính, khả linh vô định, Phật thuyết chân thật, quyết định bất hư).

Phật thuyết khổ đế, thật khổ, bất khả linh lạc (khổ, thị thế tục quả, đế đương thẩm thật, quyết định vô lạc). **Tập chân thị nhân, cánh vô dị nhân** (tập, thị thế tục nhân, tập chư bất thiện nghiệp cố, quyết định thị chiêu khổ chi nhân). **Khổ nhược diệt giả, tức thị nhân diệt** (chư khổ sở nhân, tham dục vi bản, nhược diệt tham dục, vô sở y chỉ), **nhân diệt, cố quả diệt. Diệt khổ chi đạo, thật thị chân đạo, cánh vô dư đạo** (diệt đế, xuất thế chân quả, tức Niết bàn dã, đạo đế, tức đoạn phiền não, xuất thế chân nhân, vô biệt đạo dã). **Thế Tôn! Thị chư Tỷ khiêu, ư tứ đế trung, quyết định vô nghi, ư thử chúng trung, nhược sở tác vị biện giả, kiến Phật diệt độ, đương hữu bi cảm** (vị chứng vô sinh nhẫn, bất liễu pháp thân thường trụ nhĩ).

Nhược hữu sơ nhập pháp giả,văn Phật sở thuyết,tức giai đắc độ (thân văn Phật hối, vô bất mông ích). **Thí như dạ kiến điện quang, tức đắc kiến đạo** (tạm đắc tâm khai, vị năng cứu kính). **Nhược sở tác dĩ biện, dĩ độ khổ hải giả, đãn thị tác niệm: Thế Tôn diệt độ, nhất hà tật tai** (tự tuy dĩ độ, mẫn vị độ cố, tác niệm hưng thán). **A Nâu Lâu Đà, tuy thuyết thử ngữ, chúng trung giai tất liễu đạt tứ thánh đế nghĩa.**

Thế Tôn, dục linh thử chư đại chúng, giai đắc kiên cố, dĩ đại bi tâm, phục vị chúng thuyết (vị triệt vị biện, văn Phật diệt độ, hoặc sinh thoái một, mạt hậu ân cần ủy khúc úy dụ).

Âm nghĩa

Nghi, dữ tín đối. Nghi tâm bất quyết, tắc tín đạo bất chân, tín đạo

bất chân tắc tà ma dị loạn. Cố Như Lai triệt để đại bi, đinh ninh tam xướng. Linh dĩ độ, tắc tự tính tự độ. Hoài nghi, tắc cầu Phật quyết nghi. Nhân duyên hợp ly, thời tiết dục quá, thường đương nhất tâm, cần cầu xuất yếu. Mạc đãi Long Hoa đạo hậu, phương nãi vấn tân, kỳ vi kế diệc tả hỹ. Cổ vân:

Liên hoa hà diệp báo quân tri,

Xuất thủy hà như vị xuất thì.

Giang Bắc, Giang Nam vấn Vương lão,

Nhất hồ nghi liễu nhất hồ nghi.

Thử hạ, lược minh nhân duyên thời tiết, linh chúng nhất tâm dã.

Nhiếp tụng kệ

Phật ngữ chân thật vô hư vọng

Tín hành công đức cố nan lường.

VIỆT DỊCH

Tiết 17: CÒN NGỜ THÌ HỎI

Các ông nếu thấy khổ, tập, diệt, đạo, tứ thánh đế có chỗ nào còn ngờ, nên mau hỏi đi, không được mang ngờ, không cầu quyết đoán (trong pháp tứ đế có gì còn ngờ chưa quyết, ta sẽ quyết đoán cho). **Khi ấy Đức Thế Tôn ba lần xướng lên như thế, không có ai hỏi** (đại chúng lặng yên không hỏi), **tại sao như thế? Không ai còn ngờ** (giải thích nguyên cớ không hỏi vậy). **Khi ấy, ngài A Nâu Lâu Đà xem xét tâm đại chúng** (tức A Na Luật Đà, âm Phạn có khác, nhà Tống dịch là Vô diệt, dùng thiên nhỡn xem xét tâm ý đại chúng), **rồi bạch Phật rằng: Lạy Đức Thế Tôn! Mặt trăng có thể làm nóng lên được, mặt trời có thể nguội lạnh đi. Phật giảng tứ đế không thể khác được** (tính của nước và lửa có thể dung hòa không nhất định, Phật dạy chân thật, quyết định không dối).

Phật giảng khổ đế, thật khổ, không thể biến khổ thành vui (khổ là quả thế tục, là chân lý xác đáng quyết định không vui). **Tập, chân thực là nguyên nhân, không phải là cái gì khác** (tập là nhân thế tục.

Bởi, tập đủ thứ nghiệp bất thiện, nên quyết định là gieo nhân khổ). **Khổ, nếu mà diệt tận, thời nhân diệt hết** (cái nhân của mọi khổ, thời tham dục là gốc, nếu diệt tham muốn, còn đâu ra chỗ nương nhân). **Nhân diệt, bởi vậy quả diệt. Đạo diệt khổ, chân thực là đạo, không thể có con đường nào khác** (diệt đế thực là nhân quả xuất thế gian tức Niết bàn vậy, Đạo đế, tức đoạn trừ phiền não, đúng thực là nhân xuất thế gian, không có con đường nào khác vậy). **Lạy Đức Thế Tôn, hàng Tỷ khiêu đây, đối với tứ thánh đế, quyết định không còn ngờ, ở trong chúng đây, nếu có ai việc tu hành chưa xong, thấy Phật diệt độ sẽ có thương cảm** (đấy là chưa chứng pháp nhẫn vô sinh, không hiểu rõ pháp thân thường còn vậy).

Nếu ai mới vào đạo nghe lời Phật dạy pháp, thì đều được độ (đích thân nghe Phật dạy, không ai đều không nhờ lợi ích). **Ví như đêm tối thấy bóng chớp sáng, tức khắc thấy được đạo** (tâm tạm thời hé mở nhưng chưa được rốt ráo). **Nếu ai việc tu hành đã xong, đã vượt qua biển khổ, chỉ nghĩ đến rằng, Đức Thế Tôn diệt độ sao mà chóng thế** (mình tuy đã được độ nhưng còn ai đây chưa được độ, bởi vậy cất lên ý niệm than thở). **Ngài A Nâu Lâu Đà tuy nói lời ấy trong chúng thảy đều thông suốt nghĩa tứ thánh đế.**

Đức Thế Tôn muốn cho hết thảy đại chúng đây đều được kiên cố. Với lòng thương xót rộng lớn lại vì đại chúng mà nói (chưa giác ngộ triệt để, nghe Phật diệt độ, nghi hoặc sinh thất vọng, cuối cùng ân cần cặn kẽ nhủ bảo).

Âm nghĩa

Ngờ đối với tin. Tâm ngờ không quyết đoán, thì tin đạo không thực. Cho rằng đạo không thực thì tà ma dễ rối loạn. Cho nên, lòng thương xót của Đức Như Lai triệt để, cặn kẽ ba lần xướng lên, khiến ai đã được độ thời tự tính tự độ lấy mình. Còn mang ngờ, thời cầu Phật quyết đoán. Hợp ly do nhân duyên, thời tiết sắp qua, thường phải nhất tâm cầu đạo thiết yếu xuất thế. Chớ đợi sau hội Long Hoa mới hỏi đến thì kế hoạch ấy cũng muộn vậy. Đời xưa dạy:

Hoa lá của sen báo cho biết

Ra khỏi nước sao bằng lúc chưa ra

Sông Bắc, sông Nam hỏi Vương lão

Qua một ngờ rồi, lại sinh một ngờ nữa.

Từ đây trở xuống lược rõ nhân duyên thời tiết khiến đại chúng chú ý

nhất tâm.

Kệ tóm tắt

Lời Phật chân thật không dối trá

Tin làm công đức vẫn khó lường.

NGUYÊN VĂN

十八明因緣

汝等比丘。勿懷悲惱。若我住世一劫。會亦當滅。會而不離。終不可得。緣起之法。固不可留。

自利利人。法皆具足。積萬行。成萬德。演教海利羣機。兼濟之道。悉具備矣。若我久住。更無所益。佛头住則衆生不起難遭想。不種善根。貪著五慾。不求出苦。故佛示滅耳。應可度者。若天上人間。皆悉已度。成道四十九載。應度度畢無餘。其未度者。皆亦已作得度因緣。清淨法眼戒定慧藏。內則付囑摩訶迦葉諸大弟子。外則付囑国王大臣。令慧命不斷。為後後因緣耳。

自今已後。我諸弟子展轉行之。則是如來法身常在而不滅也。世尊囑累。行之不絶。則法身常存焉。是故當知世皆無常。會必有離。勿懷憂惱。世相如是。還流不住曰「世」。形質可狀曰「相」。應會示生。寧無□乎。當勤精進。早求解脫。以智慧明。滅諸癡闇。勤精進而智慧明。癡闇□則脫諸苦。世實危脆。無牢強者。有為虛假。今昔皆然。

我今得滅。如除悪病。此是應捨。罪悪之物。假名為身。沒在生老病死大海。佛身無為。示同有為。令衆生知身過患。早悟法身也。何有智者得除滅之。如殺怨賊。而不歡喜。身為苦本。衆苦所依。衆生妄執為實。不求出要。大聖知生死皆幻。示生死而化物。

音義

因緣和合。虛妄有生。因緣別離。虛妄名滅。悟生滅法。是聲聞乘。解因緣理。是緣覺乘。了法緣起。是菩薩乘。此皆以智明滅癡暗也。

PHIÊN ÂM

Thập bát MINH NHÂN DUYÊN

Nhữ đẳng Tỷ khiêu! Vật hoài bi não. Nhược ngã trụ thế nhất kiếp, hội diệc đương diệt, hội nhi bất ly, chung bất khả đắc (duyên khởi chi pháp, cố bất khả lưu). **Tự lợi lợi nhân, pháp giai cụ túc** (tích vạn hạnh, thành vạn đức, diễn giáo hải, lợi quần cơ, kiêm tế chi đạo, tất cụ bị hỹ). **Nhược ngã cửu trụ, cánh vô sở ích** (Phật cửu trụ, tắc chúng sinh bất khởi nan tao tưởng, bất chủng thiện căn, tham trước ngũ dục, bất cầu xuất khổ, cố Phật thị diệt nhĩ). **Ưng khả độ giả, nhược thiên thượng nhân gian giai tất dĩ độ** (thành đạo tứ thập cửu tải ưng độ, độ tất vô dư). **Kỳ vị độ giả, giai diệc dĩ tác, đắc độ nhân duyên** (thanh tịnh pháp nhỡn, giới định tuệ tạng. Nội, tắc phó chúc Ma Ha Ca Diếp, chư đại đệ tử. Ngoại, tắc phó chúc quốc vương, đại thần, linh tuệ mệnh bất đoạn, vi hậu hậu nhân duyên nhĩ).

Tự kim dĩ hậu, ngã chư đệ tử, triển chuyển hành chi tắc thị Như Lai pháp thân thường tại, nhi bất diệt dã (Thế Tôn chúc lũy, hành chi bất tuyệt, tắc pháp thân thường tồn yên). **Thị cố đương tri, thế giai vô thường, hội tất hữu ly, vật hoài ưu não, thế tướng như thị** (hoàn lưu bất trụ viết thế, hình chất khả trạng viết tướng, ứng hội thị sinh, ninh vô diệt hồ?) **Đương cần tinh tiến, tảo cầu giải thoát, dĩ trí tuệ minh, diệt chư si ám** (cần tinh tiến, nhi trí tuệ minh, si ám diệt, tắc thoát chư khổ). **Thế thật nguy thúy, vô lao cường giả** (hữu vi hư giả, kim tích giai nhiên).

Ngã kim đắc diệt như trừ ác bệnh, thử thị ưng xả tội ác chi vật. Giả danh vi thân, một tại sinh lão bệnh tử đại hải (Phật thân vô vi, thị đồng hữu vi, linh chúng sinh tri thân quá hoạn, tảo ngộ pháp thân dã). **Hà hữu trí giả, đắc trừ diệt chi, như sát oán tặc, nhi bất hoan hỷ** (thân vi khổ bản, chúng khổ sở y, chúng sinh vọng chấp vi thật, bất cầu xuất yếu. Đại thánh tri sinh tử giai huyễn, thị sinh tử nhi hóa vật).

Âm nghĩa

Nhân duyên hòa hợp, hư vọng hữu sinh. Nhân duyên biệt ly, hư vọng danh diệt. Ngộ sinh diệt pháp, thị Thanh văn thừa. Giải nhân duyên lý, thị Duyên giác thừa. Liễu pháp duyên khởi, thị Bồ tát thừa. Thử, giai dĩ trí minh diệt si ám dã.

VIỆT DỊCH

Tiết 18: NÓI RÕ VỀ LÝ NHÂN DUYÊN

Tỷ khiêu các ông! Chớ mang buồn não. Nếu ta còn ở đời một kiếp nữa, họp cũng phải tan, họp mà không tan, quyết không thể được (các pháp từ duyên khởi, nên không thể bền được).

Pháp lợi mình lợi người đều đầy đủ (góp muôn hạnh thành muôn đức, diễn biển giáo pháp lợi ích cho quần cơ kiêm con đường cứu giúp ắt hẳn đầy đủ). **Nếu ta ở lâu nữa cũng không ích lợi gì** (Phật ở đời lâu, chúng sinh không khởi tư tưởng khó gặp, không trồng gốc lành, tham đắm năm dục, không cầu ra khỏi khổ. Vì vậy Phật thị hiện diệt độ). **Ai nên độ và có thể độ được, dù trên trời hay ở nhân gian đều độ cả rồi** (thành đạo 49 năm, nên độ đã độ hết, không còn sót). **Còn ai chưa độ đều cũng gây nhân duyên được độ** (pháp nhỡn thanh tịnh, tạng giới định tuệ. Trong, thì phó chúc cho ngài Đại Ca Diếp cùng các đệ tử lớn. Ngoài, thì phó chúc cho nhà vua, các quan đại thần, khiến tuệ mệnh không đoạn tuyệt, làm nhân duyên mãi mãi về sau nữa).

Từ nay về sau, đệ tử của ta, chuyển đổi nhau làm. Thế thời, pháp thân Như Lai, thường còn không mất (Thế Tôn dạy bảo, làm đi không dứt, thời pháp thân thường còn vậy). **Vì thế nên biết, thế gian vô thường, tụ hội rồi sẽ xa lìa, chớ mang buồn lo, tướng đời như thế** (trôi chảy không ngừng gọi là thế gian, hình chất thành dáng thế là tướng, đã tụ hội sinh ra rồi há không tiêu diệt ư?) **Phải cần tinh tiến, sớm cầu giải thoát, dùng ánh sáng trí tuệ diệt trừ những mê tối** (chuyên cần tinh tiến thì trí tuệ sáng, mê tối diệt thời thoát khỏi mọi khổ). **Đời thực mong manh, không có bền chắc** (đã có tạo tác đều là hư dối, từ trước đến nay đều thế).

Ta nay được tịch diệt như trừ bệnh ác. Đây là cái vật tội ác nên bỏ. Giả dối gọi là thân, chìm trong biển lớn sống, già, bệnh, chết (thân Phật vốn không có, thị hiện ra như có, báo cho chúng sinh biết, thân là lỗi lo để sớm giác ngộ pháp thân vậy). **Có bậc trí tuệ nào trừ diệt được nó như giết quân thù mà không vui mừng** (thân là gốc khổ, chỗ dựa của mọi khổ, chúng sinh mê chấp làm thực, không tìm chỗ thiết yếu cầu ra, bậc đại thánh biết sống chết đều là huyễn thuật, coi sinh tử như vật huyễn hóa).

Âm nghĩa

Nhân duyên hòa hợp một cách giả dối thì có sinh. Nhân duyên biệt ly một cách giả dối gọi là diệt. Giác ngộ được pháp sinh diệt là bực Thanh văn thừa. Giải được cái lý nhân duyên là bực Duyên giác thừa. Thấu được pháp duyên khởi là bực Bồ tát. Những cái đó đều là dùng ánh sáng trí tuệ diệt hết mê tối vậy.

NGUYÊN VĂN

十九明一心

汝等比丘。常當一心。勤求出道。涅槃正道。一切世間動。不動法。皆是敗壞不安之相。欲界六天為動法。色。無色界壽命劫數長久。外道計以為常。名不動法。

音義

經云。三界唯心萬法唯識。不了唯心唯識之旨。向外馳求。皆是敗壞不安之相。若達能變能現之體。常當一心。即是涅槃常住之相。所謂。不離世間超世間。不出魔境入佛境也。

夫戒為三學之本。心為六度之源。終始本源。所謂。開示眾生悟入佛知見也。

汝等且止。勿得復語。時將欲過。我欲滅度。是我最後之所教誨。應會時節寧容斗留。最後垂範。付囑斯在。化儀舒卷。情。謂杳亡。方便門中。那無指註。法華會上。金口親宣云。「為度衆生故。方便現涅槃。」廣如〈壽量品〉。其知此者。則靈山一會。儼然未散矣。豈不韙歟。若謂不然。諒非吾道。何也。欲得不招無間業。莫謗如來正法輪。

音義

此節結上十九節略說法要付囑流通之意。

汝等二句應法花。止止不須說。我法妙難思二句。結前序。皆已度訖一句。時將欲過二句。應法花。方便現涅槃一句。結前序。是時中夜二句。是我最後二句。應法花。以方便力故。為五比丘說二句。結前序。為諸弟子略說法要二句。釋結此經之名。以成流通之本也。

蓋以無盡大悲。無問自說。故不待請經名而後說也。略說略結。必使信聞奉行。化化不絕。故此經。一名。佛臨涅槃略說教戒。從略說得名也。一名。佛遺教。從略結得名也。其旨深哉！

今統論華嚴乃顯實智之始。經云。諸法從本來常自寂滅相。是也。法花。是結實智之終。經云。止止不須說。我法妙難思。是也。名為滿字。

四十二章。乃開權智之始。經云。以方便力故。為五比丘說。是也。遺教是結權智之終。經云。為度眾生故。方便現涅槃。是也。名為半字。

故原夫如來應世。不違權實二門。究竟而曾無二智。又要之大事因緣。不離半滿二字。本來而唯是一心。實外無權。半邊非滿也。

PHIÊN ÂM

Thập cửu MINH NHẤT TÂM

Nhữ đẳng Tỷ khiêu! Thường đương nhất tâm, cần cầu xuất đạo (Niết bàn chính đạo). **Nhất thiết thế gian, động, bất động pháp, giai thị bại hoại bất an chi tướng** (Dục giới lục thiên, vi động pháp; Sắc, Vô sắc giới thọ mệnh kiếp số trường cửu, ngoại đạo kế dĩ vi thường, danh bất động pháp).

Âm nghĩa

Kinh vân: "Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức". Bất liễu duy tâm duy thức chi chỉ, hướng ngoại trì cầu, giai thị bại hoại bất an chi tướng. Nhược đạt năng biến năng hiện chi thể, thường đương nhất tâm, tức thị Niết bàn thường trụ chi tướng. Sở vị: Bất ly thế gian siêu thế gian, bất xuất ma cảnh nhập Phật cảnh dã.

Phù giới, vi tam học chi bản. Tâm, vi lục độ chi nguyên, chung thủy, bản nguyên. Sở vị: Khai thị chúng sinh, ngộ nhập Phật chi tri kiến dã.

Nhữ đẳng thả chỉ, vật đắc phục ngữ, thời tương dục quá, ngã dục diệt độ, thị ngã tối hậu chi sở giáo hối *(ứng hội thời tiết, ninh dung cửu lưu, tối hậu thùy phạm, phó chúc tư tại, hóa nghi thư quyển, tình vị diểu vong, phương tiện môn trung, na vô chỉ chú? Pháp Hoa hội thượng, kim khẩu thân tuyên vân: Vị độ chúng sinh cố, phương tiện hiện Niết bàn, quảng như Thọ Lượng phẩm. Kỳ tri thử giả, tắc Linh Sơn nhất hội nghiễm nhiên vị tán hỹ. Khởi bất vĩ dư? Nhược vị bất nhiên, lượng phi ngô đạo, hà dã? Dục đắc bất chiêu Vô gián nghiệp, mạc báng Như Lai chính pháp luân).*

Âm nghĩa

Thử tiết, kết thượng thập cửu tiết lược thuyết pháp yếu, phó chúc lưu thông chi ý.

"Nhữ đẳng", nhị cú ứng Pháp Hoa "chỉ chỉ bất tu thuyết, ngã pháp diệu nan tư", nhị cú. Kết tiền tự, "giai dĩ độ hất", nhất cú.

"Thời tương dục quá", nhị cú ứng Pháp Hoa, phương tiện hiện Niết

bàn, nhất cú.

Kết tiền tự, "Thị thời trung dạ", nhị cú, "thị ngã tối hậu", nhị cú ứng Pháp Hoa "dĩ phương tiện lực cố, vị ngũ Tỷ khiêu thuyết" nhị cú. Kết tiền tự, "vị chư đệ tử lược thuyết pháp yếu", nhị cú.

Thích kết thử kinh chi danh, dĩ thành lưu thông chi bản dã. Cái dĩ, vô tận đại bi vô vấn tự thuyết. Cố bất đãi thỉnh kinh danh nhi hậu thuyết dã. Lược thuyết, lược kết tất sử tín văn phụng hành, hóa hóa bất tuyệt. Cố thử kinh: Nhất danh "Phật lâm Niết bàn lược thuyết giáo giới", tòng lược thuyết đắc danh dã. Nhất danh "Phật Di Giáo" tòng lược kết đắc danh dã, kỳ chỉ, thâm tai!

Kim thống luận, Hoa Nghiêm nãi hiển thật trí chi thủy. Kinh vân: "Chư pháp tòng bản lai thường tự tịch diệt tướng", thị dã. Pháp Hoa, thị kết thật trí chi chung. Kinh vân: "Chỉ chỉ bất tu thuyết, ngã pháp diệu nan tư", thị dã. Danh vi mãn tự.

Tứ thập nhị chương, nãi khai quyền trí chi thủy. Kinh vân: Dĩ phương tiện lực cố, vị ngũ Tỷ khiêu thuyết, thị dã. Di Giáo thị kết quyền trí chi chung. Kinh vân: Vị độ chúng sinh cố, phương tiện hiện Niết bàn, thị dã. Danh vi bán tự.

Cố, nguyên phù Như Lai ứng thế, bất vi quyền thật nhị môn. Cứu kính nhi tằng vô nhị trí. Hựu, yếu chỉ đại sự nhân duyên, bất ly bán mãn nhị tự. Bản lai nhi duy thị nhất tâm. Thật ngoại vô quyền, bán biên phi mãn dã.

VIỆT DỊCH

Tiết 19: NÓI RÕ NHẤT TÂM

Này các Tỷ khiêu! Thường hằng nhất tâm, cần tìm lối ra (đường chính Niết bàn). **Tất cả thế gian, pháp động hay không động đều là tướng bại hoại không yên** (Sáu trời cõi dục là pháp động, cõi sắc, cõi vô sắc, mạng sống số kiếp lâu dài, ngoại đạo kế chấp là thường hằng gọi là pháp bất động).

Âm nghĩa

Kinh dạy: "Ba cõi duy tâm, muôn pháp duy thức", không thấu được ý duy tâm duy thức, quay ra bên ngoài chạy đua tìm kiếm, đều là cái tướng bại hoại không yên. Nếu suốt đời được cái thể năng biến, năng

hiện, thường phải nhất tâm, tức là cái tướng Niết bàn thường trụ. Bởi thế cho nên nói là không lìa thế gian mà đã siêu xuất thế gian rồi, không ra khỏi cảnh ma, mà vẫn vào cảnh Phật.

Giới là gốc của tam học. Tâm là nguồn của Lục độ. Trước và sau, gốc và nguồn. Đó chính là tri kiến của chư Phật mở, bảo cho chúng sinh để giác ngộ mà chứng nhập tri kiến Phật.

Các ông, thôi đi, không được nói nữa, thời gian đã sắp qua rồi, ta sắp diệt độ, đây là lời dạy cuối cùng của ta (nên hiểu thời tiết, không cho phép lưu lại lâu, khuôn phép cuối cùng dặn lại ở đây, cái phép giáo hóa thì mở, cuốn, thức tình thì mờ mịt, trong cửa phương tiện, há rằng không chỉ bảo ư? Trên hội Pháp Hoa đích thân miệng Phật đã dạy. Vì lý do độ chúng sinh phương tiện hiện Niết bàn, phẩm Thọ Lượng đã nói rộng. Ai biết được ý này, thời một hội ở núi Linh Thứu còn nguyên chưa giải tán vậy. Há không tốt ư? Nếu bảo là không đúng, thực không phải là đạo của ta, sao thế? Muốn không bị nghiệp Vô gián đừng phỉ báng xe chính pháp của Như Lai).

Âm nghĩa

Bài này, lược nói pháp thiết yếu, kết thúc 19 bài trên là cái ý phó chúc, lưu thông.

Hai câu"nhữ đẳng"- (các ông) thì ứng hợp với hai câu trong kinh Pháp Hoa: "Thôi thôi không nói nữa.

Đạo pháp của ta màu nhiệm khó nghĩ bàn". Kết thúc một câu ở bài tựa trước "đều đã độ xong".

Hai câu "thời gian đã sắp qua, ta sắp diệt độ" ứng hợp với kinh Pháp Hoa, phẩm Phương tiện hiện Niết bàn một câu.

Kết thúc một câu ở bài trước "bây giờ khoảng giữa đêm". Hai câu "cuối cùng của ta" ứng hợp với kinh Pháp Hoa "nên lấy sức phương tiện vì năm vị Tỷ khiêu nói", hai câu. Kết thúc ở bài tựa trước "vì các đệ tử lược nói pháp thiết yếu", hai câu.

Giải thích kết thúc tên kinh này, để thành cái gốc lưu thông. Bởi vì lòng đại bi vô tận nên dù không ai hỏi mà Phật tự nói. Cho nên không đợi ai hỏi tên kinh rồi sau mới nói vậy. Chữ lược thuyết là sơ lược tổng kết ắt khiến cho người nghe vâng theo tu hành, và cũng là để việc giáo hóa không đoạn tuyệt. Bởi thế cho nên kinh này gọi là lời lược thuyết dạy bảo khi Phật sắp Niết bàn. Từ nói vắn tắt mà đặt tên. Thực là ý sâu xa.

Nay, bàn tóm lại: Kinh Hoa Nghiêm là bắt đầu, nêu rõ trí chân thực. Kinh nói: "Các pháp từ trước đến nay thường là tướng vắng lặng", ấy vậy. Pháp Hoa là cuối cùng, kết thúc trí chân thực. Kinh dạy: "Thôi thôi không nói nữa, đạo pháp của ta màu nhiệm khó mà nghĩ bàn" gọi là chữ "mãn" (đầy đủ, xong, hết).

Kinh Bốn Mươi Hai Chương là bắt đầu mở trí quyền thừa. Kinh dạy: "Vì dùng sức phương tiện nói cho năm ông Tỷ khiêu". Kinh Di Giáo là kết thúc, cuối cùng của trí quyền thừa. Kinh dạy: "Vì độ cho chúng sinh, phương tiện hiện ra Niết bàn" ấy vậy gọi là chữ "bán"(một nửa).

Bởi vậy, xét ra một đời đức Như Lai ở thế gian đều không trái với hai pháp môn quyền và thực. Rốt ráo lại chưa từng có hai trí. Lại nữa, điều thiết yếu của nhân duyên việc lớn không lìa hai chữ "bán mãn". Từ trước đến sau duy chỉ một tâm, ngoài chữ thực không có chữ quyền, bên cạnh chữ bán không có chữ mãn vậy.

NGUYÊN VĂN

龍花道後

清辨禱觀音願留身見彌勒。菩薩教願生兜率。辨云。未是徧知。直待龍花道後。方乃問津。

佛遺教經

(終)

前四十二章經。中遺教經。後潙山警策。別各準次。合為一帙。號佛祖三經。

成泰十八年。丙午夏。知止。苾芻源蘊標誌。

PHIÊN ÂM

Long Hoa đạo hậu

Thanh Biện đảo Quán Âm nguyện lưu thân kiến Di Lặc, Bồ tát giáo nguyện sinh Đâu Suất. Biện vân: Vị thị biến tri, trực đãi Long Hoa

đạo hậu phương nãi vấn tân.

Phật Di Giáo Kinh (chung)

Tiền Tứ Thập Nhị Chương Kinh; trung Di Giáo Kinh, hậu Quy Sơn Cảnh Sách. Biệt các chuẩn thứ hợp vi nhất trật; hiệu Phật Tổ Tam Kinh, Thành Thái thập bát niên, Bính Ngọ hạ, Tri chỉ, Bật sô Nguyên Uẩn tiêu chí.

VIỆT DỊCH

Long Hoa đạo hậu

Ngài Thanh Biện cầu đảo Đức Quán Âm nguyện lưu thân lại để thấy Đức Di Lặc. Quán Âm dạy: Nguyện sinh lên cõi trời Đâu Suất. Ngài Thanh Biện nói: Chưa phải biết hết, cứ đợi đến cuối đời Long Hoa mới hỏi thăm tới.

Phật Di Giáo Kinh (hết)

Trước hết Kinh Bốn Mươi Hai Chương; giữa là Kinh Di Giáo, sau mới đến lời nhắc nhở của Tổ Quy Sơn. Riêng biệt từng phần hợp theo thứ tự, hiệu là Phật Tổ Tam Kinh.

Vua Thành Thái năm thứ mười tám, mùa hạ năm Bính Ngọ 1906, Tri chỉ, Tỷ khiêu Nguyên Uẩn kính cẩn ghi.

Ghi chú:

+ Phiên âm: Theo bản gốc tại Tổ đình Viên Minh.

+ Việt dịch: Cư sĩ Phúc Tế ghi theo lời giảng của Hòa thượng Thích Phổ Tuệ tại Thảo am Quang Lãng, Phú Xuyên, Hà Tây - 1997.

TÙNG LÂM PHÁP YẾU

1. Tùng lâm lấy thanh nhàn làm hưng thịnh.

2. Tu hành lấy niệm Phật là ổn đáng.

3. Tinh tiến lấy giữ giới là thứ nhất.

4. Tật bệnh lấy bớt ăn là thang thuốc.

5. Trên phiền não nhẫn nhục là bồ đề.

6. Trái phải không biện bạch là giải thoát.

7. Giữ chúng bậc lão thành là chân tình.

8. Làm việc lấy hết lòng là có công.

9. Lời nói lấy ngắn gọn và dứt khoát.

10.Lớn nhỏ lấy từ hòa để tiến đức.

11.Học hỏi lấy cần tập là cửa vào.

12.Nhân quả lấy rõ ràng là không lỗi.

13.Già chết lấy vô thường để nhắc nhở.

14.Việc Phật lấy tinh nghiêm là thiết thật.

15.Đãi khách lấy chí thành là cúng dàng.

16.Sơn môn bậc kỳ cựu là trang nghiêm.

17.Công việc lấy dự bị là không mệt.

18. Cư xử với chúng nhún nhường là có lý.

19.Qua hiểm nguy không rối loạn là sức định.

20.Cứu giúp lấy từ bi là cội gốc.

Hòa thượng Thích Phổ Tuệ soạn dịch

Phần ba
Quy Sơn Cảnh Sách

Quy Sơn Đại Viên Thiền sư trứ tác

Chú thích : Sa môn Thủ Toại

Việt dịch : Kế đăng Sa môn Thích Phổ Tuệ

NGUYÊN VĂN

溈山警策

溈山大圓禪師著

鄆郊鳳山蘭若嗣祖沙門守遂註。

師諱靈祐。初參百丈大智禪師。侍立夜深。丈云撥爐中火看。師撥云爐中無火。丈自起深撥乃得一星火。夾起云。你道無。這箇是什麼。師因此悟入。丈令司馬頭陀選得溈山堪建道場。因謂眾曰。若有人道得一轉語便去住溈山。乃指淨瓶問云。若喚作淨瓶則觸。若不喚作淨瓶則背。時華林為首座。云不可喚作木□。丈不肯。時師為典座。丈乃問師。師踢倒淨瓶。丈云首座輸却山子了也。

師居溈山。建溈仰一宗。道傳天下。乃作警□。警其未悟。□其未進者也。

PHIÊN ÂM

QUY SƠN CẢNH SÁCH

Quy Sơn Đại Viên Thiền sư trứ

Vân Giao, Phượng Sơn, Lan Nhã, tự tổ Sa môn Thủ Toại chú.

(Sư húy Linh Hựu, sơ tham Bách Trượng Đại Trí Thiền sư. Thị lập dạ thâm, Trượng vân: "Bát lô trung hỏa khán", sư bát vân: "Lô trung vô hỏa". Trượng tự khởi thâm bát, nãi đắc nhất tinh hỏa, giáp khởi vân: "Nễ đạo vô, giá cá thị thậm mạ?" Sư nhân thử ngộ nhập. Trượng linh Tư Mã Đầu Đà, tuyển đắc Quy Sơn, kham kiến đạo tràng, nhân vị chúng viết: "Nhược hữu nhân, đạo đắc nhất chuyển ngữ, tiện khứ trụ Quy Sơn", nãi chỉ tịnh bình vấn vân: "Nhược hoán tác tịnh bình, tắc xúc, nhược bất hoán tác tịnh bình, tắc bội". Thời Hoa Lâm vi thủ tọa vân: "Bất khả hoán tác mộc đột". Trượng bất khẳng. Thời sư vi điển tọa, Trượng nãi vấn sư. Sư thích đảo tịnh bình, Trượng vân: "Thủ tọa thâu khước sơn tử liễu dã".

Sư cư Quy Sơn, kiến Quy Ngưỡng nhất tông. Đạo truyền thiên hạ, nãi tác cảnh sách, cảnh kỳ vị ngộ, sách kỳ vị tiến giả dã).

VIỆT DỊCH

BÀI CẢNH SÁCH CỦA TỔ QUY SƠN

Thiền sư Đại Viên ở núi Quy trứ tác

Quận Vân Giao, núi Phượng, chốn Lan Nhã, bậc Sa môn nối ngôi tổ là ngài Thủ Toại chú thích.

(Tên húy của tổ là Linh Hựu. Lần đầu tham học Thiền sư Đại Trí Bách Trượng. Đêm khuya đứng hầu, Tổ Bách Trượng bảo: "Gạt lửa trong lò xem", Linh Hựu gạt tro rồi nói: "Trong lò không lửa", Tổ Bách Trượng tự đứng dậy, gạt sâu xuống, được một đốm lửa, gắp giơ lên nói: "Ông bảo không, cái này là cái gì?". Nhân đó Tổ Linh Hựu hiểu được. Tổ Bách Trượng khiến ông Tư Mã Đầu Đà chọn được núi Quy, thấy có thể dựng được đạo tràng, mới bảo chúng rằng: "Nếu có ai nói được một chuyển ngữ thì đến núi Quy ở" rồi chỉ vào một cái bình hỏi: "Nếu gọi nó là tịnh bình thời xúc chạm, nếu không gọi nó là tịnh bình thời trái". Khi ấy ngài Hoa Lâm làm thủ tọa nói: "Không được thì gọi là cục gỗ". Tổ Bách Trượng không nghe. Lúc ấy thầy Linh Hựu làm điển tọa. Tổ Bách Trượng liền hỏi Linh Hựu. Linh Hựu đạp đổ tịnh bình. Tổ Bách Trượng nói: "Thủ tọa bị thua ngài sơn tử kia rồi".

Tổ Linh Hựu ở núi Quy dựng ra một tông Quy Ngưỡng. Đạo Ngài truyền khắp thiên hạ, mới làm ra bài cảnh sách, răn nhắc kẻ chưa ngộ, sách tiến kẻ chưa tiến vậy).

NGUYÊN VĂN

夫業繫受身。未免形累。

身為苦本。故先標之。令悟妄本。方可進道。此業繫兩字從最初一念不覺心動。謂之業相。次為轉相。後為現相。乃三細相也。

由現相而生境界相。相續相。執取相。計名字相。造業相。業繫苦相。為六麤相。

前五猶可對治。此末後苦相繫縛眾生不可對治。此身既由三細六麤無明種習而成。豈免形質負累。

稟父母之遺體。假眾緣而共成。由稟識妄想。故於父母赤白中受身。假乳哺洗濯飲食衣服眾緣得存。佛云。觀身不淨。觀受是苦也。雖乃四大扶持。常相違背。內四大地水火風。其性各異。

PHIÊN ÂM

Phù nghiệp hệ thụ thân, vị miễn hình lụy!

(Thân cư khổ bản, cố tiên tiêu chi, linh ngộ vong bản, phương khả tiến đạo. Thử nghiệp hệ lưỡng tự, tòng tối sơ, nhất niệm bất giác tâm động, vị chi nghiệp tướng. Thứ, vi chuyển tướng, hậu, vi hiện tướng, nãi tam tế tướng dã.

Do hiện tướng, nhi sinh cảnh giới tướng, tương tục tướng, chấp thủ tướng, kế danh tự tướng, tạo nghiệp tướng, nghiệp hệ khổ tướng, vi lục thô tướng.

Tiền ngũ, do khả đối trị. Thử mạt hậu khổ tướng, hệ phược chúng sinh bất khả đối trị. Thử thân, ký do tam tế lục thô, vô minh chủng tập nhi thành, khởi miễn hình chất phụ lụy).

Bẩm phụ mẫu chi di thể, giả chúng duyên nhi cộng thành (do bẩm thức vọng tưởng, cố ư phụ mẫu xích bạch trung thụ thân. Giả

nhũ bộ, tẩy trạc, ẩm thực, y phục, chúng duyên đắc tồn. Phật vân: "Quán thân bất tịnh, quán thụ thị khổ" dã). **Tuy nãi, tứ đại phù trì, thường tương vi bội** (nội tứ đại: địa, thủy, hỏa, phong, kỳ tính các dị).

VIỆT DỊCH

Ôi nghiệp trói buộc chịu thân người, chưa khỏi cái lụy hình hài!

(Thân là gốc khổ, vì vậy nêu ra trước, khiến cho hiểu gốc mê mới có thể tiến đạo. Hai chữ nghiệp hệ (nghiệp trói buộc) này, từ ban đầu do một thoáng không hiểu nên động tâm gọi là nghiệp tướng, thứ hai gọi là tướng chuyển, sau nữa là hiện tướng.

Do hiện tướng mà có các cảnh giới tướng, tướng nối tiếp, tướng chấp giữ lấy, tướng kế chấp tên chữ, tướng gây nghiệp, tướng khổ vì nghiệp trói buộc, là sáu tướng thô.

Năm tướng trước còn có thể đối trị. Tướng khổ cuối cùng này trói buộc chúng sinh không thể sửa đổi được. Đã mang thân này, đều do tam tế lục thô, hạt giống vô minh tích tập mà thành, há tránh khỏi cái nợ lụy hình chất).

Hình thể bẩm sinh do cha mẹ để lại, giả hợp đủ duyên mà thành (bởi bẩm sinh thức vọng tưởng cho nên thụ thân vào trong tinh cha huyết mẹ, nhờ bú mớm, tắm giặt, ăn uống, quần áo, đủ duyên được sống. Phật dạy: "Xét thân bất tịnh, xét thụ là khổ vậy"). **Tuy rằng bốn đại giúp đỡ, gìn giữ nhưng thường chống trái nhau** (trong bốn đại đất, nước, gió, lửa mỗi tính mỗi khác).

NGUYÊN VĂN

無常老病。不與人期。四大五蘊念念生滅。朝存夕亡。剎那異世。剎那是極促之時分。譬如春霜曉露。倏忽即無。無常之相須臾變滅。岸樹井藤。豈能長久。危脆不久。亦復如是。念念迅速。一剎那間。如四大力士同時各發一箭射於四方。又有一人同時收得此四箭。時名一剎那。轉息即是來生。何乃晏然空過。

自章初至此。通敘在家出家妄身妄世。無常迅速過患如此。警策令悟。不可空度光陰。自此以下唯敘出家者因由。各令思察。

PHIÊN ÂM

Vô thường lão bệnh, bất dữ nhân kỳ (tứ đại, ngũ uẩn, niệm niệm sinh diệt), **triêu tồn tịch vong, sát na dị thế** (sát na, thị cực xúc chi thời phận), **thí như xuân sương hiểu lộ, thúc hốt tức vô** (vô thường chi tướng, tu du biến diệt), **ngạn thụ tỉnh đằng, khởi năng trường cửu** (nguy thúy bất cửu, diệc phục như thị), **niệm niệm tấn tốc, nhất sát na gian** (như tứ đại lực sĩ, đồng thời các phát nhất tiễn xạ ư tứ phương, hựu hữu nhất nhân, đồng thời thu đắc, thử tứ tiễn thời, danh nhất sát na). **Chuyển tức, tức thị lai sinh, hà nãi, yến nhiên không quá?**

(Tự chương sơ chí thử, thông tự tại gia xuất gia. Vọng thân vọng thế, vô thường tấn tốc, quá hoạn như thử. Cảnh sách linh ngộ, bất khả không độ quang âm. Tự thử dĩ hạ, duy tự xuất gia giả nhân do, các linh tư sát).

VIỆT DỊCH

Già bệnh chẳng thường không hẹn với ai (bốn đại, năm uẩn luôn luôn sinh diệt), **sáng còn chiều mất, giây phút thành người khác** (sát na là thời gian cực ngắn), **ví như sương mùa xuân, tiết sớm ngày, bỗng chốc là không** (cái tướng vô thường giây lát biến mất). **Cây lớn sát bờ sông, dây leo trên miệng giếng, sao được bền lâu** (nguy hiểm không lâu cũng lại như thế). **Thoáng thoáng nhanh chóng trong một phút giây** (như bốn lực sĩ lớn cùng một lúc mỗi người bắn một mũi tên ra bốn phương, lại có một người, ngay lúc đó, thu được bốn mũi tên ấy gọi là một sát na). **Chuyển hơi thở, liền sang đời khác, sao cứ vui vẻ điềm nhiên bỏ qua?**

(Từ đầu chương đến đây, nói thông cả tại gia, xuất gia: thân mê vọng, đời mê vọng, vô thường nhanh chóng, nỗi lo như thế. Cảnh sách (nhắc nhở) cho biết không thể bỏ phí thời gian.

Từ đây trở xuống, chỉ giãi bày cho các bậc xuất gia, nên suy xét nguyên nhân).

NGUYÊN VĂN

父母不供甘旨。六親固以棄離。親緣皆棄乃反常合道。不能安國治邦。辭父母割親緣。又不能竭節奉公致君澤民。當為何事。

家業頓捐繼嗣。絕嗣為不孝。出家弘道。真大孝也。緬離鄉黨。剃髮稟師。頓捨世緣。斷其情愛。稟師剃髮。行古佛之大道。同古佛之相儀。內勤尅念之功。外弘不諍之德。履踐出家之功德。要須內外相符。迥脫塵世。冀期出離。志在出離塵世。方合出家深旨。

PHIÊN ÂM

Phụ mẫu bất cung cam chỉ, lục thân cố dĩ khí ly (thân duyên giai khí, nãi phản thường hợp đạo). **Bất năng an quốc trị bang** (từ phụ mẫu, cát thân duyên, hựu bất năng kiệt tiết phụng công, trí quân trạch dân, đương vi hà sự?)

Gia nghiệp đốn quyên kế tự (tuyệt tự vi bất hiếu, xuất gia hoằng đạo, chân đại hiếu dã). **Diến ly hương đảng, thế phát bẩm sư** (đốn xả thế duyên, đoạn kỳ tình ái, bẩm sư thế phát, hành cổ Phật chi đại đạo, đồng cổ Phật chi tướng nghi). **Nội, cần khắc niệm chi công, ngoại, hoằng bất tranh chi đức** (lý tiễn xuất gia chi công đức, yếu tu nội ngoại dĩ tương phù). **Huỳnh thoát trần thế, ký kỳ xuất ly** (chí tại xuất ly trần thế, phương hợp xuất gia thâm chỉ).

VIỆT DỊCH

Không cung cấp miếng ngon ngọt cho cha mẹ, sáu bề thân thích cố ý xa lìa (cha mẹ, anh em, vợ con đều bỏ là trái với tình thường nhưng lại hợp với đạo pháp), **không hay giúp nước yên dân** (từ biệt cha mẹ, cắt đứt thân duyên, lại không hay hết nghĩa thờ việc công, phụng sự tổ quốc, bảo vệ nhân dân - thì phải làm việc gì?)

Nghiệp nhà đã bỏ nối dõi (tuyệt dòng dõi là bất hiếu, xuất gia rộng truyền đạo pháp thực đại hiếu vậy), **xa rời làng xóm**, **cạo tóc theo thầy** (trút bỏ duyên đời, đoạn tuyệt tình ái, cạo tóc theo thầy, tu hành đạo lớn, như cổ Phật đời xưa, cũng tướng dáng Phật xưa). **Trong, siêng công phu chính niệm, ngoài, mở rộng công đức không tranh giành** (nói theo công đức xuất gia, điều thiết yếu cần phải trong ngoài hợp nhau), **thoát xa cõi trần, mong hẹn rời bỏ**

(chí ở rời bỏ cõi đời, mới hợp ý gốc xuất gia).

NGUYÊN VĂN

何乃纔登戒品。便言我是比丘。自謂是比丘。則我相現行可驗。

檀越所須。喫用常住。不蠶而衣。不耕而食。 比丘受食當作五觀。想彼來處。計功多少。古德觀一粒米經七十三遍功夫。忖己德行。全缺應供。證羅漢已。方合全應供。餘皆名缺應供也。

謂言法爾合供。妄計情執。寧忖己非。喫了聚頭喧喧。但說人間雜話。出家志求無為大道。不研佛語佛意。反徇世諦喧譁。自何乃已下。忘本乖志也。然則一期趁樂。不知樂是苦因。世諦之樂盡為苦本。虛受信施負債何疑。啣鐵負鞍猶是輕輕之報。曩劫徇塵。未嘗返省。曠劫徇塵背覺。何嘗暫自回光。時光淹沒。歲月蹉跎。受用殷繁。施利濃厚。世利所惑。未省回光。動經年載。不擬棄離。戀著處所不知過患。積聚滋多。保持幻質。唯保幻妄之質。違背清淨法身。

導師有勑戒勗比丘。進道嚴身三常不足。

佛遺教經。

一云。當自摩頭以捨飾好著壞色衣。執持應器以乞自活。

二云。受人飲食當如服藥。於好於惡勿生增減。趣得支身以除飢渴。如蜂採花但取其味不損色香。比丘亦爾。受人供養趣自除惱。無得多求壞其善心。

三云。晝則勤心修習善法無令失時。初夜後夜亦勿有廢。中夜誦經以自消息。無以睡眠因緣令一生空過。謂衣食睡眠知是三事不可恣情取足也。

人多於此。躭味不休。味謂味著。日往月來。□然白首。古云。只知事逐眼前過。不覺老從頭上來。後學未聞旨趣。出家旨趣。應須博問先知。不可守愚自是。將謂出家。貴求衣食。出家者為無為法。私情愚見反謂求衣食爾。

PHIÊN ÂM

Hà nãi, tài đăng giới phẩm, tiện ngôn ngã thị Tỷ khiêu (tự vị thị Tỷ khiêu, tắc ngã tướng hiện hành khả nghiệm?) **Đàn việt sở tu, khiết dụng thường trụ** (bất tàm nhi y, bất canh nhi thực), **bất giải**

thổn tư lai xứ (Tỷ khiêu thụ thực, đương tác ngũ quán, tưởng bỉ lai xứ, kế công đa thiểu. Cổ đức, quan nhất lạp mễ kinh thất thập tam biến công phu. Thổn kỷ đức hạnh, toàn khuyết ứng cúng. Chứng La hán dĩ, phương hợp toàn ứng cúng, dư giai danh khuyết ứng cúng dã). **Vị ngôn pháp nhĩ hợp cung** (vọng kế tình chấp, ninh thổn kỷ phi). **Khiết liễu tụ đầu huyên huyên, đãn thuyết nhân gian tạp thoại** (xuất gia chí cầu vô vi đại đạo, bất nghiên Phật ngữ, Phật ý, phản tuẫn thế đế huyên hoa. Tự "hà nãi" dĩ hạ, "vong bản" quai chí dã). **Nhiên tắc, nhất kỳ sấn lạc, bất tri lạc thị khổ nhân** (thế đế chi lạc, tận vi khổ bản, hư thụ tín thí, phụ trái hà nghi, hàm thiết phụ yên, do thị khinh khinh chi báo). **Nẵng kiếp tuẫn trần, vị thường phản tỉnh** (khoáng kiếp tuẫn trần bội giác. Hà thường tạm tự hồi quang). **Thời quang yêm một, tuế nguyệt ta đà, thụ dụng ân phồn, thí lợi nùng hậu** (thế lợi sở hoặc, vị tỉnh hồi quang). **Động kinh niên tải, bất nghĩ khí ly** (luyến trước xử sở, bất tri quá hoạn), **tích tụ tư đa, bảo trì huyễn chất** (duy bảo huyễn vọng chi chất, vi bội thanh tịnh pháp thân).

Đạo sư hữu sắc, giới húc Tỷ khiêu, tiến đạo nghiêm thân, tam thường bất túc.

(Phật Di Giáo kinh:

- Nhất vân: "Đương tự ma đầu, dĩ xả sức hảo, trước hoại sắc y, chấp trì ứng khí, dĩ khất tự hoạt".

- Nhị vân: "Thụ nhân ẩm thực, đương như phục dược, ư hảo ư ác, vật sinh tăng giảm, thú đắc chi thân, dĩ trừ cơ khát, như phong thái hoa, đãn thủ kỳ vị, bất tổn sắc hương, Tỷ khiêu diệc nhĩ, thụ nhân cúng dàng, thú tự trừ não, vô đắc đa cầu, hoại kỳ thiện tâm".

- Tam vân: "Trú tắc cần tâm tu tập thiện pháp, vô linh thất thời, sơ dạ, hậu dạ, diệc vật hữu phế, trung dạ tụng kinh, dĩ tự tiêu tức, vô dĩ thụy miên nhân duyên, linh nhất sinh không quá". Vị y, thực, thụy miên như thị tam sự, bất khả tứ tình thủ túc dã).

Nhân đa ư thử, đam vị bất hưu (vị, vị vị trước). **Nhật vãng nguyệt lai, táp nhiên bạch thủ** (cổ vân: chỉ tri sự trục nhỡn tiền quá, bất giác lão tòng đầu thượng lai), **hậu học vị văn chỉ thú** (xuất gia chỉ thú). **Ưng tu bác vấn tiên tri** (bất khả thủ ngu tự thị), **tương vị xuất gia, quý cầu y thực** (xuất gia giả, vị vô vi pháp, tư tình ngu kiến, phản vị cầu y thực nhĩ).

VIỆT DỊCH

Tại sao vừa lên giới phẩm đã vội nói: "Ta là Tỷ khiêu" (tự bảo là Tỷ khiêu thì ngã mạn tướng hiện hành, đúng vậy). **Dùng của đàn việt, ăn của thường trụ** (không nuôi tằm mà mặc áo, không cày ruộng mà ăn cơm), **không biết suy nghĩ từ đâu đến** (tỷ khiêu nhận món ăn, phải làm năm phép quán: tưởng nơi nào đem đến tính, công nhiều hay ít. Bậc cổ đức coi xem một hạt gạo trải bảy hai lượt công phu. Tự nghĩ công đức mình trọn vẹn hay thiếu khuyết mà nhận cúng. Chứng quả A la hán rồi mới hợp sự ứng cúng trọn vẹn, còn đều là khuyết ứng cúng vậy). **Nói rằng hợp phép cúng dàng** (tình chấp càn quấy, nghĩ đâu đến mình trái), **ăn xong chụm đầu khảo chuyện, chỉ nói chuyện nhảm nhân gian** (người xuất gia chỉ cầu đạo cả Niết bàn, sao không nghiên cứu lời và ý Phật, theo thói đời ồn ào? Từ chữ "tại sao" trở xuống đến "quên gốc" trái chí xuất gia vậy). **Tất nhiên mỗi kỳ đuổi theo cái "lạc", không biết "lạc" ấy là nhân khổ** (vui đời trần thế đều là gốc khổ, ăn không của tín thí, chắc hẳn là mang nợ, ngậm sắt cõng yên còn là quả báo nhẹ). **Nhiều kiếp theo trần chưa từng phản tỉnh** (nhiều kiếp theo trần gian ngược với chính giác, chưa từng tỉnh ngộ quay về). **Bóng sáng lặn dần, năm tháng trượt qua, thụ dụng bộn bề, lợi cho chồng chất** (lợi dưỡng thế gian mê hoặc chưa từng tỉnh ngộ). **Năm này năm khác, không nghĩ xa rời** (tham đắm chốn ấy không biết lỗi lo), **chứa góp thêm nhiều giữ gìn chất đối** (duy chỉ giữ thể chất hư dối là trái ngược pháp thân thanh tịnh).

Bậc thầy dẫn đường có sắc chỉ khuyên dạy Tỷ khiêu tiến đạo nghiêm thân, ba điều thường không đủ.

(Kinh Phật Di Giáo dạy:

1 - "Tự cạo đầu mình để bỏ vẻ đẹp, mặc áo hoại sắc, cầm bát hợp lượng để xin nuôi mình".

2 - "Nhận món ăn uống của người khác phải như uống thuốc, dù tốt dù xấu chớ nên thêm bớt, cốt nuôi được thân để trừ đói khát, như ong hút hoa chỉ lấy vị ngọt không tổn sắc hương, Tỷ khiêu cũng thế, nhận người cúng dàng, cốt trừ phiền não, không được cầu nhiều, hoại nơi thiện tâm".

3 - "Ban ngày tâm chuyên cần, tu tập pháp lành, không để mất thời gian, chập tối, gần sáng cũng chớ lãng phí, giữa đêm tụng kinh để tạm nghỉ ngơi. Chớ vì nhân duyên ngủ mệt, khiến một đời trôi qua không rỗng". Đấy là ăn, mặc, ngủ nghỉ, ba việc như thế

không thể buông lòng lấy đủ vậy).

Những việc này, người ta tham đắm chẳng thôi. Ngày qua tháng lại, gió thổi bạc đầu (người xưa nói chỉ biết việc đuổi theo nhau qua trước mắt, không biết cái già đến ngay trên đầu). **Người học sau nghe chưa rõ** (ý thú xuất gia), **phải nên rộng hỏi người biết trước** (không thể giữ ngu cho mình là phải). **Tưởng rằng xuất gia trọng cầu ăn mặc** (người xuất gia vì đạo giải thoát. Tình riêng kiến giải ngu si lại cho là cầu ăn mặc vậy).

NGUYÊN VĂN

佛先制律。啟創發蒙。啟發蒙昧。軌則威儀。有威可畏有儀可則。淨如冰雪。不同外道雜戒皆不清淨。止持作犯。束斂初心。攝律儀戒。止惡為持。作惡為犯。攝善法戒。止善為犯。作善為持。微細條章。革諸猥弊。五篇七聚。性戒遮戒。佛成道十二年後方乃制律。阿難問佛因何十二年前不制戒。佛言。如世補衣。衣若未破補則招謗。吾亦如是。因事立戒云。毗尼法席曾未叨陪。了義上乘豈能甄別。毗尼。律學也。因戒生定。因定發慧。律學尚昧了義。深旨安可通達耶。可惜一生空過。後悔難追。少不努力。老無所成。悔之於後。復何益哉。教理未嘗措懷。玄道無因契悟。聖教理趣尚未留心。玄妙之道若為契悟。

PHIÊN ÂM

Phật tiên chế luật, khải sáng phát mông (khải phát mông muội). **Quỹ tắc uy nghi** (hữu uy khả úy, hữu nghi khả tắc). **Tịnh như băng tuyết** (bất đồng ngoại đạo tạp giới, giai bất thanh tịnh). **Chỉ trì, tác phạm, thúc liễm sơ tâm** (nhiếp luật nghi giới, chỉ ác vi trì, tác ác vi phạm, nhiếp thiện pháp giới, chỉ thiện vi phạm, tác thiện vi trì).

Vi tế điều chương, cách chư ổi tệ (ngũ thiên, thất tụ tịnh giới, già giới. Phật thành đạo thập nhị niên hậu, phương nãi chế luật. A Nan vấn Phật: "Nhân hà thập nhị niên tiền bất chế giới". Phật ngôn: "Như thế bổ y, y nhược vị phá, bổ tắc chiêu báng, ngô diệc như thị". Nhân sự lập giới v.v)..

Tỳ ni pháp tịch, tằng vị phao bồi, liễu nghĩa thượng thừa, khởi năng yên[1] **biệt?** (Tỳ ni, luật học dã, nhân giới sinh định, nhân

định phát tuệ, luật học thượng muội, liễu nghĩa thâm chỉ, an khả thông đạt da). **Khả tích nhất sinh không quá, hậu hối nan truy** (thiếu bất nỗ lực, lão vô sở thành, hối chi ư hậu, phục hà ích tai?)

---

[1] "Yên" còn có âm "chân".

Giáo lý, vị thường thố hoài, huyền đạo, vô nhân khế ngộ (thánh giáo lý thú, thượng vị lưu tâm, huyền diệu chi đạo, nhược vi khế ngộ).

VIỆT DỊCH

Trước đây, Phật chế luật nhằm mở dạy kẻ ngu tối. Phép tắc uy nghi trong như băng tuyết (có uy mới sợ, có phép mới kính, không giống với tạp giới của ngoại đạo bởi đều không thanh tịnh). **Giữ, dừng, làm, phạm, giữ gìn lúc sơ tâm** (giới kiêm luật nghi, thôi ác là giữ, làm ác là phạm, giới thâu tóm mọi pháp lành, thôi việc thiện là phạm, làm việc thiện là giữ giới).

Điều chương tỉ mỉ, đổi mọi hèn xấu (năm chương, bảy nhóm tính giới, giới ngăn. Phật thành đạo 12 năm sau mới chế ra luật. Ngài A Nan hỏi: "Tại sao 12 năm trước đây không chế ra giới?" Phật dạy: "Như đời vá áo, nếu áo chưa rách, vá thì người ta chê, ta cũng như thế". Nhân có việc mới lập giới, v.v).

Chiếu pháp luật nghi chưa từng tham hỏi, thượng thừa liễu nghĩa há rõ ràng sao? (Tỳ ni là luật học, có giữ giới mới sinh được định, có được định mới phát tuệ, luật học còn mờ mịt, ý sâu còn chưa liễu nghĩa, sao thông suốt cho được). **Đáng tiếc một đời bỏ qua sau hối không kịp** (trẻ không cố sức, già thành cái gì? Lúc sau mới hối còn ích chi nữa?)

Giáo lý chưa từng để tâm,đạo huyền vi nhân đâu mà hiểu được (chân lý Phật dạy còn chưa để tâm, đạo pháp huyền diệu nhiệm màu làm sao hiểu rõ).

NGUYÊN VĂN

及至年高腊長。空腹高心。不肯親附良朋。唯知倨傲。有年無德。護短飾非。無明習成。傲然自大。未諳法律。戢斂全無。不親良朋焉知法律。三業四儀動乖律制。或大語高聲。出言無度。戢斂全無。身業也。大語高聲。語業也。不敬上中下座。婆羅門聚會無殊。不敬。意業也。律有上中下次。佛制先受戒者為先。後受戒者為後。外道則不然。自此已下展轉警其過失。

椀鉢作聲。食畢先起。椀是唐言。鉢是梵語。具云。鉢多羅。此方云應量器。若作聲則餓鬼咽中火起。去就乖角。僧體全無。僧。具足梵語云僧伽耶。此云和合眾。理事和合為僧體。去就既不法。何僧體之有。起坐忪諸。動他心念。忪諸心神不寧之謂。出家惱他人。不名為沙門。

不存些些軌則小小威儀。將何束斂後昆。新學無因倣傚。若自不能修行正行。令他修者無有是處。

PHIÊN ÂM

Cập chí niên cao lạp trưởng, không phúc cao tâm, bất khẳng thân phụ lương bằng, duy tri cứ ngạo (hữu niên vô đức hộ đoản sức phi, vô minh tập thành, ngạo nhiên tự đại). **Vị am pháp luật, tập liễm toàn vô** (bất thân lương bằng, yên tri pháp luật, tam nghiệp, tứ nghi động quai luật chế). **Hoặc đại ngữ cao thanh, xuất ngôn vô độ** (tập liễm toàn vô, thân nghiệp dã, đại ngữ cao thanh, ngữ nghiệp dã). **Bất kính thượng trung hạ tọa, Bà la môn tụ hội vô thù** (bất kính ý nghiệp dã, luật hữu thượng trung hạ thứ. Phật chế tiên thụ giới giả, vi tiên, hậu thụ giới giả, vi hậu, ngoại đạo tắc bất nhiên. Tự thử dĩ hạ triển chuyển cảnh kỳ quá thất).

Uyển bát tác thanh, thực tất tiên khởi (uyển bát thị Đường ngôn, bát, thị Phạn ngữ, cụ vân Bát đa la, thử phương vân ứng lượng khí. Nhược tác thanh, tắc ngã quỷ yết trung hỏa khởi). **Khứ tựu quai giác, tăng thể toàn vô** (Tăng, cụ túc Phạn ngữ vân Tăng già da, thử vân: Hòa hợp chúng, lý sự hòa hợp, phương vi tăng thể, khứ tựu ký bất pháp, hà tăng thể chi hữu?) **Khởi tọa trung chư, động tha tâm niệm** (trung chư, tâm thần bất ninh chi vị, xuất gia não tha nhân, bất danh vi Sa môn).

Bất tồn ta ta quỹ tắc, tiểu tiểu uy nghi, tương hà thúc liễm hậu côn, tân học vô nhân phỏng hiệu (nhược tự bất năng tu hành chính hạnh, linh tha tu giả, vô hữu thị xứ).

VIỆT DỊCH

Đến lúc tuổi cao, hạ nhiều, lòng kiêu mạn mà bụng lại rỗng không, không chịu gần gũi bạn hay, chỉ biết ngông nghênh vênh váo (tuổi cao, đức thấp, giữ kém cỏi che lỗi trái, tập thành thói xấu, tạo nghiệp vô minh, ngông nghênh tự đại). **Chưa tường pháp luật, không khép nép gì** (không gần bạn lành biết đâu pháp luật, ba nghiệp bốn uy nghi, cử động trái luật chế), **hoặc cao giọng nói to, phát ngôn bừa bãi** (không khép nép là nghiệp thân, cao giọng nói to, phát ngôn bừa bãi là nghiệp miệng vậy). **Không kính thượng, trung, hạ tọa khác nào Bà la môn tụ hội** (bất kính là nghiệp ý. Luật có thứ tự thượng, trung, hạ. Phật dạy ai thụ giới trước là trước, ai thụ giới sau là sau, ngoại đạo thì không thế. Từ đây trở xuống lần lượt răn những lỗi trái).

Chén bát khua thành tiếng, ăn xong đứng dậy trước ("chén bát" là tiếng nhà Đường, "bát" là tiếng Phạn Thiên Trúc, nói đủ là "bát đa la", địa phương gọi là ứng lượng khí. Nếu có tiếng va chạm thì trong họng ngã quỷ nảy lửa). **Đi lại trái chiều, thể tăng không có một chút** (tăng nói theo tiếng Phạn là "Tăng già da", địa phương này gọi là hòa hợp chúng, lý sự hòa hợp mới là đoàn thể chúng tăng. Đi lại đã không có phép thì đâu có đoàn thể tăng). **Đứng ngồi sùng sục động tâm niệm người khác** (sùng sục ý nói tâm thần không yên, xuất gia xúc não người khác không gọi là Sa môn).

Không còn mảy may phép tắc, chút ít uy nghi, đem gì răn dạy đàn sau, kẻ tân học nhân đâu bắt chước (nếu mình không hay tu hành hạnh chính, khiến cho người khác tu theo, thật không có lý).

NGUYÊN VĂN

相覺察。便言我是山僧。人我貢高。欺壓後學。未聞佛教行持。一向情存麤糙。行解無取。世諦純熟。如斯之見。蓋為初心慵惰。饕餮因循。貪財曰饕。貪食曰餮。

荏苒人間。遂成疎野。荏苒塵俗豈識清閑。不覺蹱踵老朽。觸事面牆。蹱踵。行不進貌。面牆。一無所知。後學咨詢。無言接引。自己智慧不明。將何開發晚進。縱有談說。不涉典章。孟浪臆說。取笑傍觀。或被輕言。便責後生無禮。不省己非。更責他過。瞋心忿起。言語該人。一念瞋心起。百萬障門開。三毒既縱於凡情。四實寧思於佛語。

PHIÊN ÂM

Tài tương giác sát, tiện ngôn ngã thị sơn tăng (nhân ngã cống cao, khi áp hậu học). **Vị văn Phật giáo hành trì, nhất hướng tình tồn thô tháo** (hành giải vô thủ, thế đế thuần thục). **Như tư chi kiến, cái vị sơ tâm dong nọa, thao thiết nhân tuần** (tham tài, viết thao, tham thực, viết thiết).

Nhẫm nhiễm nhân gian, toại thành sơ dã (nhẫm nhiễm trần tục khởi thức thanh nhàn). **Bất giác long chủng lão hủ, xúc sự diện tường** ("long chủng", hành bất tiến mạo, "diện tường" nhất vô sở tri). **Hậu học tư tuân, vô ngôn tiếp dẫn** (tự kỷ trí tuệ bất minh, tương hà khai phát vãn tiến). **Túng hữu đàm thuyết, bất thiệp điển chương** (mãng lãng ức thuyết, thủ tiếu bàng quan), **hoặc bị khinh ngôn, tiện trách hậu sinh vô lễ** (bất tỉnh kỷ phi, cánh trách tha quá). **Sân tâm phẫn khởi, ngôn ngữ cai nhân** (nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai, tam độc ký túng ư phàm tình, tứ thật ninh tư ư Phật ngữ).

VIỆT DỊCH

Ai vừa xét đến liền nói "Ta là sư ở rừng núi" (thói ngông nghênh ta đây đàn áp hậu học)**. Chưa nghe Phật dạy hành trì, một chiều giữ thói thô tháo**[1] (làm và hiểu không giữ, quen thuộc thói đời). **Kiến thức như thế bởi lúc sơ tâm lười biếng, quen thói tham lam** (tham của gọi là "thao", tham ăn gọi là "thiết").

---

[1] Thô tháo: hiểu và làm còn nông, chưa kỹ, tựa như người giã gạo còn dối.

Cõi trần tục, biết đâu thanh cao nhàn nhã (nấn ná cõi tục biết đâu thanh nhàn). **Không ngờ già yếu đờ đẫn, gặp sự, quay mặt vào tường** ("long chủng" là cái vẻ đi rờ rẫm không tiến được, "diện tường" - quay mặt vào tường, một việc gì cũng không biết). **Người học sau hỏi tới, không lời gì tiếp dẫn** (trí tuệ tự mình không rõ, đem gì mà bảo cho người tiến sau). **Ví có bàn, nói không bén sách vở** (vông vênh nói phỏng, mua lấy tiếng cười bên ngoài), **hoặc bị khinh chê liền trách hậu sinh vô lễ** (không tự xét mình trái, lại trách lỗi người). **Tức giận bùng lên nói năng vơ đũa** (một thoáng khởi tâm giận bực, mở trăm vạn cửa chướng ngại, ba chất độc đã

phóng buông thả lòng phàm, bốn phép thật còn nhớ nghĩ đâu lời Phật dạy).

NGUYÊN VĂN

一朝臥疾在牀。眾苦縈纏逼迫。曉夕思忖。心裏恛惶。眾苦逼迫恛惶怖憂。前路茫茫。未知何往。妄宰幻身。曷悟真歸。從茲始知悔過。臨渴掘井奚為。縱然悔過知非。功行何由得辦。自恨早不預修。年晚多諸過咎。過咎已彰。悔之何補哉。

臨行揮霍。若無定力。甘伏死門。怕怖憧惶。無善可恃。無德可怙。穀穿雀飛。識心隨業。

七賢女經云。雀來入瓶中。以穀覆其口。穀穿雀飛去。識心隨業走。

如人負債。強者先牽。善惡業力。皆因妄識為主。力強者牽之。無自由分。心緒多端。重處偏墜。六道四生。隨情想而受報。無常殺鬼。念念不停。生時即有滅。不為愚者說。命不可延。

古云。無常若也黃昏至。更不留君到一更。

時不可待。勿謂今日不學有明日。今年不學有明年。嗚呼老矣是誰之愆。

人天三有。應未免之。三界無安猶如火宅。如是受身。非論劫數。如汲井輪互為高下。

PHIÊN ÂM

Nhất triêu ngọa tật tại sàng, chúng khổ oanh triền bức bách, hiểu tịch tư thổn, tâm lý hồi hoàng (chúng khổ bức bách hồi hoàng phố ưu), **tiền lộ mang mang, vị tri hà vãng?** (vọng tể, huyễn thân, hạt ngộ chân quy?) **Tòng tư thủy tri hối quá, lâm khát quật tỉnh hề vi** (túng nhiên hối quá tri phi, công hành hà do đắc biện). **Tự hận tảo bất dự tu, niên vãn đa chư quá cữu** (quá cữu dĩ chương, hối chi hà bổ tai?)

Lâm hành huy hoắc (nhược vô định lực, cam phục tử môn), **phạ phố chương hoàng!** (vô thiện khả thị, vô đức khả hỗ). **Hộc xuyên tước phi, thức tâm tùy nghiệp.**

(Thất Hiền Nữ kinh vân: Tước lai nhập bình trung, dĩ hộc phú kỳ

khẩu, hộc xuyên tước phi khứ, thức tâm tùy nghiệp tẩu).

Như nhân phụ trái, cường giả tiên khiên (thiện ác nghiệp lực, giai nhân vọng thức vi chủ, lực cường giả khiên chi, vô tự do phận). **Tâm tự đa đoan, trọng xứ thiên trụy** (lục đạo tứ sinh, tùy tình tưởng nhi thụ báo), **vô thường sát quỷ, niệm niệm bất đình, mệnh bất khả diên** (sinh thời tức hữu diệt, bất vị ngu giả thuyết. Cổ vân: Vô thường nhược dã hoàng hôn chí; Cánh bất lưu quân đáo nhất canh).

Thời bất khả đãi (vật vị kim nhật bất học, hữu minh nhật, kim niên bất học, hữu minh niên, ô hô lão hỹ, thị thùy chi khiên?)

Nhân thiên tam hữu, ứng vị miễn chi (tam giới vô an, do như hỏa trạch). **Như thị thụ thân, phi luận kiếp số** (như cấp tỉnh luân, hỗ vi cao hạ).

VIỆT DỊCH

Sớm mai ngã bệnh ở giường, mọi khổ đau quẩn quanh bức bách, sớm chiều trăn trở, trong dạ hoang mang (mọi khổ bức bách hoang mang lo sợ), **đường tiến mờ mịt không biết về đâu?** (chúa tể thân dối lối, thực về đâu?) **Từ đây mới biết ăn năn lầm lỗi. Đến lúc khát mới đào giếng sao kịp** (ví dù hối lỗi biết trái, công tu hành tính toán không kịp), **giận mình trước chẳng sớm tu, tuổi muộn thành nhiều tội lỗi** (lỗi trái đã rõ, ăn năn ích gì nữa).

Tới khi đi cuống quýt (nếu không sức định, đành chịu cửa chết), **sợ hãi hoang mang** (không thiện được nhờ, không đức được cậy). **Lưới thủng sẽ bay, thức tâm theo nghiệp.**

(Kinh Thất Hiền Nữ chép: Chim sẻ vào trong bình, lấy lưới bịt miệng lại, lưới thủng chim bay mất, thức tâm chạy theo nghiệp).

Như người mang nợ, đằng mạnh kéo trước (sức mạnh nghiệp lành, nghiệp dữ đều nhân vọng thức làm chủ, sức nào mạnh hơn lôi được, mình không có quyền tự do). **Lòng nhiều đầu mối, nghiêng về bên nặng** (sáu ngả bốn loài sinh, theo thức tình, vọng tưởng mà chịu báo). **Quỷ vô thường giết người nhăm nhăm không đợi, tính mạng không thể kéo dài** (có sinh thời có diệt, không vì kẻ ngu mà nói. Đời xưa dạy: Quỷ vô thường đến lúc chập tối không để cho anh đến canh một).

Thời gian đâu có đợi (chớ bảo hôm nay không học còn có ngày mai, năm nay không học còn có sang năm, than ôi già rồi là lỗi của ai?)

Ba cõi người trời, hẳn chưa ra khỏi được (ba cõi không yên, cũng như nhà lửa). **Chịu thân như thế, luận sao nổi kiếp** (như luồng máy nước, đổi nhau lên xuống).

NGUYÊN VĂN

感傷歎訝。哀哉切心。溈山悲傷未悟如此情切。

豈可緘言。遞相警□。眾生輪迴苦趣。懷寶迷邦。既為善知識。安可緘默而不啟發耶。

所恨同生像季。去聖時遙。像法之季。乃佛滅後二千年間。是造警□時。今又二百餘年。聖時愈遠矣。

佛法生疎。人多懈怠。根機皆劣。豈可比況佛正法之時。

略伸管見。以曉後來。溈山謙辭謂如管窺天之見。以曉喻後學爾。

若不蠲矜。誠難輪逭。若不蠲除矜伐前來過患。則實難逃逭於業報苦輪也。永嘉云。蠲矜怠慢。不顧形骸。專精至道者。可謂契神方寸歟。

PHIÊN ÂM

Cảm thương than nhạ, ai tai thiết tâm! (Quy Sơn bi thương vị ngộ, như thử tình thiết).

Khởi khả giam ngôn, đệ tương cảnh sách (chúng sinh luân hồi khổ thú, hoài bảo mê bang, ký vi thiện tri thức, an khả giam mặc, nhi bất khải phát da?)

Sở hận đồng sinh tượng quý, khứ thánh thời dao (tượng pháp chi quý, nãi Phật diệt hậu nhị thiên niên gian, thị tạo cảnh sách thời. Kim hựu nhị bách dư niên, thánh thời du viễn hỹ).

Phật pháp sinh sơ, nhân đa giải đãi (căn cơ giai liệt, khởi khả tỷ, huống Phật chính pháp chi thời).

Lược thân quản kiến, dĩ hiểu hậu lai (Quy Sơn khiêm từ, vị như quản khuy thiên chi kiến, dĩ hiểu dụ hậu học nhĩ).

Nhược bất quyên căng, thành nan luân quán (nhược bất quyên trừ căng phạt tiền lai quá hoạn, tắc thật nan đào quán ư nghiệp báo khổ luân dã. Vĩnh Gia vân: "Quyên căng đãi mạn, bất cố hình hài, chuyên tinh chí đạo giả, khả vị khế thần phương thốn dư").

VIỆT DỊCH

Cảm thương than thở, chao ôi cắt ruột! (Tổ Quy Sơn thương xót kẻ chưa ngộ thiết tha như thế).

Ngậm miệng không đành, nhắc nhở lẫn nhau. (Chúng sinh vòng quanh khốn khổ, mang báu mê nước. Đã là bậc thiện tri thức, yên lặng sao được mà không dạy bảo ư?)

Tiếc rằng cùng sinh cuối đời tượng pháp, cách Phật đã xa (giáo pháp cuối đời tượng, sau Phật diệt độ khoảng hai ngàn năm rồi là thời gian tạo ra cảnh sách. Nay lại hơn hai trăm năm, càng xa thời Phật nữa).

Phật pháp càng thưa thoáng, phần nhiều người ta lười biếng (căn cơ đều kém, há có thể so sánh được với thời chính pháp của Phật).

Nhòm thấy nói qua để bảo đời sau (Tổ Quy Sơn khiêm tốn nói rằng thấy như ống nhòm trời để bảo rõ kẻ học sau vậy).

Nếu không bỏ thói kiêu căng thật khó trốn khỏi tội báo (nếu không trút bỏ lỗi trái kiêu căng trước đây, thời thật khó trốn tránh vòng khổ nghiệp báo. Tổ Vĩnh Gia dạy "Trút bỏ thói khinh lười không tiếc hình hài, để chuyên tâm nghiên cứu tinh vi đến đạo, mới có thể khế hợp tinh thần được phương tấc").

NGUYÊN VĂN

自此下別敘決志出家之本意。參訪知識親近師友發明大事因緣。暨履踐一代時教佛語心宗。要須行解相應。續佛慧命之始末也。

夫出家者。發足超方。心形異 。獨步大方。心超物表。紹隆聖種。震攝魔軍。志齊古佛。力降眾魔。用報四恩。佛恩。國王恩。父母恩。施主恩。拔濟三有。欲有。色有。無色有。乃三界眾生也。

若不如此。濫廁僧倫。反此則皆為混濫。非釋子也。言行荒疎。虛霑信施。信施本為福田。荒疎則彼此無益。昔年行處。寸步不移。古云。但改舊時行履處。莫改舊時人。恍惚一生。將何憑恃。恍惚如夢未覺。何功行而可憑。

況乃堂堂僧相。容皃可觀。相皃可觀。非容易所致也。皆是宿植善根。感斯異報。今生果是前生種。未來果是今世修。

便 端然拱手。不貴寸陰。古人重寸陰輕尺璧。事業不勤。功果無因克就。古佛經三無數劫。發四洪誓願。歷修萬行。福慧兩嚴。纖瑕障盡。片善無遺。方證佛果。豈可具足凡夫不勤戒定慧學而欲希求無上大果耶。

豈可一生空過。抑亦來業無裨。非惟自誤一生。亦乃來生靡託。

PHIÊN ÂM

(Tự thử hạ, biệt tự quyết chí xuất gia chi bản ý. Tham phỏng tri thức, thân cận sư hữu, phát minh đại sự nhân duyên, ký lý tiễn nhất đại thời giáo, Phật ngữ tâm tông, yếu tu hành giải tương ưng, tục Phật tuệ mệnh chi thủy mạt dã).

Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục (độc bộ đại phương, tâm siêu vật biểu), **thiệu long thánh chủng, chấn nhiếp ma quân** (chí tề cổ Phật, lực hàng chúng ma), **dụng báo tứ ân** (Phật ân, quốc vương ân, phụ mẫu ân, thí chủ ân), **bạt tế tam hữu** (dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu, nãi tam giới chúng sinh dã).

Nhược bất như thử, lạm xí tăng luân (phản thử, tắc giai vi hỗn lạm, phi Thích tử dã), **ngôn hành hoang sơ, hư chiêm tín thí** (tín thí bản vị phúc điền, hoang sơ tắc bỉ thử vô ích). **Tích niên hành xứ, thốn bộ bất di** (cổ vân: Đãn cải cựu thời hành lý xứ, mạc cải cựu thời nhân). **Hoảng hốt nhất sinh, tương hà bằng thị?** (hoảng hốt như mộng vị giác, hà công hành nhi khả bằng?) **Huống nãi đường đường tăng tướng, dong mạo khả quan** (tướng mạo khả quan, phi dong dị sở trí dã) **giai thị, túc thực thiện căn, cảm tư dị báo** (kim sinh quả, thị tiền sinh chủng, vị lai quả, thị kim thế tu).

Tiện nghĩ, đoan nhiên củng thủ, bất quý thốn âm (cổ nhân,

trọng thốn âm, khinh xích bích). **Sự nghiệp bất cần, công quả vô nhân khắc tựu** (cổ Phật, kinh tam vô số kiếp, phát tứ hoằng thệ nguyện, lịch tu vạn hạnh, phúc tuệ lưỡng nghiêm, tiêm hà chướng tận, phiến thiện vô di, phương chứng Phật quả. Khởi khả cụ túc phàm phu, bất cần giới định tuệ học, nhi dục hy cầu vô thượng đại quả da?)

Khởi khả, nhất sinh không quá, ức diệc lai nghiệp vô tỳ (phi duy tự ngộ nhất sinh, diệc nãi lai sinh mỹ thác).

VIỆT DỊCH

(Từ đây trở xuống, nói riêng quyết chí, bản ý xuất gia. Tham hỏi bậc tri thức, gần kề thầy sáng bạn hay, phát minh duyên đời lớn, đã thấy theo đòi một thời đại Phật giáo, Phật dạy tâm tông, cốt yếu giữa làm, hiểu phải hợp nhau, nối tiếp tuệ mệnh Phật trước sau vậy).

Ôi người xuất gia bước chân vượt phương, tâm hình khác tục (tới nơi cao cả, tâm vượt ngoài đời), **nối dõi dòng thánh, oai dẹp quân ma** (chí khí ngang Phật đời xưa, sức mạnh hàng phục chúng ma). **Dùng báo bốn ơn** (ơn Phật, ơn Tổ quốc, ơn cha mẹ, ơn thí chủ), **cứu giúp ba cõi** (cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc - ba cõi chúng sinh).

Nếu không như thế, lạm nhận ngôi tăng (trái lại, đều là lạm nhận, không còn là Thích tử vậy). **Nói, làm vớ vẩn, ăn không của tín thí** (tín thí vốn vì ruộng phúc, bỏ hoang thời không ích lợi cho mình và người). **Phương mình định đến năm xưa một tấc không thay đổi** (đời xưa dạy: Chỉ cần đổi thời cũ theo thói xưa chứ không đổi người xưa). **Hoảng hốt một đời lấy gì nhờ cậy?** (hoảng hốt như giấc mơ chưa tỉnh, công hành gì mà được nhờ?) **Huống chi tăng tướng đường hoàng, dáng vẻ dễ coi** (tướng dáng dễ coi, được thế không phải dễ) **đều là trước trồng gốc lành, cảm được báo lạ ấy** (quả đời nay là giống đời trước, quả đời sau là đời nay tu).

Liền toan cứ thế khoanh tay không tiếc thời gian (người xưa quý tấc bóng, khinh thước ngọc). **Sự nghiệp tu học không chuyên cần, công quả không nhân đâu mà được** (Đức Phật xưa trải qua vô số kiếp, phát bốn hoằng thệ nguyện, từng tu vạn hạnh, hai phần phúc tuệ trang nghiêm, mảy may chướng cũng không còn, chút ít việc thiện cũng không hề sót, mới chứng Phật quả. Há rằng đầy đủ nghiệp phàm phu, không chuyên cần giới định tuệ học mà

muốn mong cầu quả lớn tuyệt đối ư?)

Khi đã thấy một đời bỏ phí, chắc hẳn nghiệp sau cũng thành vô ích (chẳng những tự lầm cho một đời, cho đến đời sau cũng không được nhờ).

NGUYÊN VĂN

辭親決志披緇。意欲等超何所。出家本志。當為何事。

曉夕思忖。豈可遷延過時。退步反思。聞健進學。心期佛法棟梁。用作後來龜鏡。勇志慕佛法之棟梁。乘範作後學之龜鏡。龜知未來禍福。鏡驗現在妍□。常以如此。未能少分相應。雖有志願而行解未充。故云未也。

PHIÊN ÂM

Từ thân, quyết chí phi truy, ý dục, đẳng siêu hà sở? (xuất gia bản chí đương vi hà sự?)

Hiểu tịch tư thổn, khởi khả thiên diên quá thời (thoái bộ phản tư, văn kiện tiến học). **Tâm kỳ Phật pháp đống lương, dụng tác, hậu lai quy kính** (dũng chí, mộ Phật chi đống lương, thùy phạm, tác hậu học chi quy kính. "Quy" tri vị lai họa phúc, "kính" nghiệm hiện tại nghiên xuy).

Thường dĩ như thử, vị năng thiểu phận tương ưng (tuy hữu chí nguyện, nhi hành giải vị sung, cố vân vị dã).

VIỆT DỊCH

Từ thân quyến, quyết chí mặc áo nâu, ý muốn lên tới bậc nào? (chí nguyện gốc xuất gia sẽ phải làm việc gì?)

Sớm chiều trăn trở há lại phải lần lữa qua thời (ngoảnh lại nghĩ coi nghe mạnh tiến học). **Tâm hẹn làm rường cột trong ngôi nhà Phật pháp, làm gương nghiệm xét cho đời sau** (ý chí dũng mãnh mong làm rường cột cho ngôi nhà Phật pháp, làm khuôn mẫu mà nghiệm xét cho người học sau. "Quy" (rùa) biết họa phúc đời sau, "kính" (gương) nghiệm hiện tại tốt xấu).

Tuy thường như thế, nhưng còn chưa được chút nào hợp đạo (tuy có chí nguyện nhưng làm và hiểu chưa đủ thế cho nên nói còn chưa đủ).

NGUYÊN VĂN

出言須涉於典章。言不干典。非君子所談。談說乃傍於稽古。語是心苗。豈恣胸臆孟浪之說無稽之言乎。

形儀挺特。形端表正。意氣高閑。川有珠則川媚。人蘊道則高閑。

PHIÊN ÂM

Xuất ngôn tu thiệp ư điển chương (ngôn bất can điển, phi quân tử sở đàm). **Đàm thuyết nãi bàng ư kê cổ** (ngữ thị tâm miêu, khởi tứ hung ức, mãnh lãng chi thuyết, vô kê chi ngôn hồ?)

Hình nghi đĩnh đặc (hình đoan biểu chính), **ý khí cao nhàn** (xuyên hữu châu, tắc xuyên my, nhân uẩn đạo, tắc cao nhàn).

VIỆT DỊCH

Nói ra là phải bén với sách vở (lời nói không bén với sách vở không phải là lời nói của người quân tử). **Nói bàn phải rộng xét chuyện xưa** (lời nói vốn là mầm tâm niệm, há lại buông thả lòng dạ nói năng vu vơ chuyện không căn cứ?)

Hình dáng uy nghi chững chạc (hình ngay nêu thẳng), **ý nghĩ khí phách cao cả thanh nhàn** (sông có ngọc thời sông đẹp, người ẩn chứa đạo đức thì cao nhàn).

NGUYÊN VĂN

遠行要假良朋。數數清於耳目。

佛問阿難。善知識為幾梵行。阿難云半梵行。佛言。不然。善知識者為全梵行。又古云。三人行必有我師焉。擇其善者而從之。

住止必須擇伴。時時聞於未聞。開發未聞。警悟迷倒。皆道伴之力也。

故云。生我者父母。成我者朋友。同門曰朋。同志曰友。父母能生色身。不能令出離惡道。惟善知識成立法身。開真正知見。入聖超凡。生成恩德豈可忽哉。

親附善友者如霧露中行。雖不濕衣。時時有潤。善友道伴滋潤善根。其利叵量。

狎習惡者長惡知見。曉夕造惡。即目交報。狎近非友隨邪逐惡。冒犯王法。人所惡賤。歿後沉淪。一失人身。萬劫不復。惡友薰習造作非理。生遭王法。死入阿鼻。

PHIÊN ÂM

Viễn hành yếu giả lương bằng, sác sác thanh ư nhĩ mục.

(Phật vấn A Nan: "Thiện tri thức vi kỷ phạm hạnh?" A Nan vân: "Bán phạm hạnh". Phật ngôn: "Bất nhiên, thiện tri thức giả, vi toàn phạm hạnh". Hựu cố vân: "Tam nhân hành tất hữu ngã sư yên. Trạch kỳ thiện giả, nhi tòng chi").

Trụ chỉ tất tu trạch bạn, thời thời văn ư vị văn (khai phát vị văn, cảnh ngộ mê đảo, giai đạo bạn chi lực dã).

Cố vân, sinh ngã giả: phụ mẫu, thành ngã giả: bằng hữu (đồng môn viết bằng, đồng chí viết hữu. Phụ mẫu năng sinh sắc thân, bất năng linh xuất ly ác đạo. Duy thiện tri thức, thành lập pháp thân, khai chân chính tri kiến, nhập thánh siêu phàm. Sinh thành ân đức, khởi khả hốt tai?)

Thân phụ thiện hữu giả, như vụ lộ trung hành, tuy bất thấp y, thời thời hữu nhuận (thiện hữu đạo bạn, tư nhuận thiện căn, kỳ lợi phả lượng).

Hiệp tập ác giả, trưởng ác tri kiến, hiểu tịch tạo ác, tức mục giao báo (hiệp cận phi hữu, tùy tà trục ác, mạo phạm vương pháp, nhân sở ố tiện). **Một hậu trầm luân, nhất thất nhân thân, vạn kiếp bất phục** (ác hữu huân tập, tác tác phi lý, sinh tao vương pháp, tử nhập A Tỳ).

VIỆT DỊCH

Đi xa cốt yếu nhờ bạn tốt, luôn luôn tai mắt nghe nhìn trong sáng.

(Phật hỏi ngài A Nan: "Bậc thiện tri thức được bao nhiêu phạm hạnh?" A Nan nói: "Một nửa phạm hạnh". Phật dạy: "Không phải, bậc thiện tri thức trọn vẹn hạnh trong sạch". Lại nữa, đời xưa dạy: "Ba người đi cùng ắt có thầy ta, chọn người tốt mà học theo").

Trụ chỉ tất cần chọn bạn, lúc nào cũng được nghe điều chưa nghe (mở ra điều chưa nghe, nhắc nhở cho biết cái mê lầm tráo trở đều là sức của bạn đạo vậy).

Bởi thế nên nói sinh ra ta là cha mẹ, thành đạt cho ta là bầu bạn (cùng cửa thầy học là "bằng", cùng chí hướng là "bạn". Cha mẹ có thể sinh ra sắc thân, nhưng không thể khiến rời bỏ đường ác. Chỉ có bậc thiện tri thức thành lập pháp thân cho, khai hóa cho biết thấy đạo chân chính, vào thánh qua phàm, ân đức sinh ra, thành đạt cho, há có thể coi nhẹ ư?)

Gần gũi bậc bạn lành như đi trong sương xuân, tuy không ướt áo nhưng luôn luôn thấm nhuần (bạn lành, bạn đạo tưới thấm gốc lành, lợi đó không lường được).

Quen nhiễm kẻ ác, thành ác tri kiến, sớm tối gây ác, quả báo trước mắt (gần kề bạn xấu, chạy theo tà ác, can phạm phép nước, bị người khinh ghét). **Sau hết chìm đắm, một mất thân người, muôn kiếp không trở lại** (tập nhiễm bạn ác, tạo tác trái đạo lý, sống bị pháp nước, chết vào ngục Vô Gián).

NGUYÊN VĂN

忠言逆耳。豈不銘心者哉。

苦口忠言必須逆耳。聞當改過。銘刻於心。

便能澡心育德。晦迹韜名。

澡其心而心淨。育其德而德充。隱晦其迹而和光同塵。韜藏虛名而去華務實。

蘊素精神。喧囂止絕。

養性憺怕。清閑絕慮。此下先敘參學。次敘窮教。

PHIÊN ÂM

Trung ngôn nghịch nhĩ, khởi bất minh tâm giả tai?

(Khổ khẩu trung ngôn, tất tu nghịch nhĩ, văn đương cải quá, minh khắc ư tâm).

Tiện năng, táo tâm dục đức, hối tích thao danh.

(Táo kỳ tâm, nhi tâm tịnh. Dục kỳ đức, nhi đức sung. Ẩn hối kỳ tích, nhi hòa quang đồng trần. Thao tàng hư danh nhi khử hoa vụ thật).

Uẩn tố tinh thần, huyên hiêu chỉ tuyệt.

(Dưỡng tính điềm bạc thanh nhàn tuyệt lự. Thử hạ, tiên tự tham học, thứ tự cùng giáo).

VIỆT DỊCH

Nói thẳng trái tai há không ghi tạc vào lòng ư?

(Đắng miệng nói thẳng, ắt phải trái tai, nghe phải đổi lỗi, ghi tạc vào lòng).

Thuận nên rửa lòng nuôi đức, giấu vết ẩn danh.

(Rửa nơi tâm thì tâm sạch, nuôi nơi đức thời đức đủ. Giấu kín vết tích hòa lẫn cùng ánh sáng trần gian. Cất giấu tiếng khen hão mà bỏ hoa cầu hạt).

Giữ nguyên tố tinh thần, dứt hẳn sự ồn ào.

(Nuôi tính điềm tĩnh đạm bạc, thanh nhàn tắt hết lo nghĩ. Từ đây trở xuống, trước giãi bày việc tham học, rồi trình bày nghiên cứu tột cùng giáo lý).

NGUYÊN VĂN

若欲參禪學道。頓超方便之門。正直捨方便。但說無上道。心契玄津。心無緣異。研幾精要。研究諸法。窮徹精妙。決擇深奧。探賾索隱。決擇幽微。啟悟真源。開悟真諦之淵源。博問先知。不可居暗室而守愚迷。當博學問而資定慧。

親近善友。善財南詢諸友。一生參學事畢。古云。明正為南。方盡南矣。益我為友。人皆友焉。遇三毒而三德圓。入一塵而一心靜。契文殊之妙智。宛是初心入普賢之玄門。曾無別體。此可謂親近善友也。書云。於吾善者吾亦善之。於吾惡者吾亦惡之。況釋子乎。

此宗難得其妙。切須子細用心。此心地法門若得之於心。則伊蘭作栴檀之樹。若失之於旨。則甘露乃蒺□之園。豈容易其心乎。

可中頓悟正因。便是出塵階漸。若頓悟正因兩字。則百川會海不辨源流。一念相應前後際斷。照體獨立。物我皆如。超出塵勞。理則頓悟乘悟併消。事非頓除因次第盡。

此則破三界二十五有。論云。四洲四惡趣。梵王六欲天。無想及淨居。四空并四禪。為二十五有也。

內外諸法盡知不實。從心變起悉是假名。內心外境虛妄不實。皆妄識所變。若悟三界唯心萬法唯識。寂照光中了不可得。不用將心湊泊。將心用心豈非大錯。

但情不附物。物豈礙人。情偽不真。物本非物。任他法性周流。莫斷莫續。不必斷妄而續真。法性周流而自適。聞聲見色。蓋是尋常。只此見聞非見聞。無餘聲色可呈君。箇中若了全無事。體用不妨分不分。這邊那邊。應用不闕。空劫今時理事無隔。不動道場遍遊塵剎。

PHIÊN ÂM

Nhược dục, tham thiền học đạo, đốn siêu phương tiện chi môn (chính trực xả phương tiện, đãn thuyết vô thượng đạo), **tâm khế huyền tân** (tâm vô dị duyên), **nghiên cơ tinh yếu** (nghiên cứu chư pháp, cùng triệt tinh yếu), **quyết trạch thâm áo** (thám trạch sách ẩn, quyết trạch u vi), **khải ngộ chân nguyên** (khai ngộ chân đế chi uyên nguyên), **bác vấn tiên tri** (bất khả cư ám thất, nhi thủ ngu mê, đương bác học vấn, nhi tư định tuệ).

Thân cận thiện hữu (Thiện Tài nam tuân chư hữu nhất sinh tham học sự tất. Cổ vân: Minh chính vi nam, phương tận nam hỹ. Ích ngã vi hữu, nhân giai hữu yên. Ngộ tam độc, nhi tam đức viên. Nhập nhất trần, nhi nhất tâm tĩnh, khế Văn Thù chi diệu trí, uyển thị sơ tâm. Nhập Phổ Hiền chi huyền môn, tằng vô biệt thể. Thử khả vị thân cận thiện hữu dã. Thư vân: "Ư ngô thiện, ngô diệc thiện chi, ư ngô ác, ngô diệc ác chi", huống Thích tử hồ).

Thử tông, nan đắc kỳ diệu, thiết tu, tử tế dụng tâm (thử tâm địa pháp môn, nhược đắc chi ư tâm, tắc y lan tác chiên đàn chi thụ. Nhược thất chi ư chỉ, tắc cam lộ nãi tật lê chi viên, khởi dong dị kỳ tâm hồ?)

Khả trung, đốn ngộ chính nhân, tiện thị, xuất trần giai tiệm (nhược đốn ngộ chính nhân lưỡng tự, tắc bách xuyên hội hải, bất biện nguyên lưu. Nhất niệm tương ưng tiền hậu tế đoạn, chiếu thể độc lập, vật ngã giai như, siêu xuất trần lao. Lý tắc đốn ngộ, thừa ngộ tinh tiêu. Sự phi đốn trừ, nhân thứ đệ tận).

Thử tắc, phá tam giới, nhị thập ngũ hữu (Luận vân: Tứ châu tứ ác thú, Phạm vương, Lục dục thiên, Vô tưởng cập Tịnh cư, Tứ không tịnh Tứ thiền, vi nhị thập ngũ hữu dã).

Nội ngoại chư pháp, tận tri bất thật, tòng tâm biến khởi, tất thị giả danh (nội tâm, ngoại cảnh, hư vọng bất thật, giai vọng thức sở biến. Nhược ngộ tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức, tịch chiếu quang trung, liễu bất khả đắc).

Bất dụng, tương tâm thấu bạc (tương tâm dụng tâm, khởi phi đại thác?)

Đãn tình bất phụ vật, vật khởi ngại nhân (tình, ngụy bất chân, vật, bản phi vật).

Nhậm tha pháp tính, chu lưu, mạc đoạn, mạc tục (bất tất đoạn vọng nhi tục chân, pháp tính chu lưu nhi tự thích). **Văn thanh, kiến sắc, cái thị tầm thường** (chỉ thử kiến văn phi kiến văn, vô dư thanh sắc khả trình quân, cá trung nhược liễu toàn vô sự. Thể, dụng bất phướng phân bất phân). **Giá biên na biên, ứng dụng bất khuyết** (không kiếp kim thời, lý, sự vô cách, bất động đạo tràng, biến du trần sát).

VIỆT DỊCH

Nếu muốn nói tham thiền học đạo, chóng vượt qua cửa phương tiện (ngay thẳng bỏ phương tiện, chỉ nói đạo vô thượng), **tâm hợp bến huyền vi** (tâm không phan duyên khác), **nghiền ngẫm tinh vi thiết yếu** (nghiên cứu các pháp cùng suốt tinh vi màu nhiệm), **quyết định lựa chọn sâu xa** (thăm tìm bí ẩn, quyết chọn mờ tỏ), **mở tỏ mọi nguồn chân thực** (mở tỏ nguồn thẳm chân đế), **rộng hỏi bậc biết trước** (không thể ở nhà tối mà giữ ngu mê, cầu rộng học nhờ thế thành định tuệ).

Gần kề bạn lành (ngài Thiện Tài về phương nam hỏi các bạn việc tham học một đời xong. Đời xưa dạy: Sáng mà chân chính là nam, mới hết nghĩa nam này. Lợi ích cho ta là bạn, người người đều là bạn. Gặp ba thứ độc mà tròn ba đức. Vào một cõi trần, một mà tâm tĩnh, hợp với trí nhiệm màu của ngài Văn Thù, vẫn là tâm trước nhất. Vào cửa huyền vi của ngài Phổ Hiền vẫn không thể khác. Thế mới đúng là gần kề bạn lành. Kinh Thư nói: "Thiện với ta thì ta cũng thiện, ác với ta thì ta cũng ác", huống chi dòng Thích tử).

Tông chỉ này khó được ý nhiệm màu ấy. Phải thiết yếu cẩn thận, dùng tâm kỹ lưỡng (pháp môn tâm địa này nếu đã được nơi tâm, thì nó như nhánh lan nương cây chiên đàn. Nếu mà mất tông chỉ thời vị cam lộ sẽ là vườn chông gai, há phải dễ dàng dung nó nơi tâm?)

Ở đây có thể mau chóng ngộ chính nhân, thế là dần bước ra khỏi trần (nếu biết sớm giác ngộ hai chữ chính nhân thì trăm sông về biển không kể dòng nguồn. Một niệm hợp nhau đoạn tuyệt khoảng cách trước sau, một thể riêng soi, vật và ta như nhau, ra khỏi cõi trần lao. Về lý thời chóng hiểu mau, cấp bậc và giác ngộ tiêu tan hết, nhưng sự tu hành không phải trừ ngay được, nhân địa còn phải lần lượt mới hết được).

Thế là phá được ba cõi, hai mươi lăm cõi (Luận dạy: Bốn châu bốn chốn ác, cõi Phạm thiên, cõi trời Lục dục, cõi Vô tưởng và cõi Tịnh cư, bốn cõi không, bốn cõi thiền ở cõi sắc là hai mươi lăm cõi vậy).

Trong ngoài các pháp, biết rõ hết thảy không thực, theo tâm biến khởi biết là tên giả (trong tâm, ngoài cảnh hư dối không thực, đều là vọng thức biến ra, nếu giác ngộ ba cõi chỉ là tâm, muôn pháp chỉ là thức, trong ánh sáng vẳng soi, suốt rõ không được gì).

Không dùng tâm suy xét tâm (dùng tâm xét tâm, há không phải

là lầm lớn ư?)

Chỉ cần tình thức không phụ chấp vào cảnh vật, cảnh vật há trở ngại người (tình thức hư dối không thật, cảnh vật vốn không phải cảnh).

Mặc cho tính các pháp vòng quanh không dứt không nối (không hẳn dứt vọng mà nối thực, pháp tính cứ tự nó quay vòng). **Nghe tiếng, thấy sắc đó là thông thường** (điều đó chỉ là nghe thấy, không phải là thấy nghe, không có âm thanh sắc tướng nào trình cho ai. Trong đời nếu rõ toàn vô sự. Thể và dụng không ngại chia hay không chia). **Bên này bên kia ứng dụng không thiếu** (từ không kiếp đến nay lý và sự không cách nhau, đạo tràng không chuyển động mà đi khắp mọi nơi).

NGUYÊN VĂN

如斯行止。實不枉披法服。行解既正。表裏相應。亦乃酬報四恩。拔濟三有。兼濟之道。自他獲益。

生生若能不退。佛階決定可期。履踐玄途。非止一生兩生。步步蹈佛階梯。更無退轉。往來三界之賓。出沒為他作則。佛為三界導師。經云。今此三界皆是我有。其中眾生悉是吾子。既行古佛之道。為眾生作軌則。引令出離。

PHIÊN ÂM

Như tư hành chỉ, thật bất uổng phi pháp phục (hành giải ký chính, biểu lý tương ưng), **diệc nãi, thù báo tứ ân, bạt tế tam hữu** (kiêm tế chi đạo, tự tha hoạch ích).

Sinh sinh nhược năng bất thoái, Phật giai quyết định khả kỳ (lý tiễn huyền đồ, phi chỉ nhất sinh lưỡng sinh, bộ bộ đạo Phật giai thê, cánh vô thoái chuyển), **vãng lai tam giới chi tân, xuất một vị tha tác tắc.** (Phật vi tam giới đạo sư. Kinh vân: “Kim thử tam giới, giai thị ngã hữu, kỳ trung chúng sinh, tất thị ngô tử”. Ký hành cổ Phật chi đạo, vị chúng sinh tác quỹ tắc, dẫn linh xuất ly).

VIỆT DỊCH

Tu hành như thế thật không uổng phí công mặc áo pháp (làm và hiểu đã xong, trong ngoài hợp nhau) **cũng là đền trả bốn ân, cứu giúp ba cõi** (đạo giúp mình kiêm cả người đều được ích).

Đời này đời khác nếu thường không thoái chuyển, cõi Phật quyết định hẹn được (noi theo con đường huyền diệu không chỉ một đời, hai đời, mỗi bước mỗi tiến lên cõi Phật chứ không thoái chuyển). **Là bậc đại thánh đi lại ba cõi, ra vào vì chúng sinh làm khuôn phép** (Phật là thầy dẫn đường cho ba cõi. Kinh dạy: "Nay, ba cõi này đều là của ta, chúng sinh trong ba cõi ấy là con ta cả". Đã đi theo con đường của Phật xưa làm khuôn phép cho chúng sinh, dẫn đưa họ ra khỏi ba cõi).

NGUYÊN VĂN

此之一學最妙最玄。但辦肯心必不相賺。祖師西來直指人心見性成佛。超凡入聖決定不悞。唯恐學者不肯留心。如存如亡或進或退。則不可造入。

PHIÊN ÂM

Thử chi nhất học, tối diệu tối huyền. Đãn biện khẳng tâm, tất bất tương trám (Tổ sư Tây lai, trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật, siêu phàm nhập thánh, quyết định bất ngộ. Duy khủng học giả, bất khẳng lưu tâm, như tồn như vong, hoặc tiến hoặc thoái, bất khả tháo nhập).

VIỆT DỊCH

Một môn học này, tối màu nhiệm, tối huyền vi, chỉ cần liệu làm, quyết tâm hẳn không dối gạt (Sư tổ Đạt Ma từ Tây Thiên tới, thẳng chỉ lòng người, thấy tính thành Phật, qua phàm vào thánh, quyết không sai. Chỉ e người không chịu để tâm, còn thời còn, mất thời mất, mặc tiến mặc thoái. Thôi đành không thể nào tiến vào

được).

NGUYÊN VĂN

自此已下。別就根機當窮教意。

若有中流之士未能頓超。且於教法留心溫尋貝葉。根機不等。別開方便之門。溫故知新。要須因指見月。

精搜義理。傳唱敷揚。接引後來。報佛恩德。時光亦不虛弃。必須以此扶持。傳教導迷須具教眼。故云必須以此扶持。

住止威 。便是僧中法器。威儀肅靜行止可觀。內德既充方為法器。

豈不見倚松之葛上聳千尋。附託勝因方能廣益。前喻後法。古云。青蘿因緣直上寒松之頂。以內因外緣互相成之。方趣無上之果。廣利群生。

懇修齋戒。莫謾虧踰。虧者缺也。踰者越也。世世生生。殊妙因果。因果歷然。

PHIÊN ÂM

(Tự thử dĩ hạ, biệt tựu căn cơ, đương cùng giáo ý).

Nhược hữu trung lưu chi sĩ, vị năng đốn siêu, thả ư giáo pháp lưu tâm, ôn tầm bối diệp (căn cơ bất đẳng, biệt khai phương tiện chi môn, "ôn cố tri tân", yếu tu nhân chỉ kiến nguyệt).

Tinh sưu nghĩa lý, truyền xướng phu dương, tiếp dẫn hậu lai, báo Phật ân đức. Thời quang diệc bất hư khí, tất tu dĩ thử phù trì (truyền giáo đạo mê, tu cụ giáo nhỡn. Cố vân, tất tu dĩ thử phù trì).

Trụ chỉ uy nghi, tiện thị tăng trung pháp khí (uy nghi túc tĩnh hành chỉ khả quan, nội đức ký sung, phương vi pháp khí).

Khởi bất kiến, ỷ tùng chi cát, thướng tủng thiên tầm, phụ thác thắng nhân, phương năng quảng ích (tiền dụ, hậu pháp, cổ vân: "Thanh la nhân duyên, trực thướng hàn tùng chi đỉnh". Dĩ nội nhân ngoại duyên, hỗ tương thành chi, phương thú vô thượng chi

quả, quảng lợi quần sinh).

Khẩn tu trai giới, mạc mạn khuy du (khuy giả, khuyết dã, du giả, việt dã). **Thế thế sinh sinh, thù diệu nhân quả** (nhân quả lịch nhiên).

VIỆT DỊCH

(Từ đây trở xuống nói riêng cho từng căn cơ sẽ suốt giáo ý).

Đối với bậc tu sĩ hạng trung, chưa có khả năng vượt qua nhanh chóng nên lưu tâm nơi giáo pháp, tìm kiếm kinh điển (căn cơ không đều nên mở riêng cửa phương tiện, ôn cũ biết mới, điều thiết yếu cần nương ngón tay để thấy mặt trăng).

Xét tìm nghĩa lý, truyền bá mở rộng, tiếp dẫn người sau báo ơn đức Phật. Bóng sáng thời gian cũng không bỏ phí, tất cần dựa vào đấy để giữ giúp (truyền giáo pháp, dẫn kẻ mê cần phải đầy đủ con mắt giáo lý, cho nên nói phải lấy việc trên đây để giúp đỡ và giữ gìn).

Uy nghi đi đứng đó là pháp khí trong tăng (uy nghi nghiêm tĩnh, đi đứng dễ coi, đức bên trong đã đủ mới là con người đạo).

Há không thấy dây sắn kia dựa cây thông lên cao nghìn tầm, dựa vào nhân tốt mới khả năng rộng phần ích lợi (trước là ví dụ, sau là giáo pháp. Đời xưa nói: Nhân có duyên nên dây leo vút lên thẳng ngọn cây thông. Bởi nhân trong duyên ngoài thành đạt lẫn cho nhau mới tới được quả cao nhất, lợi lạc rộng cho muôn loài).

Hết lòng giữ vững trai giới chớ khinh khi bỏ qua (chữ "khuy" là thiếu, "du" là vượt qua). **Đời đời kiếp kiếp nhân quả nhiệm màu** (nhân quả rành rành).

NGUYÊN VĂN

不可等閑過日。兀兀度時。可惜光陰。不求升進。若善用其心。則得佛法分。

徒消十方信施。為資道業施將來。道業不成爭消得。亦乃辜負四恩。自

己沉淪反成辜負。

積累轉深。心塵易壅。過累積之日深日重。心塵污塞杜塞靈源。

髑途成滯。人所輕欺。根塵滯塞解行顛邪。背本逐末被人輕賤。

PHIÊN ÂM

Bất khả đẳng nhàn quá nhật, ngột ngột độ thời, khả tích quang âm, bất cầu thăng tiến (nhược thiện dụng kỳ tâm, tắc đắc Phật pháp phận).

Đồ tiêu thập phương tín thí (vị tư đạo nghiệp thí tương lai, đạo nghiệp bất thành tranh tiêu đắc), **diệc nãi cô phụ tứ ân** (tự kỷ trầm luân, phản thành cô phụ).

Tích lũy chuyên thâm, tâm trần dị ủng (quá lũy tích chi, nhật thâm nhật trọng, tâm trần ô bọn, đỗ tắc linh nguyên).

Xúc đồ thành trệ, nhân sở khinh khi (căn, trần, trệ tắc. Giải, hành, điên tà. Bội bản, trục mạt bị nhân khinh tiện).

VIỆT DỊCH

Không thể dùng dằng ngày ngày, lờ lững qua ngày, đáng tiếc bóng sáng, không cầu thăng tiến (nếu khéo dụng tâm chắc chắn được phần Phật pháp).

Luống tiêu uổng phí tín thí mười phương (vì giúp đạo nên họ mang đến cho, đạo nghiệp không thành sao tiêu được), **cũng là vỗ nợ bốn ơn** (tự mình chìm đắm lại thành vỗ nợ).

Chứa góp càng nhiều, lòng trần dễ lấp (chứa góp quá nhiều ngày thêm sâu nặng, lòng trần nhơ nhớp ngăn lấp nguồn thiêng).

Đụng vào đâu cũng bế tắc, bị người khinh rẻ (căn trần đóng lấp, hiểu làm sai lệch, trái với gốc, đuổi theo ngọn bị người khinh rẻ).

NGUYÊN VĂN

古云彼既丈夫我亦爾。不應自輕而退屈。教云。十方世界諸菩薩。念念趣求善逝果。彼既丈夫我亦爾。不應自輕而退屈。

若不如此。徒在緇門。荏苒一生。殊無所益。不如上所說修行。則可知理也。

PHIÊN ÂM

Cổ vân: Bỉ ký trượng phu, ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh, nhi thoái khuất (giáo vân: "Thập phương thế giới chư Bồ tát, niệm niệm thú cầu thiện thệ quả". Bỉ ký trượng phu, ngã diệc nhĩ, bất ưng tự khinh nhi thoái khuất).

Nhược bất như thử, đồ tại truy môn, nhẫm nhiễm nhất sinh, thù vô sở ích (bất như thượng sở thuyết tu hành, tắc khả tri lý dã).

VIỆT DỊCH

Đời xưa dạy: Người trượng phu, ta cũng thế. Chẳng nên khinh mình mà rút lui (giáo lý thường dạy: "Các vị Bồ tát trong mười phương thế giới luôn luôn tìm tới quả thiện thệ", người kia đã là trượng phu, ta cũng thế, chẳng nên thoái chí).

Nếu không như thế, chỉ làm uổng phí nơi cửa thiền. Nấn ná một đời, không lợi ích gì (người tu hành như trên đã nói thì nên biết lý ấy vậy).

NGUYÊN VĂN

伏望興決烈之志。開特達之懷。舉措看他上流。莫擅隨於庸鄙。見賢思齊。見不賢而內自省。

今生便須決斷。想料不由別人。好惡自看。無人替代。

息意忘緣。內息意外忘緣。不與諸塵作對。內若不動。外無所為。心空

境寂。心本空。境本寂。只為久滯不通。無始迷昧。背覺合塵。

PHIÊN ÂM

Phục vọng, hưng quyết liệt chi chí, khai đặc đạt chi hoài, cử thố khán tha thượng lưu, mạc thiện tùy ư dong bỉ (kiến hiền tư tề, kiến bất hiền nhi nội tự tỉnh).

Kim sinh, tiện tu quyết đoán, tưởng liệu bất do biệt nhân (hảo ác tự khán, vô nhân thế đại).

Tức ý vong duyên (nội tức ý, ngoại vong duyên). **Bất dữ chư trần tác đối** (nội nhược bất động, ngoại vô sở vi). **Tâm không cảnh tịch** (tâm bản không, cảnh bản tịch), **chỉ vị cửu trệ bất thông** (vô thủy mê muội, bội giác hợp trần).

VIỆT DỊCH

Cúi mong dấy lên chí quyết liệt, mở tấm lòng thông suốt, cắt đặt, phải nhìn lên bậc trên, chẳng chuyên theo kẻ hèn mọn (thấy người hiền nghĩ sao cho bằng, thấy người chưa hiền nên tự xét lại mình).

Đời này hãy nên quyết đoán, tưởng liệu không do ai khác (tốt xấu tự xem, không ai thay thế).

Tắt ý nghĩ, quên phan duyên (tắt ý nghĩ trong lòng, quên phan duyên ngoại cảnh). **Với mọi trần không cùng đối đãi** (trong nếu không động, ngoài làm gì nổi). **Tâm không cảnh vắng** (tâm vốn vắng không, cảnh vốn phẳng lặng), **chỉ vì tắc lâu không thông** (từ vô thủy mê tối nên trái tính giác, hợp duyên trần).

NGUYÊN VĂN

熟覽斯文。時時警□。覽斯文。警斯意。強作主宰。莫徇人情。人情濃。道情微。業果所牽。誠難逃 。天作孽猶可逃。自作孽不可逭。聲和響順。形直影端。因果酬答。譬之影響。

因根歷然。豈無憂懼。識法者懼。

故經(說一切有)云。假使百千劫。所作業不亡。因緣會遇時。果報還自受。因惑造業如影隨形。未證聖果業熟須受。

故知三界刑罰縈絆殺人。三界羈縻猶如牢獄。弩力勤修。莫空過日。念念不迷方真修。莫空過。

PHIÊN ÂM

Thục lãm tư văn, thời thời cảnh sách (lãm tư văn, cảnh tư ý), **cưỡng tác chủ tể, mạc tuẫn nhân tình** (nhân tình nùng, đạo tình vi), **nghiệp quả sở khiên, thành nan đào tỵ** (thiên tác nghiệt, do khả đào, tự tác nghiệt, bất khả hoán). **Thanh hòa hưởng thuận, hình trực ảnh đoan** (nhân quả thù đáp, thí chi ảnh hưởng).

Nhân quả lịch nhiên, khởi vô ưu cụ? (thức pháp giả, cụ).

Cố kinh (Thuyết Nhất Thiết Hữu) **vân: "Giả sử bách thiên kiếp, sở tác nghiệp bất vong, nhân duyên hội ngộ thời, quả báo hoàn tự thụ"** (nhân hoặc tạo nghiệp, như ảnh tùy hình, vị chứng thánh quả, nghiệp thục tu thụ).

Cố tri tam giới hình phạt, oanh bạn sát nhân (tam giới ky mi do như lao ngục), **nỗ lực cần tu, mạc không quá nhật** (niệm niệm bất mê, phương chân tu mạc không quá).

VIỆT DỊCH

Xem kỹ văn này, luôn luôn tự nhắc nhủ mình (xem văn này nhắc ý này), **gắng tự làm chủ, chớ theo tình đời** (tình người nồng đậm, đạo tình mờ nhạt). **Bị nghiệp quả lôi, thực khó trốn tránh** (trời gieo họa còn trốn được, tự mình gây nghiệp không thể trốn quanh). **Tiếng hòa vang thuận, hình ngay bóng thẳng** (nhân quả đền đáp như bóng như vang).

Nhân quả rõ ràng, há không lo sợ? (người biết phép sợ).

Cho nên kinh Thuyết Nhất Thiết Hữu dạy: "Ví dù trăm nghìn kiếp, nghiệp đã gây không quên, khi nhân duyên gặp gỡ, quả báo mình phải chịu" (bởi nhân mê hoặc nên gây nghiệp, như

bóng theo hình, chưa chứng thánh quả, nghiệp chín phải chịu).

Bởi thế nên biết ba cõi hình phạt trói buộc, giết người (ba cõi trói buộc khác gì lao ngục), **gắng sức siêng tu, chớ bỏ qua ngày** (giây giây phút phút không mê, mới thực tu mà không bỏ qua).

NGUYÊN VĂN

深知過患。方乃相勸行持。自未得度先度人者。菩薩發心。自覺已圓復度他者。如來應世。溈山自知三界眾生過患如此。更能勸他行持。非地位之人安能如是。

次證誓願。願百劫千生處處同為法侶。信茲言。行茲行。皆佛法之伴侶也。乃為銘曰。重頌前來警□之大略。

PHIÊN ÂM

Thâm tri quá hoạn, phương nãi tương khuyến hành trì (tự vị đắc độ, tiên độ nhân giả, Bồ tát phát tâm, tự giác dĩ viên, phục độ tha giả, Như Lai ứng thế, Quy Sơn tự tri, tam giới chúng sinh quá hoạn như thử, cánh năng khuyến tha hành trì, phi địa vị chi nhân, an năng như thị).

(Thứ phát thệ nguyện) **Nguyện! Bách kiếp thiên sinh, xứ xứ đồng vi pháp lữ** (tín tư ngôn, hành tư hạnh, giai Phật pháp chi bạn lữ dã), **nãi vi minh viết** (trùng tụng, tiền lai cảnh sách chi đại lược):

VIỆT DỊCH

Sau biết lỗi lo âu, nên biết khuyên nhau hành trì (mình chưa được độ nhưng trước độ người là Bồ tát phát tâm, mình giác ngộ đã tròn đầy, lại độ người khác là Như Lai ứng hiện ở đời. Tổ Quy Sơn tự biết, ba cõi chúng sinh lo lỗi như thế, nên hay khuyên người hành trì, không phải con người địa vị như vậy, sao như thế được?)

(Dưới đây là lời thệ nguyện) **Nguyện, trăm kiếp nghìn đời nơi nơi**

cùng làm bạn đạo pháp (tin lời này, làm hạnh này đều là bầu bạn Phật pháp), **mới làm bài minh** (ghi, tạc không quên) **rằng** (nhắc lại nét lớn bài cảnh sách trước).

NGUYÊN VĂN

幻身夢宅。四大幻身。三界夢宅。空中物色。不實如空花。前際無窮。後際寧剋。妄法非三際可得。

出此沒彼。升沉疲極。生死出沒無有定所。升謂人天。沉則苦趣。未免三輪。何時休息。三界如蟻循環。輪轉無已。

貪戀世間。陰(五陰)緣(十二因緣)成質。世間有三種。智正覺世間。有情世間。器世間。此論迷情貪戀有情。器世間非謂智正覺世間也。

從生至老。一無所得。妄法本空。根本無明。因茲被惑。真如受無明熏。真隨妄轉。妄認四大為身。六塵緣影為心。我執法執。計著親疎。愛憎名字。造業受報。皆無明所惑。

光陰可惜。剎那不測。剎那生滅。不可虛弃光陰。不進古佛之道。今生空過。來世窒塞。非但空過一生。未來憑何通達。

從迷至迷。皆因六賊。六識之賊自劫家寶。若悟八識可為四智。前五識為成所作智。第六識為妙觀察智。第七識為平等性智。第八識為大圓鏡智。則六門皆智為先導。何迷可得。

六道往還。三界匍匐。三界六道何由出離。

早訪明師。親近高德。訪求明眼師友。示真出離之要。

決擇身心。去其荊□。明心達本。去其偽妄。

世自浮虛。眾緣豈逼。既知四大根塵三際無實。眾苦皆空。

研窮法理。以悟為則。窮究淵源。頓悟佛之知見。

心境俱捐。莫記莫憶。內心外境放之自然。體無去住。

六根怡然。行住寂默。法喜。禪悅。卷舒任運。四威儀中止觀齊運。

一心不生。萬法俱息。一念不生。諸緣頓息。末後一句始到牢關。把斷要津。不通凡聖。誰是知音者。不須更憶龐居士。天上人間只自知。

PHIÊN ÂM

Huyễn thân mộng trạch (tứ đại, huyễn thân, tam giới mộng trạch). **Không trung vật sắc** (bất thật như không hoa). **Tiền tế vô cùng, hậu tế ninh khắc** (vọng pháp, phi tam tế khả đắc).

Xuất thử một bỉ, thăng trầm bì cực (sinh tử xuất một, vô hữu định sở, thăng vị nhân thiên, trầm tắc khổ thú). **Vị miễn tam luân, hà thời hưu tức** (tam giới, như nghĩ tuần hoàn, luân chuyển vô dĩ).

Tham luyến thế gian, ấm (ngũ ấm) **duyên** (thập nhị nhân duyên) **thành chất** (thế gian hữu tam chủng: trí chính giác thế gian, hữu tình thế gian, khí thế gian. Thử luận mê tình, tham luyến hữu tình, khí thế gian, phi vị trí chính giác thế gian dã).

Tòng sinh chí lão, nhất vô sở đắc (vọng pháp bản không). **Căn bản vô minh, nhân tư bị hoặc** (chân như thụ vô minh huân. Chân tùy vọng chuyển, vọng nhận tứ đại vi thân, lục trần duyên ảnh vi tâm, ngã chấp, pháp chấp, kế trước thân sơ. Ái tăng danh tự, tạo nghiệp thụ báo giai vô minh sở hoặc).

Quang âm khả tích, sát na bất trắc (sát na sinh diệt, bất khả hư khí quang âm, bất tiến cổ Phật chi đạo). **Kim sinh không quá, lai thế trất tắc** (phi đãn không quá nhất sinh, vị lai bằng hà thông đạt).

Tòng mê chí mê, giai nhân lục tặc (lục thức chi tặc, tự kiếp gia bảo. Nhược ngộ bát thức, khả vi tứ trí. Tiền ngũ thức, Thành sở tác trí. Đệ lục thức, vi Diệu quan sát trí. Đệ thất thức, vi Bình đẳng tính trí. Đệ bát thức, vi Đại viên kính trí. Tắc lục môn giai trí vi tiên đạo. Hà mê khả đắc?)

Lục đạo vãng hoàn, tam giới bồ bặc (tam giới, lục đạo, hà do xuất ly). **Tảo phỏng minh sư, thân cận cao đức** (phỏng cầu minh nhỡn sư hữu, thị chân xuất ly chi yếu).

Quyết trạch thân tâm, khứ kỳ kinh cức (minh tâm đạt bản, khứ kỳ ngụy vọng). **Thế tự phù hư, chúng duyên khởi bức** (ký tri tứ đại căn trần, tam tế vô thật, chúng khổ giai không).

Nghiên cùng pháp lý, dĩ ngộ vi tắc (cùng cứu uyên nguyên, đốn ngộ Phật chi tri kiến).

Tâm cảnh câu quyên, mạc ký mạc ức (nội tâm, ngoại cảnh, phóng

chi tự nhiên, thể vô khứ trụ).

Lục cần di nhiên, hành trụ tịch mặc (pháp hỷ, thiền duyệt, quyển thư nhậm vận. Tứ uy nghi trung, chỉ quán tề vận).

Nhất tâm bất sinh, vạn pháp câu tức (nhất niệm bất sinh, chư duyên đốn tức. Mạt hậu nhất cú, thủy đáo lao quan. Bả đoạn yếu tân, bất thông phàm thánh. Thùy thị tri âm giả? Bất tu cánh ức Bàng cư sĩ, thiên thượng nhân gian chỉ tự tri).

VIỆT DỊCH

Thân hư dối nhà chiêm bao (thân hư dối bốn chất lớn, nhà chiêm bao ba cõi). **Vật sắc trong hư không** (không thật như hoa hư không). **Xét về trước không cùng, xét về sau càng không thấy được** (các pháp giả dối không có được ở trong quá khứ hiện tại vị lai).

Sinh ra ở nơi này, lặn đi ở cõi khác, nổi chìm mỏi mệt sống chết không định chỗ nào (nổi lên là cõi người cõi trời, chìm xuống là những nơi chịu khổ). **Chưa khỏi ba vòng, bao giờ thôi nghỉ** (ba cõi như kiến bò quanh, bánh xe quay tròn không thôi).

Quyến luyến thế gian, cấu thành thể chất (năm ấm, mười hai nhân duyên. Thế gian có ba loại: Trí thế gian các bậc Hiền - Thánh - Phật, cõi đời của các loài có tình cảm, chỗ ở sinh sống. Đây là luận bàn về hữu tình mê hoặc và tham luyến chỗ ở, không phải là thế gian trí chính giác).

Từ lúc sinh đến lúc già, một chút mảy may không có được (các phép huyễn vọng vốn là không) **từ gốc cõi vô minh nhân đó là bị mê lầm** (tính chân như chịu lấy sự huân tập của vô minh, bởi thế tính thực theo tính giả dối mà bị chuyển, nhận nhầm bốn đại là thân mình, duyên bóng sáu trần làm tâm, chấp nhầm bốn đại là thân mình, duyên bóng sáu trần làm tâm, chấp ngã, chấp pháp, phân tích gần xa, chấp nhận kẻ thân người sơ, ưa ghét tên chữ, gây nghiệp chịu báo, đều bị mê hoặc bởi vô minh).

Bóng sáng thời gian đáng tiếc, giây giây khôn lường (phút giây sinh diệt không thể bỏ phí thời gian, không tiến tới con đường của Phật xưa). **Đời nay bỏ qua, đời sau đóng lấp** (không những bỏ phí một đời, đời sau nhờ đâu thông suốt?)

Từ mê hoặc này đến mê hoặc khác đều do sáu giặc (sáu thức bọn giặc tự cướp báu nhà. Nếu giác ngộ tám thức có thể chuyển thành bốn trí. Năm thức trước Thành sở tác trí, thức thứ sáu chuyển thành Diệu quan sát trí, thức thứ bảy chuyển thành Bình đẳng tính trí, thức thứ tám chuyển thành Đại viên kính trí, thời sáu cửa đều là trí tuệ dẫn đường, mê nào có thể thắng?)

Sáu ngả đi lại, ba cõi chui luồn (ba cõi, sáu ngả không có lối ra). **Sớm cầu hỏi thầy thông minh, gần kề bậc cao đức** (hỏi tìm thầy bạn có mắt thông tuệ, bảo cho nghĩa thực chân thiết yếu để rời bỏ).

Quyết trọn thân tâm bỏ đường chông gai (sáng lòng suốt gốc bỏ phần sai dối). **Cõi đời nổi trôi hư dối, mọi duyên há bức?** (đã biết bốn đại đất nước gió lửa, sáu căn, sáu trần, ba cõi không thực, mọi khổ đều không).

Nghiên cứu tột cùng chân lý Phật pháp đến triệt ngộ làm quy tắc (nghiên cứu đến tận cùng nguồn, vực, mau chóng giác ngộ trọn vẹn tri kiến của Phật).

Trong tâm ngoài cảnh đều bỏ, không ghi không nhớ (tâm trong cảnh ngoài, buông bỏ tự nhiên, chân thể không đi không ở).

Sáu căn an nhàn, đi đứng vắng lặng (vui với đạo pháp, mừng cảnh thiền tịnh, tùy ý thu phóng. Trong bốn phép uy nghi, phép Chỉ, phép Quán vận dụng như nhau).

Một thoáng không sinh, mọi duyên vụt tắt (cuối cùng một câu, thoạt đến cửa ải vững chắc, nắm vững bến xung yếu, phàm thánh không thông ai là bạn tri âm, không cần nhớ lại cư sĩ họ Bàng, cõi người cõi trời chỉ mình biết).

NGUYÊN VĂN

襄州。龐蘊字道玄。參馬祖。悟不與萬法為侶。頌曰。

但自無心於萬物。

何妨萬物常圍繞。

鐵牛不怕獅子吼。

恰似木人見花鳥。

木人本體自無情。

花鳥逢人亦不驚。

心境如如只者是。

何慮菩提道不成。

此云。一心不生。萬法俱息。即不與萬法為侶。既不侶萬法。誰是知音。故云。不須更憶龐居士。天上人間只自知。

又心外無法。法外無心。是故頌云。

心境如如只者是。

何慮菩提道不成。

PHIÊN ÂM

Tương Châu, Bàng Uẩn tự Đạo Huyền, tham Mã Tổ, ngộ bất dữ vạn pháp vi lữ. Tụng viết:

Đãn tự vô tâm ư vạn vật,

Hà phương vạn vật thường vi nhiễu.

Thiết ngưu bất phạ sư tử hống,

Kháp tự mộc nhân kiến hoa điểu.

Mộc nhân bản thể tự vô tình,

Hoa điểu phùng nhân diệc bất kinh.

Tâm, cảnh như như chỉ giả thị,

Hà lự Bồ đề đạo bất thành.

Thử vân, nhất tâm bất sinh, vạn pháp câu tức, tức bất dữ vạn pháp vi lữ. Ký bất lữ vạn pháp, thùy thị tri âm. Cố vân: “Bất tu cánh ức Bàng cư sĩ, thiên thượng nhân gian chỉ tự tri”.

Hựu tâm ngoại vô pháp, pháp ngoại vô tâm, thị cố tụng vân:

Tâm cảnh như như chỉ giả thị,

Hà lự Bồ đề đạo bất thành.

VIỆT DỊCH

Châu Tương có ông Bàng Uẩn, tên chữ là Đạo Huyền, từng tham học ngài Mã Tổ, giác ngộ được nghĩa không cùng với vạn pháp làm bầu bạn. Bài tụng viết rằng:

Mình chỉ vô tâm với vạn vật

Ngại gì vạn vật thường vây quanh

Trâu sắt sợ chi sư tử rống

Giống như người gỗ xem chim hoa

Vốn thể người gỗ đâu có tình

Chim, hoa gặp người cũng không kinh

Tâm, cảnh như như ấy chỉ thế

Lo gì không thành đạo Bồ đề.

Ở đây nói nhất tâm không nảy sinh, muôn pháp đều tắt, nghĩa là chẳng cùng vạn pháp làm bạn. Đã không làm bạn với vạn pháp còn ai nữa là tri âm. Cho nên nói: "Không cần nhớ đến cư sĩ Bàng Uẩn, trên trời và nhân gian chỉ tự mình biết thôi".

Lại nữa, ngoài tâm không có pháp, ngoài pháp không có tâm, thế nên bài tụng kết rằng:

Tâm cảnh như như ấy chỉ thế

Lo gì không thành đạo Bồ đề.

QUY SƠN CẢNH SÁCH (chung)

Chú thích:

(1) Thành nan luân quán thượng: liễu vọng.

(2) Phù xuất gia giả hạ: hiển chân.

(3) Tam giới bồ bặc thượng: liễu vọng.

(4) Tảo phỏng minh sư hạ: hiển chân.

QUY SƠN CẢNH SÁCH (HẾT)

Chú thích:

(1) Từ câu "Thực khôn trốn tránh" trở lên dạy rõ những điều mê vọng.

(2) Từ câu "Ôi người xuất gia" trở xuống dạy rõ tính chân như.

(3) Từ câu "Ba cõi chui luồn" trở lên dạy rõ thế nào là mê vọng.

(4) Từ câu "Sớm cầu thầy thông minh" trở xuống nêu rõ đạo chân như.

Ghi chú:

+ Phiên âm: Theo bản gốc tại Tổ đình Viên Minh.

+ Việt dịch: Cư sĩ Phúc Tế ghi theo lời giảng của Hòa thượng Thích Phổ Tuệ tại thảo am Quang Lãng, Phú Xuyên, Hà Tây - 1997.

NÓI VỀ VIÊN MINH PHÁP HỘI

(Viết, khắc kinh này)

Các Phật tử: Nguyên Uẩn, Nguyên Loan, Nguyên Mỹ, Quảng Luận, Quảng Truyền, Quảng Quang, Quảng Tịnh, Quảng Thành, Quảng Tạc, Quảng Kiền, Quảng Tốn, Quảng Học, Quảng Viêm, Quảng Trứ, Quảng Tùng, Quảng Huệ, Quảng Triển.

Tục Tước, Tục Côn, Tục Diệu, Tục Hùng, Tục Diễn, Tục Tuệ, Đàm Tín, Đàm Huy, Tịnh Nhật, Tịnh Sinh, Tịnh Huyên, Tịnh Nguyện, Tịnh Lượng, Tịnh Nghiêm, Tịnh Hạnh, Tịnh Khiết, Tịnh Trí, Tịnh Tuân, Tịnh Định, v.v.

Trộm nghĩ Phật Tổ Tam Kinh là nguồn gốc tổ tông sáng thủy, lời di chúc của cha mẹ khi sắp từ trần. Những việc được tuyên dương của các bậc tiên giác là trách nhiệm của tất cả hậu sinh. Cho nên trong pháp hội phát tâm cùng góp tịnh tài thành tâm viết, khắc cả ba kinh này.

Hồi hướng:

- Tổ sư Tháp Bảo Liên, Từ Tâm Mật Hạnh Viên Minh, pháp danh Phả Thiền, Tỷ khiêu Bồ tát.

- Tổ sư Tháp Bảo Nghiêm, Chính Trực Đôn Hòa Minh Trí, pháp danh Thông Giám, Tỷ khiêu Bồ tát.

- Tổ sư Tháp Bảo Sở, Tri Túc An lạc Nhẫn Tiến, pháp danh Tâm Khang, Tỷ khiêu Bồ tát.

Hiện tại tất cả hòa thượng, A xà lê, giới sư, giáo sư, Tỷ khiêu Bồ tát rộng cả bốn ơn ba cõi hậu hóa tiên vong, chúng con và chúng sinh nhờ thiện căn này đều cùng thành Phật đạo (đồng cư Hoa Tạng giới).

VIÊN MINH PHÁP HỘI

ĐẠO TRÀNG PHÁP SƯ THÍCH NGUYÊN UẨN XÂY DỰNG

Chùa này vốn thuộc hai dân Quang Lãng và Mai Xá, trước tên là Cổ Liêu, nay là xã Quang Lãng, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây.

Không biết chùa xây dựng từ thời đại nào, chỉ biết chùa cũ ở bãi sông Hồng, khi gần lở xuống sông năm 1900, hai dân đồng tâm tới chùa Tri Chỉ, xã Tri Chung cùng huyện mời Pháp sư Thích Nguyên Uẩn tới trụ trì.

Đến năm 1903, Pháp sư cùng hai dân dỡ chuyển chùa về trong đê, nơi địa chỉ đã được thần Long Mạch chỉ định và cắm hướng chùa. Khi xây dựng đã thành quy củ đủ làm nơi cho nhân dân tín ngưỡng lễ bái quy y, Pháp sư lại tập hợp tăng ni trong sơn môn pháp phái thành lập đạo tràng, lấy tên là Viên Minh Pháp Hội, giảng dạy tu học Phật pháp, xuất phát từ ý chỉ của Pháp sư nói với tăng ni trong đạo tràng.

Phù xuất gia giả, phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiệu long Phật chủng, trấn nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu, phi tướng tướng chi sở năng vi, cố tu:

Viên sự minh lý, viên lý minh tâm.

Viên tâm đạo đạt, minh đạo thành công.

Viên công lập đức, minh đức thành nhân.

Viên nhân thành Phật, thành Phật độ sinh.

Viên minh như thị, mục đích đạo tràng.

Tạm dịch:

Là người xuất gia tìm nơi cao siêu, tâm hình khác tục, nối thịnh dòng dõi Phật, dẹp tan lũ ma quân, báo đáp bốn ơn, cứu giúp ba cõi.

Vậy nên phải:

Tròn việc rõ lý, tròn lý rõ tâm.

Tròn tâm tới đạo, rõ đạo thành công.

Tròn công lập đức, sáng đức thành người.

Đạo người viên mãn, thành Phật độ sinh.

Viên minh như thế, nên lập đạo tràng.

Nhằm mục tiêu này, công phu tu hành của Pháp sư rất tinh cần với sự hoằng hóa Phật pháp.

Ngoài thời khóa tụng niệm, Pháp sư còn viết kinh sách, khắc ván in. Hiện nay ở đạo tràng Viên Minh còn tạng ván in các bộ kinh như: Kinh Bốn Mươi Hai Chương, Kinh Phật Di Giáo, Cảnh Sách chú thích hai văn của Tổ Quy Sơn, có phụ thêm âm nghĩa chữ khó, lý sâu từ xưa còn ước lược. Kinh Vô Lượng Nghĩa, Luận Khởi Tín, Lục Trúc Song, sáng tác văn điệp Bồ Đề, v.v.

Khi còn tu học ở Tổ đình Bồ Đề, Pháp sư cũng đã vâng mệnh tổ sư viết bộ Kinh Hoa Nghiêm 81 quyển và vẽ minh họa trang Thất Xứ Cửu Hội (bảy nơi chín hội), quang cảnh đạo tràng những nơi giảng đàn Đức Phật Thích Ca đã từng thuyết pháp, cũng khắc ván như các kinh Pháp Hoa hai tập bảy quyển, bộ Nhật Tụng hai tập, Luật Nghi phạm thụ giới ba quyển, viết giúp chốn Tổ Tế Xuyên bộ Quy Nguyên Trực Chỉ ba tập, v.v. để khắc ván, góp phần vào công việc hoằng pháp của các tổ đình ở Việt Nam. Thuở xưa khắc bản gỗ kinh sách Phật toàn bằng chữ Hán, nay nhờ vào những bộ kinh Hán văn mà phiên thành Việt văn cho việc tuyên dương Phật pháp được phổ cập dân gian.

Vì thấy được những sự việc hoằng hóa Phật pháp của Pháp sư đã làm nên một vị văn Tăng khi làm khoa cúng Pháp sư, đã viết

những câu:

Lục tự kinh doanh, tiền quy khả giám

Thất am sáng thủy, hậu tắc vô vong.

Thời nhi kết hạ san kinh

Thời nhi tiếp chúng tuyên giảng.

(Sáu chùa sang sửa rạng rõ pháp xưa, bảy chốn dựng xây đời sau vẫn nhớ. Khi thì kết hạ giảng kinh, khi thì viết văn khắc ván).

Pháp sư ngũ phẩm, bất thiểm ư nhị tam, Tăng huấn thập khoa, năng dự kỳ tứ ngũ (Pháp sư năm phẩm, dự tới hai ba. Tăng huân mười khoa, xứng danh năm sáu). **Tả kinh thập bộ, tham tường cổ đức Thanh quy, âm nghĩa tam kinh đón ngộ Như Lai diệu chỉ** (viết kinh mười bộ thành khuôn phép thầy xưa, âm nghĩa ba kinh, thấu suốt nhiệm màu ý Phật).

Bài khoa cúng này còn cho biết qua mấy nét về nơi xuất xứ của Người:

Pháp sư sinh năm Giáp Tý (1864), ở thôn Tri Chỉ, xã Tri Chung, hiện nay cùng huyện Phú Xuyên, gia đình công nghệ (thợ mộc) họ Nguyễn. Thuở nhỏ tên là Nguyễn Trí Nhu, xuất gia năm Bính Tý (1876), thầy nghiệp sư là Tổ An Lạc, vị tổ thứ ba Tổ đình Đa Bảo, thôn Vĩnh Ninh, xã Tri Thủy, hiện nay thuộc huyện Phú Xuyên.

Thầy giới sư đầu đàn là Tổ sư Thích Tâm Viên, chùa Vĩnh Nghiêm - Bắc Giang, thụ giới Tỷ khiêu năm Quý Mùi (1883), thụ giới Bồ tát năm Ất Dậu (1886), nhận chùa Viên Minh năm Canh Tý (1900), chuyển và xây lại chùa năm Nhâm Dần (1903), lập đạo tràng cùng thời. Tạ thế năm Giáp Dần (1915).

Việc pháp còn đương tiến triển, bệnh tình bỗng đã lâm thân, thuốc thang đã nhiều phương kế nhưng không thể cứu vãn được, Người đã vĩnh biệt dân gian về nơi tịch diệt khi mới 51 tuổi, 30 tuổi hạ tiếc thay!

Sau khi tang lễ Người xong, hàng pháp tử cũng như giới tử, các thành viên nhà nước trong đạo tràng đều phải đi ứng cơ những chùa khác mà Người đã trao phó.

Còn vị thừa kế nơi đạo tràng là vị Thích Quảng Tốn, thì bị tật bệnh, chỉ duy trì được về phần cảnh giới như: tu bổ, nâng cấp chùa

nhà, tạo sơn tôn tượng, thuê công chạm trổ cửa võng, nghi môn, v.v. về phần trang trí cũng khá huy hoàng.

Qua năm 1946 đến năm 1953, giặc Pháp rút khỏi miền Bắc để lại cảnh chùa cũng như thôn dân hoang tàn, phải hết sức khôi phục mới có được nơi tạm cư trú việc làm tín ngưỡng.

Đến năm 1961, Ngài Thích Quảng Tốn cũng từ trần. Từ đây chúng tôi lại càng thấy phận sự phải lo tu bổ, phục hồi cảnh giới đạo tràng. Vì lời di huấn của Tổ sư đã giúp cho sự tu hành của mình định được phương hướng nên càng phải cố gắng duy trì để tỏ lòng tri ân các bậc Tiên Giác.

Nay lịch sử đã sang trang nhưng di tích tín ngưỡng vẫn còn phải tiếp tục.

Sa môn Thích Phổ Tuệ

Phụ lục
Phật Tổ Tam Kinh

(Bản Hán: Đọc ngược lại từ phải qua trái)

PHẬT TỔ TAM KINH

(*Bản Hán: Đọc ngược lại từ phải qua trái*)

○佛祖三經綸貫說。　原夫○河東常信富川古遼光朗圓明藏板。

如來應世。不違權實二門。大事因緣。不離半滿二字。故我佛初成正覺。三七思惟。普被三根。雙垂兩相。于華嚴會上。說滿字而顯實門。報身接大乘根。于鹿野苑中。開權乘而說半字。化身接中下根。教分五味。乳酪生酥熟酥醍醐。機歷五時。華嚴阿含方等般若法花。然而乍說三乘。聲聞緣覺菩薩。終歸一實。唯一佛乘。于靈鷲山中。說法花而頒珍賜。說三周法。授三根記。于泥連河畔。說遺教而錫殊恩。略說法要三唱丁寧。要之。權實雙彰。究竟曾無二智。根本實智。半滿俱說。本來唯是一心。圓滿妙心。實外無權。半邊非滿。則此三經。與

華嚴法花涅槃相表裏不可忽按四十二章經始自辭親終乎了法所謂成就慧身不由他悟華嚴也遺教經始自持戒終乎一心所謂開示悟入佛知見法花也潙山警策前半了妄後半顯眞所謂離八倒常樂我淨執無常無常執常無常執樂無我無淨執永復如是而成四德常樂我淨涅槃四德也故雲棲祖師謂此經言不專近有遠者有言近而旨遠者人自不察耳竹窗眞至言哉丙午夏同衣請益每以章目爲艱多釋卷而嘆會友源鸞源美勸曰遂師所註言簡義周指點當代之明經則易引導今時之昧目者難古云諸庄旱澇我總無憂只憂

禪家無目。（實訓）今既有緣於法。何不一試心官。（孟子。心官則思。）儻若成章。果當後達。（孟子。盈科後進。成章後達。）蘊退而思之曰。經之有章。猶人之有目。經之義理著乎章。歸乎宗趣。猶人之志氣現于目。發于性情。故云。聽其言。觀其眸子。人焉廋哉。（音搜。隱也。論語。）然知人之難。聖人猶病。（憂也。）依經解義。三世佛怨。則竟如之何。而可。夫人目有正觀反觀。經文有正說反說。心會神解。得意忘言。存乎其人而已。由是依乎天理。而遊刃于技經。肯綮之未嘗。（莊子。）知者罪者。（春秋。）弗能辭矣。今遵佛說四十二章綱目總敘。

辭親（事理雙辭。）出家（身心俱出。）

剃髮 愛欲兼除。
息意 身口都息。
悔過 罪性本空。
無嗔 爲惡日損。
行慈 作德日新。
重賢 見賢思齊。
奉道 反求諸己。
法施 智火相傳。
財施 福田平等。
無畏 自他兼施。
會道 今古一如。
行道 修證雙忘。
明道 對揚有準。
見道 水澄月現。
見諦 暗滅明存。
無念 得旨歸根。
見性 本來是佛。
無我 蘊空眞我。
離名 世諦假名。
離利 利爲害本。
離繫 妻子繩家。
了色 無男女想。
了欲 離心境魔。
降魔 顯正摧邪。
無住 守中得道。
淨意 不見可欲。
淨語 清淨音聞。
淨身 如空如火。
忘機 非色非行。
離怖 五蘊皆空。
精進 四魔克殄。
安樂 調心進道。
淨行 久鍊成剛。
發心 先後俱難。
見佛 色聲非見。
知道 人命無常。
順教 佛言可信。
體道 知心體合。
直心 達本情忘。
了法 法界緣起。

佛說四十二章經。

章目攝頌。○古有僧圓衍頌。今書贅附章目于前。以便見聞作合。

序分流通章
- 法輪初轉度羣生
- 復有比丘疑請問

鹿苑先聞四諦明。流傳四十二章經。

辭親第一章
- 出家學道名沙門
- 常行諸戒四眞道
- 羅漢飛行變化異
- 次有三果漸進修

貴在識心而達本。進止清淨成羅漢。住壽命兮動天地。如四肢斷愛欲離。

出家第二章
- 沙門識心達佛理
- 無得無求皆不著

斷欲去愛出塵勞。不歷諸位自崇高。

剃髮第三章
- 沙門削髮貴知足
- 愛欲陷人愚蔽深

日中一食樹一宿。自今勿復相隨逐。

息意第四章
- 身口意業十善惡
- 歸信三尊求至道

善業升起惡淪落。諸善奉行惡莫作。

悔過第五章
- 人有眾過不自悔
- 有惡懺誠從善勇

罪歸身如水歸海。罪滅福生道所載。

無嗔第六行慈第七章
- 人來相毀我慈護
- 福德之氣常在斯

當憫癡冥勿嗔怒。慈善無傷惡自蠹。

重賢第八章
- 惡害賢如仰天唾
- 逆風坌人塵返身

唾不汙天還自墮。賢非可侵自求禍。

奉道第九 法施第十 章

博愛廣憐施濟先　守志奉道福綿綿。
見人行施助歡喜　炬火相傳福亦然。

財施十一 章

供凡供聖多優劣　飯佛其福不可量。
事神不若事親孝　須知父母福田強
俗人不達佛深理　聞佛稱孝生議議
豈知出世報恩弘　世間之孝未爲比。

二句 累頌 以下六句 廣頌 經文 後一句 旨

無畏施十二 章

難行難學并難遇　志劣情疑轉見難
慕道堅專難亦易　直前邁往出牢關。

會道十三 章

道不徒知貴在行　鏡磨垢去自然明
斷欲守空道眞契　以此能知宿命靈。

行道十四 明道十五 章

行道最善合道大　忍辱之行最尊強。
心垢淨除惡緣滅　照去來兮動十方。

見道十六 章

眾生三毒內湧沸　五蓋於外自覆蔽
惡心垢盡宿命通　諸佛國土同親詣。

見諦十七 章

一炬能除冥室暗　一智能開宿習愚
學道見諦從方便　超凡入聖盡由渠。

無念十八 章

念道行道言亦道　道不離於須臾閒
綿綿密密常如是　入山獲寶不虛還。

見性十九 章

大地山河皆是幻　盛衰種種屬無常
無常勘破眞常現　不囿輪迴界內藏

廣須悟修之旨必明信入之元

一日念道更加行　信根得入福非輕
善法信根能長養　因種當來妙果成。

無我二十章
身中四大徒有名　地水火風誰爲我
幻身暫寄本非堅　眞我永劫無鈎鎖。

離名二十一章
博得流俗譽名標　卻似諸香祇自燒
眾雖聞香香體滅　後時之悔自相招。

離利二十二章
色財二事不堪貪　譬如蜜在刃鋒閒
恣食甜時防截舌　少欲知足心自閑。

離繫二十三章
妻子寶宅相牽纏　如處牢中桎梏連
造業自甘投虎口　在家行道火中蓮。

了色二十四章
愛欲耽色自羈縻　生死輪迴不了期
諸天從此遭淪墮　須知姪境大荒迷。

了欲二十五章
貪怒姪癡毒熾熱　執炬逆風燒手烈
善自消融護道心　福德來兮災焰滅。

降魔二十六章
色乃皮囊盛眾穢　世人被惑生迷醉
六通之人不動搖　色相於心無所住。

無住二十七章
如木在水順流行　不觸不阻自入海
情欲渾忘邪見消　進道漸名觀自在。

淨意二十八
淨語二十九
淨身三十章
不隨意識逐境流　不見可欲心不亂
敕心正行自修持　初學遠色如避怨。

忘機章　三十一

愚者除欲自斷陰，心不生時緣自息。
智人除欲斷其心，若淨明珠梵行深。

廣頌愛欲乃怖畏之因

俗人愛色戀妻子，在家生育困無慾。
聞說斷欲苦疑畏，清淨梵行眞出世。

離怖章　三十二

愛欲生憂憂生畏，無愛無憂畏亦泯。
一波纔動衆波隨，浪息清平自湛如。

精進章　三十三

為道堅心精進宜，欲滅惡消成道果。
誰聽在言俗語移，猶如戰勝凱旋時。

安樂章　三十四

學道亦如鼓瑟琴，不寬不急聲諧雅。
急絃將絕緩聲沉，學在調和善適心。

淨行章　三十五

學道以漸淨心垢，慎勿暴進使身疲。
猶如鍛鐵成良器，意惱行退成罪戾。

廣頌發菩提心之緣

誰言勤行苦難任，生老病死苦茫險。
可念人生衆苦侵，求超彼岸免漂沉。

發心章　三十六

既得男身具六根，生善人家聞正法。
處於中土值明君，深信三尊見佛因。

見佛章　三十七

二章互明

要知人命在呼吸，生死事大求出離。
百歲無常亦迅急，莫待來生悔無及。

知道章　三十八

身遠於佛心念敎，身雖近佛意在邪。
此人求道終得力，敎不遵行竟何益。

佛說四十二章經。章目。攝頌。終。○附書體小白。

雲棲祖師云。四十二章經。乃聖教東流。入震旦之始。言近旨遠。人自不察耳。又遺敎經。乃如來入滅最後之要語。詞切意深。所謂遺囑也。子孫昧宗祖創始之來源。是忘本也。予孫背父母臨沒之遺囑是不孝也。僧胡弗思。又云。瀉山鬱策。深切著明。爲僧宜朝夕玩省。毋使遺忘。古稱三經。良有以也。然日誦而知因者寡。故遂師又略而註。圓僧又攝而頌。言簡義該。詞純理正。後賢隨而題頭註腳。居士。隨而序跋贊揚。喻如夕陽長庚。曉夜啟明。無非闡佛祖之智光。作將來之寶鑑也。我國古本。雷報國寺。

華林和尚。證刊。寶蓮祖師。主刻。未果。顧命于上足多寶寺寶鼎祖師。續成善本。但念。大書直書。新學那分章註。上指下指。諸師難以發蒙。蘊素有心。而機未熟。邇來。書刊竹窻甫率。同志語及三經。勸重書刻。自念移樑易棟。在古已難。膠柱鼓琴。于今不便。由是。進退維谷。參酌古今。定其書體小白云。

一。三經皆以遂師所註爲正義。前二經以圓僧所頌爲串花。後警策一經。已具散花串花之說。故不贅。

一。此三經。大洪山淨嚴禪師亦有註釋。原本。未見。前人剽取二序。附會于此。以備觀覽。讀者須知。

一。三經前後。以遂師二題爲本註序跋。大唐敕旨。洪山二序。爲流通序跋。盱江。吳郡。二說爲贊揚序跋。

一。三經編次。前二。佛說。後一。祖撰。以竝垂不朽。合名佛祖三經。今仍其舊。至如序跋。亦隨宜措置稍異。

一。三經正文皆頂格大書。中間註文兩腳小書。盡章。則正文別起行。註文低一字。盡註。則音義接入。

一。前二經古有頌。讀者每欲配之。故首頌。標章以配。然章取其要。頌略其廣。儻有未平。望垂就正。

一。前後中間序跋亦大書之。但低一字。唯歐陽一題。文雖佳。念其遊戲法門。或至妄生錯解。故敬遠之。

佛祖三經序。○盱江雲水沙彌釋在在撰。

三經之著省身之本。佛祖之念傳道之要。欲人具衆理。而應萬事也。蓋欲明明德。在乎修身。致知格物。乃能誠誨始終存誠。

佛祖肝腸可鑒。故千百歲之後人而誦之。而我

潙山圓禪師。復增益聖教。所謂誠則明。明則誠矣。而誠誨警策。立而遺之。莫使後學之錯出也。其

先佛之用心者。果何如哉。其後佛之誦習者。又何如哉。所謂正心修身者也。苟於其心不正而欲入德者。吾未之聞也。然此三經。日誦者衆。而知因者寡。

抑以爲淺易而弗之也。余誨諸子曰。淡中有味。可以日進德在其中矣。諸子曰諾。然而易諾之辭蓋在山門之外。欲到彼岸。於心其在止至善耳。一善易修也。善善難得也。其所以謂善善者。具衆理應萬事。其斯之謂善善也。余今舉其善者而言之。能善是故曰善善。

經云。善哉善哉。其義至矣。其心誠矣。曰善哉善哉。

原此二經之行。尙矣。我國。前有寶蓮祖師。重刊於平望村之報國寺。未果而願命。弟子寶鼎祖師。應命于富川之多寶寺。繼燈續成。善本仍酬報國以報恩。洎我　本師。繼燈多寶。重刻律儀。意欲刪補三經。合一準次。而未果。蘊昔曾聞。勿而弗問。迄今丙午夏。感應道交。因緣時至。書刊今本。俟就正焉。

佛言。夫爲道者。如被乾草。火來須避。道人見欲。必當遠之。情染如乾茅。欲火當遠離。

音義 淨身章三十 草。喻身。乾。喻染情。欲。喻火。如有火聚。五物在傍。一如乾草。纔觸卽燒。二如枯木。噓之則燃。其三如鑊。燒之可鎔。其四如水。逼之可涸。其五如空。則任其燔灼。體恒自如。前一。凡夫。次三。修證因位。後一。諸佛如來。故知身爲道器。器破則道無能爲矣。

佛言。有人患婬不止。欲自除陰。佛謂之曰。若斷其陰。不如斷心。顛倒由心。徒傷身體。心。如功曹。功曹若止。從者都息。兵隨卬轉。將逐符行。邪心不止。斷陰何益。佛爲說偈。欲生於汝意。意以思想生。二心各寂靜。非色亦非行。彼己心寂。妄想不生。五蘊本空。欲情何起。佛言。此偈是迦葉佛說。引先佛偈。以爲明證。

音義 忠機章三十一 身。如弩。心。如機。機。若不行。箭。何能發。如烏芻。化多婬心。成智慧火。陳子。以

未徹在。此理灼然。要知從聞思修。入伽陀定。究竟窮盡方證無餘涅槃。茲事體大。達磨六祖以楞伽壇經。羽翼禪宗。後之悟道者不止爲乾慧爾。大洪山淨嚴禪師。與釋迦（古贊仰山。爲小釋迦。）同參抉起宗教。其學道也審實。其見道也端的。其戒行也孤峻。其接人也慈悲。在兵劫中。草舍木食。與其徒說四十二章經。佛遺教經。溈山警策爲之註解。該貫大藏經律論。諸佛因地悟道法門。修行護道救物濟世。隨經文句。爲佛子宣說。其事簡而當。其語要而密。直指人心。卽心是佛。豈與入海算沙者同日而語哉。

是眞達磨。六祖。之用心也。」余授此妙義。十年在手。磨鈍洗垢。所得多矣。草菴史道人。以書到淮西道院。謂註三經印文舛繆。音謬錯也。道人張惠和。募緣鳩工。別刊善本。合爲一帙。以便閱覽。而徵求也余序。乃某也彼也事。道人史宗規。久侍禪室。知所趣入。欲廣流布。開人天眼目。余讚歎之不及也。是經也。考之佛語。而不惑。質之天地。而無疑。當永其傳。爲學者悟道修行宗旨。續佛慧命。經萬劫而不絕矣。謹序。

○四十二章經。原註序。原在後經。今書前序。更加目題。意表古今。正助。主伴云云。

此經。佛教西來。最初譯出。開導未悟。頗爲要切。嗟

夫歲歷深遠傳寫舛誤故經本隨處不同仍擅加
鄙詞致文理差互看誦持之士懷疑莫決政和閒
予自武林得照法華校正古本詞純義直聖意顯
然可傳誦習靖康初秋應緣來此繼值兵火像設
一空即之古基勉力草創雲徒叅叩之眾新學每
以斯經請益予自顧淺陋然恐墮法慳因徇初機
略爲釋說言雖闕典義亦可據如有不逮俟來哲
焉夢澤草菴史德賢道人求註刊印庶廣流通
建炎己酉夏安居五月二十一日
天中節鄜郊鳳山蘭若嗣祖沙門守遂題

佛說四十二章經。

後漢。迦葉摩騰。竺法蘭。同譯

鄔郊。鳳山。蘭若嗣祖沙門守遂註。

世尊成道已。作是思惟。離欲寂靜。是最爲勝。住大禪定。降諸魔道。於鹿野苑中。轉四諦法輪。度憍陳如等五人。而證道果。法身本無出沒。悲願示現受生。入相道成。佛寶也。思惟方便。離欲爲戒。生定發慧。降魔顯正。轉法度人。法寶也。四諦。爲苦集滅道。眞。俗。兩重因果。隨根修證。大小有異。憍陳如五人。佛初出家。雪山修道。淨飯王。命家族三人。一。阿濕婆。二。跋提。三。摩訶男。氏。二人。一。憍陳如。二。十力迦葉。五人隨衛。後各捨往鹿苑。共修異道。世尊始成正覺。先爲三轉法輪。五人皆獲果證。僧寶之始也。

章義 序分。結集時所置。常途六種。則世尊是主。鹿苑是處。五人是眾。略信聞及時。

【入稱道成】兜率降神。入胎。住胎。出胎。出家。成道。說法。入涅槃。【兩重因果】苦爲果。集爲因。是世間因果。滅爲果。道爲因。是出世因果。出世。爲眞。世間。爲俗。【三轉法輪】初。示法。此是苦。是苦集因。是苦滅。是苦滅道。二。自證。此是苦。我已知。集。我已斷。滅。我已證。道。我已修。三。勸他。此是苦。汝應知。集。汝應斷。滅。汝應證。道。汝應修。三轉。十二行。皆依四諦。有生滅。無生。無作。無量。四教修證差降。【鹿苑】古仙養鹿之苑。

復有比丘所說諸疑。求佛進止。世尊教敕。一一開悟。合掌敬喏。而順尊敕。

比丘。宋言。或名持淨戒。或名破煩惱。或名淨乞食。或名能怖魔。天竺一名。該此四義。故譯者存義名焉。懷疑請教。應病授方。信悟獲安。敬順流布。昔世尊入滅。經於千載。後漢永平年中。明帝因夢金像。乃知佛教將被東夏。遣蔡愔使西國。遇摩騰。竺法。二梵僧。白馬。馱貝葉梵文。屆止洛都。譯梵成漢。首出此經。被機啟訓。最爲精要。文約義備。序分。流通。見于上章。下四十二章。明捨惡趣善。除惑斷障。超凡入聖之深旨也。

【音義】【流通章】常途結於經後。今置此

有二意。一。佛初成道。隱勝現劣。說半字法門。循循善誘。如慈父之教幼子。明師之訓蒙徒。非一時所說故。二。經初譯出。東夏經書。喜斷章取義。易于見聞。諸羅漢亦隨機應化。譯置于此。不滯常途故也。

喏爾者切。音惹。應聲也。愔於禽切。音音。聲安和貌。馱音陀。馬負物也。屆居隘切。音戒。至也。

佛言。辭親出家。識心達本。解無爲法。名曰沙門。常行二百五十戒。進止清淨。爲四眞道行。成阿羅漢。阿羅漢者。能飛行變化。曠劫壽命。住動天地。次爲阿那含。阿那含者。壽終靈神。上十九天。證阿羅漢。次爲斯陀含。斯陀含者。一上一還。卽得阿羅漢。次爲須陀洹。須陀洹者。七死七生。便證阿羅漢。愛欲斷者。如四肢斷。不復用之。沙門。宋言義訓勤行。勤行趣涅槃也。三界輪轉。愛欲爲因。割愛辭親。身出家也。識心

達本心出家也。出家有三。一辭親出世俗家。二悟道出五蘊家。三證果出三界家。大比丘二百五十戒。以殺盜婬妄四法爲根本。其餘枝末並依此四法而生。若犯根本枝末難生。則無由證果。若一一堅持不犯。隨見修所斷煩惱。階漸不同。故所證隨異。初果須陀洹。宋云預流。二果斯陀含。宋云一來。謂一來天上。一來人間。便證涅槃。三果阿那含。宋云不來。四果阿羅漢。宋云不生。煩惱斷盡。已證生空。如四肢斷。即無爲果也。

音義

辭親章第一 沙門。羅漢因果之名。辭親斷愛。因果之實。知因識果。方能割愛辭親。

十九天 過六欲天。初禪三天。二禪三天。三禪三天。四禪前四天。上至後五淨居天。是三果所居。名五那含天。

見修 謂知苦。慕滅。斷集。修道。

[illegible] 謂界內見思二惑。各有九品之煩惱障。

佛言。出家沙門者。斷欲去愛。識自心源。達佛深理。悟無爲法。達本情忘。知心體合。內無所得。外無所求。心不繫道。亦不結業。外絕攀諸緣。內非守空寂。無念無作。非修非證。一相一行。無證無得。

不歷諸位。而自崇最。名之爲道。靈機絕朕。階級那收。

音義 出家章第二 出家有三。出世俗之家易。出五蘊。三界之家難。例前辭親亦有二。辭生身之父母易。辭無明。貪愛之父母難。前辭親。出有情愛。今出家。出情無情。朕呈稔切。音皖。我也。兆端也。

佛言。剃除鬚髮。而爲沙門。受道法者。去世資財。乞求取足。鬚髮除。而息愛。資財去。而捨貪。日中一食。樹下一宿。愼勿再矣。頭陀上行。無戀著也。使人愚蔽者。愛與欲也。暗蔽愚癡。愛欲所致。

音義 剃髮章第三 髮有二義。鬚髮。是身頭之髮。愛欲。是心頭之髮。剃前之髮易。除後之髮難。前辭親。出家。是去身外之愛欲。今剃除鬚髮。是去身上之愛欲。蓋身者。衆生之最愛。愛身。則身上之物亦愛。故世有拔毛利不爲。又鬚髮。是頭面之美觀。則愛上加愛。故世有迷頭而狂走。今既除身上之最愛。則身亦漸忘。何況頭面。故云。身非我有。何況其頭。又能捨頭面之美觀。則頭亦非我。何況鬚髮。

故云。苟有利。吾無愛於髮膚。髮膚既不愛。況世資財。卽日中一食。樹下一宿。亦多事矣。況愛欲乎。

佛言。眾生以十事爲善。亦以十事爲惡。何等爲十。身三。口四。意三。身三者。殺。盜。婬。口四者。兩舌。惡口。妄言。綺語。意三者。嫉。恚。癡。如是十事。不順聖道。名十惡行。是惡若止。名十善行耳。善惡性空。猶如反掌。止惡行善。是順聖道。自性本無殺。持不殺戒。乃至自性本無貪瞋癡。持不貪等戒。八萬四千煩惱。變爲波羅蜜門。隨機差降。分上中下品。具載大經。

音義 息意章第四 身口之惡。皆由意生。嫉者。貪而嗔。恚者。嗔而貪。癡者。愚而貪嗔。三毒互含。藏于意。發于身口。殺。由貪食。盜。由貪財。婬。由貪色。亦有嗔殺。愚癡殺等。身三既爾。口四亦然。身口七支。根于意地。故永嘉云。損法財。滅功德。莫不由斯心意識。若意識不生。順性而行。名善行耳。

佛言。人有眾過。而不自悔。頓息其心。罪來赴身。如水

歸海。漸成深廣。罪始濫觴。禍終沒頂。惡心不息。業海轉深。若人有過。自解知非。改惡行善。罪自消滅。改過自新。罪隨心滅。後會得明道也。如病得汗。漸有痊損耳。病得汗。則身安。人改過。則心淨。

【音義】【傳燈章第五】過惡。有三。謂已作。今作。當作。念念相續。無有窮已。故云深廣。若一念悔心。前後際斷。現亦不行。三世罪根。泯然無寄。故云。頓息其心。罪自消滅。傳大士言。罪性本空。唯心造。心若滅時。罪亦亡。罪亡。心滅。兩俱空。是則名爲眞懺悔。旨哉。言乎。

觴 式陽切。音商。酒卮也。濫觴。言水出之微小。

痊 且緣切。音詮。病瘳也。除也。

佛言。惡人聞善。故來撓亂者。汝自禁息。當無嗔責。彼來惡者。而自惡之。彼已齊致。彼撓何嗔。怨親等觀。魔自退衄。

【音義】【無嗔章第六】善。與惡對。故來撓亂。我無嗔責。則爲善如登。從惡如崩。

衄 女六切。挫敗也。

佛言。有人聞吾守道。行大仁慈。故致罵佛。佛默不對。

罵止。問曰。子以禮從人。其人不納。禮歸子乎。對曰。歸矣。佛言。今子罵我。我今不納。子自持禍。歸子身矣。慈善根力。假引喻罵佛自禍。其理昭然。猶響應聲。影之隨形。終無免離。愼勿爲惡。身。口。由心。影。響。難捨。

音義 行慈章第七 慈。與嗔對。故行慈。致罵。今不唯不嗔。反能因事轉物。眞慈悲無量。憐憫有情。唯佛與佛。乃能如是。前無嗔。不爲物轉。今行慈。反能轉物。漸入佳境。

佛言。惡人害賢者。猶仰天而唾。唾不至天。還從己墮。逆風颺塵。塵不至彼。還坌己身。賢不可毀。禍必滅己。害賢招報。如唾天。颺塵。反自汙坌。昔歌利害佛。佛不嗔恨。而成正覺。歌利罪畢。遇佛得記。

音義 重賢章第八 見賢思齊。見不賢而內自省。颺音揚。風所飛也。坌蒲悶切。音荃。塵聚也。

佛言。博聞。愛道。道必難會。世智辯聰。博聞強記。增長我慢。去道遠矣。守志

奉道其道甚大。堅士心體道。量包法界。音義 奉道章第十九 人奉道在己。於人故求名於難。在己故易。難則彌求。彌遠易則益守。益堅內而自練。無明外而利益於世。守志奉道其利溥哉。

佛言。睹人施道助之歡喜。得福甚大。施爲萬行之首。助喜尙爾。況施福乎。沙門問曰。此福盡乎。佛言。譬如一炬之火。數千百人各以炬來分取熟食。除冥。此炬如故。福亦如之。火逢炬而火事無窮。福隨心而福報無盡。音義 法施章第二十 施道有三。財。法。無畏。今明法施。如火。譬般若正智。食。喻三乘法味。冥。喻無始無明。一炬。喻施道之人。多炬。喻助喜之眾。如人以正智火。熟三乘味。除無明暗。成就多人。多人傳之。化化不絕。法施無窮。故施福無量。而助喜之福無盡。故曰如之。

佛言。飯惡人百。不如飯一善人。飯善人千。不如飯一持五戒者。飯五戒者萬。不如飯一須陀洹。飯百萬須

陀洹。不如飯一斯陀含。飯千萬斯陀含。不如飯一阿那含。飯一億阿那含。不如飯一阿羅漢。飯十億阿羅漢。不如飯一辟支佛。飯百億辟支佛。不如飯一三世諸佛。飯千億三世諸佛。不如飯一無念無住無修無證之者。上以擇田投種。優劣倍增。住相求報。還滋愛本。以生心動念。即乖法體。今既無住無修無證。則取捨情忘。三輪空寂。亦如維摩二云。若施主等心施一最下乞人。猶如如來福田之相。無所分別。等於大悲。不求果報。是則名爲具足法施。即斯義也。

音義 財施 章十一 此明財施多種。飲食居先。聖凡同居所依也。財如水。施心如濕性。施境如器。觀器。則沼非江。江非河。海歷九不如。方至觀濕性。則沼豈異江。河豈異海。是故水曷於器。天地懸殊。濕性常存。江海一味。故云。是則名爲具足法施。

佛言。人有二十難。貧窮布施難。豪貴學道難。棄命必

死難。得睹佛經難。生值佛世難。忍色忍欲難。見好不求難。被辱不嗔難。有勢不臨難。觸事無心難。廣學博究難。除滅我慢難。不輕未學難。心行平等難。不說是非難。會善知識難。見性學道難。隨化度人難。睹境不動難。善解方便難。難事眾多。略開如上。順己情爲易。逆己意爲難。若順理而逆情。縱棄命而可作。若順情而背理。雖見好而不求。有勢不臨。心行平等。好廣學而謙下。見未學而不輕。貧窮而隨力行檀。豪貴而回光學道。知色欲之過患。悟是非之顛邪。更能觸境無心。善解方便。常會善友。隨化度人。處處常值佛興。念念轉大千經卷。運用成菩薩大行。施爲入無量妙門。正眼常明。諸塵莫惑。豈封滯於難易情執哉。

音義 無畏章十二 無畏。有二義。一。自無畏。凡人遇一難事。心或退畏。何況多。今貧窮布施。至善解方便。世出世間之難事略盡。而於五濁惡世。行此難事。非勇猛大丈夫

而何。故古德云。出家是大丈夫事。非相將所能爲。語云。君子多難成其志。無難喪其身。」二。令他無畏者。自既無畏。乃能善解方便。隨化度人。亦令他無畏。是名菩薩以無畏施衆生。衆生號爲施無畏者。

沙門問佛。以何因緣。得知宿命。會其至道。佛言。淨心守志。可會至道。譬如磨鏡。垢去明存。斷欲無求。當得宿命。心淨無欲。眞智顯露。曠劫之事。一念皆知。

音義 會道章十三 鏡。譬眞心。垢。喻愛欲。明。喻宿命。愛欲垢除。心鏡明淨。明卽影現。三際之事。不慮而知。名得宿命。故云。得道必有通。得通未必有道。

沙門問佛。何者爲善。何者最大。佛言。行道守眞者善。志與道合者大。行道守眞。萬行無取。志與道合。修證雙忘。

音義 行道章十四 道不徒知貴在行。躬行到處知其妙。妙道躬行與志合。不自大兮而不小。

沙門問佛。何者多力。何者最明。佛言。忍辱多力。不懷

惡故。兼加安健。忍者無惡必爲人尊。能行忍者。乃可名爲有力大人。持戒苦行。所不能及。忍有四種。謂安受苦忍。耐怨害忍。諦察法忍。無生法忍。今言忍辱。耐怨害也。理亦通四。思之可見。心垢滅盡。淨無瑕穢。是爲最明。未有天地。逮于今日。十方所有。無有不見。無有不知。無有不聞。得一切智。可謂明矣。心垢淨盡。獨曜無私。具一切智。對揚有準。

音義 【淨道章十五】戒經云。忍辱第一道。明此第一之道。滅盡心垢。一念萬年。萬年一念。本來眞。

佛言。人懷愛欲。不見道者。譬如澄水。致手攪之。衆人共臨。無有睹其影者。人以愛欲交錯心中濁興。故不見道。汝等沙門。當捨愛欲。愛欲垢盡。道可見矣。心水濁而影像昏。欲垢盡。道可見矣。

音義 【見道章十六】澄水。喻眞心。手攪。喻愛欲。無有睹其影。喻不見道。

佛言。夫見道者。譬如持炬入冥室中。其冥卽滅。而明獨存。學道見諦。無明卽滅。而明常存矣。妄覺無明既滅。本覺性明常存。

音義 見諦章十七 諦與道。大同小異。諦。是當理。道。是通途。明諦理。暢衆機。方合菩提妙道。

佛言。吾法。念無念念。行無行行。言無言言。修無修修。會者近爾。迷者遠乎。念。卽無念。行。卽無行。言。卽無言。修。卽無修。歸根得旨。唯證乃知。言語道斷。非物所拘。言思路絕。分別意窮。差之毫釐。失之須臾。第一義諦。擬議卽墮。

音義 無念章十八 古有偈云。君今欲得速成佛。無念之功不較多。是也。

佛言。觀天地。念非常。觀世界。念非常。有爲之法。畢歸磨滅。觀靈覺。卽菩提。靈知寂照。本來是佛。如是知識。得道疾矣。悟無常之法。識靈覺之性。一念相應。前後際斷。照體獨立。物我皆如。

音義 見性章十九 直指人心見性成佛之謂也。

佛言。當念身中四大。各自有名。都無我者。堅者。名地。潤者。名水。煖者。名火。動者。名風。推窮四大。其性各異。誰爲我者。我既都無。其如幻耳。知身無我。起滅如幻。以如幻智。入如幻法門。音義（無我章十二十）經云。六根。四大。中外合成。妄起妄名耳。

佛言。人隨情欲。求於聲名。聲名顯著。身已故矣。貪世常名。而不學道。枉功勞形。世名浮利。唐勞其功。人不學道。虛生浪死。譬如燒香。雖人聞香。香之燼矣。危身之火。而在其後。貪求聲名。非徒無益。迷眞逐妄。抑致身之後禍。良可悲夫。音義（名利章十二十一）名可名。非常名。斯之謂歟。

佛言。財色於人。人之不捨。譬如刀刃有蜜。不足一餐之美。小兒舐之。則有割舌之患。味著財色。如舐利刃之蜜。貪少滋味。自招長劫之痛苦也。音義（名利章十二十二）財爲色媒。故言財必兼色。財爲利用。能斷義而長貪。故喻

利刃。小兒。喻愚人。舐蜜。喻貪利。割舌。喻墮惡道。燼徐刃切音盡。火餘也。舐神旨切音士。舌取物。

佛言。人繫於妻子。舍宅。甚於牢獄。牢獄有散釋之期。妻子無遠離之念。情愛於色。豈憚驅驅。雖有虎口之患。心存甘伏。堂堂丈夫。情色驅役。殞身殞命。迷不爲苦。投泥自溺。故曰凡夫。透得此門。出塵羅漢。知非離欲。卽凡夫而非凡夫。居塵不染塵。乃出塵阿羅漢。

音義 繫者。如夜多不卽出家。扇母不能再適。清濁雖殊。其繫一也。子既如是。餘可知矣。牢獄。喻三界。虎口。喻生老病死。泥。喻色欲。此門。謂愛欲之門。經云。唯有一門。而復狹小。是也。

佛言。愛欲莫甚於女色。色之爲欲。其大無外。愛欲過患。義類多種。障道長惡。莫甚女色。賴有一矣。若使二同。普天之人。無能爲道者矣。滋生死。障涅槃。唯色欲一端耳。楞嚴亦云。婬心不除。塵不可出。

音義 了色章二十四 色能引欲莫甚女色。楞嚴云。汝愛我心。我憐汝色。是故世間。因心愛相續。世呼可憎皃。雖是愛極之辭。然亦反言以諷耳。蓋色欲一門。最難透脫。貴有無所施其勇。良平無所用其智。離塵女公輸無所著其明。巧雖敎不淨觀。正彼對治。然眾生心粗。只見其淨。竟如之何。佛言。欲生於汝意。意以思想生。諦思心。此想復從何生。思心之又重思之。譬如老鼠入牛角。必當有倒斃處。

佛言。愛欲之人。猶如執炬逆風而行。必有燒手之患。

逆境界之風。執無明之炬。豈免自燒者也。

音義 了欲章二十五 欲心如炬。欲境如風。燒喻墮落。色。是境。魔。欲。是心魔。心魔既除。境魔難惑。內魔既寂。外魔自空。所謂二心各寂。靜非色亦非行者也。

天神獻玉女於佛。欲壞佛意。佛初成道。天魔波旬。以三女嬈亂耳。

佛言。革囊衆穢。爾來何爲。去。吾不用。人見女色。妄起淨想。故生染著。不知原是不淨。薄皮包裹。天神逾敬。因問道意。佛爲解說。即得須

陀洹果。魔不得便。回邪歸正。問道開悟。即證小乘初果。

音義

[illegible]出魔章二十六

主人先迷。客得其便。主既常住。客豈奈何。回邪歸正。亦如摩登伽女先惑阿難。聞佛說法。婬心頓歇。證阿羅漢事同。

佛言。夫為道者。猶木在水。尋流而行。不觸兩岸。不為人取。不為鬼神所遮。不為洄流所住。亦不腐敗。吾保此木。決定入海。不觸生死涅槃兩岸。不為人天有漏善業所取。不為邪見鬼神所遮。不為三界洄洑所住。亦不腐敗於二乘滅定。決入薩婆若海。學道之人。不為情欲所惑。不為眾邪所嬈。精進無為。吾保此人。必得道矣。情欲不能惑。眾邪不能嬈。精進無為。道遠乎哉。

音義

無住章二十七

木喻行人。尋流喻修行次第。海喻菩提智果。楞嚴經云。不作聖心。名善境界。金剛經云。應無所住。而生其心。蓋住即生魔。無住則魔無所入。如六祖晏坐。魔現無頭腹手足等。祖云。汝之伎倆有盡。我之不採無窮。不採無住之異名也。

二乘滅定羅漢入滅盡定不受後有證偏空理厭於淨佛國土成就衆生佛呵爲魁芽敗種者是也

佛言愼勿信汝意汝意不可信愼勿與色會色會卽禍生意馬難調戒爲轡勒色欲染習敗道喪身得阿羅漢已乃可信汝意

意根滅盡證阿羅漢也昔西國有道人山中修行得五神通一日因雨泥摧倒逕以呪力令十二年不雨國王知是道人呪力乃生憂戚下詔云若有人降得此人者賞金千斤有一婬女來白王言我當能降王聽往彼禮拜道人摩觸身體因起染心便失神通雨澤滂流女人騎道人頸來見國王王乃嘉賞故知敗道喪志禍由女色可不愼歟可不愼歟

音義 淨意章二十八

經云若人欲得見佛性當淨其意如虛空故知一念嗔心意根未淨惑彼婬女喪失神通名爲道人貽笑千古所謂得通未必得道也如優婆掘尊者林中坐禪魔女以華鬘加頸尊者出定知魔所爲卽以神力變三死屍作花鬘贈之魔著頸已變還死屍臭不能解魔怖懺悔誓不燒亂云云所謂得道者必有通也

問國王威勢。天帝威神。皆不能降。女人實無威神。而能騎頸。何也。答。有二義。一者。神通不能敵業。蓋衆生有此同分之報。感彼道人意業之嗔。喻如餓鬼之鄉。佛尚不能卽滅。況二王乎。二者。慈善能轉嗔行。按經云。一念嗔心起。百萬障門開。彼以一個之嗔。令十二年不雨。害物傷慈。今承上帝好生。人王愛國。衆生業謝。道士禍來。感菩薩現女人身而爲說法。以慈悲水。洒嗔恚火。潤於人花。故能如是。

佛言。愼勿視女色。亦莫共言語。若與語者。正心思念。我爲沙門。處於濁世。當如蓮花。不爲泥汙。想其老者。如母。長者。如姊。少者。如妹。稚者。如子。生度脫心。息滅惡念。

正念觀察。心淨意解。生居濁世。如蓮花出水。善巧方便。假想對治。觀諸衆生。無始輪迴。皆我親屬。悉願度脫。則惡念妄想。自然息滅。

音義 淨語卷十二 十九

眼是賊媒。故勿視女色。口是心苗。故莫共言語。若有說法因緣。當正心正見。淸淨而說。此方眞教體。淸淨在音聞故。

佛言。夫爲道者。如被乾草。火來須避。道人見欲。必當遠之。情染如乾茅。欲火當遠離。

音義 淨身章三十 草。喻身。乾。喻染情。欲。喻火。如有火聚。五物在傍。一如乾草。纔觸卽燒。二如枯木。噓之則燃。其三如鐵。燒之可鎔。其四如水。逼之可涸。其五如空。則任其燔灼。體恒自如。前一。凡夫。次三。修證因位。後一。諸佛如來。故知身爲道器。器破則道無能爲矣。

佛言。有人患婬不止。欲自除陰。佛謂之曰。若斷其陰。不如斷心。顚倒由心。徒傷身體。心。如功曹。功曹若止。從者都息。兵隨卬轉。將逐符行。邪心不止。斷陰何益。佛爲說偈。欲生於汝意。意以思想生。二心各寂靜。非色亦非行。彼己心寂。妄想不生。五蘊本空。欲情何起。佛言。此偈。是迦葉佛說。引先佛偈。以爲明證。

音義 忘機章三十一 身。如弩。心。如機。機。若不行。箭。何能發。如烏芻。化多婬心。成智慧火。陳子。以

婬欲火。祆廟焚身。善用。生機。不善。死機。故經云。必使婬機。身。心。俱斷。斷性。亦無。於佛菩提。斯可希冀。

佛言。人從愛欲生憂。從憂生怖。若離於愛。何憂何怖。

眾生妄認四大。以爲我身。順情生愛。逆情生憂。乃有五種怖畏。所謂不活怖。惡名怖。大眾威德怖。死怖。墮惡道怖。若能悟我本空。則分別頓息。誰爲愛者。復何憂怖哉。

音義 離怖章三十三 心經云。無色。無受。想。行。識。心無罣礙。無有恐怖。遠離顛倒夢想。究竟涅槃。蓋色。空。離不活怖。受。空。離惡名怖。想。空。離大眾怖。行。空。離死怖。識。空。離惡道怖。故云。度一切苦厄也。

佛言。夫爲道者。譬如一人與萬人戰。挂鎧出門。意或怯弱。或半路而退。或格鬬而死。或得勝而還。沙門學道。應當堅持其心。精進勇銳。不畏前境。破滅眾魔。而得道果。

道人與眾魔戰。當挂淨戒鎧。持禪定心。秉智慧劍。無一法可當情。則破魔得勝。亦如法花

云。見賢聖軍。與五陰魔。煩惱魔。死魔。共六戰。有大功勛。滅三毒。出三界。破魔網。爾時如來。亦大歡喜。義同此也。

音義 精進 音二十三

鎧。忍辱之力。禪定之營。智慧之劍。而無精進勇猛之大將。安能殺煩惱之賊。保涅槃之城。顯正覺之王。平眾生之天下。故釋尊精進七日。超慈氏九小劫而成正覺。我佛與阿難同於空王佛所發心。阿難常樂多聞。佛常行精進。今成正覺。而阿難猶爲侍者。卻後微塵數劫。方成佛道。雖云本願。然亦因中所感。故逮居六度之中。觀前而顧後。

鎧 可亥切音。愷。堅甲也。格 各額切音。隔。不服也。勛 今作勳。許云切音。熏。能成王功曰功。勳。

沙門夜誦迦葉佛遺教。經其聲悲緊。思悔欲退。佛問之曰。汝昔在家。曾爲何業。對曰。愛彈琴。佛言。絃緩如何。對曰。不鳴矣。絃急如何。對曰。聲絕矣。急緩得中。如何。對曰。諸音普矣。佛言。沙門學道亦然。心若調適。道

可得矣。於道若暴。暴卽身疲。其身若疲。意卽生惱。意若生惱。行卽退矣。其行旣退。罪必加矣。但清淨安樂。道不失矣。學道之人。善用其心。不急不緩。內不滯空。外不取相。上無攀仰。下絕己躬。卽清淨安樂。行可進矣。道可得矣。

音義 安樂章三十四 上言精進。以不廢爲功。此云安樂。以調和爲用。故知衝鋒破敵。非精進猛將不能。定國安邦。非安樂智臣不可。古人畜笛畱琴以記。抑亦悟此之由。

佛言。如人鍛鐵。去滓成器。器卽精好。學道之人。去心垢染。行卽清淨矣。逐情造業。是謂垢染。順理進修。乃名清淨。

音義 淨行章三十五 上言清淨安樂。未顯其行。此云去心垢染。行卽清淨。故喻明之。古有偈云。叮叮噹噹。久鍊成剛。太平將近。我往西方。正符喻旨。鍛都玩切音碫。椎打鐵。滓音止。泥垢也。

佛言。人離惡道。得爲人難。旣得爲人。去女卽男難。旣

得爲男。六根完具難。六根既具。生中國難。既得中國。値佛世難。既値佛世。遇道者難。既得遇道。興信心難。既興信心。發菩提心難。既發菩提心。無修無證難。

前。列二十難。末說發菩提心。今此。自離惡道。至無修無證。略盡修行始末。雖宿植善根。歷修萬行。發廣大心。甚爲希有。然恐尚存希冀。取捨未忘。毫釐繫念。還成有住之功。瞥爾情生。墮在修證之位。故末云。無修無證。則不落功勛。方謂難中之難矣。

音義 發心章三十六 古云。發心。究竟。二無別。如是二心。先心難。蓋自離惡道。至發菩提心。乃無量因緣之所感。近喻。士子自纔離上大人。至思量見題目。乃千萬工夫之所成。豈不難哉。今。又翻案云。發心。究竟。二無別。如是二心。後心難。蓋既發心後。圓修六度萬行。而不著所修。頓超三賢十聖。而不住所證。直趣寶所。不滯化城。如士子見題目後。毫端風雨。紙上珠璣。一氣工夫。不落孫山之外。豈非難中之難乎。

瞥 匹蔑切音擎。過目暫見也。

佛言。佛子離吾數千里。憶念吾戒。必得道果。在吾左右。雖常見吾。不順吾戒。終不得道。近佛違戒。不免輪迴。憶戒遠佛。得道證果。

音義 見佛章三十七 見佛。有二。一法身。二色身。憶念佛戒。是見法身。在佛左右。名見色身。經云。若以色見我。以音聲求我。是人行邪道。不能見如來。昔優婆摩尊者。降魔已。魔請供養報恩事。不已。尊者告言。我雖悟佛法身。未瞻色相。汝能現不。魔言能現。但師見時。慎勿禮拜。即隱魔身。假現如來三十二相。紫磨金色。舍利目連。諸大弟子圍繞。林中放光。尊者見已。歡喜作禮。魔驚云。損我不淺。師云。我見法身。佛魔不二。魔復本形。懺悔誓不擾亂。故知未證法身。佛魔敵體。可不憶戒見佛歟。

佛問沙門。人命在幾間。對曰。數日間。佛言。子未知道。復問一沙門。人命在幾間。對曰。飯食間。佛言。子未知道。復問一沙門。人命在幾間。對曰。呼吸間。佛言善哉。子知道矣。以依業引第八識。不斷功能。日命。凡夫一

子知道矣。以依業引第八識。不斷功能。曰命。凡夫一念。有九十刹那。一刹那。有九百生滅。念念遷謝。不知不覺。焉能悟解無常。苦。空。之道。

音義 知道章三十八 悟世間無常。國土危脆。四大苦空。五陰無我。生滅變異。虛僞無主。心是惡源。形爲罪藪。如是觀察。漸離生死。是第一大人之所覺也。

佛言。學佛道者。佛所言說。皆應信順。譬如食蜜。中邊皆甜。吾經亦爾。敎海一味。隨機萬差。信順修行。皆離苦得樂。喻似食蜜。中邊皆甜。亦如飲海。巨細衆生皆得飽滿。

音義 願攷章三十九 無上醫王。隨病與藥。病者。隨病服之。勿生取捨。蓋執醫之一方者。誤色身。執敎之偏見者。誤慧命。

甜 與甛同。徒兼切音恬。美也。甘也。

佛言。沙門行道。無如磨牛。身雖行道。心道不行。心道若行。何用行道。動止四儀。是生滅法。心本不生。寂而常照。體斯理者。乃眞行道。

音義 依道章四十 心能體道。道重身輕。身雖行道。身疲道懈。畢陵伽。所謂純覺遺身者。是也。

佛言。夫爲道者。如牛負重。行深泥中。疲極不敢左右顧視。出離淤泥。乃可蘇息。沙門當觀情欲甚於淤泥。直心念道。可免苦矣。五欲深泥。沒溺可畏。非直心念道。何由出離乎。

音義 直心章四十一

牛。喻大心。負重。喻荷擔大乘。深泥。喻三有生死。楞嚴云。十方如來。出離生死。皆以直心。心言直故。如是乃至終始地位。中間永離諸委曲相。淨名云。直心是菩薩淨土者。是也。

佛言。吾視王侯之位。如過隙塵。擾擾不停。似有非實。視金玉之寶。如瓦礫。積聚山高。無益於道。視紈素之服。如弊帛。假以蔽形。不取飾好。視大千界。如一訶子。大千之廣濶。眾生之依報。有漏善法。共業而成。觀之如訶子。未爲小耳。楞嚴云。空生大覺中。如海一漚發。有漏微塵國。皆依空所生。漚滅空本無。況復諸三有。視阿耨池水。如塗足油。阿耨。宋言無熱惱。以龍得名。池深廣也。以耨池之深廣。比智海如涓滴

耳。視方便門。如化寶聚。化現法財。濟諸貧乏。視無上乘。如夢金帛。引導未悟。令生信樂。視佛道。如眼前華。隨機赴感。本自不生。視禪定。如須彌柱。識浪境風。不能漂動。視涅槃。如晝夕寤。圓寂照中。離諸夢想。視倒正。如六龍舞。六龍升降。本非正倒。隨見妄執。生正倒想。若了見妄。誰爲正倒。視平等。如一眞地。實際理地。不受一塵。視興化。如四時木。造化之法。古今遷變。生住異滅。春夏秋冬。以因衆生業緣。遂有榮枯衰盛之相。若了緣起。不思議解脫法門。則知起唯法起。滅唯法滅。須信道。劫火洞然。毫末盡。青山依舊白雲中。

音義 了法章四十二 悟王侯之貴。金玉之寶。紈素之服。大千之廣。阿耨之深。有爲諸法。悉屬無常。了方便之門。無上之乘。正覺之華。禪定之柱。涅槃之寤。倒正之龍。平等之地。興化之木。無爲諸法。悉皆如幻。然後。即如幻智。入非幻之門。即無常之觀。到眞常之境。所謂。成就慧身。不由他悟也。

附章義

背繫章 夜叉多 尊者出城。見瞎烏而笑。弟子問故。尊者言。往世我欲出家。其子被母所教。抱我足泣言。先殺子。然後出家。我爲此子所障。不卽出家。歷劫至今。以道眼觀。徧於六趣。適見瞎烏。正是此子。憫其愚迷。生死長遠。所以笑也。扇繩 尊者大迦旃延之母。欲再適他家。以尊者尙幼。不遂其志。因名扇繩。謂如扇欲飛。爲繩所繫。

總結 原夫。輪迴根本。愛欲爲區。故辭親以疏其本。出家以撤其區。四大苦空。五陰非我。故剃髮以明其本空。息意以明其非我。三界唯心。萬法唯識。故悔過則罪從心滅。無瞋而法本來空。行慈而衆重賢。奉道而行法施。財施明福田平等。無畏乃衆利自他。會道而行。明道而見。見諦而無念無修。見性則無人無我。離名離利而離繫。了色了欲。以降魔。無住而守中。淨意而眞。信。淨語淨身則忘機而離怖。精進安樂乃淨行。以發心。見佛知道。順教海之中邊。體道直心。了法界之緣起。所謂應觀法界性。一切唯心造。所謂。無不從此法界流。莫不還歸此法界也。

佛說四十二章經。終。

○遺教經敕。○大唐。太宗文武聖皇帝。施行。出文館詞林。六百九十三卷。

勅旨。法者。如來滅後。以末代澆浮。付囑國王大臣。護持佛法。然僧尼出家。戒行須備。若縱情淫佚。觸塗煩惱。關涉人間。動違經律。既失如來玄妙之旨。又虧國王受付之義。遺教經。是佛臨涅槃所說。誡勒弟子。甚爲詳要。末俗緇素。豈不崇奉。大道將隱。微言且絕。永懷聖教。用思弘闡。宜令所司。差書手十人。多寫經本。務施行。所須紙筆墨等。有司準給。其官宦五品已上。及諸州刺史。各付一卷。若見僧尼行業與經文不同。宜公私勸勉。必使遵行。

○遺教經節目提綱說。○前序分。後流通。中十九節正宗。三學全彰。六度略一。

經之有節。猶木之有枝。節以要名。經云略說法要。是也。蓋華嚴法花涅槃大事始終已畢。別有一類未法有緣。未得度者。喻如長者會親友付家業。長幼各安其所。唯一子最小。未能持業。臨終屢勸。唯恐不及。故四十二章經。如明師之訓蒙徒。循循善誘。文理昭彰。遺教經。如慈父之囑幼子。反復丁寧。辭義切要。俾耳而目。皆思而修。願復深心。庶不孤負。今列二十一節。俾觀者提綱得目。歷節歸根云。

序分 正令全提 **持戒** 六度根基 **制心** 萬行樞要 **節量** 自他兼利 **慚愧** 內外莊嚴 **忍辱** 善法寶藏 **正命** 清淨法身 **直心** 質直為本 **少欲** 功德所生 **知足** 安樂有餘 **遠離** 事理俱遠 **精進** 非智雙融 **不念** 理事雙照 **禪定** 寂而常照 **智慧** 照而常寂 **不戲論** 解行相應 **捨放逸** 動靜一如 **決疑** 因果無差 **因緣** 法界緣起 **一心** 法身常住

流通 往復無際 ○問。略施度何意。答。以三五法。開思而修。念念回施眾生。不損一毛。而施彌沙界。

佛遺教經節目攝頌。

僧圓衍頌。前。略序分。後。略流通。中。十九節全提。今校讎記。

佛遺教經節目攝頌

僧圓衍頌前略序分後略流通中十九節全提今校謹記

持戒第一節

珍重波羅提木叉　戒生禪定與慧光
如暗遇明貧寶聚　第一安隱功德住

營求攀結總非宜　四事供養知足時
匿疵顯異多欺誑　端心正念自求度

制心第二節

五根勿縱五欲橫　猴及累生為害重
如牛犯稼馬奔坑　好制其心智者能

邪心毒蛇惡獸比　縱此心時善事亡
怨賊大火亦同爾　制之一處惡緣止

節量第三節

受諸飲食如服藥　趣得支身饑渴除
不可取捨於好惡　昧者多求生執著

慚愧第四節

晝夜勤修善法力　無以睡眠煩惱留
中夜誦經自消息　一生空過無所得

忍辱第五節

若有人來傷害己　護口亦勿出惡言
攝心無令瞋恨起　若縱恚心失善利

忍勝持戒及墜苦　瞋火防燒功德林
惡罵忍受如甘露　出家行道除瞋妒

正命第六節

壞衣持缽乞自活　若起憍慢當除滅

直心第七節

諂曲之心與道違　質直之心道場結

少欲第八 知足第九 節 多欲多求增苦惱 少欲能入涅槃道。
不知足者富而貧 知足恬然心地好。

遠離第十 節 當離憒鬧獨閑居 思滅苦本自如如
若樂眾時受眾惱 譬如老象入泥途。

精進十一 節 能勤精進事無難 小水常流穿石閒
勿如鑽火頻休歇 未熱息時得火艱。

不忘念十二 節 護助無如不忘念 諸煩惱賊不得便
常當攝念在其心 念力堅強魔自遣。

禪定十三 節 比丘攝心在定時 能知生滅諸法相
禪定隄塘蓄慧水 無定乾慧難倚仗。

智慧十四 節 有智慧人無貪著 從聞思修自開廓
明燈利斧及堅船 又為治病真良藥。

不戲論十五 捨放逸十六 節 種種戲論令心亂 欲得寂滅當除斷。
於諸功德恒在心 捨諸放逸如離怨

夾亏十七 因緣十八 一心十九 節 良醫知藥說藥方 路師導人行路長。
佛語真實無虛妄 信行功德固難量。

佛遺教經。節目。攝頌終。○真實無妄。是夾疑。信行功德。是因緣。固難量。是一心。

成泰十八年。丙午夏。知止苾芻源蘊。標識。

佛遺教經。○一名佛臨涅槃略說教戒經。

佛遺教經。○一名佛臨涅槃略說教戒經。

姚秦。三藏法師。鳩摩羅什。奉詔譯。

鄖郊。鳳山。蘭若嗣祖沙門。守遂註。

釋迦牟尼佛。初轉法輪。度阿若憍陳如。最後說法。度須跋陀羅。所應度者。皆已度訖。於娑羅雙樹間。將入涅槃。是時中夜。寂然無聲。爲諸弟子。略說法要。

諸佛悲願。赴感應機。出世度生。無緣不應。滅。與不滅。皆方便焉。示滅化儀。佛佛皆爾。丁寧付囑。表悲願之不窮。在昔如來。四十九年。三百餘會。始從鹿野苑。終至跋提河。一大事因緣。已畢於此。略說法要。爲後後之紀綱耳。

音義 此節。結集略敘一代時教始終。以爲此經之序分也。釋迦。云能仁。姓也。牟尼。云寂默。字也。陳如。云火器。姓也。阿若。云無知。名也。初轉法輪。是菩提白淨法。最後說法。是涅

槃白淨法。以表智斷二德。須跋陀羅。云好賢善賢。外道名也。娑羅。云堅固。雙樹者。枝根相連。榮枯合理。表破斷常二見。中夜寂然。表中道寂滅之理。略說法要。為此經別序之由。下二十節略說之法也。

汝等比丘。於我滅後。當尊重珍敬波羅提木叉。宋云別解脫。即具足戒也。如闇遇明。貧人得寶。當知此則是汝等大師。若我住世。無異此也。重戒如佛。佛常在焉。持淨戒者。不得販賣貿易。安置田宅。畜養人民。奴婢畜生。一切種植。及諸財寶。皆當遠離。如避火坑。營求世利。業火加薪。志存無為。戒殊絕類。不得斬伐草木。墾土掘地。合和湯藥。占相吉凶。仰觀星宿。推步盈虛。曆數算計。皆所不應。節身時食。清淨自活。草繫護珠。棄命守戒。古既如是。今何不然。術數休咎。邪命之習。非清淨也。不得參預世事。

通致使命。呪術仙藥。結好貴人。親厚媟（音泄）嫚（音慢）皆不應作。（通使。呪藥。背涅槃道。結貴。親嫚。順生死流。）當自端心。正念求度。（端心。正念。彼岸非遙。）不得包藏瑕疵。顯異惑眾。（內不隱覆小失。發露自心。外不顯衒非眞。濫膺恭敬。）於四供養。知量知足。（衣服。臥具。身外無餘。飲食。醫藥。乞求知足。）趣得供事。不應畜積。（長餘不積。旅泊無累。）此則略說持戒之相。戒是正順解脫之本。故名波羅提木叉。（結略戒相。持者。正順解脫。犯者。正順煩惱。開。遮。持。犯。具諸律部。大聖略囑。務要遵行。）因依此戒。得生諸禪定。及滅苦智慧。是故比丘當持淨戒。勿令毀缺。若人能持淨戒。是則能有善法。若無淨戒。諸善功德。皆不得生。是以當知。戒爲第一安隱功德住處。（因戒生定。因定生慧。一代時教。唯此

三法。無不略盡。眾生無始無明。業惑重障。以此三圓具。則應念消落。一切善法功德。應念於此建立者也。

音義 一節明指戒 尊敬本又者。持戒之總相。不得販賣下。略持戒之別相。因依此戒下。結持戒之功能。謂因戒。出三途。生定。出六欲。發慧。出三界修無漏成正覺。故云第一安隱功德住處也。

纇 盧對切。音耒。玉疵也。

草繫 昔有比丘野行。被賊劫衣。賊懼發覺。欲盡殺諸比丘。賊中有知比丘法不傷草木。即各以草繫之而去。諸比丘相謂曰。惟當護戒。寧死不犯。王出見。讚歎爲解。云云。

鵞珠 昔有比丘乞食。至穿珠家。珠師入內取食時。鵞見珠色似肉。吞之。珠師持食施比丘。覓珠不見。以失王珠。心急。語比丘言。歸我珠來。比丘自念。我當守戒。護彼生命。答言。誰得汝珠。乃至被打身血盡出。亦不肯言。時彼鵞來食血。珠師瞋打鵞死。乃實告之。彼開鵞得珠。大哭悔過。詳在莊嚴論。

汝等比丘。已能住戒。當制五根。勿令放逸。入於五欲。譬如牧牛之人。執杖視之。不令縱逸。犯人苗稼。若縱

五根非唯五欲。將無涯畔。不可制也。前是因事立戒。防非止惡。今明

五根非唯五欲。將無涯畔。不可制也。前是因事立戒。防非止惡。今。明愼護根門。常須管帶。如馬祖問石鞏云。汝作何所務。鞏云。牧牛。祖云。如何牧。鞏云。鼻孔索常在手。一遍落草去。把鼻拽將來。祖云。如是如是。亦如惡馬。不以轡音秘。制馬之具。制。將當牽人。墜於坑陷。意馬難調。戒爲轡勒。如被劫害。苦止一世。五根賊禍。殃及累世。爲害甚重。不可不愼。人命。世財。苦惟現世。慧命。法財。貧苦永劫。輕重霄壤。得不愼耶。是故智者。制而不隨。持之如賊。不令縱逸。持心正觀。根境本空。物我皆如。攀緣何起。假令縱之。皆亦不久見其磨滅。妄情不眞。須臾變滅。此五根者。心爲其主。是故汝等當好制心。五根虛妄。妄識如宰。欲制妄宰。止觀雙行。心之可畏。甚於毒蛇惡獸。怨賊。大火。越逸未足喻也。世間毒惡未可喻者。蓋能害法身慧命故也。譬如

有人。手執蜜器。動轉輕躁。但觀於蜜。不見深坑。妄心。妄境。味著彌堅。地獄深坑。躁動不覺。又如狂象無鉤。猿猴得樹。騰躍踔陟敎切音罩踰越也躑。難可禁制。當急挫之。無令放逸。狂象。心猿。戒爲鉤鎖。縱此心者。喪人善事。制之一處。無事不辦。一念不生。諸緣頓息。是故比丘。當勤精進。折伏汝心。知心本空。當勤折伏。了境常寂。精進無疲。

音義 一節言制心 永嘉云。損法財。滅功德。莫不由斯心。意。識。蓋心。意。識。一體三用。積集。名心。思惟。名意。分別。名識。又有染。淨二用。眞如內熏。善積集。善思惟。善分別。名淨用。所謂。無不從此法界流。無明外熏。惡分別。惡思惟。惡積集。名染用。所謂。無量劫來生死本。楞嚴云。輪轉生死。唯汝六根。安樂妙常。亦汝六根。更非他物。此經。先明持戒杖。按心牛。調意馬。制識象。護根門。持家賊。是謂制之一處。

汝等比丘。受諸飲食。當如服藥。於好於惡。勿生增減。

趣得支身。以除饑渴。藥因治病。食以充饑。好不生貪。惡不生恚。但支身行道而已。復

趣得支身以除饑渴。藥因治病食以充饑好不生貪惡不生恚但支身行道而已復何增減乎如蜂採花，但取其味，不損色香。比丘亦爾，受人供養，趣自除惱，無得多求，壞其善心。多求則令他煩惱生惱則善心退沒譬如智者，籌量牛力所堪多少，不令過分，以竭其力。忖己德行而籌量防心離過而無竭

音義

三[illegible]明[illegible]量

節是節食量是量力。戒經云。譬如蜂採花。不壞色與香。但取其味去。比丘入聚然。不違戾他事。不觀作不作。但自觀身行若正若不正是也。蜂。牛二喻義兼能所。能者多求退失所施之善心。壞其自修之清節。故云無得多求。智者籌量。不過自牛之所負。以竭他牛之所堪。故云不令過分。所謂飮食於人日月長。精粗隨分塞饑瘡。纔過三寸成何物。何不將心仔細量。又云。衣食難。非容易。何用般般求細膩。粗茶淡飯且尋常。綿布麻衣隨齡。

汝等比丘，晝則勤心修習善法，無令失時。初夜後夜。

亦勿有廢。中夜誦經。以自消息。無以睡眠因緣。令一生空過無所得也。當念無常之火。燒諸世間。早求自度。勿睡眠也。諸煩惱賊。常伺殺人。甚於冤家。安可睡眠。不自警寤。煩惱毒蛇。睡在汝心。譬如黑蛇在汝室睡。當以自持戒之鉤。早併除之。睡蛇既出。乃可安眠。不出而眠。是無慚人。蓋覆眞性。增長無明。由睡眠之過患。是無慚愧也。昔者。阿那律陀。是佛堂弟。白飯王之子。出家之後。多樂睡眠。如來呵云。咄咄胡爲寐。螺蠃蚌蛤類。一睡一千年。不聞佛名字。既聞佛呵。涕泣自責。七日不眠。遂失雙目。佛令修樂見照明金剛三昧。乃得天眼。故知先佛嚴戒。委曲重宣。苦口垂慈。誡不可忽。

慙恥之服。於諸莊嚴最爲第一。慙如鐵鉤。能制人非法。是故比丘常當慙恥。無得暫替。若

離慙恥則失諸功德。有愧之人。則有善法。若無

離慙恥。則失諸功德。有愧之人。則有善法。若無愧者。與諸禽獸無相異也。六道之中。可以整心慮。趣菩提。唯人道爲能耳。人而不爲。是謂無慚愧也。慚愧若具足。法身之衣服。豈可無慚無愧。樂著睡眠。不進道乎。慚者。內自悔責。愧者。發露自新。豈不美哉。

【音義】四節明慚愧。古德云。饑來喫飯。困來眠。蓋黑蚖既出。乃可安眠。之時候也。

汝等比丘。若有人來。節節支解。當自攝心。無令嗔恨。亦當護口。勿出惡言。若縱恚心。則自妨道。失功德利。忍之爲德。持戒苦行。所不能及。能行忍者。乃可名爲有力大人。若其不能歡喜忍受。惡罵之毒。如飲甘露者。不名入道智慧人也。智慧明。則彼己不二。彼己不二。則美惡齊止。美惡齊止。則怨親等觀。怨親等觀。則苦樂無寄。傅大士云。忍心。如幻夢。辱境。若龜毛。常能作此觀。逢難轉堅牢。誠哉。是

言也。所以者何。瞋恚之害則破諸善法。壞好名聞。今世後世人不喜見。當知瞋心甚於猛火。常當防護。勿令得入。劫功德賊。無過瞋恚。白衣受欲。非行道人。無法自制。瞋猶可恕。出家行道。無欲之人。而懷瞋恚。甚不可也。譬如清冷雲中。霹靂起火。非所應也。廣明瞋之患害如此。皆因我見執著。迷不知返故也。一念瞋心起。百萬障門開。爲煩惱之根。是三塗之火。俗諦可恕。出家佛子。可不愼歟。

無爲最。是持戒苦行所不能及。蓋忍如寶藏。能護善法之財。忍如清水。能滅瞋恚之火。忍如堅城。能防破戒之賊。忍之德。其利博哉。汝等比丘。當自摩頭。以捨飾好。著壞色衣。執持應器。以乞自活。壞衣。持躰。順佛律儀。乞食資身。是爲正命。自見如是。若起憍慢。

當疾滅之。增長憍慢。尚非世俗白衣所宜。何況出家

當疾滅之。增長憍慢。尙非世俗白衣所宜。何況出家入道之人。爲解脫故。自降其身。而行乞耶。折伏憍慢。入如來家。謙下身心。順解脫理。

音義 六節明正命 善護於口言。自淨其志意。身莫作諸惡。此三業道淨。云云。

汝等比丘。諂曲之心。與道相違。是故宜應質直其心。當知諂曲。但爲欺誑。入道之人。則無是處。是故汝等。宜應端心。以質直爲本。諂曲多欺詐直心是道場

音義 七節明直心 淨名云。直心。是菩薩淨土。菩薩成佛時。不諂衆生來生其國。是謂質直爲本。

汝等比丘。當知多欲之人。多求利故。苦惱亦多。少欲之人。無求無欲。則無此患。有求皆苦。無欲何憂。直爾少欲。尙應修習。何況少欲能生諸功德。少欲之人。則無諂曲以

求人意。亦復不爲諸根所牽。行少欲者心則坦然無所憂畏。觸事有餘常無不足。有少欲者則有涅槃。是名少欲。少欲一法。功德如此。直修少欲。別無功德。何可修習。況於解脫涅槃相應乎。

音義 八大人覺明少欲 戒經云。心莫作放逸。聖法當勤學。如是無憂愁。心定入涅槃。其斯之謂少欲。

汝等比丘。若欲脫諸苦惱。當觀知足。知足之法。卽是富樂安隱之處。知足之人。雖臥地上。猶爲安樂。不知足者。雖處天堂。亦不稱意。不知足者。雖富而貧。知足之人。雖貧而富。不知足者。常爲五欲所牽。爲知足者之所憐愍。是名知足。知足。知足則心絕希慕。清淨有餘。不知足者。貪愛轉增。苦輪難息。

音義 知足 戒經云。不謗亦不嫉。當奉行於飲食知止足。常樂在空閑。心定樂精進。

汝等比丘。欲求寂靜無爲安樂。當離憒閙。獨處閑居。心境靜寂。孤然乃則。靜處之人。帝釋諸天所共敬重。如善現尊者。宴坐巖閒。釋天雨花之類。事迹非一也。是故當捨己眾他眾。自他徒眾。應皆捨離。空閑獨處。思滅苦本。安住涅槃。若樂眾者。則受眾惱。譬如大樹眾鳥集之。則有枯折之患。世閒句宜連下喻方合 世閒縛著。沒於眾苦。眾者事理有二義。事則憒閙也。理者。己謂五蘊。爲眾。他謂一切煩惱。爲眾。迷執五蘊。聚集煩惱。沒於生死。故當遠離身心見也。永嘉云。若見山忘道。則森羅眩目。音聲聒耳。雖山林獨處。何由靜也。若見道忘山。則城隍閙市。心境翛然。萬法本閑。而人自閙。迴光返照。觸處皆樂。無一法可當情。亦無一法可當情者。得無所離。即除諸幻耳。譬如老象溺泥。不能自出。是名遠離。樂眾心以爲累。遠離行以當修。

【音義】【十前明遠離】大樹枯折。喻偏空涅槃。老象溺泥。喻三有生死。離此二眾。是眞遠離行。

【雨天花】空生宴坐。帝釋散花。問。何故。曰。供養般若。曰。此間無說。曰。尊者無說。我亦無聞。無說無聞。是眞般若。古詩云。地窄不容禪塵客。室空那許散花天。是也。空生。即善現尊者。善解空理。故名空生。

汝等比丘。若勤精進。則事無難者。勤行精進。佛果決定可期。是故汝等當勤精進。譬如小水常流。則能穿石。若行者之心。數數懈廢。譬如鑽火未熱而息。雖欲得火。火難可得。是名精進。木中火性。是火正因。若不加功藉緣。火終難得。若加功不已。如水性柔弱。亦有穿石之期。比況勤懈之得失如此。宜勉勵焉。

【章義】【十一明精進】水喻悲。火喻智。石喻愚癡。木喻邪見。常流鑽燧。喻精進方便。謂不捨悲流。穿點愚癡之石。常生智火。燒除邪見之林。是眞精進行。

汝等比丘。求善知識。求善護助。無如不忘念。無忘之念。養正定故。夫煩惱出於妄情。觀察法理以遣之。初觀之時。見理未明。心不住理。要須念力。然後得觀。念以不忘

爲用。正心念法。審其善惡。善者增而不滅。惡者滅而不生。若有不忘念者。諸煩惱賊則不能入。正念若不忘。煩惱不能生。是故汝等常當攝念在心。若失念者。則失諸功德。若念力堅強。雖入五欲賊中。不爲所害。內若不動。外無能亂。譬如著鎧入陣。則無所畏。是名不忘念。正念常存。魔軍克殄。

古云。參禪要待尊師友。敢保修行一世休。又云。假饒達磨與釋迦。擬親早已成窠臼。眞至言哉。蓋由不忘念故。師無師之智。現前。天眞之道。不昧。處處。釋迦出世。時時。達磨西來。不忘。而忘。無念。而念。是眞護助。如實識知。其或不然。未許駐脚在。

汝等比丘。若攝心者。心則在定。心在定故。能知世間生滅法相。定水澄淸。森羅影現。是故汝等。常當精進。修習諸定。隨機淺深。大小諸定。皆當修習。若得定者。心則不散。散心漸止。隨順定門。譬如

定故。能知世間生滅法相。定水澄淸。森羅影現。是故汝等。常當精進。修習諸定。隨機淺深。大小諸定。皆當修習。若得定者。心則不散。散心漸止。隨順定門。譬如見理未明。心不住理。要須念力。後得觀。念以不忘。

惜水之家善治隄塘。行者亦爾。爲智慧水故善修禪定。令不漏失。是名爲定。若無定力。乾慧不免苦輪。定能資慧故。古云。菩薩清涼月。常遊畢竟空。衆生心水淨。菩提影現中。若水濁器破。則月影不現耳。

音義 【中三明禪定】上而直指人心。反聞自性。乃至四禪八定。天台止觀。大小淺深。皆攝心之法。慧無定。謂之乾慧。所謂將心持佛佛。何不自聞聞。定無慧。謂之頑定。所謂參禪不妙悟。可謂癡禪矣。

汝等比丘。若有智慧。則無貪著。常自省察。不令有失。智爲前導。不可暫闕。是則於我法中。能得解脫。無慧名縛。有慧名解。若不爾者。既非道人。又非白衣。無所名也。心與形乖。二名俱失。實智慧者。則是度老病死海。堅牢船也。般若實智。能度苦海。亦是無明黑暗。大明燈也。無明大夜。智燈能照。一切病者。之良藥也。三毒

重病。智慧能治。伐煩惱樹之利斧也。煩惱根株。智刃能伐。是故汝等。當以聞思修慧而自增益。從聞思修漸次增益入三摩地。若人有智慧之照。雖是肉眼。而是明見人也。是為智慧。肉眼廓照。無明永滅。智慧之力也。故名明見之人矣。

音義　十眼明智慧

般若實智。照於人乘。謂之肉眼。照於天乘。謂之天眼。照聲聞乘。謂之慧眼。照菩薩乘。謂之法眼。照最上乘。謂之佛眼。眞妄交徹。即凡心而見佛心。體用圓融。依肉眼而成慧眼。故名正法眼藏。亦號金剛眼睛。復是堅牢船。乃至明見人也。古德頌云。天眼通非礙。肉眼礙非通。法眼惟觀俗。慧眼直緣空。佛眼如千日。照異體還同。圓明法界內。無處不含容。人人皆具足。物物總圓通。頂門開點處。從敎化滿空。容頗甚奇妙。光明照十方。是謂明見人也。

汝等比丘。若種種戲論。其心則亂。雖復出家。猶未得脫。語默動靜。乖於軌則。能令心亂。違解脫理。是故比丘。當急捨離亂心戲

論。若汝欲得寂滅樂者。唯當善滅戲論之患。是名不戲論。若滅戲論。虛妄分別。戲論有二。一。迷自性理生。二。著法相事生。未了三界唯心。萬法唯識。凡有言說。皆是虛妄。若達從無住本。立一切法。一切世法。無非佛法。古云。但得本莫愁末。得末者未必得本也。故經云。如來是眞語。實語。如語。不誑語。不異語者。汝等比丘。於諸功德。常當一心。捨諸放逸。如離怨賊。大悲世尊。所說利益。皆已究竟。汝等但當勤而行之。大悲方便。分別說三。究竟涅槃。唯一乘道。若於山間。若空澤中。若在樹下。閑處靜室。念所受法。隨力所受。田心唯修習。勿令忘失。常當自勉。精進修之。勉勵勤進。防退失焉。無爲空死。後致有悔。生死流浪。後悔何益。我如良醫。知病說藥。服與不服。非醫咎也。佛說法藥。治煩惱病。

我如良醫知病說藥服與不服非醫咎也 治煩惱病

開不信服非佛咎也又如善導導人善道聞之不行非導過也佛爲大導師引導衆生令至涅槃正道不信不行是誰之過

音義 十六 捨放逸

放開放蕩逸謂奔逸經云聚緣內搖流外奔逸是也蓋學如逆水行舟不進則退心似長途走馬易放難收若能捨諸放逸一心面行譬如順水揚帆歸家得路一切功德不離法身所謂不疾不行而速而至矣

汝等若於苦等四諦有所疑者可疾問之無得懷疑不求決也四諦法中有疑未決我當決之爾時世尊如是三唱人無問者衆默不問所以者何徵也衆無疑故釋不問之故也時阿㝹樓馱觀察衆心即阿那律陀梵音小異宋云無滅以天眼觀察衆意而白佛言世尊月可令熱日可令冷佛說四諦不可令異水火之性可容無定佛說眞實決定不虛佛說苦諦實苦不可令樂苦是世俗果諦當審實決

定無樂。集眞是因。更無異因。集是世俗因。集諸不善業故。決定是招苦之因。苦若滅者。卽是因滅。諸苦所因。貪欲爲本。若滅貪欲。無所依止。因滅故果滅。滅苦之道。實是眞道。更無餘道。滅諦出世眞果。卽涅槃也。道諦卽斷煩惱出世眞因。無別道也。世尊。是諸比丘。於四諦中。決定無疑。於此衆中。若所作未辦者。見佛滅度。當有悲感。未證無生忍。不了法身常住爾。若有初入法者。聞佛所說。卽皆得度。親聞佛誨。無不蒙益。譬如夜見電光。卽得見道。暫得心開未能究竟。若所作已辦。已度苦海者。但是作念。世尊滅度。一何疾哉。自雖已度。愍未度故。作念興嘆。阿冤樓馱。雖說此語。衆中皆悉了達四聖諦義。世尊。欲令此諸大衆。皆得堅固。以大悲心。復爲衆說。

未徹未辦。聞佛滅度。或生退沒。末後殷勤。委曲慰喻。

【音義】十七令決疑 疑。與信對。疑心不決。則信道不眞。信道不眞。則邪魔易亂。故如來徹底大悲。叮嚀三唱。令已度。則自性自度。懷疑。則求佛決疑。因緣合離。時節欲過。常當一心。勤求出要。莫待龍華道後。方乃問津。其爲計亦左矣。古云。蓮花荷葉報君知。出水何如未出時。江北江南問王老。一狐疑了一狐疑。此下。略明因緣。時節。令衆一心也。

汝等比丘。勿懷悲惱。若我住世一劫。會亦當滅。會而不離。終不可得。緣起之法。固不可留。自利利人。法皆具足。積萬行。成萬德。演教海。利羣機。兼濟之道。悉具備矣。若我久住。更無所益。佛久住。則衆生不起難遭之想。不種善根。貪著五欲。不求出苦。故佛示滅耳。應可度者。若天上人間皆悉已度。成道四十九載。應度。度畢無餘。其未度者。皆亦已作得度因緣。清淨法眼。戒定慧藏。內。則付囑摩訶迦葉。諸大弟子。外。則付囑國王大臣。令慧命不斷。爲後後

因緣耳。自今已後。我諸弟子。展轉行之。則是如來法身常在而不滅也。世尊囑累行之不絕。則法身常存焉。是故當知。世皆無常。會必有離。勿懷憂惱。世相如是。還流不住。日世。形質可狀。曰相。應會示生。寧無滅乎。當勤精進。早求解脫。以智慧明。滅諸癡暗。勤精進而智慧明。癡暗滅則脫諸苦。世實危脆。無牢強者。有爲虛假。今昔皆然。我今得滅。如除惡病。此是應捨罪惡之物。假名爲身。沒在生老病死大海。佛身無爲。示同有爲。報令眾生知身過患。早悟法身也。何有智者。得除滅之。如殺怨賊。而不歡喜。身爲苦本。眾苦所依。眾生妄執爲實。不求出要。大聖知生死皆幻。示生死而化物。

音義 十八界明。因緣。因緣和合。虛妄有生。因緣別離。虛妄名滅。悟生滅法。是聲聞乘。解因緣理。是緣覺乘。了法緣起。是菩薩乘。此皆以智明滅癡暗也。

汝等比丘。常當一心勤求出道。涅槃正道。一切世間動不

汝等比丘。常當一心。勤求出道。涅槃正道。一切世間。動不動法。皆是敗壞不安之相。欲界六天。爲動法。色。無色界。壽命劫數長久。外道計以爲常。名不動法。

音義 十九節 一心 經云。三界唯心。萬法唯識。不了唯心唯識之旨。向外馳求。皆是敗壞不安之相。若達能變能現之體。常當一心。卽是涅槃常住之相。所謂不離世間超世間。不出魔境入佛境也。夫戒。爲三學之本。心。爲六度之源。終始本源。所謂開示衆生悟入佛之知見也。

汝等且止。勿得復語。時將欲過。我欲滅度。是我最後之所教誨。應會時節。寧容久留。最後垂範。付囑斯在。化儀舒卷。情謂杳亡。方便門中。那無指注。法花會上。金口親宣云。爲度衆生故。方便現涅槃。廣如壽量品。其知此者。則靈山一會儼然未散矣。豈不韙歟。若謂不然。諒非吾道。何也。欲得不招無間業。莫謗如來正法輪。

音義 此節。結上十九節略說法要。付囑流通之意。汝等。二句。應法花。止止不須說。我法妙難思。

二句。結前序。皆已度訖。一句。時將欲過。二句。應法花。方便現涅槃。一句。結前序。是時中夜。二句。是我最後。二句。應法花。以方便力故。爲五比丘說。二句。結前序。爲諸弟子。略說法要。二句。釋結此經之名。以成流通之本也。蓋以無盡大悲無問自說。故不待請經名而後說也。略說。略結。必使信聞奉行。化化不絕。故此經。一名佛臨涅槃。略說教戒。從略說得名也。一名佛遺教。從略結得名也。其旨深哉。今統論。華嚴。乃顯實智之始。經云。諸法從本來常自寂滅相。是也。法花。是結實智之終。經云。止止不須說。我法妙難思。是也。名爲滿字。四十二章。乃開權智之始。經云。以方便力故。爲五比丘說。是也。遺教。是結權智之終。經云。爲度衆生故。方便現涅槃。是也。名爲半字。故。原夫如來應世。不違權實二門。究竟而曾無二智。又。要之大事因緣。不離半滿二字。本來而唯是一心。實外無權。半邊非滿也。

龍花道後 清辯。禱觀音願。畱身見彌勒。菩薩教願生兜率。辯云。未是徧知。直待龍花道後。方乃問津。

佛遺教經。終。 ○前。四十二章經。中。遺教經。後。潙山警策。別。各準次。合。爲一帙。號佛祖三經。

○潙山警策古註序○

大洪山淨嚴禪師註本
左朝奉大夫張銖撰序

自六祖而下有五派潙仰居其一惜乎其後不得其傳然其法則傳萬世而無弊不以人爲存亡潙山之警策是已夫警策之行於世尚矣學者每患其辭雖顯而其義則難窮字有舛錯而久未能辯不有宗師大匠安能發揚其義而校正其舛錯乎

大洪山淨嚴禪師禪學冠世每因暇日遊戲筆硯已未安居因學者請益遂爲之註解其義坦然明白字之舛錯者又從而校正之晩學後進有所矜式俾潙山二百年湮沒之迹一旦光輝著見因以傳無窮

而施罔極。固不韙歟。門人史德賢。欲鏤板以廣其傳。余嘉其志。輒爲之序。而冠于篇首。

紹興九年。十二月旦日。謹序。

○雲棲祖師云。溈山警策。深切著明。爲僧宜寫置座隅。朝夕省玩思惟。不可忽。不可忽。

○弘贊祖師。謂初出家者。卽令熟讀斯文。時時警策。庚子夏。爲衆句釋。欲知義理當往彼尋。蓋今書

○遂師註本。文簡義周。竊欲便見聞故。正文連篇大書。註文隨句兩脚銘文。方起別行。音義卽隨機會。

成泰十八年。丙午夏日。知止苾芻書刊小白。

○溈山。人名。以尊人故。而稱山也。警策。

潙山警策。○潙山。人名。以尊人故。而稱山也。警策。法目。以重法故。兼人爲號。書刊校記。

○潙山。大圓禪師。著。○遂師。尊增中四字。以便註解。今刊。書加下一字。以表作述。

鄖郊。鳳山蘭若。嗣祖沙門。守遂註。

師。諱靈祐。初參百丈大智禪師。侍立夜深。丈云。撥爐中火看。師撥云。爐中無火。丈自起深撥。乃得一星火。夾起云。你道無。這箇是甚麼。師因此悟入。丈命司馬頭陀。選得潙山。堪建道場。因謂衆曰。若有人。道得一轉語。便去住潙山。乃指淨瓶問云。若喚作淨瓶。則觸。若不喚作淨瓶。則背。時華林爲首座云。不可。喚作木揆。丈不肯。時師爲典座。丈乃問師。師踢倒淨瓶。丈云首座輸卻山子了也。師居潙山。建潙仰一宗。道傳天下。乃作警策。警其未悟。策其未進者也。【自義】揆。音突。搪觸也。踢。音鑠。驚動之貌。

夫業。繫受身。未免形累。身居苦本。故先標之。命悟妄本。方可進道。此業繫兩字。從最初。一念不覺心動。謂之業相。次。爲轉相。後。爲現相。乃三細相也。由現相。而生境界相。相續相。執取相。計

名字相。造業相。業繫苦相。爲六粗相。前五。猶可對治。此末後苦相。繫縛衆生。不可對治。此身既由三細六粗。無明種習而成。豈免形質負累。稟父母之遺體。假衆緣而共成。由稟識妄想。故於父母赤白中受身。假乳哺洗濯。飲食衣服。衆緣得存。佛云觀身不淨。觀受是苦也。雖乃四大扶持。常相違背。內四大地水火風。其性各異。無常老病。不與人期。四大五蘊。念念生滅。朝存夕亡。刹那異世。刹那。是極促之時分。譬如春霜曉露。倏忽卽無。無常之相。須臾變滅。岸樹井藤。豈能長久。危脆不久。亦復如是。念念迅速。一刹那間。如四大力士。同時各發一箭。射於四方。又有一人。同時收得此四箭時。名一刹那。轉息卽是來生。何乃晏然空過。自章初至此。通敍在家出家。妄身妄世。無常迅速。過患如此。警策令悟。不可空度光陰。自此以下。唯敍出家者因由。各令思察。父母不供甘旨。六親固以棄離。親緣皆棄。乃反常合道。不能安國治邦。辭父母。割親緣。又不能竭節奉公。致君澤民。當爲何事。家業

道。不能安國治邦。辭父母。割親緣。又不能竭節家業奉公。致君澤民。當爲何事。家業頓捐繼嗣。絕嗣。爲不孝。出家弘道。眞大孝也。緬離鄉黨剃髮禀師。頓捨世緣。斷其情愛。禀師剃髮。行古佛之大道。同古佛之相儀。內勤克念之功。外弘不諍之德。屢踐出家之功德。要須內外以相符。迥脫塵世冀期出離。志在出離塵世。方合出家深旨。何乃。纔登戒品。便言我是比丘。自謂是比丘。則我相現行可驗。檀越所須。喫用常住。不蠶而衣。不耕而食。不解忖思來處。比丘受食。當作五觀。想彼來處。計功多少。古德。觀一粒米。經七十二徧工夫。忖己德行。全缺應供。證羅漢已。方合全應供。餘皆名缺應供也。謂言法爾合供。妄計情執。寧忖己非。喫了聚頭喧喧。但說人閒雜話。出家志求無爲大道。不研佛語。佛意。反徇世諦喧譁。自何乃已下。忘本乖志也。然則。一期趁樂。不知樂是苦因。世諦之樂。盡爲苦本。

虛受信施。負債何疑。啣鐵負鞍。猶是輕輕之報。曩劫徇塵。未嘗返省。曠劫徇塵。背覺。何嘗暫自回光。時光淹沒。歲月蹉跎。受用殷繁。施利濃厚。世利所惑。未省回光。動經年載。不擬棄離。戀著處所。不知過患。積聚滋多。保持幻質。唯保幻妄之質。違背清淨法身。導師有敕。戒勗比丘。進道嚴身。三常不足。佛遺教經。一云。當自摩頭。以捨飾好。著壞色衣。執持應器。以乞自活。二云。受人飲食。當如服藥。於好於惡。勿生增減。趣得支身。以除饑渴。如蜂採花。但取其味。不損色香。比丘亦爾。受人供養。趣自除惱。無得多求。壞其善心。三云。晝則勤心修習善法。無令失時。初夜。後夜。亦勿有廢。中夜誦經。以自消息。無以睡眠因緣。令一生空過。謂衣。食。睡眠。如是三事。不可恣情取足也。人多於此。耽味不休。味。謂味著。日往月來。颭同颯。音速。髮衰也。然白首。古云。只知事從眼前過。不覺老從頭上來。後學未聞旨趣。出家旨趣。應須博問先知。

不可守愚自是。將謂出家。貴求衣食。出家者。爲無爲法。私情愚見。反謂求衣食爾。佛先制律。啟劬發蒙。啟發蒙昧。軌則威儀。有威可畏。有儀可則。淨如冰雪。不同外道雜戒。皆不清淨。止持作犯。束斂初心。攝律儀戒。止惡爲持。作惡爲犯。攝善法戒。止善爲犯。作善爲持。微細條章。革諸猥音偎鄙也弊。五篇七聚。性戒。遮戒。佛成道十二年後。方乃制律。阿難問佛。因何十二年前不制戒。佛言如世補衣。衣若未破。補則招謗。吾亦如是。因事立戒。云云。毗尼法席。曾未叨陪。音滔。裴。濫厠也。了義上乘。豈能甄明也別。毗尼。律學也。因戒。生定。因定。發慧。律學尚昧。了義深旨。安可通達耶。可惜。一生空過。後悔難追。少不努力。老無所成。悔之於後。復何益哉。教理。未嘗措懷。玄道。無因契悟。聖教理趣。尚未留心。玄妙之道。若爲契悟。及至年高臘長。空腹高心。不肯親附良朋。惟知倨傲。有年無德。護短飾非。

（無明習成。傲然自大。）未諳法律。戢（音輯。藏也。）斂全無。（不親良朋。焉知法律。三業四儀。動乖律制。）或大語高聲出言無度。（戢斂全無。身業也。大語高聲。語業也。）不敬上中下座婆羅門聚會無殊。（不敬。意業也。律有上中下座。佛制先受戒者為先。後受戒者為後。外道則不然。自此以下。展轉譬其過失。）椀鉢作聲食畢先起。（椀是唐言。鉢是梵語。具云鉢多羅。此云應量器。若作聲。則餓鬼咽中火起。）去就乖角僧體全無。（僧具足梵語。云僧伽耶。此云和合眾。理事和合。方為僧體。去就既不法。何僧體之有。）起坐忪（音中）諸動他心念。（忪。諸心神不寧之謂。出家惱他人。不名為沙門。）不存些些軌則。小小威儀將何束斂。後昆新學無因做傚。（若自不能修行正行。令他修者無有是處。）纔相覺察便言我是山僧。（人我貢高。欺壓後學。）未聞佛教行持。一向情存麤糙（米未舂）。（行解無取。世諦純熟。）如斯之見。

蓋爲初心慵（音庸懶也）惰饕餮因循。（貪財。曰饕。貪食。曰餮。）荏苒人閒。遂成疎野。（荏苒塵俗。豈識清閒。）不覺躘踵老朽。觸事面牆。（躘踵。行不進貌。面牆。一無所知。）後學咨詢。無言接引。（自己智慧不明。將何開發晚進。）縱有談說。不涉典章。（孟浪臆說。取笑傍觀。）或被輕言。便責後生無禮。（不省己非。更責他過。）瞋心忿起。言語該人。（一念瞋心起。百萬障門開。三毒既縱於凡情。四實寧思於佛語。）一朝臥疾在牀。眾苦縈纏逼迫。曉夕思忖。心裏恛惶。（眾苦逼迫。恛惶怖憂。）前路茫茫。未知何往。（妄宰。幻身。曷悟眞歸。）從茲始知悔過。臨渴掘井奚爲。（縱然悔過知非。功行何由得辦。）自恨早不預修。年晚多諸過咎。（過咎已彰。悔之何補哉。）臨行揮霍（若無定力。甘伏死門。）怕怖慞惶。（無善可恃。無德可怙。）穀穿雀飛。識心隨業。（七賢

女經云。雀來入瓶中。以穀覆其口。穀穿雀飛去。識心隨業走。如人負債強者先牽。善惡業力。皆因妄識爲主。力強者牽之。無自由分。心緒多端。重處偏墜。六道。四生。隨情想而受報。無常殺鬼。念念不停。生時卽有滅。不爲愚者說。命不可延。古云。無常若也黃昏至。更不留君到一更。時不可待。勿謂今日不學。有明日。今年不學。有明年。嗚呼老矣。是誰之愆。人天三有。應未免之。三界無安。猶如火宅。如是受身。非論劫數。如汲井輪。互爲高下。感傷歎訝。哀哉切心。潙山。悲傷未悟。如此情切。豈可緘言。遞相警策。眾生輪迴苦趣。懷寶迷邦。既爲善知識。安可緘默。而不啟發耶。所恨同生像季。去聖時遙。像法之季。乃佛滅後二千年間。是造警策時。今又二百餘年。聖時逾遠矣。佛法生疎。人多懈怠。根機皆劣。豈可比況佛正法之時。略伸管見。以曉後來。潙山謙辭。謂如管窺天之見。以曉喻後學爾。若不鐲

矜誠難輪追。若不鐲除矜伐前來過患則實難迯追於業報苦輪也。永嘉云。鐲矜怠慢。不顧形骸。專精至道者。可謂契神方寸歟。自此下。別叙夫志出家之本意。叅訪知識。親近師友。發明大事因緣。暨履踐一代時教。佛語心宗。要須行解相應。續佛慧命之始末也。夫出家者。發足超方心形異俗。獨步大方。心超物表。紹隆聖種。震懾魔軍。志齊古佛。方降衆魔。用報四恩。佛恩。國王恩。父母恩。施主恩。拔濟三有。欲有。色有。無色有。乃三界衆生也。若不如此。濫厠僧倫。反此。則皆爲混濫。非釋子也。言行荒踈虛霑信施。信施本爲福田。荒踈。則彼此無益。昔年行處。寸步不移。古云。但改舊時行履處。莫改舊時人。恍惚一生。將何憑恃。恍惚如夢未覺。何功行而可憑。况乃堂堂僧相。容貌可觀。相貌可觀。非容易所致也。皆是宿植善根。感斯異報。今生果。是前生種。未來果。是今世修。便擬端然拱手。不貴

寸陰。古人重寸陰輕尺璧。事業不勤。功果無因克就。古佛經三無數劫。發四弘誓願。歷修萬行。福慧兩嚴。纖瑕障盡。片善無遺。方證佛果。豈可具足。凡夫。不勤戒定慧學。而欲希求無上大果耶。豈可一生空過。抑亦來業無稗。非惟自誤一生。亦乃來生障託。辭親夫志披緇。意欲等超何所。出家本志。當爲何事。曉夕思忖。豈可遷延過時。退步返思。開健進學。心期佛法棟梁。用作後來龜鏡。勇志慕佛法之棟梁。垂範作後學之龜鏡。龜鏡。龜知未來禍福。鏡驗現在妍媸。常以如此未能少分相應。雖有志願。而行解未充。故云未也。出言須涉於典章。言不干典。非君子所譚。譚說乃傍於稽古。譚說。是心苗。豈忝胸臆。孟浪之說。無稽之言乎。形儀挺特。形端表正。意氣高閑。川有珠則川媚。人蘊道則高閑。遠行要假良朋。數數清於耳目。佛問阿難。善知識爲緣梵行。阿難云。半梵行。佛言不

然。善知識者。爲全梵行。又古云三人行。必有我師。擇其善者。而從之。住止必須擇伴。時時聞於未聞。開發未聞。警悟迷倒。皆道伴之力也。故云。生我者。父母。成我者。朋友。同門。曰朋。同志。曰友。父母。能生色身。不能令出離惡道。惟善知識。成立法身。開眞正知見。入聖超凡。生成。恩德。豈可忽哉。親附善友。者。如霧露中行。雖不濕衣。時時有潤。善友道伴。滋潤善根。其利叵量。狎習惡者。長惡知見。曉夕造惡。卽目交報。狎近非友。隨邪逐惡。冒犯王法。人所惡賤。歿後沈淪。一失人身。萬劫不復。惡友薰習。造作非理。生遭王法。死入阿鼻。忠言逆耳。豈不銘心者哉。苦口忠言。必須逆耳。聞當改過。銘刻於心。便能澡心育德。晦迹韜名。澡其心。而心淨。育其德。而德充。隱晦其迹。而和光同塵。韜藏虛名。而去華務實。蘊素精神。喧囂止絕。養性憺怕。清閒絕慮。此下。先叙參學。次叙窮教。若欲參禪學

道。頓超方便之門。正直捨方便。但說無上道。心契玄津。心無異緣。研幾精要。研究諸法。探賾索隱。窮微精妙。決擇深奧。探賾索隱。決擇幽微。啟悟眞源。開悟眞諦之淵源。博問先知。不可居暗室而守愚迷。當博學問而養定慧。親近善友。善時南詢諸友。一生參學事畢。古云。明正爲南方盡南矣。益我爲友。人皆友焉。遇三毒而三德圓。入一塵而一心靜。契文殊之妙智。究是初心。入普賢之玄門。會無別體。此可謂親近善友也。書云。於吾善吾亦善之。於吾惡吾亦惡之。況釋子乎。此宗難得其妙。切須仔細用心。此心地法門。若得之於心。則伊蘭作栴檀之樹。若失之於旨。則甘露乃蒺藜之園。豈容易其心乎。可中頓悟正因。便是出塵階漸。若頓悟正因兩字。則百川會海。不辨源流。一念相應。前後際斷。照體獨立。物我皆如。超出塵勞。理則頓悟。乘悟併消。事非頓除。因次第盡。此則破三界。二十五有。論云。四洲。四惡趣。梵王。六欲天。無想。及淨居。四空。并四禪爲二十五有也。內外諸

法盡知不實。從心變起。悉是假名。內心外境。虛妄不實。皆妄識所變。若悟三界唯心。萬法唯識。寂照光中。了不可得。不用將心湊泊。將心用心。豈非大錯。但情不階物。物豈礙人。情偶。爲不眞物。本非物。任他法性周流。莫斷莫續。不必斷妄而續眞。法性周流而自適。聞聲見色。蓋是尋常。只此見聞非見聞。無絲毫色可呈君。箇中若了全無事。體用不分。遮邊那邊應用不闕。空劫今時。理事無礙。不動道場。徧遊塵刹。如斯行止。實不枉披法服。行解既相應。亦乃酬報四恩。拔濟三有。兼濟之道。自他獲益。生生若能不退佛階。決定可期。履踐玄途。非止一生兩生。步步踏佛階梯。更無退轉。往來三界之賓。出沒爲他作則。佛爲三界導師。經云。今此三界皆是我有。其中衆生悉是吾子。既行古佛之道。爲衆生作軌則。引令出離。此之一學。最妙最玄。但辦肯

十五有。論云。四洲。四惡趣。梵王。六欲天。無想及淨居。四空。幷四禪爲二十五有也。內外諸

心必不相賺。祖師西來。直指人心見性成佛。超凡入聖。決定不悞。唯恐學者不肯畱心。如存如亡。或進或退。則不可造入。自此已下。別就根機。當窮教意。若有中流之士。未能頓超。且於教法畱心。溫尋貝葉。根機不等。別開方便之門。溫故知新。要須因指見月。精搜義理。傳唱敷揚。接引後來。報佛恩德。時光亦不虛棄。必須以此扶持。傳教導迷。須具教眼。故云必須以此扶持。住止威儀。便是僧中法器。威儀肅靜。行止可觀。內德既充。方爲法器。豈不見。倚松之葛。上聳千尋。附託勝因。方能廣益。前喻。後法。古云青蘿因緣。直上寒松之頂。以內因外緣。互相成之。方趣無上之果。廣利羣生者。懇修齋戒。莫謾虧踰。虧者。缺也。踰者。越也。世世生生。殊妙因果。因果歷然。不可等閒過日。兀兀度時。可惜光陰。不求升進。若善用其心。則得佛法分。徒消十

方信施。爲資道業施將來。道業不成爭消得。亦乃孤負四恩。自己沈淪反成孤負。積累轉深。心塵易壅。過累積之日深。日重心塵汙垢。杜塞靈源。觸途成滯。人所輕欺。根塵滯塞。解行顛邪。背本逐末。被人輕賤。古云。彼既丈夫我亦爾。不應自輕而退屈。教云。十方世界諸菩薩。念念趣求善逝。果彼既丈夫我亦爾。不應自輕而退屈。若不如此。徒在緇門。荏苒一生。殊無所益。不如上所說修行。則可知理也。伏望興決烈之志。開特達之懷。舉措看他上流。莫擅隨於庸鄙。見賢思齊。見不賢而內自省。今生便須決斷。想料不由別人。好惡自看。息意忘緣。內自心意。無人替代。外忘緣。不與諸塵作對。內若不動。外無所爲。心空境寂。心本空。境本寂。只爲久滯不通。無始迷昧。背覺合塵。熟覽斯文。時時警策。覽斯文。警斯意。強作主宰。

莫徇人情。人情濃。道情微。業果所牽。誠難逃避。天作孽。猶可逃。自作業。不可逭。聲和響順。形直影端。因。果。酬答。譬之影響。因果歷然。豈無憂懼。識法者。懼。故經說一切有云。假使百千劫。所作業不忘。因緣會遇時。果報還自受。因惑造業。如影隨形。未證聖果。業熟須受。故知三界刑罰。縈絆殺人。三界羈縻。猶如牢獄。努力勤修。莫空過日。念念不迷。方眞修莫空過。深知過患。方乃相勸行持。自未得度。先度人者。菩薩發心。自覺已圓。復度他者。如來應世。溈山。自知三界眾生過患如此。更能勸他行持。非地位之人。安能如是。○次發誓願。願。百劫千生。處處同爲法侶。信茲言。行茲行。皆佛法之伴侶也。乃爲銘曰。重頌。前來警策之大略。

幻身夢宅。四大。幻身。三界。夢宅。空中物色。不實如空花。前際無窮。後

際寧尅。妄法非三際可得。出此沒彼。昇沈疲極。生死出沒無有定所。昇謂人天。沈謂地獄。未免三輪。何時休息。三界如蟻循環。輪轉無已。貪戀世間。陰五陰。緣十二因緣。成質。世間有三種。智正覺世間。有情世間。器世間。此論迷情。貪戀有情器。世間。非謂智正覺世間也。從生至老。一無所得。妄法本空。根本無明。因茲被惑。眞如受無明熏。故眞隨妄轉。妄認四大爲身。六塵緣影爲心。我執法執。計著親疏愛憎名字。造業受報。皆無明所惑。光陰可惜。刹那不測。刹那生滅。不可虛棄光陰。不進古佛之道。今生空過。來世窒塞。非但空過一生。未來憑何通達。從迷至迷。皆因六賊。六識之賊。自劫家寶。若悟入識可爲四智。前五識成所作智。第六識爲妙觀察智。第七識爲平等性智。第八識爲大圓鏡智。則六門皆智。爲先導。何迷可得。六道往還。三界匍。三界六道。何由出離。早訪明師。親近高德。訪求明眼師友。示眞出離之要。決

幻身夢宅。四大幻身。三界夢宅。空中物色。不實如空花。前際無窮。後

擇身心去其荊棘。明心達本。去其僞妄。世自浮虛。眾緣豈逼。既知四大。根塵。三際無實。眾苦皆空。研窮法理。以悟爲則。窮究淵源。頓悟佛之知見。心境俱捐。莫記莫憶。內心。外境。放之自然。體無去住。六根怡然。行住寂默。法喜。禪悅。卷舒任運。四威儀中。止觀齊運。一心不生。萬法俱息。一念不生。諸緣頓息。末後一句。如到牢關。把斷要津。不通凡聖。誰是知音者。不須更憶龐居士。天上人間只自知。

音義 襄州。龐蘊。字道玄。參馬祖。悟不與萬法爲侶。頌曰。但自無心於萬物。何妨萬物常圍繞。鐵牛不怕師子吼。恰似木人見花鳥。木人本體自無情。花鳥逢人亦不驚。心境如如只者是。何慮菩提道不成。此云。一心不生。萬法俱息。卽不與萬法爲侶。既不侶萬法。誰是知音。故云。不須更憶龐居士。天上人間只自知。又心外無法。法外無心。是故頌云。心境如如只者是。何慮菩提道不成。

潙山警策。終。○誠難輪逭上。了妄。夫出家者下。顯眞。三界匍匐上。了妄。早訪明師下。顯眞。

潙山警策 終

○誠難輪迴上了妄。夫出家者下顯眞 三界輪迴上了妄。早訪明師下顯眞

○警策原註跋○ 今書增原註二字。省一後字。言序跋是開前結後包括其中也。

紹興己未夏安居。晚學請益。略爲述梗槩耳。昔聞或謂潙山首座作前篇。潙山續成之。先師云。但警策之意。通途無爽。不必穿鑿也。草菴道人史宗規。求註其一二。蓋貌略其大綱。得意忘言者。其人意煥然。固不在此爾。　靈峯病叟守遂　題。

○三經後跋○ 永樂八年庚寅 資善大夫吳郡姚廣孝書。

釋迦世尊出世度生。三百餘會。所說百千法門無量妙義。總不出乎戒定慧三學而已。何哉。非戒不能生一切定。非定不能生一切慧。是三者。如天主三

目。色界頂天王。名摩醯首羅。面有三目。一直二橫。徧視三千。身有十六臂。各執兵器。降伏惡魔。是也。缺一不可。所言戒者。律也。爲五度之根基。萬行之樞樞也。故世尊初會于鹿野苑中。說四十二章經。末會於泥連河畔。說遺敎經。始終不離於律也。瀉山大圓禪師。有警策玆芻一篇。其中所說。亦不離於律也。庶知乃佛乃祖。同一心口而無間然者矣。昔人以二經及警策總爲一帙。號曰佛祖三經。刋板印行。歲久漸泯。今京都鷄鳴禪寺住持隱峰踪禪師老成謹厚。解行兼得。亦季世之光明幢也。以此三經復行鋟梓。用廣流通。使學佛者受持讀誦。

遵而行之。蓋有裨於宗教者也。禪師一日過余作禮。請題其後。予故弗讓。遂焚香加額。書之以此。

○附舊刊跋語。○嗣德十一年。戊午。多寶第二葉。寶鼎禪師。字通鑒。重刊。敬白。

三經之行。久矣。昔我○本師住持上福之報國寺。崇刻未果。而顧命。余時於此。繼燈而成之。邇來。不覺應命于富川之多寶寺。乃我○隊山第五葉祖師之芳躅也。又亦我○本師之梓里也。爭奈從緣。鳩工鼎革。歷念春秋。而工程課役稍舒。迺因乘隙與其徒觀讀。于中紊舛。不知所從然歟。適有文貝行者。別有古本。正文。註語。上層。小註。瞭如。遂欣然細閱再三。而補刻之。間有不揣掛漏。竊附己意。逐行而傍加小字。與夫隨所見聞。而附音釋于卷末。古來別三準次。致常使人茫然。今則合一準次。以便其初學耳。若其幸符

聖旨。惟願。永保流通。儻所未平。望垂訂正。和南。

○書刊法會說。○成泰十八年。丙午夏。多寶四世孫。知止苾芻。字源蘊。號致柔。敬書。

丙午四月望圓明法會佛子源蘊源鸞源美廣廣論傳
廣廣廣廣廣廣廣廣廣廣廣廣續續續續續
珖淨成昨虔遷學恒炎著松惠晨齊瑅曜雄[illegible]術
曇淨淨淨淨淨淨淨淨淨淨淨淨淨
信輝日生[illegible]暄願亮嚴行潔智諭定[illegible]竊念
佛祖三經乃宗祖創始之來源父母臨歿之遺囑歷
代先覺之所宣揚一切後生之所荷負故會內發
心同出淨財公私每位二元合銀六十八元誠心書刻合五十紙每紙六貫
四十二章經二十三紙遺教經一十四紙溈山警策一十二紙回向
祖師寶蓮塔慈心密行圓明法名普禪比丘菩薩
祖師寶嚴塔正直敦和明智法名通鑒比丘菩薩
祖師寶所塔知足安樂忍進法名心康比丘菩薩
現在一切和尚阿闍梨戒師教師比丘菩薩廣及
四恩三有法界眾生願藉此善根同居華藏界

TRUNG TÂM BIÊN PHIÊN DỊCH TƯ LIỆU PHẬT GIÁO QUỐC TẾ

BAN CHUYÊN MÔN:

Chủ tịch hội đồng khoa học:

Thượng tọa Thích Đức Thiện

Giám đốc trung tâm:

Thượng tọa Thích Thanh Phong

Phó giám đốc điều hành:

Đại đức Thích Quảng Lâm

Phó giám đốc chuyên môn:

Đại đức Thích Quảng Đại, Đại đức Thích Quang Định,

Đại đức Thích Bổn Huân, Đại đức Thích Đồng Lực,

Đại đức Thích Nguyên Tú, Đại đức Thích Vạn Lợi,

Tiến sĩ Phạm Văn Tuấn.